

NGUYỄN ĐỒNG DI

THỜI LỊNH BÌNH HỌC

NHÀ SÁCH KHAI TRÍ

62 LÊ LỢI - SÀI GÒN

Đông-Y-Sĩ **NGUYỄN ĐỒNG DI**

Giao - Sư Đông - Y
Viên-Dai-Học MINH-ĐỨC ..

ĐÔNG - Y

THỜI LỊNH BÌNH HỌC

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

ĐÓI LỜI
TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU

Cho đến nay, người ta thường vẫn cho rằng PHƯƠNG ĐÔNG chỉ có Đạo Học, Triết Học, Văn Học mà không có Khoa Học. Sự thực không phải như vậy. Phương Đông có một khoa học rất phong phú. Nhưng khoa học đó đã theo thời gian mà thất truyền dần cho đến hلا như không còn gì nữa. Chỉ bởi nguyên một lẽ giản dị, là : người Phương Đông tôn trọng Đạo Lý ở trên hết, và nếu bắc tôn sự mà không tìm được trong đám con cháu hay hậu sinh những người có tinh thần Đạo Ðức xứng đáng, thì tuyệt nhiên không bao giờ truyền lại cho những bì quyet. Không phải cõ nhân ta chủ trương ngu dân, nhưng là chủ trương « Khoa học phải có lương tri ».

Thế kỷ 20 hiện đang chứng minh rằng quan niệm của người xưa bên Phương Đông là đúng. Chúng ta và nhân loại đang là nạn nhân của khoa học phương Tây, một thứ khoa học được phổ biến thiếu thận trọng đến tầm sử dụng của những kẻ thiểu lương tri khiến cho tất cả đều phải điêu linh trong thực trạng Việt Nam và trong viễn tượng thế giới của một cuộc tương tàn khủng khiếp giữa loài người với loài người.

Không kẽ đèn Án Độ đã có một nền khoa học rất vững vàng, còn được gìn giữ trong kinh thư, bảo trì trong

các đèn dài cò kính heo hút, và đã từ chối không truyền lại cho người Anh cách đây non một trăm năm (đang là vào năm 1882), qua lá thư trung gian của nhà đạo sĩ nổi danh Koot Humi gửi cho ông Sinnett, đại diện cho giới tri thức người Anh (xin tìm đọc « Occult Word » của Sinnett, trang 85 đến 95, do nhà Trübner and Co, London, xuất bản năm 1883), TRUNG HOA cũng đã có một nền khoa học thực sự. Nền khoa học đó thất truyền cho đến nay đang được cả thế giới sưu tầm, khảo cứu rất công phu trong một tinh thần thán phục.

Trong phạm vi đóng góp phần của Phương Đông vào kho tàng văn hóa chung của nhân loại, những người chủ trương ĐÔNG TÂY KIM CỔ ĐÔNG NHẤT (animisme) trong Viện Đại Học MINH ĐỨC, nhất là trong Phân Khoa Y Học, tự cho mình có bôn phận sưu tầm, khảo cứu cõi thư của tiền nhân Phương Đông, phiên dịch và luận bình cùng đem đối chiếu với những kiến thức khoa học cận đại mà người gốc phát huy từ Phương Tây. Chúng tôi không chủ trương một cuộc Tân Phục Hưng Phương Đông; chúng tôi chỉ chủ trương đem ánh sáng của Phương Đông đến cho những địa hạt còn mờ tối mà văn hóa Phương Tây không chiếu sáng được trọn vẹn. Con đường mà chúng tôi nghĩ rằng nhân loại sẽ có ngày tiến tới là những giá trị đồng nhất (valeurs unanimes). với định nghĩa rằng: những gì có ích lợi chung cho nhân loại, làm giàu, làm đẹp cho nhân loại, những gì giúp cho nhân loại hướng lên cao theo sir mạng lịch sử mà Thượng Đế đã an bài vạch sẵn, đều được đặt ngang hàng đầu với nhau và thuộc hẳn về kho tàng tinh thần chung của nhân loại không phân biệt xuất xứ.

Trên lập trường đó, chúng tôi rất vinh hạnh được

trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc cuốn **BỘNG Y THỜI LINH
BINH HỌC** của Thời Đại Nhơn tiền sinh do cụ lang
NGUYỄN ĐỒNG DI, Giáo sư Đông Y thuộc Trường Y
Khoa Minh Đức phiên dịch, với ước mong quý bạn sẽ
đón nhận cuốn sách giá trị này như một viên gạch đầu
tiên của một cơ sở trường cùa là một nền Y KHOA ĐỒNG
NHẤT (Une Médecine Unanime) của nhân loại trong đó
VIỆT NAM và PHƯƠNG ĐỒNG vốn có một tiềm năng
thật vĩng vang phong phú chỉ còn đợi thời cơ thuận
tiện để phát triển.

Cần chi,
HOÀNG VĂN ĐỨC
Y khoa Bác sĩ,
Nguyên Chí Huy Trường Trường Quân Y SÀI-GÒN
Quyền Khoa Trường Y Khoa Đại Học MINH ĐỨC.

Lời nói đầu

BỐNG Y THỜI LINH BÌNH HỌC

THỜI LINH BÌNH, là tên chung của các loại bình chừng bốn mùa cảm mạo, do sự thay đổi của sáu khí: PHONG, HÀN, THỦ, THẤP, TÁO, HÒA gây ra, mà sáu khí thì ký vựng theo bốn mùa, cho nên gọi là: **BÌNH THỜI LINH**.

Khi hậu mùa XUÂN hòa ám, con người thường bịnh XUÂN ÔN, PHONG ÔN.

Khi hậu mùa HÈ nóng bức, con người thường bịnh NHIỆT, bịnh THỦ, bịnh PHỤC THỦ, bịnh THẤP ÔN.

Khi hậu mùa THU khô ráo, con người thường bịnh THU TÁO.

Khi hậu mùa ĐÔNG lạnh lẽo, con người thường bịnh PHONG ÔN và bịnh THƯƠNG HÀN.

Nhân vi khi hậu của bốn mùa có ẤM, NÓNG, MÁT (táo), LẠNH, bất đồng, nên tính chất của mỗi bịnh chừng tương đối sai biệt.

Đại khái chừng thương hàn cảm mạo theo bốn mùa, chẳng có bịnh chừng nào là không phát nồng. Cho nên

sách *Tổ Văn luận về chứng phát nóng*, nói : con người cảm nhiễm khí lạnh, thì sớm muộn gì cũng phát nóng. (Nhơn thương ư hàn giả, tức vì phát nhiệt) — Các Y gia Đời Tần, Đời Đường nói : *Bệnh thương hán cảm mạo, tức là bệnh THỜI HÀNH, bệnh THIỀN HÀNH*. vì bệnh đặc lưu hành tùy theo mùa, hoặc tùy theo địa phương mà phát tác. Thế thì thấy rõ : trong loại bệnh *THƯƠNG HẦN CẢM MẠO*, phần lớn kiểm có những bệnh thuộc về truyền nhiễm tính. Bởi khí hậu bốn mùa thay đổi, là cơ hội thuận lợi cho sự phát dục của vi khuẩn.

Thuyết Tam Phân Đánh Lập của nhà y học Âu Châu là Ông BÁI ĐĂNG KHẢO PHỦ (dịch âm) nói :

- 1) *Tế khuẩn lén vào cơ thể con người.*
- 2) *Khi hậu không thích hợp với người, mà lại thích hợp với sự phát dục của tế khuẩn.*
- 3) *Cơ thể con người bạc nhược, không đủ sức phòng ngừa tật bệnh.*

Thiếu một trong ba điều trên đây, thì không thể gây được tật bệnh cho con người.

Ngày xưa, một y gia nước Mỹ là Ông NHÌ LẬP PHẠP TY (dịch âm), muốn thí nghiệm học thuyết của Ông Bai Đăng Khảo Phủ : thừa lúc trong người khỏe mạnh, Ông uống một chung nhỏ vi khuẩn của bệnh Hoắc Loan (choléra) mà vẫn bình yên như thường.

Trên đây là một bằng chứng cho thấy rõ ràng : khí hậu thiên nhiên, và sức đề kháng bệnh đặc trong thân thể con người, đều có liên hệ với sự kiện khang rất lớn. Nếu nói tật bệnh không liên hệ gì với khí hậu, thì chẳng

những không phù hợp với Đông Y, mà còn phản bội với Tây Y là khác.

Và lại con người không thể tách rời khi hậu mà cảm thấy lây bệnh truyền nhiễm, thì ý nghĩa BÌNH THỜI LINH do chịu ảnh hưởng khi hậu bốn mùa thay đổi mà phát tác lại càng thấy rõ.

Sách THỜI LINH BÌNH HỌC xác nhận vạn vật trong vũ trụ đều chịu ảnh hưởng khi hậu của bốn mùa thay đổi mà thay đổi theo, con người cũng là một vật trong vũ trụ, thì có lý nào không liên hệ gì với khí hậu, mà tự sống biệt lập được. Bởi vậy, bên ngoài thời tiết thay đổi, thì bên trong thân thể con người cũng phát sinh biến hóa tương đương. Cho nên đổi với bệnh THƯƠNG HÀN CẨM MẠO, mặc dầu biết rõ kiêm có bệnh tinh truyền nhiễm lưu hành, nhưng không bao giờ luận trị theo thực chất té khuẩn, mà chỉ căn cứ lấy một chữ PHONG: PHONG ÔN (nhiệt) PHONG THỦ, PHONG THẤP, PHONG TÁO, và PHONG HÀN làm tiêu biểu cho sự thay đổi của khí hậu bốn mùa, và nguyên tắc trị liệu. — Sau khi chẩn đoán, thăm dò bệnh nguyên, nghiên cứu bệnh lý, nhận thức chứng hậu, và thường tất bệnh tinh, xác nhận trong bốn mùa bệnh ở mùa nào, trong sáu khi cảm nhiễm khi nào? chọn thuốc đổi chứng gia giảm chữa trị, bệnh chứng lui, tự nhiên té khuẩn lui theo. Bởi lẽ, cơ năng điều tiết bình hoành, sức khỏe phục hồi, thì té khuẩn không còn đặt dụng vô, (chánh khí vượng tắc là khí tự trữ).

Sách này cố tránh những luận thuyết mơ hồ không thiết thực, chỉ áp dụng phương pháp khoa học chứng minh cho lời giải thích, kẻ đọc nhận thức dễ dàng, biến

con đường chống gai trở nên băng thẳng, giúp mọi người
đều có thể đến nhà vào buồng Ông Trương Trọng Cảnh.
Có họa hồi công phu, kinh nghiệm đọc đáo, chữa khỏi được
bệnh trầm trọng, cứu sống được chúng hiềm nghèo rỗi mới
biết yêu nghề, quí trọng sở học, đồng thời nhận thấy nhiệm
vụ phát huy Đông Y, chấn hưng Đông Y là bần phậtn vây.

Đông Y Sĩ
NGUYỄN ĐỒNG DI
Giáo Sư Đông-Y
Viện Đại Học MINH-ĐỨC

ĐÔNG Y THỜI LINH BÌNH HỌC

Tăng đính những câu chuyện lặt vặt, khi sách này
được xuất bản lần thứ chín.

Sách này chú trọng trên điểm: chính lý cổ hữu, dung
quán tân tri. (Chính lý chỗ sở học sẵn có của người
xưa, dung hòa sự hiểu biết theo lối mới). Đó là hai
đại nguyên tắc mà kè biên đính sách Thời Linh Bình
Học cho là: áp dụng lấy phương pháp Khoa học, vào
việc cải tiến ngành Y Học Cổ Truyền vậy.

Sách này xuất bản từ năm 1930 đến nay, trải qua
đã chín lần tái bản. Mỗi lần tái bản, đều có biên đính
thêm những ý kiến mới. Mặc dầu bồ túc nhiều lần, song
nhận thấy nội dung vẫn còn nhiều chỗ khuyết điểm. Chờ
đến lần xuất bản thứ mười tới đây, soạn giả nhất định
sẽ chỉnh lý lại toàn diện, đồng thời kiểm thảo lại những
ý kiến mà đa số độc giả hôm qua, có kẻ khen người
chê như sau:

Ké khen thì :

1.— Cho là Bình Thương Hàn và Bình Ôn, là hai
tiêu điểm tranh chấp mà dung hợp lại với nhau được,
là một điều phát minh rất lớn lao đối với ngành Đông
Y Dược Học vậy.

2.— Thành kiến sáu kinh (lục kinh) trong sách Thương Hàn Luận, là một cạm bẫy (hầm) của ngành Đông Y Được Học, ai lọt vào trong cạm bẫy ấy, thì suốt cả đời không mong gì trồi đầu lên được. Sách này hóa con đường cạm bẫy, trở nên con đường băng phẳng, giúp cho mọi người đều vào lọt trong tòa nhà của ông Trương Trọng Cảnh cách rất dễ dàng, không còn quan niệm sách Thương Hàn Luận là thần bí nữa.

3.— Sau khi dùng phương pháp khoa học chính lý lại, khiến cho thuyết Ăn Dưỡng, Ngũ Hành của ngành Y Học Cổ Truyền, mấy ngàn năm bị chôn vùi trong chồng giấy cũ, không còn mảy may biểu hiện cái bộ mặt bẩn lèn, với sự kinh ngạc của độc đáo của nó. Nghiêm nhiên cùng Tây Y Học tịnh da tề khu vây.

Kê ché thì: cho là luận điệu của sách này quá ư cũ rích, mất hết thời đại tính, sẽ có ý kiến đối với chỗ cũ rích ấy như sau:

Cũ rích ở chỗ nào? Nhưng vì sách này đối với các bệnh chứng phát nóng ớn lạnh, chỉ nói do sự diền tiết và phóng tán của thè ớn phát sanh chướng ngại mà gây ra. Không bồ đề cập đến nguyên nhân, sau khi bị té khuân xâm nhập vào thân thè, té khuân phân bí độc tố, cùng lâm ba dịch và bạch huyết cầu ở trong thân thè tranh đấu lẫn nhau, mà phát sanh nóng lạnh. Vì chỗ kiến giải không phù hợp, là một điều quá ư cũ rích vậy.

Thầy thuốc hiện thời, đều nhận nhận sách Thương Hàn Luận là bao quát tất cả các bệnh chứng cấp tính truyền nhiễm, tự nhận cho là lời nói này không thè

THỜI LỊNH BÌNH HỌC

sai lầm. Mà chỗ chủ trương của sách này lại không phù hợp, là hai điều quá ư cũ rích vậy.

Bình Xuân Ôn, bình Phong Ôn, bình Tha Táo, ba chứng bình này, xét lại trong sách Tây Y thì không phù hợp nhau, nên cho là quá ư cũ rích. Là ba điều quá ư cũ rích vậy.

Lấy ba lý do trên đây, đề trách bị sách này quá ư cũ rích, bạn đọc có thể nhận thấy rõ ràng sau khi đọc qua nội dung của nó, bất tất phải biện luận nhiều lời. Ở đây, trước hết tôi chép lại một đoạn văn trong lời Tự, mà chính tay tôi biên ở đầu sách *Nội-khoa học*, khi bạn đọc duyệt qua, sẽ nghiệm thấy sách này cũ mồi thế nào. (Saу đây là đoạn văn trong lời tựa của sách *Nội-Khoa Học*.)

« Sách Thương Hán Luận bao quát cả Bình chứng Bốn Mùa Cảm Mạo, chứng Thương Hán, Ôn Bình là nghĩa hẹp của Bình chánh Thương Hán. Thời gian đây, lại xác nhận sách Thương Hán Luận bao quát tất cả Bình Truyền Nhiễm.— Riêng tôi thì nhận định: Bốn mùa cảm mạo, Thương Hán, Ôn Bình, đều đồng một tính chất tật bình, trải qua sự truyền biến đại khái cũng giống nhau. Cho nên có thể nhập chung lại mà luận trị.— Còn như bình Cấp Tính truyền nhiễm, thì mỗi một bình hình, và sự truyền biến trải qua, đều không giống nhau, nên phương pháp trị liệu có nghĩa có kỵ. Nếu lấy phương pháp sách Thương Hán Luận áp dụng vào nhẫn mục của người đời sau, cho là: Chuyên trị Bình Cấp Tính Truyền Nhiễm, thì e không phải đường lối chánh đáng của nhà nghiên cứu y học.

Người san xác nhận sách Thương Hán Luận bao quát nhất thiết các Bình Truyền Nhiễm Cấp Tinh, là vì họ căn cứ theo lời Tựa của sách Thương Hán Luận nói: «余家族素多，向餘數百，建安以來，尤未十餘，死亡三分之二，傷寒十居其七，成位昔之淹亡，傷橫夭之莫救：dư tôn tộc tố đa, hường dư sò bách, Kiến An dĩ lai, do vị thập năm, tử vong tam phần chi nhì, Thương Hán thập cư kỳ thất, cảm vãng tích chi lòn vong, thương hoành yêu chi mạc cứu» (dòng họ tôi vốn đông đảo, về trước hơn hai ba trăm người, từ niên hiệu Kiến An đến nay, chưa đầy mươi năm, chết mất hết hai phần ba, hết bảy phần mười chết vì Bình Truyền Hán. Cảm cảnh chết chóc đã qua, chết ngang chết yêu mà không thuốc cứu chữa!).

Đối với hiện tượng trên, có thể quyết định được, trong sự bệnh hoạn chết chóc của dòng họ ông Trương Trọng Cảnh, hàm có tính chất của bình truyền nhiễm; nên mới xem sách Thương Hán Luận là chuyên thơ luận trị về Bình Truyền Nhiễm.

Theo chỗ siêng kiến tôi, thì nhận thấy: căn cứ theo lời tựa trên đây, có thể đoán ngay trong các bình chứng này tất phải kiêm có Tính Chất của Bình Truyền Nhiễm. Nhưng không thể xem sách này (Thương Hán Luận) là chuyên thơ chữa trị Bình Truyền nhiễm. Bởi vì phương pháp chữa trị Bình Truyền nhiễm, tất phải y cứ theo chỗ trải qua của bình thố, tùy cơ ứng biến, còn e chưa được chu đáo. Huống chi trong sách Thương Hán Luận, nêu ra phép trị thì chỉ có: Phép Hỗn, Phép Thanh, Phép Thủ, Phép Hạ, Phép Ôn, nǎm phép mà thôi. Nếu lấy nǎm phép này

THỜI LỊNH BÌNH HỌC

17

làm chuân thằng cho phương pháp trị liệu Bình Truyền Nhiễm, thì e không phù hợp.

Như Chứng Ban Chần, tức phải dùng thuốc thanh thấu, (thuốc mát làm cho Ban mau mọc ra); Chứng Trái Giống (Đậu Mùa) rất kỵ dùng thuốc thổi nhiệt; Chứng Trường Nhiệt thì không nên dùng thuốc công phat mạnh; Chứng Nào Mạc Viêm tất phải dùng thuốc giải độc. Phương pháp chữa trị các chứng bệnh này, mà tìm ở Thương Hàn Luận, thì hoàn toàn không thể có được. Thuốc ở một đường, mà bệnh ở một nẻo, thì không tài nào tránh khỏi sự lầm lẫn.

Người sau này nhận sách Thương Hàn Luận là chuyên thơ chữa trị Bình Truyền Nhiễm, là vì thấy trong lời Tựa văn của sách này nói: Dòng họ của Ông Trương Trọng Cảnh chết mất quá nhiều, nên in tri là chết vì Bình Cấp Tình Truyền Nhiễm, đó là thuộc về duy tâm.— Riêng tôi nhận thấy: Phương pháp chữa trị của sách Thương Hàn Luận đem áp dụng vào việc chữa trị Bình Cấp Tình Truyền Nhiễm, thì tuyệt đối chưa đủ, là bằng cù trên sự thực vậy.

Ông Trọng Cảnh tự biên lời tựa nói: Từ niên hiệu Kiến An về sau, không đầy mươi năm, mà số người chết vì Bình Thương Hàn rất đông. Do duyên cớ ấy, mà Ông mới: cố gắng nghiên khảo những lời cò huấn, gom góp các phương được (ăn cầu cò huấn, bắc thè chung phương: 飲求古訓, 博採東方) xem đoạn văn này, có thể chứng minh, đương lúc dòng họ của Ông Trương Trọng Cảnh bị bình hoạn chết chóc, vì bình Thương hàn truyền

nhiễm, thì ông chưa học thuốc, chỉ khoanh tay ngồi ngó, mà không biết cách gì cứu chữa, hoặc chữa trị sai lầm? Về sau ông mới già công đọc sách (cẩn cầu cò huấn, bác thè chung phuong).

Đủ thấy, dòng họ ông bị chết mất với Bình Thương Hàn là việc từ trước; mà ông phát phần gia công nghiên khảo các lời cò huấn, gom góp các phuong dược, tìm hiểu Y Học là việc về sau. Trong lời tựa ông tự thuật: từ khi Bình Thương Hàn xảy ra, dĩ chi san khit « gom góp các phuong dược » có phải chẳng phù hợp nhau? Nhơn vi trong dòng họ ông mắc Bình Thương Hàn, chết mất đã lâu rồi, mà lúc đó ông không có cách gì cứu chữa, để chứng minh cho đoạn văn này.

Do đấy, tôi có thè đoán biết được: Trong lời Tựa của ông Trọng Cảnh tự thuật về Bình Thương Hàn, có thè hàm có tinh chất của Bình Truyền Nhiễm ở trong. Hiện tại, như áp dụng những phuong dược trong sách Thương Hàn Luận, để chữa trị tất cả các Chứng Cấp Tính Truyền Nhiễm, thì tuyệt đối không đầy đủ. Cần phải tham khảo thêm: Sách Cấp Tính Truyền Nhiễm Bình Học, và sách Thời Linh Bình Học, hai sách mà tôi vừa soạn xong, để bồ túc, thì có phần đầy đủ hơn.

Các Thầy thuốc ở thị thành không nghiên cứu kỹ, nhận Sách Thương Hàn Luận là: Chuyên thơ chủ trị về Bình Truyền Nhiễm Cấp Tính, thật là lầm to.

Hiện nay, như các phuong dược trong sách Thương Hàn Luận, áp dụng vào việc chữa trị các Chứng Thương Hàn Ôn Bình, Thời Linh Bình, cũng cảm thấy không đầy

đủ rồi. Đông Y và Tây Y đối với Chứng Thương Hàn, tuy có chỗ hổn đồng, ở sách này cũng đã chỉ rõ.— Bình Thương Hàn của Đông Y, thì phát tác vào Mùa Đông; Bình Thương Hàn của Tây Y, thì lưu hành trong thời tháng 8, tháng 9; sự truyền biến của bình binh, đối với Chứng Phục Thủ của Đông Y, đại khái giống nhau. Thầy thuốc ở chợ, cũng như Thầy thuốc ở vườn, đều cho Chứng Trường Nhiệt là: Bình Thương Hàn của Đông Y; mà trên phương diện Y Học gần đây, cũng nói Chứng Trường Nhiệt là: Bình Thương Hàn. Văn Hiến xưa nay, luận về Bình Thương Hàn, có chỗ sai biệt nhau, là vì trong lúc «lâm sàng chẩn đoán» không lưu ý nghiên cứu cẩn thận vậy.

Nguyên lý phát sinh ra Bình Thương Hàn đối với Đông Y, người xưa cho là: Gốc (bồn) của Kinh Thái Dương là lạnh, cái gốc lạnh của Kinh Thái Dương bị Thương Hại, cho nên phát Chứng Ôn Lạnh. Ngọn của Kinh Thái Dương vốn nóng, phần ngọn của Kinh Thái Dương bị thương hại, cho nên biến chứng Phát Nóng.

Theo chỗ thầy biết riêng tôi thì, các bệnh chứng-thuộc về Ba Kinh Dương là, do cơ năng Điều tiết và Phóng tán của thê ôn bị chướng ngại mà gây ra. Nhơn vi bình chứng biều ra bên ngoài cho thấy có:

Ôn lạnh phát nóng (Thái Dương Kinh)

Lạnh nóng qua lại (Thiếu Dương Kinh)

Không ôn lạnh, chỉ phát nóng (Dương Minh Kinh).

Hình chứng mỗi kinh mỗi khác, không giống nhau.

Cho nên, khiên cương tấu hợp, mang danh là : Nguyên nhân của các Bình Chứng ở Ba Kinh Dương.

Y Gia hiện tại thì xác nhận là : Do vì khuần xâm nhập vào máu, tế bào của lâm-ba-dịch và Bạch-Huyết-cầu ở trong máu, phát khởi tác dụng phản kháng, mà biến chứng *Nóng lạnh*. Căn cứ trên thuyết, tế khuần gây ra các bệnh, nên xác nhận Bình Thương Hàn của Đông Y, tức là Bình Truyền Nhiễm của Tây Y. Đa số các Y gia hiện đại, đều kến giải như vậy. Riêng tôi đối với các loại bệnh này, sẽ giải thích như sau :

1.— Nhơn vi sau khi bị truyền nhiễm tế khuần, mới phát sinh các Bình Chứng Truyền Nhiễm, làm cữ lệ thứ nhất.

2.— Chưa bao giờ bị tế khuần xâm nhập, chỉ vì cơ năng điều tiết và phóng tán của thè ôn phát sinh chướng ngại, mà biến chứng Nóng Lạnh, làm cữ lệ thứ hai.

(Bình Thời Linh : Chứng Thương Hàn Ôn Bình các chứng) Nhứt định không thè chỉ vỗ đoán, là đều do tế khuần xâm nhập; mà phủ nhận trong ấy có một số bệnh, nguyên nhân do cơ năng điều tiết và phóng tán của thè ôn phát sinh chướng ngại. Giả sử chỉ mê chắp, duy có tế khuần mà thôi, thì tôi sẽ giải thích thêm một lần nữa như sau :

1.— Nếu nói: nguyên nhân gây ra tật bệnh là do tế khuần, thi tất phải chờ kiểm tra ra tế khuần, mới có thè lựa thuốc đối chứng đặc hiệu để chữa trị. Bằng

THỜI LỊNH BÌNH HỌC

21

kiểm tra không ra té khuân, thì không biết đường nào sắp đặt thuốc men cho việc chữa trị.

2.— Sự kiểm tra té khuân, làm mất ngày giờ cách oan nồng. Cơ hội bình chưng còn nhẹ, có thể dùng thuốc chữa trị lành mạnh dễ dàng đã qua mất. Biết đâu, trong lúc Tây Y lo lui cui làm việc kiểm tra té khuân.. nếu dùng thuốc Đông y cứu chữa kịp thời, thì bệnh nhơn còn có thể cứu sống được !

3.— Khi kiểm tra đã biết được té khuân rõ ràng ; nhưng không có sẵn thuốc đặc hiệu để tiêu diệt bình khuân, khoanh tay ngồi nhìn bình dọc tiến hành, vô phương chữa trị, thật là khờ lâm vô cùng !

Năm 1939, tôi ngủ ở Tỉnh Vân Nam, Chợ Côn Minh, có một viên chức nọ giúp việc ở Büro Cuc, mắc Chứng Tỉnh Hồng Nhiệt (1), vào nằm bệnh, trong Y Viện Cam Mỹ của người Pháp. Các Chứng Ban Đỏ và yết hầu sưng đau vừa tạm bớt. Cách vài hôm sau, bất thình lình, tiếng còi báo động rú lên, các binh nhơn đều chạy hoảng ra ngoài, tìm nơi trốn núp. Chứng Tỉnh Hồng Nhiệt bị tái phát, nhưng bình chưng có nhiều thay đổi : Lạnh ít, nhiệt độ lên cao, dùng qua thuốc phát hàn, mà nóng vẫn không lui, lồng ngực bức rứt, ho hen không thông có nhiều đàm, miệng khô, chót luỗi đỏ, trong họng hơi đau, ua nhợn không buồn ăn, đêm ngủ không yên, đại tiện không thông, nước tiểu

(1) Tỉnh Hồng Nhiệt, là một loại bệnh do tiếp xúc mà bị truyền nhiễm, bệnh nhơn ở đầu cuống họng sưng đau, nhiệt độ rất cao ; bộ cổ, bộ ngực mọc lênh láng mут lấm tẩm màu đỏ, rồi lẩn hồi mọc lan khắp cả người.

vàng đỗ. Trải qua ba ông Tây Y Bác Sĩ làm việc kiểm tra luôn mấy hôm, kết cuộc không tìm ra té khuân. Bởi Bình Nguyên Khuân chưa kiểm tra xác thực, thì không quyết định được là bệnh chứng gì, đề dùng thuốc chữa trị.

Sau lại, do một người trong thân, là ông Lầu Tò Di giới thiệu, đến nhờ tôi chẩn trị. Trong qua hình chứng là đoán biết ngay là : Bệnh Phong Ôn. Dùng phương pháp trị liệu bệnh Phong Ôn theo sách *Thời Linh Bình Học*, cho uống năm ba thang thuốc thì bệnh khỏi hẳn. Nếu cố chấp theo thông lệ *Kiểm tra té khuân*, thì e cho chứng bệnh của ông này, hết phương cứu chữa !

Chính tôi mục kích chỗ khuyết điểm của Tây Y như trên, nên phải nỗ lực vào việc chỉnh lý Đông Y. Việc làm trước nhất là : biên soạn bộ sách *Thời Linh Bình Học*. Đem những chỗ rắc rối từ xưa của Đông Y ra, như: *Chứng Thương Hán Ôn Bình*, sán kinh (lục kinh), ba phủ Tiêu (tam tiêu), phần Dinh, phần Vệ, phần Khí, phần Huyệt.. giải quyết lại toàn bộ. Đồng thời đổi với *Chứng Thương hàn ôn bình, chứng cảm mạo*, ở thời kỳ sơ phát, trung phát và sau cùng, đều trừ biến sẵn những phương thuốc chữa trị rất thích đáng. Càng ứng đầy đủ phuơng tiện cho kẻ sơ học, khi thấy bệnh, thì hiểu ngay ra phương thuốc chữa trị, khiến cho sự đọc sách và nhận chứng dính lại thành một khối, nhìn bên trái, doai bên phải, đèn thấy rõ đâu là bệnh lý, đâu là y lý. Khỏi phải cái nạn ngăn cách mơ hồ.

Tiếp theo Đông Y Thời Linh Bình Học, là sách Đông Y Cấp Tinh Truyền Nhiễm Bình Học : Sách này thoát

ly giới hạn sau Kinh (tam âm, tam dương), nội dung kiêm có hai mươi ngoài Bình Chứng Cấp Tinh Truyền Nhiễm, đều mang lấy một tính chất hoàn toàn độc lập. Tùy theo sự diễn biến của mỗi bệnh tình, mà sắp đặt phương pháp chữa trị cách thích ứng. Hoàn toàn lấy phương được Đông Y làm chủ thể, để mở lối một con đường mới cho ngành Đông Y Dược Học.

Việc làm thứ ba là : Biên soạn sách Nội Khoa Học, và sách Xử Phương Học, để hoàn thành công tác tất yếu về loại sách Nội-Khoa Học vậy.

Đông Y cũng như Tây Y, đối với Bình Thường Hán, trải qua đều có một luận điệu lảng nhăng không rõ ràng. Sách Thương Hán Luận của Đông Y, có phải chăng là: bao quát tất cả các Bình Truyền Nhiễm, và các Bình Chứng Nội Khoa? Mỗi người nói mỗi khác, không đáng làm tiêu chuẩn. Soạn giả cảm thấy có bốn phân không thè từ chối, nên phải biện minh như sau: Kẻ học do nோ này mà đi, đường này mà tiến, thì không đến đổi lầm đường lạc lối vây.

Bình Xuân Ôn, Bình Phong Ôn, Bình Phúc Thủ, Bình Thu Táo, các bệnh chứng, là những bệnh sở trường, và đã trải qua sự kinh nghiệm độc đáo của Đông Y Học. Nếu đem phối hợp với Tây Y, so sánh chẽ kiến giải giữa nhau có phần cẩn trọng.

1.— Bình khinh siễn, thì gọi là : Lưu Hành Tinh Cảm Mạo.

2.— Bình trải qua triền miên lâu ngày, từ bốn tuần nhứt sấp lên, thì gọi là : Chứng Trường Nhiệt (Tây Y gọi là :

Trường Thương Hán; xưa gọi là: Tiêu Trường Hoại Nhiệt Chứng).

3.— Bình phát Ban Chẩn, gọi là: *Ban chẩn thương hàn*. Giả Sứ, chỉ lấy ba loại bình danh trên đây, chỉ cần tự thuật cách xử phương và trị pháp đối với ba loại bình trên đây, thì không khác nào đem toàn bộ chỏ kinh nghiệm truyền nhau hàng đời của Đông Y cất ra từng mảnh. Làm thế, thì chẳng những không linh hôi được tinh túy của Đông Y, mà không thể nào linh hôi được chân đế Cửu Thương Hán Ôa Bình của Đông Y. Lại còn đa số bình chứng tương tự khác, không liên hệ với ba loại bình: Thương Hán Tinh Cầm Mạo, Trường Thương Hán, và Ban Chẩn Thương Hán của Tây Y, mà Đông Y chưa trị rất hiệu nghiệm. Cho nên các y gia hiện đại, nói Đông Y sở trường về Bình Thương Hán, Tây Y sở Trường về Bình Nhoại Khoa. Thế nên giới Đông Y cũng tự hào với chỏ sở đặc của mình, đối với phương pháp chữa trị Cửu Thương Hán Ôa Bình, mà đa số quần chúng vẫn tin tưởng ở chỏ nghiên cứu rất có giá trị, và kinh nghiệm rất độc đáo của Đông Y. Sách này, đối với chỏ kinh nghiệm tinh đáo của Đông Y, nghiên khảo cẩn thận, giải thích rõ ràng, rất tiện ích cho kế so học.

Hiện tại, quan điểm của các Y Gia đối với Sách Thương Hán Luận:

Nội dung của Sách Thương Hán Luận vốn chẳng hoàn toàn, mà có người quả quyết rằng: *phi thường hoàn toàn*.

Vốn chẳng song thực, mà có người quả quyết rằng: *phi thường sung thực*.

Võn châng thần bí, mà có người quả quyết rằng: *phi-thường thần bí.*

Kinh phuơng võn châng phải là vạn năng, mà có người quả quyết rằng *kinh phuơng xác thị vạn năng*, (châng những chữa khỏi các bệnh Bổn Mùa Cảm Mạo, lại còn chữa khỏi tất cả Bệnh Truyền nhiễm, đồng thời chữa khỏi tất cả các Bệnh Nội Khoa, Pau Khoa, Âu Khoa, và Ngoại Khoa... các bệnh.)

Không tìm hiểu trên sự thực, xem có phù hợp hay châng? tùy ý niết tạo những chuyện không đâu, làm cho rối loạn tất cả; khiến cho bộ Sách Thượng Hán Luận trở thành một khu rừng Thần Bí, vô phuơng nghiên khảo. Những kẻ dùng mòn ăn tinh thần của người xưa không tiêu hoa nỗi, cần phải xét lại vậy. — Xét kỹ duyên cớ gày ra ngộ nhận, là tại lấy nhân làm quả. Vì họ không hiểu Sách Thượng Hán Luận, là loại sách phát nguyên của Đông Y Dược Học, mà lại ngộ nhận là loại sách có mục đích nghiên cứu của Đông Y-Dược Học vậy.

Bộ Sách *thời lịch bình học* này, lấy phuơng pháp Khoa-Học để làm bằng cờ ấn chứng, hóa con đường chông gai trở nên bằng thẳng, hóa câu chuyện *thần bí* của Đông Y Học, trở nên *thực tế rõ ràng*; thì tòa nhà của Ông Trương Trọng Cảnh mọi người đều có thể đến được, buồng kín của Ông Trương Trọng Cảnh mọi người đều có thể vào được. Khiến cho mỗi vị theo học Đông Y Dược, đều có thể đặt mình địa vị «kế vãng khai lai» của học thống Hiên, Kỳ tự đảm nhiệm lấy một phần trách vụ, đối với việc phát huy ngành y học cổ truyền. Thi lo gì sự nghiệp Đông Y Dược Học ở Nước Nga không phát dương quảng đại.

LÊ NGÔN

1. Nội dung sách này, chỉ đề cập những bệnh chứng có tính chất cảm mạo thời令 bốn mùa, không phải bệnh có tính cảm mạo hay truyền nhiễm thì không biên vào. Chỉ như: Bệnh Ngược, Bệnh Lý, Bệnh Ho và Bệnh ỉa chảy... các bệnh, thuộc về phạm vi của bệnh Truyền Nhiễm hay Bệnh Nội Khoa, thì nên tham khảo qua sách Đông Y Truyền Nhiễm Bệnh Học, và sách Đông Y Nội Khoa Bệnh Học, hai loại sách này sẽ dịch thuật và tiếp tục xuất bản trong ngày gần đây.

2. Các y gia đời xưa dùng danh từ Thương Hán với một ý nghĩa rộng (quảng nghĩa Thương Hán), trong ấy bao quát cả chứng cảm mạo bốn mùa. Nên sách này đổi danh từ Thương Hán lại là Thời Lịnh Bệnh.

3. Sách này bao quát Chứng Thương Hán và Ôn Bệnh, trên phương diện xác nhận bệnh tinh, thi lấy sáu kinh hình chứng làm căn bản; trên phương diện trị liệu, thi lấy phương xua ứng dụng cho bệnh nay làm lập luận. Về phương châm biên định thi:

A) Chấm dứt sự tranh chấp giữa bệnh Thương Hán và Ôn Bệnh.

B) Dung hòa giữa thành kiến Kinh Phương và Thời Phương.

THỜI LỊNH BÌNH HỌC

27

4. Bình Thương Hàn với nghĩa hẹp (thương hàn hiệp nghĩa) của Đông Y, thì bình phát ở mùa Đông. Tây Y luận về Bình Thương Hàn, thì lưu hành trong ~~mùa~~ tháng bảy và tháng tám. Chẳng những chỗ trái qua của bình chứng không giống nhau, mà thời kỳ phát bình, đối với Đông Y cũng sai biệt nhau khá xa. Các thí y, ngộ nhận cho là: Chứng Thương Hàn giữa Đông Y và Tây Y giống nhau như một, thật đáng buồn cười. Sách này chỉ biên về Bình Thương Hàn của Đông Y, còn Bình Thương Hàn của Tây Y thì biên ở Sách Đông Y Truyện Nghiêm Bình Học, bạn đọc nên tham khảo.

5. Bình Thương Hàn của Đông Y luận về sáu kinh, chẳng khác nào một bài toán đố ngàn đời không giải đáp. Các nhà chú thích, thì mỗi ông nói mỗi khác, không nhứt trí. Hơn nữa các Ông luận và Bình Ôn Nhiệt, phần Dinh, phần Vệ, phủ Tam-Tiêu ức thuyết mơ hồ, khiến kẻ hậu học như lọt trong đám sương mù dày đặc. Thiên này, nương theo phương pháp khoa học, triệt để chính lý, tìm ra một lối quang đãng, giúp cho kẻ hậu học nhận xét dễ dàng.

6. Danh nghĩa sáu kinh, thống chế ngành Đông Y Dược Học, trải qua trót hai ngàn năm. Thiên này, đặc biệt chú trọng trên chỗ thế nào gọi là: Ba Kinh Dương, thế nào gọi là: Ba Kinh Âm (tam dương, tam Âm), phân tách rành rọt, lập luận rõ ràng.

(Chú thích 1) Bình ở Ba Kinh Dương, thì nhâm vào chứng phát nóng làm chủ đích, nhưng cần phải phân biệt mỗi kinh phát nóng với một hình thái:

Phát nóng ón lạnh.

Lạnh nóng qua lại.

Không ón lạnh, chỉ phát nóng; loai tý nhau, mà sự thực không giống nhau, uốn ép nhập chung lại, gọi là *bệnh chứng ở Tam Dương*. — *Chứng phát nóng*, là do cơ năng điều tiết và phong tán của thê ón bị chướng ngại gây ra

(chú thích II và III). *Bệnh chứng ở ba Kinh Âm*, là do cơ năng của tạng phủ bị biến hóa:

Kinh Thái Âm là chỉ cho bệnh ở bộ tiêu hoá.

Kinh Thiếu Âm là chỉ cho bệnh ở Tâm và Thân.

Kinh Khuyết Âm là chỉ cho bệnh ở vách ruột viêm, và hoành cách mạc viêm.

(chú thích IV) Quan niệm xem sáu kinh là thần bí, may ra nhờ lời giải thích trên đây mà được giải trừ.

A) Sách Nội Kinh chuyên luận về châm cứu, bắt cứ bệnh gì, cũng nhập chứng vô mươi hay kinh lạc. Nghiên cứu sáu kinh của Sách Thương Hán Luận, tất phải dẹp bỏ mươi hai kinh lạc của sách Nội Kinh, đồng thời cũng dẹp bỏ luôn quan niệm: bệnh độc mỗi ngày tuỳ qua một kinh, thì mới phù hợp với bệnh tình.

B) Sách Thương Hán Luận, nói về bệnh & Kinh Thái Dương, là không phải chỉ cho Kinh Thái Dương thọ bệnh, mà chỉ cho các chứng hậu: *Ón lạnh, phát nóng, nhức đầu...* gọi là: *Bệnh Thái Dương*. Đối với Kinh Thiếu Dương, Kinh

THỜI LỊNH BÌNH HỌC

29

Dương Minh cũng vậy : *Lạnh nóng qua lại*, gọi là : Bình Thiếu Dương. Không ớn lạnh chỉ phát nóng, gọi là : Bình Dương Minh.

C) *Ớn lạnh phát nóng*, là nói về toàn bộ, cả ngày vẫn phát nóng, nhưng trong cơn phát nóng, tự cảm giác ớn lạnh, đấy chính là hiện tượng bệnh của Thái Dương.— Không ớn lạnh, chỉ phát nóng; chỉ biết có phát nóng mà thôi, không bao giờ cảm thấy ớn lạnh, tức là bình của Dương Minh. — *Lạnh nóng qua lại*: trong lúc ớn lạnh, tự mình không bao giờ cảm thấy phát nóng; trái lại, trong lúc phát nóng, cũng không hề cảm thấy ớn lạnh; *Lạnh qua rồi nóng mới đến, nóng qua rồi lạnh mới lại, lạnh với nóng*, loạn phiên nhau tới lui qua lại, có phần biệt rành rẽ, là bệnh của Thiếu Dương. — Căn cứ trên hiện tượng *lạnh, nóng* để phân biệt chứng ở Tam dương, và sử dụng phương pháp chữa trị, ấy là chỗ thực nghiệm của Đông Y, giúp ích cho sự nghiên cứu rất lớn lao.

D) Bình ở Thái Âm thì : bụng đầy hơi, ối mửa, vật thực không tiêu, ỉa chảy, bình ở tiêu hóa khi vây.

Bình ở Thiếu Âm, thuộc về hàn tinh thì : ớn lạnh, nắm co rút, tay chân mát lạnh, ra mồ hôi da thịt mát lạnh, mạch đi Vị Tế, đờ đẫn ưa nấm, (ngủ). — Nhiệt Tinh thì : trên ngực bức rút, họng khô, ỉ ngứ, đó là bệnh của tạng Tâm và Tạng Thận.

Bình ở Khuyết Âm, thì Hạ lý, ngay chốn thùy (tâm oa) nóng xót, là bệnh vách ruột viêm, và hoành cách mạc viêm.

7. Bình Xuân Ôn, Bình Phong Ôn, Bình Ôn, Bình Thủ Ôn, Bình Thấp Ôn, bình Phục Tà, Bình Thu Táo, Bình Đông Ôn, Bình Thương Hán các bình, là những tên bình có sẵn từ lâu của Đông Y, như tìm chỗ sở kiến phù hợp với Tây Y, thi chỉ chia làm ba loại như sau:

- (1) Cảm mạo sơ sài, gọi là: lưu hành tinh Cảm Mạo.
- (2) Bình triền miên từ bốn tuần nhứt sắp lên, gọi là: Trường Nhiệt Chứng (Tây Y gọi: Trường Thương Hán, Tên cũ gọi: Tiêu Trường Hoại Nhiệt Chứng)
- (3) Mọc Ban Chán, gọi là: Ban Chán Thương Hán.

Giả sử chỉ dùng ba bình danh trên, chỉ cần tự thuật chứng hậu, cách chữa trị và xử phương của ba bình trên, thi không khác nào: đem chỗ kinh nghiệm toàn bộ truyền nhan hằng đời của Đông Y Học, cắt ra từ mảnh. Như thế, chẳng những không rõ được tinh túy của Đông Y, mà lại cũng không rõ được chân đế của Chứng Thương Hán Ôn Bình.

Lại còn đa số những bệnh chứng khác, không liên hệ trong phạm vi của Tây Y: Lưu Hành Tinh Cảm Mạo, Trường Thương Hán, và Ban Chán Thương Hán, mà thuốc Đông chữa trị rất hiệu nghiệm, chẳng kém gì chữa Bình Thương Hán. Chính khoa Y Học hiện thời cũng nhìn nhận: Đông Y sở trường về Bình Thương Hán, Tây Y sở trường về Bình Ngoại Khoa; mà Đông Y cũng tự hào với chỗ sở trường của họ là: Phương pháp chữa trị Chứng Thương Hán Ôn bình nghiên cứu rất có giá trị, nên được đa số quan chúng tin ngưỡng. Sách này, đem những chỗ

THỜI LỊNH BÌNH HỌC

31

nghiên cứu độc đáo của Đông Y, khảo sát cẩn thận, tự thuật tinh tường, rất có lợi ích cho kê bệnh học.

8. Những dược vị và dụng lượng của các phương thang ở trong sách này, thẳng như có chỗ bắt đồng với Sách *Xử phương học*, nên nhất luật căn cứ theo Sách *Xử phương học* làm tiêu chuẩn.

9. Thể lệ sách này, chủ trọng trên diêm, lời lẽ gọn gàng, ý nghĩa sáng suốt, và thích ứng với thực dụng. Ngoài việc giúp phương tiện cho kê sơ học, học tập nghiên cứu, cũng thể giúp thêm tài liệu tham khảo trong lúc lâm sàng.

10. Tài liệu nghiên cứu các bệnh chứng trong thiên thứ hai của sách này, phần nhiều căn cứ theo học thuyết của Ông Du-Cửu Sơ, Diệp Hương Nham, Thạch Bá Nham, Hà Tú Sora, Hà Ánh Nham các hàng tiền triết. Trong thiên, có chỗ nêu rành nơi xuất xứ, mà có chỗ không nêu rành nơi xuất xứ, là vì trong lúc biên đính, ngon tay biên tối, không hề có việc cố ý lược mỹ (ân cần cải hay của người làm của mình).

11. Sách này đã biên soạn từ trước, nhơn vì lúc tái bản gấp rút, không kịp cải định những chỗ đã lỗi thời, chỉ có thể cung ứng cho kê học tham khảo.

**CHÚ THÍCH ĐẦY ĐỦ :
BÌNH-DANH, BỒN-CHỨNG, BIẾN-CHỨNG, ĐẶC-TRƯNG.**

**Tiêu biểu phân loại, so sánh các
bệnh chứng thuộc về Thời Lịnh**

Một Loại Trạng Chứng của Bình Cảm Mạo :

- Sợ gió, ớn lạnh, phát nóng, nhức đầu, có mồ hôi, hoặc không mồ hôi.
- Mạch không đi Khàn, cũng không đi Sát, thân thè không đau nhức, miệng không khát nước, từ cách mạc trở lên ngực không phiền muộn (bứt rút), chót lưỡi không đỏ.
- Mạch đi Khàn, thân thè đau nhức là : Bình Thương Hàn. Mạch đi Sát, lồng ngực bức bối, miệng khát nước, chót lưỡi đỏ là : Bình-Ôn.

Bình Thương Hàn

- Lạnh nóng qua lại, hoặc thân thè nóng, tự ra mồ hôi, khát nước.
- Lúc sơ khởi, thì ớn lạnh nhiều, phát nóng ít, mạch đi khàn, thân thè đau nhức, tua lưỡi trắng.

Bình chứng của Bình Thương Hàn, nên tham khảo ở nguyên văn Sách Thương Hán Luận. Sách này chỉ luận thuật trên để cương của bình ở Dương Minh và Thiếu Dương.

Bình Ôn

Không ớn lạnh, chỉ phát nóng, khát nước, lưỡi ráo, họng đau, môi khô, tinh thần hỗn loạn, nói xàm. Bình Ôn mà kiêm Hán, thì lúc sơ khởi sợ lạnh, không mồ hôi. — Bình Ôn mà kiêm Thủ, thì lúc sơ khởi, phát nóng, thận thè uể oải, nhức đầu, xây xẩm.

Ôn lạnh sơ sài, nhưng phát nóng trầm trọng, hoặc chỉ phát nóng, mà không ớn lạnh. Trên ngực phiền buồn, khát nước, uống nước liên lién, chót lưỡi dò, mạch đi sát mà có sức.

Bình Thương Hàn, phần nhiều lệ thuộc với Thiếu Dương; Bình Ôn, phần nhiều lệ thuộc với Dương Minh.

Bình Xuân Ôn

Lạnh nóng qua lại, hoặc không lạnh, chỉ nóng mà khát nước, có khi tinh thần hỗn loạn, nói xàm, thất huyết (1). — Bình Xuân Ôn phát tác vào mùa Xuân, lúc sơ khởi phần nhiều không mồ hôi.

Bình Phong Ôn

Mạch đi Phù, khát nước, mồ hôi nặng nề, lù đù buồn ngủ, lầm dung thuốc phát hấn, thì nói không ra

(1) Thất huyết là : ra máu ở miệng, hoặc ở mũi, hoặc ở tiêu tiện, hay đại tiện.

tiếng, tiêu tiện không thông ; lầm dùng thuốc hạ (xò), thì mắt trợn ngược, đái són ; lầm dùng hỏa công (dùng kim nướng đồ châm trị), thì phát vàng, thái quá thì động kinh, tay chân bại xui.

Phát ở mùa Xuân, lúc bình sơ khởi, phần nhiều ra mồ hôi, hoặc ra máu cam (tý nứt)

Bệnh Đông Ôn

Răng nhức họng đau, kiêm Chứng Phục Thủ, thì mình nóng ra mồ hôi, nhưng nóng không hạ ; đầu xây xầm, lồng ngực bứt rút. — kiêm Chứng Phục Táo, thì ho khan hơi thở gấp, hoặc thất huyết. (giải thắc ở bình Xuân Ôn)

Phát ở mùa Đông, thì bình ở hô hấp khí nặng hơn các bộ phận khác. Thái thàm thì có họng sưng đau.

Các biến chứng khác, thì giống như Chứng Thương Hàn, và Ôn Bình.

Chứng Thủ Ôn

Mình nóng, ra mồ hôi, nhưng nóng không hạ, bộ ngực bứt rút, đầu xây xầm, mặt đỏ, miệng khô khát nước, mạch đi Hư.

Chứng Thủ Ôn kiêm Hàn, thì ón lạnh, thân thè uể oải không mồ hôi. — Kiêm Thấp, thì mình mày nặng nề, phần cơ nhục đau nhức, bộ ngực dẫn xuống Dạ-Dày không thư thái. Nặng lâm thì dạ dày đan, bụng sinh trưởng, đi đại tiện nặng tròn. Nóng lâm thì hơi nóng rùng rực, mặt mũi héo xao, tinh thần hỗn loạn, nói xầm.

Mạch đi Hu, lồng ngực bứt rứt, đầu xây xẩm, miệng ráo, khát nước.

Chứng Phục Thủ

Nhức đầu xây xẩm, mình nóng mà ớn lạnh, không mồ hôi, hoặc rịn mồ hôi chút ít, xé chiều nóng nhiều, thân thè và từ chi nhức mỏi uể oải. Dạ dày cồn cào nôn mửa, bứt rứt khát nước, nằm ngủ không yên, không thể uống nhiều nước, không thèm ăn, đại tiện lúc táo lúc chảy.

Chứng Phục Thủ nặng nề, thì mắt đỏ mồi đồng, da mặt xám xịt như dính bụi, răng khô, lồng ngực phình buồng, nóng hầm hập, nóng mà tay chân lạnh, trong ngực trong bụng nóng như hơi, miệng khô họng ráo, uống nước thì ưa nhợn, nặng lầm thì tinh thần hồn loạn, nói xàm.

Mạch đi Hu, bộ ngực bứt rứt, đầu nặng xây xẩm, miệng ráo khát nước, giống như bệnh Thủ Ôn. Chỗ không giống là: Bệnh Thủ Ôn phát tác trong tiết Tiều Thủ, và Đại Thủ; còn chứng Phục Thủ, thì đa số phát tác ở cuối mùa Thu. Lại nữa Bệnh Phục Thủ thì luôn luôn hiệp với chứng Thấp mà phát tác.

Chứng Trường Nhiệt, lúc sơ khởi thì phát nóng với một hình thái cố định, lại còn kèm có chứng đau lưng, đau cạnh sườn (tỷ hư), lấy tay ấn lên bộ vị hồi trường và marsh trường nhói đau, đồng thời ruột sôi. Các dấu hiệu này, là đặc trưng của chứng Trường Nhiệt.

Chứng Thấp Ôn

Ôn lạnh, không mồ hôi, đầu nhức, mình mày nặng nề, tay chân uể oải, buồn ngủ, nóng này uất ngột không

lui, xé chiều thì bình nặng ; dạ dày cồn cào, bụng đầy hơi, nước miếng đặc, khát mà không uống được nhiều nước, lợm giọng ưa mửa.

1.— Gân xương nhức mỏi nặng nề, đầy hơi, nặng đầu, hai mắt trũng thấy như mày án sườn mờ.

2.— Sắc mặt biết vàng, ửng đỏ như thoa mỡ, đầy hơi, bứt rứt, ưa nhợn, tiêu chảy, tiêu tiện ngắn rit, nước tiêu đỏ, hoặc biến chứng hoàng đản, hoặc mọc ban Bạch.

Bệnh này, thi thần kinh phát hiện trạng thái thủy hoãn. Bệnh Phục Thủ ở vào thời kỳ sơ phát, thi trạng thái thần kinh hung phấn ; bệnh sơ sai ở vào thời kỳ trung phát, thi thần kinh cũng phát hiện trạng thái thủy hoãn ; bị tráng đi tráng lại nhiều lần, trở thành trọng bệnh, thi thần kinh có trạng thái ma túy.

Mình mày nặng nề nhức mỏi, đau bụng đầy hơi, nóng uất không lui, bình thuộc về phần khí. Bệnh Phục Thủ cũng có khí vào phần huyết.

Bệnh Thu Táo

Đầu nhức, mình nóng, không mồ hôi, miệng mũi khô khát, ho khạc kèm ra không thông, có khi hơi thở gấp, ngực nặng sùơn đan.

Ho khan, hơi thở khò khè, cổ họng đau, mũi ráo môi khô, lồng ngực bứt rứt, bụng đầy, sùohn đau khá nhiều.

Ho hen không thông, miệng môi khô ráo, lồng ngực bứt rứt, khát nước, ít ra mồ hôi, đại tiện bí kiết, bộ ngực và hai cạnh sùohn đau.

THÚ LỐP TRUYỀN BIẾN CỦA BỊNH THỜI LINH

Bệnh Trạng thái ôn bị biến hóa :

- 1.— Sợ gió lạnh, phát nóng, nhức đầu, có mồ hôi, hoặc không mồ hôi.
- 2.— Lạnh nóng qua lại (hàn nhiệt vãng lai — 寒熱往來)
- 3.— Không ấm lạnh, chỉ phát nóng, lồng ngực bức rút, miệng khát nước, có mồ hôi, hoặc không mồ hôi.

Bệnh trạng lâm ba dịch bị đình trệ

Lồng ngực bì mẩn, cạnh sườn đau nhói, miệng đắng.

Bệnh trạng bộ tuần hoàn bị chướng ngại

Bệnh thắt huyết : trong đàm có vướng máu, hoặc tiêu tiện ra máu, đại tiện ra máu, ho ra máu, ói ra máu, khạc ra máu, mũi ra máu, hoặc máu ú đọng, bệnh nhơn như điện cuồng, miệng khô khát nước, bụng dưới (dưới rốn) sưng vùn, đè đau thốn ; tiêu tiện thông thả, đại tiện phân đen thui, ban ngày chối hôi, ban đêm nóng nẩy phiền táo, nói xàm.

Bệnh trạng bộ hô hấp bị chướng ngại

Ho hen có nhiều đàm, hoặc ho khạc đàm ra không thông, hơi thở ngắn, hen suyễn (khi suyễn), thở ra hít vào không thuận lợi, lồng ngực bức rút không thư thái.

Bình trạng bộ tiêu hóa bị chướng ngại

Không buồn ăn, lạnh cò, nôn mửa,Ợ chua,Ợ hơi,
ăn uống vào thì muốn哕. Dạ dày đầy hơi, tiêu hóa chậm
chạp, lồng ngực bứt rứt, tưa lưỡi đóng dày.

Bình trạng cơ năng bài tiết chướng ngại

Này bụng trương đầy, đại tiện không thông, tiểu tiện
vàng đỏ nóng xót, đi đại tiện cảm thấy nặng tròn không
thông thả, giang mông sưng đau.

Trạng thái cơ năng thần kinh biến thường

A.— Về phương diện trí giác:

- 1.— Tinh thần mỏi mệt, buồn ngủ, thích yên tĩnh,
ghép ôn ào.
- 2.— Bứt rứt nằm không yên, nói xàm nói mả.
- 3.— Thần thức lờ mờ, vất vưởng như buồn ngủ, mắt trực
thị, dài són, hoặc ngã xỉu, tay chân lạnh, á khẩu.

GIẢI THÍCH

- 1) Thuộc về thần kinh suy nhược tinh.
- 2) Thuộc về thần kinh hưng phấn tinh.
- 3) Thuộc về thần kinh ma túy tinh.

B.— Về phương diện vận động:

- 1) Tay chân rút giật.
- 2) Tay chân cứng đờ, co rút, hoặc uốn lưng ẽn ngược.
- 3) Tanden quằn áo, nở mầm chiếu giờ đồng.

GIẢI THÍCH

- 1) *Bình nhẹ, thần kinh khẩn trương với tinh gián kiết.*
- 2) *Bình nặng, thần kinh khẩn trương tinh cường trực.*
- 3) *Thần kinh ma lý rất khó chữa.*

Bình trọng nội phân bí biến hóa

Dương Hư: Mắt đỏ, đầu ra mồ hôi, đầu cò run lắc, ra mồ hôi lạnh, bộ lưng lớn lạnh, nhiều, tay chân lạnh run, tưa lưỡi trắng như vôi, khát nước mà không uống được nhiều, mạch đi Trầm Vi muôn tuyệt.

Âm Hư: Mau lưỡi đỏ nhạt, hình lưỡi to lớn, mạch đi Tế Sát, đầu ông bình Di tinh, đầu bà bình Xích bạch dài hạ, đầu xây xầm, tim hồi hộp.

Nói rõ thêm: Bjoh Thời Linh lúc sơ phát thì cơ năng đều tiết và phóng tán của thê ôn phát sinh chứng ngại, kế đó thì bình độc tuẫn tự xâm nhập qua cơ năng hô hấp, cơ năng tiêu hóa, cơ năng bài tiết, và các cơ năng khác: có khi bộ tuẫn hoàn phát sinh chướng ngại nghiêm trọng; bình thê kéo dài thì, phương diện thần kinh tất phát hiện, hiện tượng biến thường. Đại đa số, lúc đầu thì bình độc xâm nhập vào tri giác thần-kinh, kế tiếp thì xâm nhập vào vận động thần kinh, hoặc gây cho tác dụng nội phân bí của phó thần bị biến hóa, hoặc phát hiện các chứng hậu Dương Hư, hay Âm Hư. Cho nên nói: trầm bình đến khi cùng cực thì dần về thận (bà bình chí cùng tất cập thận 一百病之究必及腎) là rất đúng. Người xưa vì câu chấp sáu kinh (lục kinh) nên phân nhiều nhau định sai lầm, nay phân biệt ra từ chi tiết, đồng thời giải thích rõ ràng.

NGHIÊN CỨU MÁY CÁI TÍN-DIỀU THUỘC VỀ BÌNH THỜI LỊNH

I.— Đạo ngắn

Ông Tử Hồi Khê nói: Sự học vấn của Thầy thuốc, hoàn-toàn chú trọng trên chỗ tìm hiểu nghĩa lý của Sách Thương Hàn, rõ được nghĩa lý của Sách Thương Hàn, thì thông hiểu được tất cả các bệnh chứng — Từ Hồi Khê vẫn: Y giả học vấn, toàn tại minh Thương Hàn chí lý, Thương Hàn lý minh, tắc vạn bệnh giải thông — 徒回溪云；醫者學向，全在明傷寒之理，傷寒理明，則萬病皆通).

Nói thế, là vì từ ngày Sách Thương Hàn Luận của Ông Trương Trọng Cảnh ra đời về sau, thì sự dùng thuốc chữa bệnh mới có quy củ đáng học hỏi. Mặc dù sau này, các Y gia ra đời khá đông, chỗ lập luận có sai biệt nhau, nhưng không ngoại phạm vi sách Thương Hàn Luận. Bởi vậy các Y gia mới đem hết tinh lực cả một đời mình ra, dồn vào giùm mai, nghiên cứu Sách Thương Hàn Luận, đó là sự thực, không nên giấu giếm. — Nhưng còn nhiều bệnh chứng, kè cả chứng hậu cách trị và xử phương.. mà trong Sách Thương Hàn Luận, biện thuyết chưa rõ ràng, cần phải có sự bồ túc của người sau, như: Bình ÔN NHIỆT BẢN THỦ THẤP, Bình THU TÁO.. các bình. Đó là nguyên nhân gây rắc rối cho chứng Thương Hàn Ôn Bình và cũng là nguyên nhân gây chia rẽ đường lối

THỜI LỊNH BÌNH HỌC

41

giữa Kinh phuơng (phuơng xưa) và thời phuơng (phuơng nay) vậy.

Cứu cánh trên thực tế, Thầy Thuốc thi lấy sự cứu chữa bình nhơn làm thiên chức của mình, mà sự phát sinh các bệnh chứng rất nhiều và phức tạp :

Mùa Xuân, thi có bệnh Xuân Ôn và Bình Phong Ôn.

Mùa Hạ, thi có bệnh Thủ Ôn và bệnh Thấp Ôn.

Mùa Thu, thi có Bình Phục Thủ và Bình Thương Táo.

Mùa Đông, thi có Bình Đông Ôn và Bình Thương Hán... các bệnh. Đó là những bệnh chứng thuộc về cảm mạo tinh, phát sanh theo bốn mùa; cách xử phuơng và chữa trị, đều không giống nhau. Cần phải sắp đặt chính lý lại, là việc tất yếu.

Dân Quốc năm thứ 18, tôi (soạn giả) thảo ngỏi về thể lệ Thời Lịch Bình Học, dùng phuơng pháp diễn dịch, để nghiên cứu chủ trương của các phái; dùng phuơng pháp qui nạp, để chiết trung kinh nghiệm của chư gia, kẻ ra có hon bảy mươi dư ngôn (!) thuật rõ nguyên lý phát sanh các bệnh chứng, chứng hậu, cách trị và xử phuơng.— Có người nói: những bệnh chứng thuộc về cảm mạo tinh, là loại bệnh khinh siễn tầm thường, hà tất phải trưng dẫn dài dòng.

Nói thế, là không rõ câu chuyện các Thầy Thuốc xưa, tranh luận nhau về Chứng Thương Hán Ôn Bình, ý kiêc, chối ngược nhau, tụ tung không ngừng; khiến cho kẻ hâu học

(1) Ngôn là : một câu nói, một lời nói, hay một chữ.

dối với chứng bệnh này, không biết phải theo dáng nào, rất khó. Nếu không biện luận rõ ràng, thì tình trạng rắc rối trên đây, sẽ kéo dài mãi mãi, không biết đến chứng nào mới giải quyết xong.

Nếu đem các bệnh chứng Cảm Mạo, lồng vào Thiên Truyền Nhiễm Bệnh Học, rồi chia ra làm ba loại : Gia Đáp Nhi Tinh Bình (1), Trường Vị Tinh Bình, và Thần Kinh Tinh Bình, đồng thời lập ra ba phương pháp, để chủ trị cho ba bệnh này mà thôi, thì không khác nào, đem chỗ kinh nghiệm toàn diện của mấy Ông Thầy thuộc xưa đối với Chứng Thương Hán Ôn Bệnh, cắt ra từ đoạn. Hơn nữa, làm như vậy, thì không phải đường lối chính đáng của nhà nghiên cứu Đông Y Được Học.

Trong sách này, lấy sự chủ trương của tôi (soạn giả) làm căn bản, dối với học thuyết chư gia, đều có nghiên khảo bình luận phớt qua; chỗ thì ý kiến ám hợp nhau, chỗ thì ý kiến chống nghịch nhau, đó là vì trên phương diện nghiên cứu học thuyết, phát huy sở kiến có đị, có đồng mà thôi, mong được đọc giả lượng xét.

2.—Bệnh thời lịnh, bao quát bệnh cảm mạo, và bệnh thương hàn ôn bệnh

Bệnh Cảm Mạo, và bệnh Thương Hán Ôn Bệnh, đều do khí hậu của thời lịnh thay đổi, khiến cho cơ năng

(1) Gia Đáp Nhi: niêm mô của tạng phủ phát sanh viêm tbung, bệnh chứng có nhiều chủng loại.

diều tiết của thè ôn, không duy trì đúng theo thường thái tự nhiên, mà sanh bình. Duy người xưa, có phân chia ranh giới của Bình Thương Hàn và Bình Ôn ; nhưng sự thực, đồng một tinh chất với bệnh chứng Cảm Mạo. Người thiên về Bình Thương Hàn, nhìn qua thì nhận cho là : Bình Thương Hàn ; người thiên về Bình Ôn Naiệt, thì nhận cho là : Bình Ôn Nhiệt. Chẳng cần cứu xét trên thực tế của bệnh tinh, mà chỉ in tri theo thành kiến. Như thế, không phải là đạo nghiên cứu Đông Y Học của người có học thức vậy.

Sách Nạn Kinh nói Chứng Thương Hàn có năm (1) (Thương Hán hữu ngũ 一傷寒有五) danh nghĩa của câu : *Thương Hàn Quảng-Nghĩa*, xuất phát từ đây. Bởi vì, chứng Phong, chứng Thấp, chứng Ôn, chứng Nhiệt, các chứng lúc sơ khởi, bình nhơn đều tự cảm giác ón lạnh, người sau gọi là : Bình Tứ Thời Cảm Mạo, mà Bình Ôn chiếm lấy số nhiều, Bình Thương Hàn ít hơn.

Cho nên sách này, lựa lấy ba chữ : *Thời Linh Bình* để đặt tên cho các bệnh chứng *Thương Hàn Cảm Mạo* của bốn mùa. Với danh xưng này, có nén thành lập hay chăng ? còn chờ đà số học giả quyết định. Song theo chỗ chủ trương của tôi (soạn giả) thì không thè thay đổi.

3.— Bình thương hàn ôn bình với bệnh cảm mạo vốn đồng một tinh chất

Chứng Cảm Mạo lúc sơ khởi ; ón lạnh, phát nóng,

(1) có năm là : 1. là Chứng Trung Phong, 2. là Chứng Thương Hàn, 3. là Chứng Thấp Ôn, 4. là Nhiệt Bình, 5. là Ôn Bình.

nhức đầu, hoặc không nhức đầu ; ra mồ hôi, hoặc không ra mồ hôi ; Mạch không đi Khàn, mà cũng không đi Sát.

Bình Thương Hàn lúc sơ khởi : ón lạnh, phát nóng, nhức đầu, đau mình ; Mạch đi Khàn, không mồ hôi.

Bình Ôn, lúc sơ khởi : ón lạnh, phát nóng, nhức đầu, có bình ra mồ hôi, có bình không mồ hôi ; Mạch đi Sát, chót lưỡi đỏ, lồng ngực bứt rút, miệng ráo, khát nước.

Điểm bất đồng của ba bệnh chứng trên đây, ngoại bệnh Cảm mạo ra, thì bệnh chứng của Bình Thương hàn, chủ trọng trên điềm : *Mạch đi khàn, thân thè đau nhức.* — Bình chứng của Bình Ôn, thì chủ trọng trên điềm : *Mạch đi sát, chót lưỡi đỏ, lồng ngực bứt rút, miệng ráo, khát nước.* Các Y gia đời trước, hao phí không biết bao nhiêu trí lực, để phân biệt : thế nào là Bình Thương Hàn, thế nào là Ôn Bệnh.

Theo tôi (soạn giả) nhận thấy, Bình Thương Hàn với Bình Ôn, vốn đồng một tinh chất tật bệnh, lúc sơ phát có sai biệt, về sau không mấy sai biệt. Nguyên nhân tho bệnh, và trải qua sự phát triển của bệnh tinh, vẫn không khu biệt. Chỗ bất đồng của hai bệnh này là : duy có phục nhiệt, và không phục nhiệt. Cho nên, chứng hậu ón lạnh, phát nóng, có khinh, có trọng, không giống nhau, và khát nước, cũng không khát nước, là điểm sai biệt nhau mà thôi.

Bệnh chứng chỉ trong chứng ấy, mà dám nói quả quyết rằng : Bình Ôn Nhiệt thì thuộc về Phù Tam Tiêu, với Bình thương Hàn tà truyền sáu kinh, không giống nhau. Thực là chỗ kiến giải cao thâm mạc trắc.

THỜI LỊNH-BÌNH HỌC

4.— Bình thời lệnh và bình truyền nhiễm

Theo chỗ chủ trương của tôi (soạn giả) thì, những bình do khí hậu của thời tiết thay đổi, khiến cho ôn độ trong thân thể con người phát sinh chướng ngại, đều thuộc về *Bình thời lệnh*. — Đồng một thời gian, đồng một địa phương, những bình chứng lưu hành đại đa số giống nhau, mới có thể chứng minh đó là : tính chất của *Bình truyền nhiễm*.

Các Y gia hiện tại, đều nhận định tất cả những bình chứng Ngoại Cảm phát nóng, là do độc tố bình thuốc xâm nhập gây nên, tức thời sử dụng phương pháp kiểm tra bình khuân. Nếu không xác nhận được bình tĩnh, thi đỗ lối cho máy móc kiểm tra không được hoàn toàn, nhất định không rời bỏ thuyết: Kiểm Tra Lệnh Khuân, kéo dài thời kỳ trị liệu cách oan uổng.

Theo sự chủ trương như thế kia, thi chính tôi (soạn giả) không thể nhầm mắt tin theo. Vì như khi trời bắt ngờ biến lạnh, mặc áo mỏng ; hoặc khi trời nóng nực bắt thường, ở trần truồng trực.., cảm thọ không khí lạnh lẽo, kích thích & phần cơ biếu, khiến cho lỗ chân lông co rút, thè ôn phòng tan bị chướng ngại, phát nóng ôn lạnh ; cho uống một tè thuốc phát tán, bình khỏi tức thi, Công việc rất gọn gàng, mà lại hòa ra bè bạn, không phải kiểm tra *Bình khuân* là không được. Ngồi chờ bồi dưỡng nhiễm sắc, thành lập phiêu bồn xong, mới tìm ra phương thuốc đặc hiệu đối chứng ; kéo dài ngày giờ, bình cơ diễn biến ngày một nặng thêm, là một sự sai lầm.

Thắng như thuốc đặc hiệu chưa kịp phát minh, thì khoanh tay ngồi ngó, mặc tình bệnh thế tiến hành, vô phương cứu chữa là bài sự sai lầm.

Hoặc trải qua nhiều lần kiểm tra mà không cách gì tìm ra bệnh khuẩn, thế bệnh càng ngày càng加重, sức khỏe càng ngày càng kiệt quệ, kết cuộc dàn hàng bó tay, là ba sự sai lầm. — Kinh thường phương pháp chữa trị rất hiệu nghiệm của Đông Y, chỉ biết có đường lối kiểm tra bệnh khuẩn là duy nhất, thì đâu phải là thượng sách vậy.

Căn cứ trên hình chứng của bệnh tình, đã chứng minh xác thực đó là : Bệnh Truyền Nhiễm. Phương pháp trị liệu thì cần tham khảo Thiên Cấp Tinh Truyền nhiễm Bệnh, do tôi (soạn giả) trước tác. — Còn phương pháp biện biệt thì, sự truyền biến của Bệnh Thời Bệnh, lấy chứng hậu của ba Kinh Dương làm chủ. Còn Bệnh Truyền nhiễm thì đều có những trạng chứng rất đặc thù, hỏi kỹ chỗ trải qua của bệnh, có thể biết được đại khái. Hoặc nghi có tính nguy hiểm của bệnh Truyền nhiễm, xưa gọi là : Ôn Dịch (溫疫) không có tính nguy hiểm của bệnh truyền nhiễm, xưa gọi là Ôn Bệnh (瘟病). Phân loại bệnh như thế này, cũng không phải là lý luận xác đáng.

5.— Nguyên nhân thọ bệnh của bệnh thời lệnh

Ôn lạnh, phát nóng là chứng hậu tất nhiên của Bệnh Thời Lệnh. Nhận vì khí Phong Hàn kích thích, lỗ chân lồng teo rút, thì tự nhiên phải ôn lạnh. Khí phong hàn

THỜI LỊNH BÌNH HỌC

47

ngăn chặn bên ngoài, sức phóng tán của thè ôn bị削弱 (ngại), thì tất nhiên phải phát nóng. Chỗ bắt đồng nhau, giữa Bình Phong Hán và Bình Thủ Nhiệt là : có, hay không có nội nhiệt tiềm phục ở trong người, và thè ôn tăng tiến hay suy giảm vậy.

Căn cứ trên trạng chứng mà nói : Chứng Phong Hán thì nặng về bên ôn lạnh. Chứng Thủ Nhiệt thì nặng về bên phát nóng. Ôn lạnh nhiều, thì gọi là Bình Phong Hán ; Phát nóng nhiều thì gọi là Bình Ôn Nhiệt. — Có người nghĩ : cảm thọ khí hàn, thì phát Bình Thương Hán ; cảm thọ khí ôn, thì phát bình Ôn Nhiệt.

Nói như thế, là không rõ : Thời tiết lạnh lẽo, có thè gây trở ngại cho tác dụng phóng tán của thè ôn, là nguyên nhân gây ra Bình Thương Hán và Ôn Bình. Còn nhân cảm thọ khí Ôn nhiệt mà sanh bệnh, ngoài Bình Trùng Thủ, Trùng Nhiệt ra, thì không thấy có bệnh nào khác hơn.

6.— Con đường xâm nhập của bệnh thời lệnh

Có người nói : Bình độc gây ra Chứng Thương Hán, thì theo lỗ chân lồng mà vào ; bình độc gây ra Chứng Ôn Nhiệt, thì theo miệng mũi mà vào ; lấy lý do này, để phân biệt chỗ bắt đồng giữa Chứng Thương Hán, và Chứng Ôn Nhiệt. Chỗ này của tôi (soạn giả) thì không phải thè, hàn tà có nhiên có thè kích thích ôn độ ở phần bì phu, nên mới nói : (chứng Thương hàn theo lỗ

chân lồng vào). Nhưng khi hậu lạnh lẽo của mùa Đông, gây bệnh cho bộ hô hấp rất nhiều, đó là bằng chứng: khí phong hàn cũng có theo miệng mũi mà vào.

Còn Bệnh Ôn-Nhiệt, nếu nhận chữ (Ôn) là: Ôn Dịch, có tính chất truyền nhiễm, thì bệnh khuẩn truyền nhiễm có thể từ miệng mũi mà xâm nhập, có thể do bị phu bị thương tồn mà xâm nhập, có thể do theo niêm mô mà xâm nhập, đều phải chỉ có một con đường miệng mũi mà thôi.

Nếu nhận chữ (Ôn) là: khi hậu viêm nhiệt của thời tiết, thi nên xét kỹ xem, chứng phát nóng khắp cả toàn thể, hay chỉ phát nóng ở bộ phận miệng mũi mà thôi. Căn cứ trên sự thực, có thể chứng minh, và cũng có thể quyết đoán được, bệnh độc Ôn-nhiệt, không phải từ miệng mũi xâm nhập.

Lời mâu luận này, do Ông Diệp Thiệu Sĩ đề xướng, sẽ giải thích ở chương III của Sách Thời Lịnh Bình Học.

7.— Thú tự truyền biến của bệnh thời lịnh

Thú lợp truyền biến của bệnh thời lịnh:

- 1) Thè ôn nắt kết, hàn tuyễn ngắn nghẹt.
- 2) Lâm ba dịch bị đinh trệ.
- 3) Bộ máy tiêu hóa bị chướng ngại.
- 4) Bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại.
- 5) Huyết dịch bị tắc nghẽn.

6) Cơ năng thăn kinh phản thường.

7) Tân dịch nội phân-bí biến tinh.

Đại ý, bình chứng truyền biến ở ba Kinh Dương, và ba Kinh Âm của ngành Y Học Cổ Truyền, không ngoài phạm vi này. — Sách Thương Hàn Luận, phân biệt chứng hậu của sáu kinh, nhưng không nói rõ kinh thủ, hay kinh túc.

Các y gia đời sau thi nói: Bình Thương Hàn, truyền ở Kinh túc, mà chẳng truyền ở Kinh thủ. Tham khảo qua các lời chú thích của chư gia, phần nhiều ngộ hối ở điểm này.

Theo ý tôi (soạn giả) thì, danh nghĩa của sáu kinh là: ba Kinh Âm, và ba Kinh Dương. Bình chứng ở ba Kinh Dương, thì lấy sự biến hóa của thê ôn làm chủ; Bình chứng ở ba Kinh Âm, thì lấy tác dụng tự khởi biến hóa của tạng phủ làm chủ. (giải rõ ở Sách Bình Lý Học).

Ngoài sự bối rối của người xưa, đối với các bình chứng truyền biến ở Kinh thủ và Kinh túc, sáu kinh ra, lại còn thêm một việc rắc rối nữa là.

Ông thi nói: Bình Thương Hàn thi, bình độc nằm ở sán kinh; Bình Ôn Nhiệt thi, bình độc phục trong phần Dinh, phần Vệ, và khí huyết. — Ông thi nói: Bình Thương Hàn mỗi ngày truyền một kinh; Bình Ôn Nhiệt, nằm ở một kinh, không dời đổi. — Ông thi nói: Bình Ôn Nhiệt, chỉ truyền biến trong phạm vi của Phủ Tam-Tiêu mà thôi. — Ông thi nói: Bình độc Ôn Nhiệt, tiêm phục ở Mạc Nguyên. Mỗi ông mỗi thuyết, không ai giống ai.

Theo chõ tôi (soạn giả) thấy thì, câu : thứ lớp truyền biến ở phần Dinh, phần Vệ và khí huyết, chỉ có thể giải thích cho bệnh chứng ở Kinh Thái Dương. — Còn nói Bình Ôn chỉ ở một kinh không dài dỗi, là không nhận thức được căn bản của Bình Ôn. — Thuyết Tam Tiêu, chỉ có thể xác nhận trên thứ lớp truyền biến trong thời gian Bình Ôn trải qua mà thôi, (giải rõ ở Sách *Bình lý học*). — Còn thuyết Mạc Nguyên : Người xưa nói Mạc Nguyên là : mản bụng, là chõ trải qua của Bình Ôn. Có phải chăng, Bình Ôn chỉ trải qua ở mản bụng ? Người có cặp mắt thông minh, có thể phân biệt được.

Ông Ngô Hựu Khả, gồm các chứng Trường Nhiệt (Thương Hán trường xuất huyết), Chứng Hồi Qui Nhiệt (bịnh nóng tái đi tái lại), Chứng Ngược Tật, Chứng Ban Cản Thương Hán, những bịnh chứng có tính chất truyền nhiễm lại, đặt tên là Bình Ôn Dịch. Chân đoán thấy: tưa lưỡi đóng dày troi sáng, lồng ngực bứt rứt, phía trên Dạ dày bì dày,... thì dùng thuốc thanh nhiệt táo thấp, thông lợi hai đường đại tiêu tiện... để chữa trị, đều được hiệu nghiệm. Đái khái, xác nhận những bịnh chứng này là: bịnh tà tiềm phục ở Mạc Nguyên ; rồi đem bịnh Ôn Dịch có tính chất truyền nhiễm, nhảy chung với Bình Thương Hán Ôn Bình mà luận trị, đó là trong muôn ngàn việc phải, có một việc sai, của kẻ trí vây.

8.— Chõ ngộ hội đối với bịnh thời lệnh của người xưa

Phương pháp nghiên cứu bịnh chứng của người xưa, đối với hiện đại có chõ bất đồng, cần phải cù chánh.

1) Người xưa xác nhận bệnh độc phong hàn gây ra tật bệnh cho con người, tất có phương hướng nhất định, nên mới có danh xưng : *Hư tà*, *Thực tà*, *Chánh tà*... — Hiện đại đối với các bệnh chứng có tính chất cảm mạo, thì không cần biết cảm họa khi phong hàn ở phương hướng nào.

2) Người xưa nói : Mùa Đông cảm thương khi hàn, thì mùa Xuân tất phát bệnh Ôn. Sau Tiết Lập Đông, đều là Bình Thương Hán ; sau Tiết Lập Xuân, đều là Bình Ôn Nhiệt. Trước ngày Hạ Chí là Bình Ôn, sau ngày Hạ Chí là Bình Thủ. Không lấy chứng hậu của tật bệnh làm phiếu chuẩn, mà lại lấy khi hậu thời lệnh làm phiếu chuẩn. — Các Y gia hiện đại, phân biệt Chứng Thương Hán Ôn Bình, thì lấy chứng hậu làm chủ ; quyết định không lấy Tiết Lập Xuân, ngày Hạ Chí làm chủ.

Sách Nội Kinh nói : Bình chưa đầy ba ngày, thì nên làm Hán mà thôi ; bình đã được ba ngày, thì nên làm Hạ mà thôi. « Vị mǎn tam nhựt giả khả hán nhi dĩ, dĩ mǎn tam nhựt giả khả hạ nhi dĩ 一未滿三日者，可汗而已，已滿三日者，可下而已。 » Chỉ như, nên dùng thuốc phát tán làm cho ra mồ hôi, hay nên dùng Đài Hoàng, Phát Tiêu, để thông lợi đại tiện, mà cũng lấy ngày giờ họ bệnh sớm muộn làm chủ, chờ không nai đến chứng hậu, thì đâu phải là xác luận.

Thuyết Lục Kinh Truyền Biến, thì Sách Nội Kinh chép : Ngày thứ nhất Kinh Cự Dương (Thái Dương) họ tà, ngày thứ hai Kinh Dương Minh họ tà v. v... « nhứt nhựt Cự Dương họ chí, nhì nhựt Dương Minh họ chí : 一日主陽受之，二日陽明受之 » mỗi ngày bệnh truyền một

kinh ; thoát vảy mà bình ở phần biếu, thoát vảy mà bình vào phần lý, thoát vảy mà ớn lạnh, thoát vảy mà phát nóng, « hốt nhi tại biếu, hốt nhi tại lý, hốt nhi hàn, hốt nhi nhiệt 一忽而在表，忽而在裏，忽而寒，忽而熱 ». Bình tinh mặc dầu có biến chuyền, nhưng nhứt định không bao giờ có sự biến hoá lạ lùng như vậy.

Thầy thuốc đời xưa, sơ hốt trên chỗ giám biện chứng hàn, làm tin theo thuyết bình tà mỗi ngày truyền qua một kinh, chính hở tự tay họ đào lấy hầm hổ trên con đường băng phẳng. Trong Sách Thương Hàn Luận sở dĩ nói : Bình ở Kinh Dương Minh, Bình ở Kinh Thiếu Âm v.v... có khi chỉ cho bình trạng mà nói, »cũng có khi chỉ cho ngày giờ thọ bình lâu lâu mà nói. Cần phải phân biệt xem kỹ càng mới tránh khỏi lầm lẫn.

9.— Chỗ ngộ hội của người đời sau đối với bình thời lệnh

Các Y gia hiện tại, xác nhận Sách Thương Hàn Luận có thể thống trị tất cả các Bình Cấp Tinh Truyền Nhiêm. Sở, dĩ gây ra lý do ngộ hội, là vì lời tựa trong Sách Thương Hàn Luận của Ông Trọng Cảnh nói : Dòng họ tôi vốn đông đảo, trước đây có hơn hai trăm người, từ niên hiệu Kiến An đến nay, chưa đầy mươi năm, chết mất hết hai phần ba, bảy phần mười chết về Bình Thương Hàn (dư tôn tộc tố đa, hường dư nhị bách, Kiến An dĩ lai, do vị thập năm, tử vong tam phần chi nhì, Thương Hàn thập cù kỷ thất 一余宗族素多，向餘二百，建安以來，尤未十稔，死亡三分之二、傷寒十居其七.) Nhơn

sự thực trên đây, rất đáng nghi là dòng họ của Ông Trọng Cảnh mắc phải bệnh truyền nhiễm mà chết.

Sách Thương Hán Luận lấy sáu kinh để phân biệt chứng hàn, ba Kinh Dương, thì tự thuật những bệnh chứng do thè ôn biến hoá; ba Kinh Âm, thì tự thuật công dung của các tạng phủ bị biến-hoa, Bình Cảm Mạo, thì có kiêm lạnh, hoặc kiêm nóng, sự truyền biến của bệnh tình, đại khái không ngoài phạm vi này. Nếu kéo tất cả các bệnh truyền nhiễm vào trong, thì từ bệnh chứng dì chỉ phương pháp trị liệu, đều không phù hợp. Còn câu chép bắt cứ bệnh nào cũng nằm trong phạm vi sáu kinh, thì e không ăn khớp.

Tôi (soạn giả) cho là: phương pháp chữa trị những bệnh chứng ở sáu kinh của Sách Thương Hán Luận, chỉ có thể áp dụng chữa trị Bệnh Thời Lịnh, còn những phương pháp chữa trị các bệnh chứng có tính chất truyền nhiễm, thì không thể áp dụng được, vì không dối chứng. Cho nên biên soạn ra Sách Đông Y Truyền Nhiễm Bệnh Học, bồi sung vào chỗ khuyết diềm này, đồng thời giúp cho kẻ hậu học rộng đường thấy biết.

10.—Bệnh Tân Cảm và bệnh Phục Tà

Luân diệu Thầy thuốc đời xưa, phần nhiều giống nhau: Khi Phong hàn từ ngoài xâm nhập vào thận thè là: Bệnh Tân Cảm; Chứng Ôn nhiệt từ trong xuất hiện ra phần cơ biễn là: Phục Tà,

Song cũng có người công kích, cho thuyết Phục Tà

là vọng ngũ, không đủ bằng chứng để kê cứu. — Người thi nói: Bình Ôn nhiệt có Phục tà, Bình Phong hàn không Phục tà.— Người thi nói: Bình Thủ thấp có Phục tà, Bình Ôn nhiệt không Phục tà... nghị luận lăng xăng, không biết phải nghe theo Ông nào.

Chỗ chủ trương của tôi (soạn giả) xác nhận: Bình Thủ-Lịch lúc sơ khởi, có triệu chứng *tiền khu* là Phục Tà, không triệu chứng *tiền khu* là Tân Cảm. (giải ở Thiên đầu, chương hai về Bình Lý)

Bởi vì, bình Phục Tà là do cảm nhiễm khí hàn phức tạp gây ra, *bình phong*, *bình hàn*, *bình ôn*, *bình nhiệt*, *bình thủ*, *bình thấp* các bình, đều có Phục Tà, bắt tất hạn định trong hai loại bình: Ôn Nhiệt hay Thủ Thấp. Những bình chứng thuộc Cảm-Mạo tinh của bốn mùa, đều có khu biệt: *tân cảm* hay *phục tà*, (1) cũng bắt tất hạn định theo cõi thuyết: Mùa Đông cảm thương khí hàn, mùa Xuân tất phát Bình Ôn. (Đông thương ư hàn, xuân tất ôn bình 一 冬傷於寒，春必溫病).

Về ngày giờ tiềm phục của bình tà thi; phục tà tiềm phục dài ước trong năm bảy ngày dã chí mươi, mươi lăm ngày, thì phát bình. Không bao giờ thấy bình tà tiềm phục lâu đến cả ba tháng mới phát bình. (2)

(1) Nguyên lý Phục tà, và phân biệt Phục tà ở phần khí hay phần huyết, giải thấy ở Thiên đầu, chương hai, về Bình Lý.

(2) Theo sự kiện của dịch giả, thi câu: không bao giờ thấy Phục tà tiềm phục lâu đến cả ba tháng mới phát bình, cần phải khảo cứu cẩn thận lại.

II.—Kết luận

Tôi chủ trương nghiên cứu Bình Thời Lịch đồng thời xác nhận Bình Thời Lịch, với Bình Thương Hàn Ôn Bình, là loại bình chứng đồng một tinh chất, chỉ có đơn thuần thương hàn cảm mạo, hay kiêm có chứng phục nhiệt là sai biệt nhau mà thôi. Thế thì không còn ngách nào để tranh chấp nhau giữa hai bình Thương Hàn và Ôn Bình nữa, ấy là điểm thứ nhất.

Bình tinh truyền biến ở thời kỳ sơ khởi, và thời kỳ giữa, thì hình chứng không ngoài phạm vi của ba kinh dương; thời kỳ sau chót, thì xen có chứng hậu của ba kinh âm. Bình Thương Hàn và Ôn Bình, thì không có bình nào là chẳng như thế, ấy là điểm thứ hai.

Bình Ôn, cũng là loại bình chứng thuộc về cảm mạo tinh, nhưng kiêm có chứng phục nhiệt ở trong mà thôi, như: phát hiện bình trạng của Phế Hệ, thì nhận cho là Phế Hé Ôn Bình; phát hiện bình trạng của Vị Hé, thì nhận cho là Vị Hé Ôn Bình. Căn cứ trên sự trải qua của chứng hậu mà suy luận, thì thời kỳ sơ phát, phần nhiều phát hiện bình trạng của Phế Hé; thời kỳ sơ phát, mà thất trị hoặc ngộ trị, mới phát hiện bình trạng của Vị Hé. Đây cũng là lý do gây ra tranh chấp: kẻ nói Ôn Bình thuộc Phế, người nói Ôn Bình thuộc Vị. Nhưng căn cứ trên sự diễn tiến của bệnh, cơ, thì bất quá phân biệt cho thấy sự phát hiện có trước, có sau của bệnh chứng mà thôi, ấy là điểm thứ ba.

Thầy thuốc xưa nhận cho Bình Thương Hàn là *tân cảm*, Bình Ôn Nghiệt có *phục tà*. Có người lại nghĩ: Bình Ôn có *phục tà*, mà cũng kiêm có *tân cảm*. Theo chỗ nhận xét của tôi, thì *tân cảm* hay *phục tà*, cũng đều cảm thoái khi của bốn mùa, và tất phải giới hạn trong hai loại bệnh: Thương Hàn và Ôn Bệnh, ấy là điểm thứ tư.

Đứng trên cương vị y học, chỗ chủ trương của tôi như trên, dẫu dám tự phụ là hoàn mỹ. Bởi lẽ sự học vẫn không bờ-bến, tùy theo thời đại và tuồi tác mà suy tiến, và sự phải, chăng của học thuyết, cũng tùy theo hoàn cảnh của học giả mà thay đổi. Cho là phải thì phải, cho là quấy thì quấy, cứu cánh còn chờ sự phê phán của người đời, biết công tội, bắt tội tôi, là việc không đáng kè (1).

(1) Chữ tôi trong bài này, là chỉ cho soạn giả.

LƯỢC XEM ĐẠI Ý CHU GIA ĐỐI VỚI BÌNH THỜI LỊNH

Sách Nội Kinh, Thiên Nhiệt Luận chép : các Bình Nhiệt đều thuộc loại Thương Hàn (nhiệt bệnh giải Thương Hàn chỉ loại — 热病皆属寒之類). Luận về bình tinh, mỗi dầu có phân tách Bình Thương Hàn với Bình Nhiệt ; nhưng nguồn gốc tho bình, và lý do phát bệnh, đều là một loại bình chứng thuộc về cảm mạo tinh, không mấy sai biệt, lời nói của Thầy Thuốc xưa, người sau nêu nên học hỏi theo.

Sách Nạn Kinh nói : Bình Thương Hàn có năm : Chứng Trung phong, Chứng Thấp Ôn, Bình Ôn, Bình Nhiệt các bệnh, đều bao quát trong môn Thương Hàn. Dời sau có tên Quảng Nghĩa. Thương Hàn, là bắt nguồn từ Sách Nạn Kinh.

Sách Sứ Ký biên Ông Thương Công (Thuần Da Ý) dùng Thang Hòa Tề trị Bình Nhiệt. — Ông Châu Đạm Nhiên soạn Sách Ôn Chứng Cải Quai giải rằng : Thang Hòa Tề là biệt danh của Thang Tam Hoàng. Thế thì phương pháp chữa trị Bình Ôn nên dùng thuốc mát, không nên dùng thuốc nóng ; chủ trị ở phần lý, không chủ trị ở phần biền, trước đời Ông Trương Trọng Cảnh đã có thành phác rồi.

Qua đời Ông Trương Trọng Cảnh, trước tác Sách Thương Hàn Luận, thì được khu biệt rõ ràng hơn : Phát nóng mà khát nước, không ấm lạnh, rãng : Bình Ôn. Dùng thuốc

phát hàn xong, minh nóng hơ rồng : Chứng Phong Ôn (phát nhiệt nhì khát, bắt ồ hàn giả viết Ôn Bình ; phát hàn dǐ (1), thân chướng nhiệt giả viết Phong Ôn: 一發熱而渴, 不惡寒者曰溫病, 發汗已, 身均熱者曰風溫). Chẳng những không đè cho Bệnh Thương Hán với Bình Ôn lẫn lộn nhau, mà Bình Ôn và Chứng Phong Ôn cũng cần phải phân biệt.

Ông Ca Vận Bá giải thích : Lạnh lui, mà nóng lui theo, là : triệu chứng Bệnh Thương Hán sắp khởi ; lạnh lui, mà nóng rùng rực, là : triệu chứng Bệnh Ôn xuất hiện. Như cho uống Thang Quế Chi, sau khi mồ hôi ra nhiều, bứt rút khát nước dữ dội, bình không khỏi, mạch đi Hồng Đại, tức là Bình Ôn Nhiệt tràn ngập. Nên cho uống loại Thang Bạch Hò gia Nhân Sâm (Ca Vận Bá thích vẫn : Hán khứ nhì nhiệt bãi, tức Thương Hán dục giải chứng ; hàn khứ nhì nhiệt xí, tức Ôn Bình phát hiện chứng. Như phục Quế Chi Thang, đại hàn xuất hậu, đại phiền khát bất giải, mạch Hồng Đại giả, tức thị Ôn Nhiệt xướng khuyết, nghi dung Bạch Hò gia Nhân Sâm Thang chi loại 一寒去而熱罷, 即傷寒欲解證, 寒去而熱繼, 即溫病發熱症。如服桂枝湯, 大汗出後, 大煩渴不解, 脈洪大者, 即是溫熱猖獗, 宜用白虎加人參湯之類). Đây là mở đầu cho phương pháp chữa trị Bình Ôn Nhiệt vậy.

Phương pháp chữa trị Bình Ôn của Sách Thiên Kim, phần nhiều hỗn hợp với Bình Âm Dương Độc mà lập luận.

Sách Ngoại Đài luận về Bình Ôn, phẫn nhiều kiêm luận Bình Ôn Độc. Phương pháp chữa trị chứng ôn độc

(1) Chữ PHÁT HẠN DỈ, nghi là chữ TỰ HẠN XUẤT, mà viết lầm.

phát ban, thì cho là : Bình Ban Đỏ, năm bình chết, chỉ có một bình sống ; Bình Ban Đen, mươi bình chết, chỉ có một bình sống (tích ban giả, ngũ tú nhứt sanh ; Hắc ban giả, thập tú nhứt sanh — 赤癰者五死一生，黑癰者十死一生.) thực là lời nói có kinh nghiệm rất đặc đáo.

Ông Châu Hoằng trước tác Sách *loại chứng hoại nhơn tho* nói : Ý nghĩa của hai chữ ôn nhiệt, khác nhau ở chỗ nóng nhiều hay nóng ít. (Ôn nhiệt nbj nghĩa, vi nhiệt chỉ đa thiêu nhi dị — 溫熱二義, 為熱之多少而異). Thế thi thấy rõ. Bình Ôn Nhiệt với Bình Thương Hàn không giống nhau. Cho nên nói : dùng hai phương (Ma Hoàng Thang, Quế Chi Thang) ở trong mùa Xuân, mùa Hạ, tất phải già giảm. Chứng Thấp Ôn dùng Thang Thương Truật Bạch Hồ là phép Thanh Nhiệt Táo Tháp, lúc nào cũng trọng dụng. Duy được phẩm bén trong không nên cầu chép.

Ông Lưu Hà Gian luận về Chứng Biểu Nhiệt, và Lý Nhiệt, thì chọn dùng Thang Lương Cách, Tân Thiên Thủ, Thang Song Giải, Tân Phòng Phong Thông Thành, các phương cho là hiệu nghiệm đặc đáo. Các danh gia đời sau, chuyên trị về Bình Ôn phần nhiều bảo thủ theo lời di giáo của Ông. Ông nêu hai chữ Thương Hàn lên bia sách, là tuân theo lời cõ chí vậy. Nhưng rất tiếc, các phép Sơ Tả Hỏa Nhiệt, không co giãn đúng theo chỗ biến hóa của bệnh tinh.

Ông Trương Tử Hòa là người theo Đạo Nho, thờ cha mẹ chí hiếu, biện về phương pháp chữa trị Bình Ôn : Bình nhơn ra mát, thì cho thuốc mát, dùng thuốc tân lương hòa giải ; bình nhơn ra ấm, thì cho thuốc ấm, dùng

thuốc tân ôn hòa giải. (bình nhơn hỷ lương tắc tòng kỵ lương, dung tân lương giải chi; bý ôn tắc tòng kỵ ôn, dung tân ôn giải chi — 痘人喜涼則從其涼，用辛涼解之；喜溫則從其溫，用辛溫解之). Ông Vương tử Hòa suy trọng phương pháp *Tân Lương Thanh Giải* của Ông Lưu Hà Gian cho là rất thích dụng. Thấy rõ cách trị Bình Ôn, không giống trị Bình Thương Hán.

Ông Lý Đông Viên nói: Nguyên nhân sanh ra Bình Ôn, là do lao lực phí sức trong chốn buồng kin; với người lao động cực khổ, phần tấu lý bị hở hang, khí Thiếu âm không bể tàng, Thận thủy khô kiệt mà đặc bệnh (Lý Đông Viên Vị: Ôn bệnh phát sanh, cái nhân phòng thất lao thương, dùn tần khò chí nhơn, tấu lý khai tiết, thiếu âm bất tang, thận thủy khô kiệt nhì đặc chí 李東垣謂溫病發生，蓋因房室勞傷，與辛苦之人腠理開泄，少不藏，腎水涸竭而得之。) Thế thì, được biết: bên trong thì do thè chất âm hư, bên ngoài thì phần tấu lý hở hang mà bị cảm mạo, do sự hỗn hợp của hai loại bệnh chứng này, mà phát ra Ôn Bệnh. Lời luận này, với chỗ thấy của y gia hiện tại, có nhiều chỗ phù hợp.

Ông Vương An Đạo trong tập Tố Hồi nói: Bình Ôn không được lẫn lộn với Bình Thương Hán, là vì có phục nhiệt ở trong. Mặc dầu bên ngoài thấy biếu chứng, mà bên trong lý chứng khá nhiều, cần phải chữa trị lý nhiệt làm chủ, tá lấy thuốc thanh lương phần biếu. Cũng có, nóng ở phần lý được mát, thì phần biếu tự mát theo. (Vương An Đạo ư Tố Hồi Tập Trung vị: Ôn bệnh bắt đặc hồn xung Thương Hán, nhơn phục nhiệt tại nội, tuy kiến biếu chứng, duy dĩ lý chứng vi đa, dương trị lý vi chủ, tá dĩ thanh

THỜI LINH BÌNH HỌC

biểu chi pháp. Diệc hữu lý nhiệt thanh, nhì biểu tự giải
giả 一王安道於消酒集中，謂溫病不得混稱
傷寒，因伏熱在內，雖見表證，惟以裏證為
多，當治裏熱為主，佐以清表之法，亦有
裏熱清而表自解者。

Bài này Luận về bệnh tinh Phục Ôn, rất xác đáng
và rõ ràng.

**

Nhà Minh Ông Lý Định (1) trước tác Sách Y Học Nhập Môn nói: Bệnh Ôn Nhiệt không ớn lạnh, thì dân phải bình từ ngoài đến, khát nước là trạng chứng nóng từ phần lý thông ra phần biểu, vì cơ nóng uất ở tần lý, tần dịch không được bài tiết ra ngoài. Cứu cánh là bình ở phần lý nhiều, phần biểu ít, cần trị bệnh nóng ở trong làm chủ yếu, mà thuốc giải cơ là thứ yếu. (Minh Lý Định Y Học Nhập Môn Vị: Ôn nhiệt bất ớn hàn, tắc bình phi ngoại lai, khát tắc tự lý đạt biểu, nhiệt uất tần lý, bất đắc ngoại tiết chí cơ, chung thị lý da biểu thiều, dương trị lý nhiệt vi chủ, nhì giải cơ thứ chí 一明李挺醫學入門謂：溫熱不惡寒，則病非外來，渴則自裏達來，熱熱勝理，不得外泄之故，終是裏多表少，當治裏熱為主，而解肌次之。)

Bài này tựa hồ chuyên chỉ về bệnh phục nhiệt ở trọng mà Bình Tân Cảm thì không hề đề cập tới.

(1) nguyên văn viết Lý Định (李挺) Trung Quốc Y Học Đại Từ
Điện thi viết Lý Xiêm 李挺 nên cũng biên ra đây cho tiện việc
khảo cứu.

Ông Trương Cảnh Nhạc nói : nguyên nhân sanh ra Bình Ôn và Bình Thủ, là do chất độc lạnh lèo (hàn độc) của mùa Đông trốn nấp trong người. Cho nên đến mùa Xuân thì phát sanh Bình Ôn, mùa Hạ thì phát sanh Bình Thủ. Lại nói : hai bệnh này, tuy không giống như Chứng Thương Hán, song cũng nhọn theo thời mà đặt tên (Xuân Ôn Hạ Thủ), không phải mỗi bệnh lúc sơ khởi đều phát nóng vội. (Trương Cảnh Nhạc vị : Ôn Bình, Thủ Bình chỉ tác, bỗn do Đông thời hàn độc nội tàng. Cố chí Xuân phát vì Ôn Bình, chí Hạ phát vì Thủ Bình. Hựu văn : Tuy dữ hàn chứng bắt đồng, nhiên diệc nhân thời nhi danh, phi vị khởi bệnh tất giai nhiệt giã. (張景岳謂：溫病著病之作，本由冬時寒毒內藏，故至春發為溫病，至夏發為暑病。故云，雖與寒證不同，然亦因時而名，非謂起病必皆溫也。)

..

Cứ theo Bài Lệ Thương Hán của Ông Vương Thúc Hòa nói : Mùa Xuân cảm thọ khí hàn, đến Mùa Xuân biến sanh Bình Ôn, đến Mùa Hạ biến sanh Bình Thủ, biết chắc rằng, hai bệnh này không giống với chứng Thương Hán. (Y cứ Vương Thúc Hòa Thương Hán Lệ, vị : Đông thời thọ hàn, chí Xuân biến vi Ôn Bình, chí Hạ biến vi Thủ Bình, ký tri dữ hàn chứng bắt đồng — (伊據王叔和傷寒例，謂冬時受寒，至春發為溫病，至夏變為暑病，既知與寒證不同) Ông lại nói : Lúc bệnh sơ khởi, vị tất bệnh nào cũng phát nóng. (Hựu văn : Khởi bệnh vị tất giai nhiệt — 又云：起病未必皆熱。)

Những người ngờ ngår trước ngã rẽ, có thè nhận thấy rõ ràng : Chỗ nhận thức của các Y gia đời trước,

đối với Chứng Thương Hán Ôn Bình vẫn tương đương nhau. Ông Cảnh Nhạc như trên chô sao lùi mà suy trắc, rồi vọng ngòn theo, cũng là một nhà nghiên cứu Y Học, mà chẳng cần dèm xia trên sự thực:

..

Sách Thương Hán Điều Biện của phái Phương Trung Hành, luận về Bình Ôn Nhiệt, thì phân biệt Âm, Dương: phương pháp chữa trị, thi kiêm cả lạnh nóng, là bắt chước theo Ông Dụ Gia-Ngôn, Cho nên ở sau Thiên Thương Luận, trong bài Ôn Bình Hội-Giảng lấy câu: Mùa Đông cảm thương khí hàn, mùa Xuân tất phát Bình Ôn (Đông thương ư hàn, xuân tất ôn bình — 冬感寒氣，春必溫病) làm một lệ. Lấy câu: Mùa Đông chẳng bể tàng tinh khí, mùa Xuân tất phát Ông Ôn (Đông bất tàng tinh, xuân tất Ôn Bình — 冬不藏精，春必溫病) làm một lệ. Và lấy câu: Mùa Đông cảm thương khí hàn, lại chẳng bể tàng tinh khí, đến mùa Xuân tất phát Ông Ôn (Đông thương ư hàn, hựu bất tàng tinh, chí Xuân phát vì Ông Bình — 冬傷寒氣，又不藏精，至春發為溫病。) lại làm một lệ. Lối hành văn mang nặng tính chất tập quán, trên phương pháp trị liệu, và bình tiab diễn biến, nói qua rất sơ lược. Duy chủ trọng ở điểm: Mùa Đông chẳng bể tàng tinh khí, khí chân âm bị vì nhiệt tà sắc nấu khô cạn. Ông theo gốc Tư Âm Liệu Pháp của Ông Diệp Thiên Sĩ vậy.

Ông Trương Lô Ngọc nói: Bình Thương Hán từ phần khí truyền vào phổi huyết, bình Ôn Nhiệt từ phần huyết phát ra phần khí. (Trương Lô Ngọc thí, vi: Thương Hán tự khí

phản truyền nhập huyết phản, Ôn nhiệt tự huyết phản phát xuất khí phản — 張路玉氏謂：傷寒自氣分傳入血分，溫熱自血分發出氣分). Đồng thời Ông nói rõ thêm: Chứng Phục Tà từ trong thông ra ngoài, rất kỵ dùng thuốc mùi cay tính ấm và phát tán. (Phục tà tự nội đạt ngoại, tối kỵ tan ôn phát tán — 伏邪自內達外，最忌辛溫最發散). Thực là lời luận chữa trị chứng Phục Ôn rất chí lý.

**

Ông Châu Dương Tuấn, nêu rõ Thang Hoàng Cầm, cho là phương thuốc chủ trị về Bình ôn sơ phát, thời kỳ trung phát cũng có thể dùng được. Cho nên nói: Khi lạnh ẩn nấp ở trong, uất ngọt lâu, ngày sanh nóng. (Châu Dương Tuấn thi, biểu chương Hoàng Cầm Thang, vị vi trị ôn sơ phát chủ phương, trung kỳ diệc hữu khả dụng giải. Sở Văn: Hán phục ư nội, uất cữu hóa nhiệt — 周揚俊氏表彰黃芩湯，謂為治溫初發主方中期亦有可用者，所云：寒伏於內，費久化熱). Ông luận Tè bình tinh chứng Phục Ôn, cũng chưa phải là tuyệt đối.

Ông Liêu Bửu Di trong bài Ôn Nhiệt Phùng Nguyên nói: Hình chứng sáu kinh, thì Bịnh Tương Hán không sai biệt với Bịnh Ôn. (Liêu Bửu Di thi, ư Ôn Nhiệt Phùng Nguyên trung, vị: Lục Kinh hình chứng, Tương hàn dữ ôn bịnh bất tbù — 柳寶鈞氏，於溫熱逢源中，謂：六經形證，傷寒與溫病不殊). lời nói này, đúng với chỗ thấy Đạo. — Ông lại nói: Có loại Bịnh Ôn cảm mạo theo thời tiết, có loại Bịnh Ôn ẩn nấp trong phản khí phát việt ra ngoài. (Hữu tùy thời cảm mạo chi Ôn tà, hữu

phục khí ngoại phát chi Ôn tà 一有風時感受之濕邪，
有伏氣外發之溫邪). Phân biệt Chứng Tân Cảm và Bình
Phục Tà, có nhiều chỗ rất tinh đáo.— Bình phàn về bài
Ôn Dịch Luận thì nói: Theo ông Ngô Hựu Khả sắp đặt
phương pháp trị liệu: Trị bình ở phần biếu, thì phần
nhiều dùng thuốc nóng ráo, khó khăn âm huyết với Bình
Ôn Nhiệt phục ở phần khí, là bình từ trước đã làm
thương tổn âm huyết, mà dùng thuốc ôn táo như thế,
thì không thích hợp lắm. Còn luận về phép trị lý chứng,
thì đều phù hợp với Bình Phục Ôn, phần nào nên nêu học
hỏi theo (Hựu Khả Sở liệt trị pháp, biếu chứng đa dùng
ôн táo cướp âm chi tè, dù phục khí ôn nhiệt, tiền thương
âm phần chi bình, bất thậm tương nghi. Sở luận lý chứng
trị pháp, đó dù phục ôn tương hợp, khả dĩ thủ pháp
bất thiều vân vân 一又可所列治法, 表症多用溫燥切
陰之劑, 與伏氣溫熱先傷陽分之病, 不甚相宜。所論
裏症治法, 都與伏溫相合可以取法不少云云).

Nhưng lời luận của ông Ngô Hựu Khả, phần nhiều
căn cứ trên chỗ kinh nghiệm mà lập ngôn, những bệnh
chứng thạnh hành ở thời ấy, có một loại bệnh mà
chứng hậu giống hệt như Chứng Phục Ôn. Ông Liễn chuyên
chuyên luận về Bình Phục Ôn, cho nên xem nhất thiết
lời luận về Bình Ôn Dịch của Ông Ngô, đều là Phục
Ôn. Đó là vì duyên có chủ quan bắt đồng vậy.

Ông Lực Cửu Chi nói: Ô Kinh Thái Dương là Bình
Thương Hán, ô Kinh Dương Minh là Bình Ôn Nhiệt, tự
xưng chỗ biết của Ông như thế là đọc đặc chán truyền.
Nhơn vì bệnh ở Kinh Dương Minh với Bình Ôn, cũng
đều là thân thể nóng rực, tự ra mồ hôi, không ôn lạnh,

lòng bức rút, khát nước, hình chứng giống hệt nhau. Song đề cương của Bình ở Kinh Dương Minh, thì chú trọng trên ba chữ : nhà Phù Vị Thực (vị giá thực — 位 実), nên dùng thuốc thông lợi đại tiện chủ trị.

Còn phương pháp chữa trị Bình Ôn, thì chú trọng dùng thuốc : tân lương giải biếu, và thanh thầu chứng Phục Nhiệt ở trong ; Chỉ ứ phương pháp thông lợi đại tiện, thì không thể dùng bùa bãi. Thế thì lấy danh nghĩa của Bình Ôn, khả dĩ khái quát bệnh chứng ở Kinh Dương Minh ; câu chấp chứng hậu của bình ở Kinh Dương Minh, không thể cai quát được Bình Ôn.

Ông Trọng Cảnh nói : Bình ở Kinh Thái Dương, phát nóng mà khát nước, chẳng ớn lạnh, là Bình Ôn. (Trọng Cảnh văn : Thái Dương Bình phát nhiệt nhi khát, bất ờ hèn giặc, vi ôn bệnh — 仲景云：太陽病發熱而渴不惡寒者，為溫病。) Thế thì Thiên Thái Dương cũng có Bình Ôn, không thể nói : Bình Ôn chỉ thuộc Kinh Dương Minh mà thôi vậy. Vả lại, phục tà từ trong bỗn tán ra ngoài, thì tán kinh, bất cứ kinh nào, cũng có thể phát sinh Bình Ôn được, sao lại hạn định có một Kinh Dương Minh.

PHỤ THÊM LỜI PHÊ BÌNH: MÔN PHÁI ÔNG DIỆP THIÊN SĨ ĐÀM LUẬN BÌNH ÔN

Đời gần đây, luận về Bình Ôn Nhiệt, phần đông y Gia nhìn nhận phương pháp *Khinh Thanh Tuyên Đạt* do Ông Diệp Thiên Sĩ xướng luận, là có công phát minh rất lớn. Đối với lập phương, mặc dùn có nhiều phương đáng được chọn dùng; nhưng đối với lập luận sai lầm, thi lẽ nào lại hủy kỵ mà không dám nói thẳng, Bài này nói lên đại ý lập luận về Bình Lý Ôn Nhiệt của bốn y gia:

Ông Diệp Thiên Sĩ

Ông Ngô Cúc Thông

Ông Vương Mạnh Anh

Ông Lời Thiếu Vật, và phân biệt bài nào của ông nào, đồng thời kèm theo những lời bình án, mong giúp kẻ hậu học phần nào đối với vấn đề nghiên cứu Bình Ôn Nhiệt.

Chủ trương của Ông Diệp Thiên Sĩ, luận về Bình Ôn Nhiệt, thấy ở Thiên Ôn Nhiệt Luận và Sách Lâm Sàng Chi Nam Y Án, cho là: Bình Ôn với Bình Thương Hán riêng đường khác ngõ. Người tin theo thì tôn Ông là nhà phát minh quật khởi ở Đời Thanh; người hủy báng thì cho Ông là ly kinh phản đạo.

Ông Diệp nói Bình Ôn & Phù Tam Tiêu, với Bình Thương

Hàn ở sáu kinh, không giống nhau. (Ôn Bệnh tại tam tiêu, dù Thương Hàn chỉ tại lục kinh bất đồng — 温病在三焦，與傷寒之在六經不同). Tôi đã chứng minh sự sai lầm này (thấy ở Thiên Thời Linh Bệnh, thiên đầu, chương hai).

Chỗ rất dễ bị miệng người công kích hơn hết là câu: Bệnh độc Ôn Nhiệt cảm tho ở phần thương tiêu, trước nhất xâm phạm vào phổi. (Ôn tà thương tho, thủ tiên phạm phế — 温邪上受, 首先在肺). Đoạn này, tôi đã giải thích gọn lại trong các Thang Ma Hoàng, Ma Hoàng Nhị Việt Tỳ Nhứt, và Thang Ma Hạnh Cam Thạch. (thấy ở Thiên Thời Linh Bệnh, thiên đầu, chương hai.)

Chi u vấn đề: Nghịch truyền Tâm bào, thực là phύce tạp. Nếu bệnh chứng tâm thường, trong đôi ba ngày thì khỏi, thì tuyệt nhiên không bao giờ có việc *Bệnh Độc Truyền Vào Tâm Bảo Lạc* (nghịch truyền tâm bào — 逆傳心胞) biến chứng nghiêm trọng. Giả như có biến chứng nghiêm trọng thế ấy, không phải tại nhận chứng chẳng rõ ràng, thì cũng do dùng thuốc sai lầm gây ra. Nay đem chứng hậu biến hóa như thế nào gọi là: Bệnh độc Truyền vào Tâm Bảo giải thích như sau:

Cứ theo nhà Sinh Lý Học nói: Tâm bào là màng mỏ hở tâm, bao bọc bên ngoài tạng tâm, sở dĩ đề bảo vệ Tạng Tâm khỏi bị ma sát. Trong lúc Chứng phát nóng quá cao, thì trong lòng phát sanh nóng này bức rứt. Đó chính là màng mỏ hở tâm, bị nhiệt tà nung nấu, mà có thể biến chứng phát viêm (Tức là loại bệnh chứng mà Sách Thương Hàn Luận dùng Thang Chi Tử Si) thì mới phù hợp với bệnh danh gọi là: Tả nhập tâm bào.

Chi ứ chứng hậu, tinh thần hỗn loạn, nói xàm ; tra cứu trên thực tế, thì do nhiệt tà xông đốt lên bộ óc, khiến cho thần kinh trí giác bị chướng ngại (nên dùng Hoàn Ngưu Hoàng, Đơn Tử Tuyết).

— Cũng có do trường vị bị ngăn nghẹt, nhiệt độc phản xạ lên óc, biến chứng mê sảng nói xàm. (Ông Lục Cửu Chi dùng Thang Tiều Thủa Khí chủ trị).

— Cũng có trường hợp bị trung độc, độc tố kích thích lên bộ óc, mà biến chứng mê man nói xàm (nên dùng phương pháp xung hòa độc tố).

— Cũng có do nhiệt tà nhen nhúm ở bên trong, khiến cho huyết dịch ngừng kết, mà biến chứng cuồng loạn nói xàm (xưa gọi là chứng *Nhiệt nhập huyết thất*, nên dùng phép hưng huyết, hoạt huyết).

Mỗi chứng hậu, có mỗi phép trị sai biệt nhau. Thế mà Ông Diệp chỉ dùng có Hoàn Ngưu Hoàng, và Đơn Tử Tuyết chữa trị cho tất cả ; đặt lên cho bình dã chẳng xác đáng, mà nhận chứng cũng khá hàm hồ, là một sự sai.

Dùng thuốc phát hàn quá ư nhút nhát, dầu gắt phải chứng rất cần dùng thuốc phát hàn, phần nhiều lại dùng thuốc nhẹ nhàng tắc trách, khiến cho bệnh thế ngày càng vào sâu, sức khỏe ngày càng suy nhược, là hai sự sai.

Dùng thuốc thông hạch không đủ sức, gắt chứng đau dùng thuốc hạch, tất phải thông hạch. Dầu bình nhân thè chất hư nhược, cũng có thè dùng Nhân Sâm chung với thuốc hạch, xen thuốc cường tâm ích khí vào trong, thì sau khi

uống thuốc hạ, mà sức ấm áp của tạng Tâm, và hơi tạng Phổi không bị suy nhược, mới là thiện pháp. Ông Diệp không biết đến kế này, cứu cánh chỉ dùng Huyền Sâm, Sanh Địa, Hải Sâm... tạp loạn vào trong thuốc thông hạ, gọi là tư dưỡng chân âm, mà sự thực làm cho chướng ngại bộ tiêu hóa, là ba sự sai.

Dùng thuốc tư âm quá sớm. Bình Ôn, là loại bệnh có phuc nhiệt ở trong, chất tan dịch cổ nhiên bị hao hụt. Thế mà trước tiên không nghĩ đến *Thanh nhiệt*, lại vội dùng phương pháp *Tư âm*, thực là hết sức vô ích, là bốn sự sai. Những nhà chữa trị Bình Ôn sau sau này, khảo chứng qua lời biện thuyết của tôi, không đến đỗi lại phải sa lầy theo dấu xe của tiền nhân.

Phụ án: Đời gần đây, người thi nói: lời lập luận của ông Diệp Thiên Sĩ, xác nhận *Tạng phổi liên hệ với bệnh ôn* (Phế hệ ôn bệnh — 肺系溫病) là phải. Kẻ lại cho lời lập luận của ông Lục Cửu Chi nói: *Phủ vị liên với bệnh ôn* (Vị hệ ôn bệnh — 胃系溫病) là đúng. Nhưng thiết nghĩ, không phải như thế.

Ông Diệp thi ăn cắp phép trị Bình Ôn ở Thiên Thái Dương, dối dá nói là: phổi liên hệ với Bình Ôn; muốn được người đời xem lời luận về bệnh Ôn Nhiệt của ông, ngang chém với lời luận về bệnh Thương Hầu của Ông Trọng Cảnh.

Ông Lục thi cố chấp phép trị bệnh Ôn ở Kinh Dương Minh, rồi muốn đã đào tất cả, để dựng lên thuyết của mình. Sự thực hai ông đều bị bắn ngã che lấp. Cho nên những người trung độc của Ông Diệp, thì ngộ nhận bệnh

Ôn ở Tam Tiêu, với bệnh Thương Hàn truyền biến sáu kinh không giống nhau. Trúng độc của ông Lục, thì ngộ nhận, chỉ có Kinh Dương Minh mới có Bệnh Ôn, các kinh khác đều không Bệnh Ôn. Thuyết của Ông Diệp vẫn sai, mà thuyết của Ông Lục vị tất là phải.

Sách Ôn Bệnh Điều Biện của Ông Ngô Cúc Thông, trộm theo ý Sách Lâm Chứng Chỉ Nam Y Áu của Ông Diệp, rán gượng phân tách giữa Tam Tiêu và sáu kinh, là một sự sai. (thấy Thiên Thời Lịch Bình, thiên đầu, chương hai).

Nói bệnh Cảm Mạo lúc sơ khởi, bắt cứ bệnh nào khởi thủy đều do Phủ Thương Tiêu Kinh Thủ Thái Âm, là sự sai. (thấy Thiên Thời Lịch Bình, thiên đầu, chương hai).

Mở một chương đầu nói: Bệnh Ôn bao quát chín loại bệnh không giống nhau, cần định đều ở Thương Tiêu; rồi lập một phép để thống trị tất cả, không khỏi thảo suất, là ba sự lầm.

Sách Thương Hàn Luận của Ông Trọng Cảnh có nói: Uống Thang Quế Chi, sau khi ra mồ hôi, bệnh nhơn cả bớt rút mà lại khát nước, nhưng bệnh không khỏi, mạch đi Hồng Đại, thì cho uống Thang Bạch Hò gia Nhơn Sâm chủ trị. (Trong Cảnh Thương Hàn Luận hữu văn: Phục Quế Chi Thang, đại hàn xuất hàn, đại phiền khát bất giải, mạch Hồng Đại giả, Bạch Hò gia Nhơn Sâm thang chủ chi.—仲景傷寒論有云：服桂枝湯，大汗出後，大煩渴不解，脉洪大者，白虎加人參湯主之。).

— Ở vào đời Hán, phương pháp trị bệnh chưa được đầy đủ, ngộ nhận bệnh Ôn ra bệnh Thương Hàn, sau khi

cho nồng Thang Quέ Chi, chẳng những bình không thuyền giảm, mà lại khát nước phát nóng, tiếp theo cho nồng Thang Bạch Hò để chữa nóng. Ông Ngō là người Đời Thanh, phương pháp chữa trị bệnh ôn đại khái đã hoàn bị. Nhưng ông lại giảm lên con đường ngoa mậu của mấy ngàn năm về trước, mà cho là khuôn vàng thước ngọc, là bốn sự lầm.

Ông Ngō Các Thông tự đặc, cho là đã nhảy thoát ra ngoài vòng lòn quần của Sách Thương Hàn Luận, mà vừa mở một phương pháp đầu, thì lại chui vào vòng lòn quần của Sách Thương Hàn Luận, thật là hết sức quái dị.— Ông dùng Thang Tang Diệp Ngân Kiều chữa trị Bình Ôn lúc sơ khởi, thì sức thuốc quá nhẹ, tiếp theo dùng Thang Bạch Hò, thì sức thuốc quá nặng, bắt cập với thời quá đều không thích nghi. Ông Ngō thúc thủ vô sách trước Bình Ôn, không dùng thuốc qua loa tắc trách, thì lại đâm ra bừa bãi. Trong Sách Thương Hàn Luận, có nhiều phương trị Bình Ôn-Nhiệt rất hay như: Thang Ma hành thạch cam, Thang cát cẩn hoàng cầm... mà ông Ngō không biết chọn dùng, là năm sự sai.

Chuyên trị Bình Tân Cảm, chỉ biết Bình Thủ Thấp có Phục Tà, mà cho Bình Ôn Nhiệt không có Phục tà, thực cũng là việc hết sức lạ. Với các bình khác như: Bình Hán Thấp, Tạp Bình, và Bình Truyền Nhiễm.. Ông nhập chung với Bình Ôn Nhiệt mà luận trị, đó là do cái tệ nhện xét bình tinh không được rõ ràng mà ra.

Ông Vương Mạnh Anh trước tác Sách Ôn nhiệt kinh vỹ. Ông là người thiên tư tài chất rất cao, nhưng lúc biên soạn sách này, quá ư thủ xảo, mà cũng chẳng dám

dám đương lấy trách nhiệm; so sánh với Ông Ngô Cúc Thông, chuyên thay thế cho người khác gánh vác trách nhiệm, khác nhau một trời một vực. Trong sách ông toàn là lạm thu học thức của chư gia, chẳng có mảy may nào do ông sáng kiến, không phải ngắn ngắt trước ngã rẽ, thì trong lòng cũng không chủ tề. Luận về Phục tà, ông lại nói là Phục ôn, song cũng không phải chỗ lập luận tuyệt đối. Nếu ôn là có thể tiềm phục, thì phong tà, hán tà, thủ tà, thấp tà cũng có thể tiềm phục được. Kẻ đọc nên quan sát trên thực tế, sẽ nhận thấy rõ ràng.

Ông Lôi Thiếu Dật trước tác Sách Thời Bình Luận, lấy tóm câu của Thiên Âm Dương Ứng Tương Đại Luận làm Cương, tập hợp sáu khi của bốn mùa làm Mục. Sách này có ba ưu điểm:

1. Không có chấp thành kiến của Sáu kinh và Tam tiêu.

2. Phương pháp tuy khinh siền mà phần nhiều thích dụng.

3. Phụ biến các thành phương và y án kinh nghiệm, cũng có những phương đáng thử, rất tiện cho kẻ sơ học. So sánh với Sách Ôn Bình Điều Biện, và sách Ôn Nhiệt Kinh Vỹ, khá hơn rất nhiều. Nhưng có bốn khuyết điểm như sau:

Những bệnh chứng thuộc về cảm mạo tinh, cần phải khu biệt thể nào là Tân Cảm, thể nào là Phục Tà. Ông Lôi thi nói cách lỏn xộn, không phân biệt rành rẽ; chẩn đoán chứng hậu, cũng rất giản lược, là một sự sai.

Phương dược thi, mặc dù dùng cả cò phương, và thời-phương; nhưng chỉ riêng lập *Pháp danh*, mà không biên *Phương danh*, khiến trên ký ức người đọc, không khỏi phát sanh bối rối, là ba sự sai.

Bình Thời Linh, Bình Truyền Nhiêm, và Bình Nội Thương Tạp Bình, cần phải phân biệt rành rẽ, mà Ông Lời thi lấy tám câu trong sách Nội Kinh làm đề cương, khiến cho thê lệ trộn nén hỗn loạn, không tránh khỏi cái tệ cỗ chấp kinh chỉ, là ba sự sai.

Vì quá tin theo xưa, đại phàm những Bình Ôn ở trong ngày Mùa Xuân, thì xác nhận là do khí han của Mùa Đông tiềm-phục gây ra. Bình Tiết Tả, và Lợi Tết, thì cho là do khí phong hình thành. Bình Ho Hen thì nói do Thấp tà tiềm phục mà phát tác. Những phương pháp chữa trị chứng Cảm Mạo do thời tiết lạnh lẽo của Mùa Đông gây ra rất ít, lại còn khuyên người thân chủ theo cò phương của Sách Thương Hàn Luận, là bốn sự sai. Lấy cặp mắt nghiên cứu y học của hiện đại mà quan sát, thì thấy lý luận với phương pháp, vẫn bổ sung cho nhau rất thiết-yết.

Trên đây, đại khái những lời lập luận về Bình Thương Hán Ôn Bình của chư gia. Sách này nương theo sự chỉ dẫn của người trước, nhưng không cầu nệ theo người trước, những gì đáng cải tiến, cần phải cải tiến. Tham bắc sự học vấn, tập trung chỗ kinh nghiệm, trước nhất biên soạn Sách Thời Linh Bình Học, chỉnh lý sự bối rối của các y gia từ đời này sang đời khác, đối với Bình Thương Hán Ôn Bình.

Tiếp theo biên soạn Sách *Tinh Truyền Nhiễm Bình Học*,
đề chữa trị các loại bệnh chứng thuộc về *Cấp Tinh Truyền*
Nhiễm. Nhưng chân lý của học thuyết, càng nghiên cứu
càng tinh tường, chỗ thấy trong một ống, không sao phi
chỉ hãi lòng, chỉ biết hết lòng mình, hết sức mình mà
thôi. Mong được quý chuyên gia, về *Thương Hán Ôn Bình*,
sẵn lòng chỉ giáo, thì vinh hạnh xiết bao.

ĐỒNG Y THỜI LỊNH BÌNH HỌC
THỜI THỊ Y THU TÙNG SAN

ĐỊNH LUẬN BÌNH CHỨNG BỐN MÙA
XÁC NHẬN PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU

THỜI DẬT NHÂN
bản trắc

Đồng Y Sĩ NGUYỄN ĐỒNG DR
phiên dịch

TBIÊN ĐẦU

Tổng luận Bình Thời Lịnh

CHƯƠNG THỨ NHÚT

NGUYÊN NHÂN BÌNH THỜI LỊNH

Bình Thời Lịnh, là tên chung của bình chứng Bốn Mùa Cảm Mạo, chủng loại bình chứng thi phân tách : *Bình Xuân Ôn, Bình Phong Ôn, Bình Nhiệt, Bình Thủ, Bình Phục Thủ, Bình Thấp Ôn, Bình Thu Táo, Bình Đông Ôn, Bình Thương Hán*, tất cả chia loại, mà nguyên nhân thọ bình rất là phức tạp. Nay đem chỗ oghien cứu tim hiểu, đại khái giải thích như sau :

I) PHONG.— Phong, tức là gió, bản thể của tinh gió, là do hai khí nóng với lạnh cộc đằng nhau mà hình thành, tùy theo thời tiết mà thay đổi :

Gió Mùa Xuân thì ôn hòa.

Gió Mùa Hạ thì nóng nực,

Gió Mùa Thu thì Túc Sát (hình dung mùa Thu cỏ cây khô rụng, khí tượng tiêu điều)

Gió Mùa Đông thì lạnh gắt. Bốn thứ gió kích thích ở phần bì phu, cảm thương mà sanh bệnh.— Nhân vì khí hậu lạnh nóng của thời lịch bất đồng, cho nên tính chất của mỗi bệnh chứng đều sai biệt nhau, trên sự cò động của bản thể.

Các đầu mõi thần kinh bị kích thích, khiến cho huyết quản loi giãn, lỗ chân lồng trắng hở, ra mồ hôi, mạch đì Hoắn, sợ gió. Bất luận chứng Phong Ôn, Phong Thủ, Phong Hàn, Phong Táo các chứng, hễ thấy có hiện chứng như thế, đều có thể biết được là Chứng Thương Phong. Đó là chứng phong do ngoại nhân, còn chứng phong do nội nhân là :

Biến thái của bệnh chứng thần kinh, thần kinh quá ứ hung phấn, thì biến chứng Kinh Loan (經勞) như loại Kinh Phong, Phong Điện; Thần Kinh quá ứ trầm trệ, thì biến chứng Ma Tý hoặc bại xui, như loại Trùng Phong, Phong Thấp các chứng.

2) HÀN.— Hán là : do tác dụng không khí quá sức lạnh lẽo áp bức gây ra. Mặc dầu bốn mùa đều có khí lạnh phi thường, nhưng duy có Mùa Đông thì lạnh lẽo quá sức, mà sanh ra bệnh vậy. Khi lạnh khiến cho hào mao trong thân thể con người dựng ngược, phần cơ phu khàn trương, lỗ chân lồng đóng kín, ớn lạnh, phát nóng mà không ra mồ hôi. Đây là chứng Hán ngoại nhân, còn chứng Hán nội nhân là :

Hiện tượng của chứng Bần Huyết. Vì thần kinh bị trầm trệ, máu ở trong ống mạch trôi thông chậm

chap, các huyết quản nhỏ nhất khắp trong thân thể, bị thiếu máu, mà biến chứng ôn lạnh, tục gọi là Bình Han Chiến.— Chứng Bần Huyết ở cuộc bộ cũng gọi là Han, như: Bình Tỵ Han, Vị Han...

3) Thủ.— Thủ là tác dụng phản xạ của bóng mặt trời, trong tiết, tháng sâu, tháng bảy, đường quỹ đạo của quỹ đạo cầu vân hành, ly cách Nhứt cầu gần hơn các tháng khác, ánh nắng rơi trên mặt đất với một ánh độ rất cao, khí hậu nóng bức, cho nên Bình Thủ ôn thương phát sinh.

Chứng hậu của Bình Thủ: Mạch đi Hu, minh nóng, lồng phiền táo, mặt đỏ, khát nước, tự ra mồ hôi, do là do ánh nắng của mặt trời phản xạ trực tiếp vào thân thể, mà phát sinh chứng Cấp Tinh Não Xuất Huyết: đầu xâk xâm, mặt đỏ, minh nóng, tay chân lạnh tối tăm mặt may té nhào, bất tỉnh nhân sự. (Thầy thuốc Đông gọi là: Bình Trung Thủ, Thầy Thuốc Tây gọi là: Bình Nhứt Xạ).

Nhau vì cảm tho khí hậu viêm nhiệt, ôn độc trong thân thể con người đã cao, mà khi nóng ngoài trời cũng cao, bình thể nhiệt cực, tạng tâm phát khởi cương trực tinh eo gấp, minh mây nóng bức, sờ muốn phỏng tay, hơi thở gấp rút, con người (đồng tử 子) teo nhỏ, lồng phiền táo, khát nước. (Tây Y gọi là Chứng Trung Nhiệt, ngày mùa Hạ hành quản rất dễ mắc bệnh này.) Đây là nguyên nhân những bệnh thuộc về nhiệt khi lưu hành trong mùa Hạ rất thịnh hành.

4) Thấp.— Thấp là tác dụng của nước chưng hơi. Do ánh nắng mặt trời chưng hấp, mà khí uế trước trên mặt đất bốc lên, xưa gọi là: chất độc âm trước (âm trước

chi tà 險 濁 之 部). Lúc mùa hạ nắng gắt, chính là lúc Thấp tà thanh hành, mùa mưa trời ẩm ướt, cũng có nhiều khi Thấp, trong không khí nước chung hơi quá nhiều. Nhà cửa ở nhầm chỗ ẩm ướt không sạch sẽ (oi trũng thấp thối, mé bìa triền sòng), chịu ảnh hưởng của nước chung ở bên ngoài quá nặng, khiến cho tác dụng bài tiết nước chung hơi ở trong thân thể con người bị chướng ngại, sanh Bịh Thấp.

Cường nội thấp phát sanh, thì lấy Bộ Máy Tiêu Hóa làm chủ thể, xưa nói tang Tỳ thuộc thấp thò (cò xung tỳ vì thấp thò — 脐 為 濁 土) Tang Tỳ Bình, không tiêu hóa thì chất nước với vật thực bị định trệ; không hấp thu, thì tinh hoa với cặn bã không phân biệt, xưa gọi là ty giám (cò xung ty giám (1) — 古 稱 単 蓋). Không bài tiết, thì cặn bã chất chứa, xưa gọi là đòn phu (cò xung đòn phu (2) — 古 稱 敦 牯). Không phân phổi, thì nước tan dịch ngưng trệ, (như bình Cam của trẻ em).

Nguyên nhân cảm tho Thấp tà, rất phiền toái và tạp nhạt, còn chứng hậu phát hiện ra ngoài thi: bộ đầu mồm miệng như bị che phủ, thân thể nặng nề, gân xương nhức mỏi, tưa lưỡi trắng láng, mạch động chậm chạp, sinh bụng nặng ngực, đại tiện tiện không thông thả, hoặc ưa mửa, ỉa chảy các chứng.

(1) Ty Giám là: tên Thò tuế bất cập, nói Thò vận trong năm nén nhịn nhục giữ mình, không thể chầu biến bốn phương vậy. Sách Tố Văn Thiên Ngũ Thường Đại Luận nói: Thò viết ty giám (ngó xuổng).

(2) Đòn Phu là: đòn hậu mà bồi cao. Sách Tố Văn Thiên Ngũ Thường Chánh Đại Luận nói: Hành Thò rằng Đòn phu (bồi cao).

5) Táo.— Táo là khí khô ráo teo rút, trái với khí Thấp. Người xưa nói: khi Táo thuộc và bức thư của khí Hán (táo thuộc thứ hàn.—燥屬火寒) điểm bất đồng với khí Hán, là vì khô ráo quá lẽ. Kinh Dịch câu: theo hỏa hóa (Dịch, tòng hỏa hóa 易從火化) sở dĩ nói: Hỏa thi đến với Táo (hỏa tựu táo —火就燥) cũng nhân theo chỗ tương loại của bình cơ mà nghiêm cách suy luận. Táo chẳng những bất đồng với Hán, mà với Nhiệt cũng sai biệt nhau.

Chứng hậu của bình Táo: họng nghẹt mà ho, khạc đàm không thông, da thịt khô khào, lưỡi ráo, mạch đứt Sắc. Bình Táo phát sanh từ trong, có hai nguyên nhân.

Một lẽ, do phần âm huyết ngưng trệ, biến chứng can táo.

Một lẽ, do phần âm huyết khô cạn, biến chứng can táo, hoặc vì chứng nội nhiệt tràn ngập, phần nước trong người hao hụt, mà biến chứng can táo, đó là chủ thể của bình Táo.

Song đàm trước ngưng động, ngực bì bụng đầy, trai lưỡi trắng láng, hình mạch Huyền Trệ, cũng có miệng lưỡi khô ráo, hình giống Chứng Táo. Đó là Chứng Can Táo thuộc về chất tan dịch bị ngưng kết. (xét vì sán khí gây ra bình chứng đều có nội nhân và ngoại nhân, duy có Bình Trung Thủ là hoàn toàn thuộc ngoại nhân mà thôi. Bình Táo và bình Thấp thì lấy nội nhân làm chủ, không thể không biện biệt. Hoặc nghĩ nguyên nhân cảm thọ Bình Thấp, là do khí hậu và chỗ ở. Bởi vì áp lực của khí thấp ở bên ngoài quá nặng, gày trở ngại cho

tác dụng phóng tán của chất nước xông hơi trong thân thể, mới sanh chứng cảm thó khí Thấp.)

6) Hỏa.— Hỏa tức là Nhiệt vậy. Mặc dầu người xưa dạy : ở trời là *Nhiệt*, ở đất là *Hỏa* (tại thiên vi nhiệt, tại địa vi hỏa — 在天為熱, 在地為火) mà cứu cánh trên thực tế, thì giữa *Hỏa* với *Nhiệt* không phải là hai chứng hậu. Hoặc nghi, bình ở phần kி là *Nhiệt*, bình ở phần huyết là *Hỏa*. Nhưng các bình chứng phát sanh, lúc đầu đều ở phần kி, kế tiếp thì vào phần huyết. Duy có Chứng Thủ với Chứng Nhiệt, là nhứt định phải có phân biệt : Bình Thủ là do tác dụng phản xạ của mặt trời (Tây Y gọi là Bình Nhứt Xạ.) Bình Nhiệt là do ôn độ tăng cao.

Chứng hậu của Bình Nhiệt, thì mồ hôi nóng phiền táo, khát mà uống nhiều nước, mạch đi Hồng, ra mồ hôi, các chứng. Nếu nóng ở bên trong thân thể, thì phát sanh biện trọng sung huyết, thần kinh hưng phẫn, máu ở trong các động mạch đi nhanh, gọi là chứng nội Nhiệt. Những huyết quản li ti khắp trong thân thể, phát khởi sung huyết, tên chứng Biểu Nhiệt, lại tên là chứng Phát Nhiệt. — Ở cuộc bộ bị sung huyết, thì tên là *HỎA*, như : *Can HỎA*, *Vị HỎA* các chứng.

CHƯƠNG THỨ HAI

BÌNH LÝ CỦA BÌNH THỜI LỊNH

Thời Linh Bình Học, là bao quát Bình Tân Cảm và Bình Phục Tả, tất cả các bệnh chứng Bốn Mùa Cảm Mạo vào trong mà luận trị. Học thuyết bài này, giới hạn trên bình lý Thời linh, ước lược giải thích theo chỗ sắp đặt như sau :

Sự quan hệ giữa Bình Thời Linh với thè ôn

Trên bệnh chứng *Tân Cảm* do khí hậu của thời linh : *Phong, Hán, Thủ, Thấp, Táo, Hỏa*, gây ra. Ngoài chứng Trúng Thủ của Bình Nhật Xạ, Chứng Trúng Nhiệt do ôn độ lên cao ra, kỳ dị các bệnh chứng khác, chẳng ngoài; khí trời vội lạnh, mặc áo quá mỏng, khí trời vội nóng, trăn trui ngày đêm ; không khí lạnh lěo kích thích ở phần bì phu, gây trở ngại cho công tác phong táo của thè ôn, phát khởi phản ứng, mà biến chứng ôn lạnh, phát nóng, không ra mồ hôi. Nhận vì thè ôn phản ứng, mà bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại ; nhận vì bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại, mà phát sanh tác dụng các loại bình lý.

Thế thì nguyên nhân cảm thọ Bình Thời Linh, tất lấy thè ôn làm khởi điểm. Sách Tây Y luận về thành nhân của chứng Cảm Mạo cũng nói. « thông thường là do mặc

áo mỏng dinh: toàn thè sanh nóng, tim ở nơi lạnh lẽo, hàn tuyễn ngăn bit, huyền dịch không thè nhän theo tác dụng của hàn tuyển, bài trừ vật bần Song thè ôn muốn được tự toại mục đích bài tiết, cho nên bón tập ra phần cơ biếu, mà phát sanh lạnh nóng, gọi là Cảm Mạo. Dùng thuốc phát biếu, là việc cần kíp trị ngon vậy. Tây Y cũng nhận thức bình thời lạnh tân cảm quan hệ với thè ôn, nhưng vì quá mê tín theo thuyết bình khuôn, cho nên chữa trị không hợp pháp.

Sự trọng yếu của thè ôn

Người sống khác hou người chết, là nhờ ở sinh hoạt lực. Nhờ ở sinh hoạt lực nương tựa với vật chất, mà được sống còn trên thế giới, sinh hoạt lực dinh chỉ thi chết mất. Thân xác con người là tập hợp thè của tế bào, tế bào vốn có dồi dào sinh hoạt lực, để giúp sức vận dụng che cơ năng dinh dưỡng, phồn-thực và động tác. Song tất phải nhờ ở thè ôn thích đáng, thì công dụng mới rõ ràng.

Nhà Vật Lý học nói: sức ấm nóng hóa thành hiệu năng (nhiệt lực hóa năng — 热力化能). Cho là nhứt thiết sự động tác của cơ khí, đều do sức nóng thời động. Do lẽ này, có thè hiết được các bộ phận động tác trong thân thè con người như: Bộ máy tuần hoàn của Tạng Tâm.—Bộ máy hô hấp của Tạng Phổi.—Bộ máy hấp thụ và bài tiết của trường, vị, và sự tan trân đại tạ (thay cũ đổi mới) của các quan năng, đều có quan hệ trực tiếp với thè ôn. Nếu thè ôn bị biến hóa, thì toàn thè đều chịu ảnh hưởng, thì đủ thấy tính cách trọng yếu của thè ôn là đường nào.

Nguyên lai của thè ôn

1.— do dưỡng khí trong không khí. 2.— do vật thực thường dùng bằng ngày. Dưỡng khí thì từ mũi vào Phổi, lại chịu hồng huyết cầu hấp thụ vào máu, dung hòa với chất sắt, du tống qua các tò chúc, phát sinh tác dụng nhiên thiên.

Vật thực thì từ miệng trải qua trường vị, sau khi tiêu hóa, thì do ống hấp dịch thông vào huyết quản; chất thán thuỷ tiêu hóa vật thực dầu mỡ, là tài liệu cung cấp chất nhiên thiên cho dưỡng khí, chính là nguồn cung cấp dưỡng ở hậu phương của thè ôn. Các cơ năng động tác trong thân thể con người đều trông cậy vào sự chủ trì của thè ôn.

Công năng điều tiết của thè ôn

Muốn biết công năng điều tiết của thè ôn, trước nhất phải biết số lượng thích đáng của thè ôn. Trong mỗi ngày 24 giờ, thè ôn có thể sanh sản từ hai triệu ba trăm ngàn (2.300.000) đĩ chí ba triệu bốn trăm ngàn (3.400.000) gia la lý (calories), (nội độ nhiệt, theo hàn thử biều của Ông Nhiếp (Ông Nhiếp Nhĩ Tu, người Thụy Điển) thì sức nóng đúng một gia la lý). — Tính bồ đồng, thì vừa đúng chín mươi tam (98) theo hàn thử biều của Ông Hoa (phù hợp với ba mươi bảy độ theo hàn thử biều của Ông Nhiếp). Trong lúc đói no động tĩnh, tuy có tăng giảm, nhưng hơn kém nhau, nhưt định không ngoài một độ. — Nhà Sinh học nói: nếu thè ôn của toàn thân tụ vào một ngón tay, thì ngón tay ấy cháy rụi tức

thời (tu toàn thân thè ôn ư nhưt chǐ, lập tức thiêu hủy 一聚全身株溫於指, 立即燒毀). Trong thân thè chung ta tu tập đa lượng thè ôn mà không thấy nóng, là nhờ ở công dụng điều tiết, phân phổi cho khắp thân thè vậy.

Các y học gia đời gần đây, nghiên cứu về công dụng điều tiết của thè ôn, thì chú trọng vào khí hậu của thời lịch Mùa Đông, Mùa Hạ, số lượng ăn uống tăng già hay giảm thiểu, và sự bài tiết của hàn dịch nhiều ít, ba sự hạng. Tôi thì nói: đó là chú trọng giải thích sinh lý, không liên quan gì với bình lý, nên chỉ nhầm vào bình lý, nghiên cứu sự điều tiết của thè ôn mà thôi.

- 1) Thời gian: một ngày một đêm hai mươi bốn (24) giờ.
- 2) Không gian: toàn thè thân xác và tang phủ, không cảm giác thái quá, bất cập, ấy là thè ôn sở dĩ nhờ ở sự điều tiết, mới co thè phù hợp với sinh lý. Bỗng trái lại, hoặc vì ngày mát mà đêm nóng, hoặc vì sớm mát mà chiều nóng, đó là ở trên thời gian, thè ôn không hay phân phổi đồng đều.— Hoặc tay chân mát mà trong người nóng, hoặc lưng mát và bụng nóng, đó là ở trong thân thè, thè ôn không phân phổi đồng đều. Khởi điểm của các bệnh chứng phát sanh, không ngoài hiện tượng này, mà Bình Thời Lịch thì lấy hiện tượng này làm căn cứ.

Sự Phóng Tán của thè ôn

Công tác phóng tán của thè ôn, cứ theo Sách Tây Y khảo sát về Sinh Lý Học, thì phần bì phủ chiếm hết

tám chục phần trăm (80%), miệng mũi chiếm mười lăm phần trăm (15%), còn lại năm phần trăm (5%) thì bài tiết theo đại tiểu tiện.

Số tối đa của bài tiết óa phong tân, chính là ở phần bì phu; ở dưới da có vô số hạch tuyến, trải qua công tác chung phát của thè ôn, đem những vật chất lão phế, bài tiết ra ngoài thân thè, theo định luật tan trào đại tạ. Trong thành phần bài tiết, nước chiếm hết chín mươi bảy phần trăm (97%), vật cố định chỉ có ba phần trăm (3%) mà thôi. Phần theo bì phu chui ra, thường phát tan tị, mắt không trông thấy được gọi rằng: *Tiêm Phát Hạn*. Nếu do vận động mệt nhọc, hay khi ẩm nóng bức, ra mồ hôi quá gấp, thi phần nhiều mồ hôi kết thành giọt, ngưng đọng trên phần bì phu, gọi rằng: *Hàn Phát Hạn*.

Phản lượng mồ hôi ra mỗi ngày, ngoài số *Hàn Phát Hạn* ra, ước chừng hai bảng (g): theo đơn vị cân lương của Anh, Mỹ). Số phản lượng của *Hàn Phát Hạn*, thì nhích vào thời gian vận động, và sức ẩm nóng tăng giảm mà nhứt định. Hạn quản là óng tiết nước trong thân thè con người, nếu bị tắc nghẹt, mồ hôi không ra được, thi tình thân cảm thấy khốn đốn, phát sinh bệnh hoạn. Như toàn thân mồ hôi không ra được, thè ôn không lôi phong tân, một thời gian khá lâu, có thể đưa con người đến chỗ chết mất.

Nguyên lai của Bình Thời Linh

Khi hậu thời linh thay đổi, gây nên bệnh hoạn cho con người. Cứ theo chỗ khảo sát về Bình Lý Học của

Sách Tây Y, cho là: do sự kích thích của ôn độ, cảm ứng với không khí, và khí hậu của quang tuyển, các sự hang, đồng thời nói rõ về tác dụng của ôn độ, tác dụng của khí áp, tác dụng phái xạ của quang tuyển, và tác dụng của phong thô. Với phương diện Đông Y, dùng những danh nghĩa: *Hàn, Nhiệt, Táo, Thấp*, nêu rõ tác dụng cao ôn, tác dụng đê ôn, tác dụng cao khí áp, tác dụng đê khí áp, đại khái lập ý giống nhau.

Chỗ bắt đồng, Tây Y thì nhận định bình khuôn, là nguyên nhân duy nhất. Đông Y thì lấy một chữ *Phong* làm tiêu biêu cho sự thay đổi của khí hậu, như: *Phong Ôn, Phong Thủ, Phong Táo, Phong Hàn* các thứ; đổi với bình khuôn truyền nhiễm, thuộc về truyền nhiễm tinh bình, tuyệt đối không nên lẫn lộn.

Tây Y thì không chia rành, bình truyền nhiễm với bình thời lệnh. Trái lại, cho Đông Y là chẳng biết trị bình truyền nhiễm, là vì chẳng biết được Đông Y trải qua mấy ngàn năm kinh nghiệm, có nhiều lương phương rất công hiệu. Đối với Bình Thời Lệnh, cũng như Bình Truyền Nhiễm. (Phương pháp chữa trị Bình Truyền Nhiễm, đặc biệt biện rõ ở Sách Đông Y Truyền Nhiễm Bình Học, sắp xuất bản kế tiếp)

Sự ngộ nhận khí hậu Thời Lệnh của Tây Y

Bình Thời Lệnh, thi căn cứ trên sự thay đổi của thời lệnh, bắt tất phải lôi cuốn bốn chữ: *Thấp, Giáng, Phù, Trầm* vào trong, để rồi giải thích cách rán giụng. Duy lấy ôn độ quân bình của hai mùa: Mùa Xuân và Mùa Thu, có cây xinh

tốt với vàng ứa, sai biệt nhau khá xa mà suy trắc, cũng thấy được con người sống trong bầu trời trái đất, tất cả chỉ chịu ảnh hưởng của khí hậu ngoài giới tự nhiên chí khôi khí hậu thay đổi, thì trong thân thể con người, tất cũng khởi sự biến hoá tương đương, có thể biết được chắc chắn như thế.

Tây Y thấy bệnh chứng phát khởi, thi chuyên tìm kiếm thực chất của bệnh chứng, bằng cách kiểm tra cảm nhớt, nước tiểu, phân, đề thăm dò chỗ ở của bệnh thể: bồi dưỡng phiếu bồn, đề xác nhận bệnh nguyên the. Cẩn trọng tối đa trên phương diện hình thức, đối với sự thay đổi của khí hậu ngoài giới tự nhiên, tuyệt nhiên không nghĩ tới. Vì vậy mà Tây Y đối với bệnh Thời Linh, không có chuyên khoa kinh nghiệm.

Sự quan hệ giữa sáu khí với tật bệnh

Nhà Y Học Âu châu, Ông Bai Đăng Khảo Phủ, luận về thuyết Tam Nhán Đánh Lập. Tam Nhán là gì?

1.— Té khuần lén vào thân thể con người (té khuần tiêm nhập nhơn thể — 細菌潛入人體).

2.— Khí hậu không thích hợp với người, thi thích hợp với sự phát dục của bệnh khuần (khí hậu bất thích ư nhơn, tức thích ư bệnh khuần phát dục — 氣候不適於人，即適於病菌發育).

3.— Sức đề kháng trong thân thể con người bạc nhược, không đủ sức chế ngự tật bệnh (nhân thể tự thân chỉ đề kháng lực bạc nhược, bất năng đề ngự tật bệnh — 人體

自身之抵抗力薄弱，不能抵禦疾病). Thiếu một trong ba điều kiện trên đây, thì không thể sanh được bệnh.

Ngày xưa, Y Sư nước Mỹ, Ông Nhì Lập Pháp Ty muốn thí nghiệm học thuyết của Ông Bài Đăng Khảo Phủ, lừa dịp thán thè kiện khang, Ông tự uống lấy một chung nhỏ vi trùng Hoắc Loạn (choléra) mà vẫn an nhiên, không hề nhiễm bệnh. Đã thấy rõ, khi hậu thiên nhiên, với sức đề kháng bệnh độc ở trong thân thè con người, liên hệ nhau rất trong đại.

Nếu đương bình, cho là tật bình không quan hệ với khí hậu, thì chẳng những không phù hợp với học thuyết của Đông Y, mà trái lại còn phản bội với học thuyết của Tây Y. Vả lại, cảm tho Bình Truyền Nhiễm, còn không thể rời khí hậu mà độc lập được, thì ý nghĩa Bình Thời Lịch, căn cứ theo sự thay đổi của khí hậu, càng thêm rõ ràng.

Sáu khí là nguồn gốc của bệnh thời lịch và bệnh truyền nhiễm

Thuyết Bình Khuẩn truyền nhiễm, từ kiêm dĩ chí hồi duồng, gia dĩ nhiễm sắc; phiêu bồn trần liệt, thí nghiệm minh xác, uturing người theo học Tây Y, không còn lý do đáng nghi ngờ. Cho nên kè sùng bái theo Thuyết Té Khuẩn Thực Chất, muốn vịn vào đây để đánh đổ Thuyết Sáu Khí. — Những người theo học Đông Y, thì cho là: những bệnh chứng do Sáu Khí gây ra, với những bệnh do Té Khuẩn gây ra, tuyệt đối không nên lẫn lộn. Do đấy, Bình Thời Lịch, và Bình Truyền Nhiễm, bắt đầu phân chia ranh giới, là điểm thứ nhất.

Bệnh khuẩn sanh sôi nảy nở, tất phải nhờ có khí hậu đặc thù, thích hợp với sự sinh tồn của bệnh khuẩn, là diêm thứ hai.

Sự truyền bá của bệnh khuẩn, lẩn lộn theo vật ăn thức uống, bay lồng trong không khí, nương bám theo quần áo và đồ dùng, không chỗ nào là không có bệnh khuẩn; bắt cứ ở đâu, và lúc nào, bệnh khuẩn cũng có thể truyền nhiễm cho người. Song con người có bị truyền nhiễm hay không, là do sức đề kháng ở trong thân thể mạnh hay yếu vậy.— Có người hôm qua không bệnh, mà hôm nay lại bệnh, lúc khởi đầu họ bệnh tất có lý do: đồ y phục, sự làm thực khỏi cù, và khí hậu lạnh nóng các việc, không thích hợp với sự kiện khang của cơ thể, gây cho phương diện thể ôn phát sanh biến hóa, bệnh khuẩn mới thừa cơ hội mà học phát. Cho nên nói: khí hậu không thích hợp với người, bệnh khuẩn mới có thể gia hại, là diêm thứ ba.

Gần đây, có người nhận thấy, cũng nói: Sáu Khí là nguồn gốc của Bệnh Khuẩn. Chính Sáu Khí là gốc, Bệnh Khuẩn là ngọn, Bệnh Khuẩn không thoát ly nổi Liên Hiệp Quốc (Sáu Khí) mà độc lập được. Đủ chứng minh Bệnh Thời Linh căn cứ theo sự biến đổi của Sáu Khí.

Vị Giáo Thợ Tây Y trong trường dạy thuốc ở Tỉnh Sơn Tây nói: Tây Y không tin sáu khí, chính là chỗ khuyết điểm của Tây Y. Thực là lời bình luận rất chí tình.

Phương pháp chữa trị sáu khí

Muốn biết phương pháp chữa trị sáu khí, trước nhất

phải hiểu rõ đâu là thực tế *Cảm Thọ Sáu Khí*. Thầy thuốc xưa nghi chứng hậu của tật bình, là do tác dụng của sáu khí kiều ngũ trong thân thể con người gây ra dùng thuốc trị bình thì nói: chữa trị khí nào thiên thanh trong sáu khí (trị thử lục khí chi thiên thanh 一治此六氣之偏盛).

Theo tôi nhận định, cảm thọ sáu khí kích thích, gây ra các bệnh chứng, là do công dụng trong thân thể bị biến hóa, mà *Chứng Fáo*, *Chứng Thấp*, *Chứng Hàn*, *Chứng Nhiệt* các chứng, đều do trong thân thể con người tự khởi biến hóa, mà gây ra chênh lệch. Dùng thuốc chữa trị, là điều hòa vật thiên thanh (chênh-lệch) trở lại xung hòa, giúp cho các cơ năng khôi phục trở lại trạng thái bình thường, như: *Chứng phong* từ ngoài xâm nhập, thi Ông Trọng Cảnh dùng *Thang Quế Chi* mà trị.

Trong Thang này, vị *Quế Chi*: giúp cho chứng Thần Kinh thủy hoãn trở lại hưng phấn, điều tiết huyết, dịch lưu hành trở lại bình thường. Vị *Bạch Thược*: thu liêm *Chứng Ra Mồ Hôi*, thì các chứng Mạch di Hoãn, Ra Mồ Hôi, Ón Giá, Phát Nóng sẽ tự khỏi. Nghiên cứu hiện nay của vị *Quế-Chi*, vị *Bạch-Thược*, hay ở khôi phục công năng trên sinh lý, công năng khôi phục, tự nhiên bình trạng giải trừ.

Chi ứ Thang Ma Hoàng, phát tán *Chứng Thương Hàn* (thông lỗ chân lồng bị ngăn nghẹt); Thang Bạch Hổ, giải trừ *Chứng Trúng Thủ* (giáng áp huyết ở bợ óc); Thang Ngũ Linh, thảm lợi *Chứng Thấp* (thúc giục ống du niệu thông lợi); Thang Phục Mạch, tư nhuận *Chứng Táo* (tăng

giá phần nước trong huyết dịch); Thang Tam Hoàng, thanh tẩy Chứng Hỏa (giảm thiểu Chứng Sung huyết trong động mạch); đều là thuốc trị những bệnh chứng do công dụng sinh lý bị biến hóa.

Hoặc nghĩ ngò, đã chứng minh trên sinh lý từ khởi biến hóa, không quan hệ gì với sáu khí, hà tất phải thắc mắc với người xưa; lấy sự biến hóa trên đây, nghiên cứu cẩn thận, sẽ thấy rõ ràng: *Sinh lý tự khởi biến hóa, là do sáu khí kích thích.*

Có một Ông Y Sĩ Nhứt Bồn nọ, cực lực công kích thuyết lục khí. Vì Ông không biết khi hậu thay đổi gây nên tai biến, mà chỉ mê tín theo thuyết Bình Khuẩn Truyền Nhiễm. Chẳng rõ sự biến hóa trên công dụng sinh lý, gây ra các chứng hậu cho tai biến, mà chỉ mê tin do bình khuẩn xâm nhập. Ông nói như thế, chẳng những không đúng với y lý, mà cũng không phải là thái độ neden duy trì của học giả.

Phân biệt bình tân cảm và bình phục tà

Cảm thọ khí hậu của thời lịnh thay đổi, khiến cho thường thái thè ôn bị sai thất, đều là lý do gây ra bệnh chứng *tân cảm*. Cái như cảm thọ Bình Phục Tà thì:

1. Cảm thọ bình tà nhẹ nhàng, trải qua một thời gian sau, bình mới phát tác.
2. Bình đã phát tác, mà chữa trị không đúng phép, bình tà tiềm phục vào trong.

3. Đã từng chữa trị qua, mà gốc rễ bệnh độc chưa trừ (trừ căn), sau lại phục phát. Ba sự hạng này, là nguyên nhân gây ra Bệnh Phục Tà.

Trong thời kỳ bệnh tà tiềm phục, thân thể tự cảm thấy không舒服, song không trọng yếu lắm, nên phần nhiều bệnh nhân xem thường, mà không lo chữa trị, khi bị Tân Cảm, thì Phục Tà mới bộc phát. Cho nên rất một chứng tân cảm thì dễ trị, kiêm có phục tà từ trong phát ra, thì khó trị hơn.

Cách biện biệt: Chứng Cảm Mạo sơ phát, không có chứng tiền khu là tân cảm; có chứng tiền khu là phục tà, (Chứng tiền khu là trước khi chớm phát bệnh đôi ba ngày, có ón lạnh, xèo xèm, ăn uống mất ngon, đại tiện không thông, lồng phiền táo, khát nước, tiểu tiện vàng đỗ, lồng ngực bức rứt.)

Mạch động huyệt Phù, tưa lưỡi trắng là Bình Tân Cảm; Mạch động Nhược, hoặc Té Trầm không sức, hoặc động Huyền Té mà Táo (cấp), tưa lưỡi hoặc lảng, hoặc dày, hoặc đỗ tưối không tưa, đều là Phục Tà.

Giải thích Bình Tà Tiềm Phục

Xưa nói: Mùa Đông cảm thương khí hàn, Mùa Xuân tắt phát Bình Ôi. Bình Phục Tà này mang danh: Háo Thủy (1) — Cố văn: Đông thương ư hàn, Xuân, tắt Bình Ôi. Thủ Phục Tà mang danh Háo thủy — 古云：冬傷於寒，春必病溫，此伏邪命名焉矣). Nhiên cứu trên thực tế của bình lý, thì thấy sáu khí đều có khả năng

(1) Háo Thủy là: tiếng vèo hướng đến trước của mũi tên, ví dụ mở đầu làm một công việc.

tièm phục. Sách Nội Kinh chỉ nêu lên Chứng Phục Hán, Chứng Phục Phong, Chứng Phục Thủ, Chứng Phục Thấp làm tiền lệ, thì Chứng Phục Hỏa, Chứng Phục Táo, có thể suy tưởng mà biết được. Duy Thiên này giới hạn trong phạm vi bệnh chứng thuộc về Cảm Mạo Tinh, phát sinh theo thời令 của bốn mùa. Những Bệnh Tôn Tiết (1), Bệnh Giai Ngược (2), Bệnh Khái Thấu (3), mặc dầu người xưa đều có đề cập đến, song biên vào loại Thiên Hỏa Khi Bệnh, Hồ Hấp Khi Bệnh, và Truyền Nhiễm Bệnh các tập, mà không biên lầu vào đây.

Các Y Gia từ đời Đường, đời Tống về sau, thì đặc biệt chú trọng vào danh từ Phục Hán, kỳ dir các loại Bệnh Tièm Phục khác, thì cho là người xưa đều đề cập đến. Khi chưa phát sanh tác dụng bệnh tật, dân nhận cho là bệnh chứng Phục Tà, thì cũng hạn chế trong các bệnh : Tôn Tiết (食池), Bệnh Giai Ngược (拔逆) và Bệnh Khái Thấu (咳狀)

Y Gia đời Thanh, Ông Hương Nham nói : Trị Chứng Phục Thủ không giống Chứng Giai Ngược. (Thanh y gia Diệp Hương Nham thị : Vị Phục Thủ Chứng trị, bất đồng Giai Ngược — 清醫家葉香岩，謂伏暑症治不同核矣). Thực là lời nói có道理 dù huệ nhau. Ông Lưu Kiết Nhơn, đem các bệnh chứng do sâu khí tièm phục, liệt ở sau loại Bệnh Cảm Mạo, sắp đặt chung với loại tạp bệnh, cũng là một việc bất thông.

(1) Tôn Tiết là : Bệnh tiêu chảy, vật thực không tiêu hóa.

(2) Giai Ngược là : nói chung cho các Chứng Cử Rét.

(3) Khái Thấu là : nói về các Chứng Ho.

Sách này trưng bày những bệnh chứng cảm thọ sáu khí trong bốn mùa, đồng thời phân biệt : thế nào là Bình Tân Cảm, thế nào là Bình Phục Tà, ra làm hai loại như sau :

Cảm mà phát bệnh liền, là Bình Tân Cảm.

Cảm mà không phát bệnh liền tiệm phu; vào trong, gây cho công tác thê ôn, tuẫn hoản, và tan trán đại tạ, đều phát sinh biến hóa tương đương, chờ khi nào lại bị Tân Cảm, thì bệnh mới phát tác, là Bình Phục Tà. Cảm thọ Bình Phục Tà, thì lấy khí Phong khí Hàn làm một loại ; do không khí hàn lạnh kích thích ở phần bì phu, là kết quả làm trở ngại sự phóng tán của bì ôn, như : khí trời lạnh léo bất thường, mà mặc áo mỏng dinh, hoặc khi trời nóng nực bất thường, mà ở trần trùng trực, là nguyên nhân gây ra bệnh. Và lấy Bình Thủ Nhiệt làm một loại : Sau khi mệt nhọc, mình nóng ra mồ hôi, lại tắm nước lạnh ; mình nóng khát nước, ăn uống đồ hàn lương để trấn áp cho đỡ khát đỡ nóng, hoặc ở bên hóng gió, khiến cho khí nóng trong người đương bỗng bột, tim đường phát tiết ra ngoài, lại bị ngạt ở trong. Sự phân biệt giữa bệnh Thủ và bệnh nhiệt : Lấy bệnh Nhứt Xạ làm bệnh Thủ ; bệnh thuộc về nhiệt tính, là bệnh Nhiệt.

Phân biệt bệnh phục tà ở phần khí hay vào phần huyết

Hiện nay các Thầy Thuốc ở thị thành không biết có phục tà, thấy bệnh chứng thuộc về Cảm Mạo tính, dày

dưa nhiều ngày, biến chứng lăng xăng, thì cho là : đối với Y Học rất khó nghiên cứu. Khi nhìn thấy danh nghĩa phục tà, lại mù mờ như người đi trong đêm tối, thực rất đáng phiền. Nguyên nhân bệnh Phục Tà tiềm phục, đã giải thích ở bài trước, bài này chỉ khu biệt bệnh tà còn ở phần khí, hay đã vào phần huyết mà thôi.

(Sách Y Án của Ông Mạnh Anh, luận về bệnh Phục Tà ở phần huyết khá rõ ràng, nhưng chưa giải rành nguyên lý). Thầy Thuốc xưa, đối với bệnh Ngoại Cảm, sở dĩ nói về phần khí, là phần nhiều chỉ cho sự biến hóa của thê ôn, như : Phần khí bảo vệ bên ngoài, khí của Kinh Thái Dương, khí của Kinh Thiếu Dương các loại (về ngoại chi khí, Thái Dương Kinh khí, Thiếu Dương Kinh khí dâng — 血外之氣, 太陽經氣, 少陽經氣等). Căn cứ theo đây, có thể thấy rõ : Bệnh ở Phần khí, là chỉ cho phương diện thê ôn, công dụng điều tiết (1) phòng tán bị mất chức.

Bệnh tà tiềm phục vào phần huyết, là chỉ cho : thành phần lão phế trong huyết dịch dâng được bài tiết, mà không thê bài tiết ra ngoài, theo định luật tân tràn đại tạ của sinh lý, mà lại uất nghẹt ở trong, nên gây ra tác dụng tật bệnh.

Phục Tà của bệnh Phong Hàn, phần nhiều do thê ôn bị uất nghẹt, làm hại lây đến sự vận hành của huyết dịch, khiến cho bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại, độc tố phát sinh tật bệnh tuần tự này mầm trong huyết dịch, đó chính là bệnh tà từ phần khí truyền vào phần huyết.

(1) Điều tiết: nói về công dụng chỉ phối thê ôn đêm ngày đồng đều nhau.

Phục Tà của Bình Thủ, Bình Nhiệt, Bình Táo, Bình Thấp, phần nhiều do độc tố gieo mầm từ trong thân thể, khiến cho bộ máy tuần hoàn phát sanh chướng ngại, hại lây đến sự chi phối của thè ôn (1), đó là bệnh tà từ phần huyết truyền ra phần khí. Nguyên lý bệnh Phục Tà ở phần khí hay ở phần huyết là như thế.

Nguyên lý của trạng chứng phát nóng, ớn lạnh

Bình Phong Hàn, thì lấy chứng hậu ớn lạnh làm chủ thể. Không khí lạnh lẽo kích thích, lỗ chân lông ở bì phu khẩn trương, công tác đề kháng của thè ôn, dần hết ra phần cơ biểu, cho nên thân thể phát nóng.

Bình Thủ Nhiệt, thì lấy chứng hậu phát nóng làm chủ thể. Nhận vì khí hậu viêm nhiệt, khí nóng bên ngoài áp bách rất nặng, mà thè ôn trong người lại uất kết, không phỏng tán được; tất nhiên sức nóng lên cao cực độ, phát sanh các hiện tượng: mặt đỏ, phiền táo, khát nước các hiện tượng.

Hiện tượng phát nóng ở phần bên ngoài tuy giống nhau, mà nguyên lý phát nóng giữa chứng Phong Hàn với chứng Thủ Nhiệt không giống nhau, là như thế. Cho nên chữa chứng Phong Hàn, thì lấy thuốc phát tán làm đầu dọc; trị chứng Thủ Nhiệt, thì lấy thuốc thanh thầu làm trọng yếu. Chứng Phát Nóng của bình Tân Cảm, bình độc từ ngoài mà vào, nên dùng thuốc tuyên dat làm chủ;

(1) Lý này giống như sức phản ứng chích huyết thanh.

Chứng Phát Nóng của bệnh Phục Tà, bệnh độc từ trong mọc ra, thi dùng thuốc thanh thản làm chủ. — Hoặc cho là : Phát Nóng là do tác dụng của sức đề kháng, còn đây chuyên chỉ nói riêng về bộ phận do cảm ~~nhỏ~~ Phong Hàn mà phát nóng.

Kia như : Chứng Phát Nóng thuộc về phần kinh tinh, là do cơ năng ôn chánh thận kinh bị nhiễu loạn ; uất kết nóng này, là do sức phong tán của ôn độ bị giảm thiểu. (thấy ở bài Phát Nhiệt Chi Nguyên Lý, do Ông Đinh dịch). Hai loại Phát nóng này, có quan hệ với chứng Phát nóng của bệnh Phục Tà.

Phân biệt: biếu, lý, hàn, nhiệt.
(Trong Ngoài Lạnh Nóng)

Chứng *tân cảm* từ ngoài vào, cho nên nhiều chứng hậu ở phần biếu ; Chứng Phục Tà từ trong ra, cho nên nhiều chứng hậu ở phần lý. Nóng ở bên trong tràn ngập, động mạch sung huyết, cho nên nhiều Chứng Nóng ; Tạng Tâm suy nhược, động mạch thiếu máu, cho nên nhiều Chứng Lạnh.

Và lại, sở dĩ nói : Biểu Chứng, là chỉ cho phần cơ biếu bên ngoài bị khí Phong Hàn kích thích, lỗ chân lông đóng kín lại, thè ôn bị uất nghẹt ; sở dĩ nói : Lý Chứng, là chỉ cho công dụng bài tiết bị mất chức, cản bã vật thực định tích ; sở dĩ nói : Nhiệt Chứng, là cài cho thè ôn sung thịnh, công dụng phong tán bị mất chức, trong huyết dịch gây nên ôn độ rất cao, cho nên động mạch khắp cả thân, và Tạng Tạng đều khàn trương dị

thường, mới hiện ra trạng chứng Sung Huyết; sở dĩ nói: Hán Chứng, là chỉ cho thể ôn xuống thấp, Tâm tạng suy nhược, máu di chậm chạp, động mạch khắp châu thân chịu ảnh hưởng bần-huyết. Thậm chí biến chứng là chảy không ngừng, mồ hôi ra không cầm được, bao nhiêu thể ôn sẵn có trong người hao tán hão hối, đó là một loại hàn chứng rất nguy hiểm vậy.

Biện biệt phản dinh, phản vệ, phản khí, phản huyết.

Hậu phương của vệ là khí, hậu phương của dinh là huyết. Bình ở phần Vệ dùng thuốc phát hàn thì rất thích đáng vậy. Bình đến phần Khí, thì nên dùng thuốc thanh khí; bình vào phần Dinh, thì còn có thể dùng thuốc thấu nhiệt, bình độc trό, ra phần Khí thì khỏi. Chỉ như bình độc vào phần Huyết, thì e hao máu, động máu, tức tốc phải dùng thuốc lương huyết, tán huyết v.v... (Vệ chi hậu phương ngôn khí. Dinh chi hậu phương ngôn huyết, tại Vệ hàn chi khả giả. Đáo khí tài nghỉ thanh khí, nhập Dinh do khả thấu nhiệt, nhưng chuyên khí phản khí giải. Chỉ nhập trό huyết, tắc khảng hao huyết động huyết, trực tu lương huyết tán huyết vân vân. — 衛之後方言氣，營之後方言血，在衛汗之可也到氣鏡宜清氣，八營尤可透熱。仍轉氣分而解。至入於血，則忌耗血動血，直須涼血散血云云。

Bài này & trong lời luận về bệnh Ôn Nhiệt của Ông Cố Văn Cảnh, nương theo danh nghĩa của Ông Diệp Hương Nham mà lập thuyết vậy. Người đời sau cho lời biện biệt về dinh, vệ, khí, huyết, của Ông Diệp, ngang

hàng đồng bực với danh nghĩa sáu kinh của Sách Thương Hàn Luận. Song cũng có người xem lời luận của Ông là vọng ngôn không giá trị, mà tố ý hoài nghi.

Thiết nghĩ, học thuyết được lưu truyền, trước hết phải nghiên cứu chỗ cứu cánh; danh từ đã thành lập, cần được trắc lượng ở giá trị, mới khỏi mang tiếng nhảm mỉa tin mù. Sở dĩ nói Chứng Thương Hàn truyền sáu kinh, là Thầy thuốc xưa lấy hai chữ Thương Hàn bao quát cho tất cả những bệnh chứng bốn mùa cảm mạo mà nói.

Sáu kinh thì lấy Kinh Thái Dương làm đầu dọc. Bình nghĩa cho Kinh Thái Dương, thì ngày xưa các nhà chú thích nói: Kinh Thái Dương lên trán, giao lên đỉnh đầu, xuống cắn cò (phía sau), hiệp với sống lưng, thẳng xuống eo lưng, và thẳng xuống đến bên ngoài đầu ngón chân út, là đường đi của kinh lạc Bàng Quang là sai. Hoặc nói: gốc lạnh, ngọn nóng, trung kiền Kinh Thiếu Âm, là kinh khí của Túc Thái Dương cũng sai.

Bởi Kinh Thái Dương là đại danh từ của thể ôn, thể ôn tức là tác dụng của Vệ Khí. Thầy thuốc xưa xưng là: nhẹ nhàng, mau mắn, tròn tru, nhanh nhẹn, sung túc phần bì phu, ấm áp phần eo nhục. (phiên bản hoạt ly, sung cơ nhiệt nhục—標悍滑利，充肌熱肉) là rất đúng, vì huyết dịch tuần hoàn khắp trong thân thể, có quan hệ với thể ôn rất lớn lao. Thầy thuốc xưa lại nói: Kinh Thái Dương thống lạc sự vận hành của phần Dinh phần Vệ (Thái Dương thống hạc Dinh Vệ chi vận hành—太陽統轄營衛之運行。) chính là ý này. Cho nên tôi cho là: Phần Dinh, Phần Vệ vận hành tự nhiên theo thường thái,

chính là thực tế của kinh Thái Dương, chờ không phải ở ngoài phần Dinh phần Vệ, riêng có một vật đặc thù nào khác, mang tên là : *kinh thái dương*.

Cái mà gọi là phần Vệ thọ tà, là chỉ cho thê ôn phong tán bị chướng ngại; bình tà truyền vào phần Dinh, tức là thê ôn bị biến hóa, do sự biến hóa của thê ôn, mà bộ máy tuần hoàn lại bị chướng ngại. Hậu phương của phần Vệ là Khi, tức là chỉ cho thê ôn bị nốt kết, hạn tuyển bị định trệ, ảnh hưởng đến sự vận hành của lâm ba dịch. Hậu phương của phần Dinh là huyết, là chỉ cho bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại, huyết dịch bị ứ đọng có thê gây nên huyết quản tắc nghẽn các chứng,

Sở dĩ Sách Thương Hàn Luận trong Thiên Thái Dương, ngoài phương pháp chữa trị bệnh chứng *Thương Dinh*, *Thương Vệ*, và Dinh Vệ cả hai phần đều thọ thương ra, thì đề cập tiếp theo các chứng : *khí trệ*, *định ầm*, *súc thủy*, *kiết hung*, *bì mẫn*, và các chứng : *huyết ngưng*, *sát huyết*, *phát hoảng*, *tr huyết*, *thắt huyết*, *phát cuồng*. Dinh, Vệ là nói về công dụng vận hành, khí huyết là nói về thực chất cụ thể, Dinh, Vệ, khí, huyết là để phân biệt giới hạn của bệnh chứng ở cạn, hay đã vào sâu...

Trên Bình Thời Linh, các chứng hậu *tân cảm* hay *phục tà*, đều rất thích dung cho phiêu chuồn chẩn đoán. Người sau không rõ lý này, nghĩ ngoài phần *dinh*, *vệ*, *khi*, *huyết* còn có Kinh Thái Dương. Kia là bình thương hàn, bình của Kinh Thái Dương ; đây là bình Ôn Nhẹt, bình ở *dinh*, *vệ*, *khi*, *huyết*. Vì lẽ ấy mà dựng riêng một màu, tách rời ra ngoài phạm vi của Kinh Thái Dương là sai, chỉ

tin có phương pháp chẩn trị của bệnh Ôn Nhiệt, mà bỏ sót bệnh Thương Hán thì lại càng sai.

Sáu kinh là đề cương của bệnh thời lệnh

Hai chữ Thái Dương là đại danh từ của thè ôn, thè ôn là tác dụng của vệ khí, huyết dịch tuần hoàn khắp trong thân thể, có quan hệ với thè ôn rất trọng đại. Cho nên thầy thuốc xưa thành lập danh từ Thái Dương, đề thống hạc thường độ vận hành của Phản Dinh, Phản Vệ. Bệnh Thời Lệnh (bao quát bệnh Thương Hán, bệnh Ôn và bệnh Thủ), khởi điểm đầu tiên của bệnh này là: phần bì phu cơ biếu bị ướt át, làm trở ngại sự phong tán của thè ôn, ôn lạnh, phát nóng, nhức đầu, không ra mồ hôi, ấy là bệnh của Kinh Thái Dương. Lấy bệnh ở Kinh Thái Dương làm chủ thè, kỳ dù năm kinh, không kinh nào chẳng bị truyền, sau khi bệnh thè kê lưu nằm sáu ngày, hoặc tám chín ngày. Nhận vì hạn tuyễn uất trệ nhiều ngày, hại lấy đến sự vận hành của lâm ba dịch mà biến chứng; lồng ngực bì đầy, cạnh sườn đau nhói, lạnh nóng qua lại (hung mẫn hiếp thống, vãng lai hàn nhiệt — 胸滿腸痛，往来寒熱). Đó chính là bệnh tà đã truyền sang Kinh Thiểu Dương. — Nếu thè ôn thành hành, bên trong sức nóng thái thâm, biến thành chứng cao nhiệt, tự ra mồ hôi, lồng bức rút, miệng khô khát nước (cao nhiệt tự hau, tâm phiền khâm khát — 高熱自汗，心煩口渴). Đó chính là bệnh tà đã truyền vào Kinh Dương-Minh. Dẫu người thè khí khỏe mạnh, không uẩn bệnh tà truyền biến đến trình độ nào, cũng không ngoài phạm vi của ba kinh dương, có thè đoán biết được.

Còn bệnh chứng ở *Tam Âm*, tuy có phần biệt lạnh nóng, song chủ thể của bệnh, không phải do ngoại tà xâm nhập, mà do công dụng của tạng phủ bị mất chức, bệnh nhân thể khí suy nhược, tình cờ bị cảm mạo, tất nhiên phát hiện chứng trạng của kinh Âm. Kiêm có bệnh của trường vị, ưa mửa hụt ly (trường vị bệnh chi ầu thò hụt ly — 胃屬病之嘔吐下利). Đó chính là bệnh tà đã truyền vào Kinh Thái Âm. — Kiêm có bệnh của Tạng Tâm mạch động Vi Tế, buồn ngủ (mạch vi tế dục thuy — 脈微細欲睡). Đó chính là bệnh tà đã truyền vào Kinh Thiếu Âm. — Kiêm có bệnh ở Hoành Cách Mạc, nhiệt khí xông lên, Tạng Tâm nóng xót (khí thượng xung, tâm động nhiệt — 氣上衝心疾熱) Đó chính là bệnh tà đã truyền vào Kinh Khuyết Âm. Danh từ *Tam Dương*, *Tam Âm*, là phù hiệu cho thấy giới hạn của bệnh chứng, còn ở cạn hay đã vào sâu, bất tất lấy đấy, dễ chí định thực chất trong tạng phủ bị bệnh hoạn. Người xưa sở dĩ nói về *tam âm*, *tam dương*, và truyền kinh, bùn ý của sự mang danh bất quá là như thế.

Người Nhựt Bản, ông Hỷ Đa Thôn nói: Trong Sách *Thượng-Hàn Luận*, đã tá danh từ *tam âm*, *tam dương*, là để phân chia giới hạn: *Biểu lý*, *hàn nhiệt*, *hư thực*. Dương thì dương, Âm thì nhu, Dương thì động, Âm thì tĩnh, Dương thì Nhiệt, Âm thì Hàn, Dương thì Thực, Âm thì Hư.

Phạm Bình thuộc *dương* là thuộc *nhiệt*, thuộc *thực*, gọi là *tam dương*. Bình thuộc *âm*, là thuộc *Hàn*, thuộc *Hư*, gọi là *tam âm*. Lấy ba Kinh Dương mà luận: Bình ở Kinh Thái Dương, thì thuộc *biểu*, thuộc *hàn*; bình ở

Kinh Dương Minh, thì thuộc lý thuộc nhiệt; bình ở Kinh Thiếu Dương, thì thuộc nửa biếu, nửa lý, có hàn có nhiệt.

Lấy ba Kinh Âm mà luận: Bình ở Kinh Thiếu Âm, là bình của bộ máy tiêu hóa; bình ở Kinh Thiếu Âm, là bình nội phân bí của Tạng Tâm và Tạng Thận; bình ở Kinh Khuyết Âm, là bình Cánh Mạc Viêm, và Vách ruột viêm. Danh nghĩa của sáu kinh có quan hệ với Đông y học là như thế.

Bình lý của ba kinh Dương

Thiên Thương Hàn Thái Dương Bình, phân biệt Chứng Thương Dinh, Chứng Thương Vệ, và Chứng Dinh Vệ lưỡng thương (Thương dinh, thương vệ, lưỡng thương dinh vệ chi phân biệt — 傷營，傷衛，兩傷營衛之分 別). Thuyết này do Ông Thành khởi xướng, Ông Phương phu họa, đời gần đây đã trở nên một loại học thuyết, mà chính mấy ông tự命 danh cho mình, là chuyên gia Thương Hàn — Phân biệt Chứng có mồ bôi, không mồ bôi, phân biếu hư, phân biếu thực (hữu hàn, vò hàn, biếu hư, biếu thực chi phân biệt — 有汗，無汗，表虛，表實，之分 別). Thuyết này do Ông Ca xướng suất, Ông Tử phu họa, lại cũng trở thành một loại học thuyết, chính mấy ông tự命 danh cho mình là chuyên gia Thương Hàn, ở đời gần đây. Cứu cánh không biết lấy chỗ nào làm chiết trung.

Tôi cho là: Chứng Ôn Lạnh, Phát Nóng của Bình Thương-Hàn, là do Hàn tà xâm nhập vào bì phu, làm trở ngại công tác phóng tán của thê ôn, mà huyết dịch tuần hoàn, đối với thê ôn có sự liên hệ trực tiếp lẫn

nhan. Nhau vì thè ôn nất kết, làm chướng ngại cho bộ máy tuần hoàn, đó chính là bình lý của Thiên Thái Dương. So sánh với Thuyết thương dinh, thương vẹc có phần xác thực hơn.

Còn lấy chứng hậu có mồ hôi, không mồ hôi, để phân biệt biếu, lý, hư, thực. Nhưng chứng ra mồ hôi, có do giao cảm thần-kinh bị thủy hoãn, đó là do Cường Trung Phong mà ra mồ hôi.— Có do Chứng Nội Nhiệt thanh hành, thè ôn viêm chứng, thân thè nóng rực mà tự ra mồ hôi, thì lấy phương pháp nào để phân biệt chỗ hư thực của phân biếu, phân lý?

Thiên Thiểu Dương Bình, nói về bệnh ở Kinh Thiên Dương, là do lâm ba dịch nốt kết, hạn tuyển bị đình trệ, cho nên lạnh nóng qua lại, lồng ngực bì mẩn, cành sườn đau nhói. Hiện tượng lạnh nóng qua lại, là: lúc lạnh thì chẳng nóng, lúc nóng thì chẳng lạnh; đối với bệnh ở Kinh Thái Dương, vừa phát nóng, vừa ôn lạnh trong một lúc, không giống nhau. Nên dùng thuốc thanh nhiệt tuyển thông, tá lấy thuốc tiêu đao.

Thiên Dương Minh Bình, nói về bệnh ở Kinh Dương Minh, là do thè ôn uất át, công dung phong tán bị mất chức, khí nóng nhẹn nhúm trong thân thè với một độ tối cao, động mạch có hiện tượng sung huyết; cao nên thân thè nóng nảy bứt rứt và khát nước. Xưa nay gọi là Kinh Dương Minh.— Dương Minh thực chứng, là thuộc về nhiệt tính bình. Vì ở trong ruột bị cặu bã ủng trệ, trở thành ở trong ruột thực đáng làm hạ của chứng thừa khí thang. Xưa gọi là: bệnh ở Phủ Dương Minh, chứng thuộc thực, có phân khô ráo định tích.

Lại còn có danh nghĩa : *thái dương, dương minh ; chánh dương, dương minh ; thiếu dương, dương minh*. Đa số các nhà chủ thích, nhận cho là : *thái dương, thiếu dương và dương minh* hợp bình. Thiên này, Đề Thuong Hán Dương Minh, theo lời lệ của Sách Thông Tục *thương hàn luân*, Ông Du Cẩn Sơ nên cho thấy : Bình chứng của sáu kinh, trong ruột đều có thê bị định trệ, lại thêm Ba Kinh Âm hợp với thực chứng định trệ ở trong ruột, Ý kiến Ông có thê giúp cho quá trình nghiên cứu của kẻ sơ học được thêm dồi dào.

Nếu muốn tìm hiểu bồn ý lập luận của Ông Trung Cảnh, thì Ông Trương Sơn Lôi nói : Kinh Thái Dương, Kinh Dương Minh là nóng rất dữ dội ; Kinh Thiếu Dương, Kinh Dương Minh là nóng mới sơ sanh (Thái Dương Dương Minh vi nhiệt chi dĩ thậm, Thiếu Dương Dương Minh, vi nhiệt chi sơ sanh— 太陽陽明，為熱之已甚，少陽陽明，為熱之初生). Và tuân theo Sách Thiên Kim Dực, đem chữ thiếu (少) của Thiếu Dương Kinh, đổi lại chữ vi (微), lời giải thích biến rõ ở Sách Y Giới Xuân Thủ ký thứ ba mươi hai, ý nghĩa rất tinh đáng.

Giải thích bình chứng truyền biến sáu kinh

Sách Nội Kinh có câu : Ngày thứ nhứt Kinh Thái Dương thọ tê, ngày thứ hai Kinh Dương Minh thọ ta v. v... (nhứt nhứt Thái Dương thọ chi, nhì nhứt Dương Minh thọ chi dỗng ngũ— 一日太陽受之，二日陽明受之等語). Sách Trung Tạng Kinh có câu Ngày thứ nhứt bình ở bì, ngày thứ hai bình ở phu (nhứt nhứt tại bì, nhì nhứt tại phu —

一日在皮，二日在肉). Thầy thuốc dời sau, những người chết cũng dưới mẩy cát này, nghi ngờ cho Bình Thương Hán mỗi ngày truyền một kinh, từ Kinh Thái-Dương tuân tự truyền đến Kinh Khuyết Âm. Lại còn sáng lập thêm, bình tà có do theo khi mà truyền, có do theo kinh mà truyền, các thuyết (hữu khi truyền, hữu kinh truyền — 有氣傳有經傳) so sánh trên thực tế của bình chứng, trở thành lời nói trong miệng, suy cầu theo nguyên văn của Ông Trọng Cảnh, thực không phù hợp chút nào.

Chữ *Truyền Kinh* (傳經) trong Sách Thương Hán Luận của Ông Trọng Cảnh, với chữ *Truyền Kinh* (傳經) trong Sách *Nội Kinh* không giống nhau. Vì vậy, những nhóm người tư tưởng có phao linh mãnh hơn, trên chỗ lập ý cho là : Bình ở đâu thì nhắm ngay vào đó, thấy chứng nோ thi trị trúng nấy (duy bình thi thi, kiến chứng trị chứng — 惟病是視見證治證) đặt sáu kinh ra ngoài « ông « bát túc khinh trọng ». Thế mà từ trăm ngàn năm đến nay, dẫu bực Y Hiền cũng không thoát khỏi cái vòng lẩn quẩn này.

Theo ý tôi, bình chứng ở ba Kinh Dương, đa số chỉ cho công dụng điều tiết phong tán của thê ôn bị biến hoá, lúc sơ khởi bình chứng cảm thương, đều thuộc về công năng của thê ôn bị mất chức; sau khi họ bình nǎm ba ngày, bình tà truyền sang Kinh Thiếu Dương, hoặc truyền sang Kinh Dương Minh, đã truyền một lần rồi, thì nhất định không bị tái truyền lần thứ hai. Cho nên trong nguyên văn Sách Thương Hán Luận, đoạn nói về bình ở hai Kinh : Thiếu Dương và Dương Minh có mấy chữ « mười ba ngày, mười bốn ngày » có thê thấy rõ

bình ở Kinh Thiếu Dương với Kinh Dương Minh đều có chứng hậu và ngày giờ cố định. Còn như Chùm Nội Nhiệt tràn ngập, và trong ruột có căn bã định tĩnh, phát sanh hiệu trạng hợp bình, đó là trường hợp trong bình chứng này, kiêm có bình chứng khác, không thể nói là : *Truyền Kinh.*

Đoạn trên luận về nguyên lý truyền biến của ba Kinh Dương. Còn bình ở Kinh Thái Âm, thì là mửa đau bụng của Bình Trưởng Vị, nhân vì là mửa thái quá, hại lây đến Tạng Tâm say nhược, đó là bình túc phát của Bình là mửa gây ra, không thể cho là bình tà truyền vào Kinh Thiếu Âm. — Nhân Tạng Tâm suy nhược, tuc phát Chứng Cách Mạc Viêm, thì cũng là bình túc phát của bình chứng trước, không thể gọi là bình tà truyền vào Kinh Khuyết Âm.

Trên đây luận về nguyên lý truyền biến của ba kinh ám, đến đây đã nhận thấy rõ ràng, thì sự ngộ hối của Thuyết Truyền Kinh, không cần đã phả cũng tự tiêu tan.

Lại nữa, Thầy Thuốc xưa nói: Bình ở Ba Kinh Dương thì nhiều chứng nóng, bình ở ba Kinh Âm thì nhiều chứng lạnh (tam dương kinh đa nhiệt chứng, tam âm kinh đa hàn chứng 一三陽經多熱證, 三陰經多寒證) Ý tưởng, một khi bình tà truyền vào ba kinh ám, thì nhiệt chứng lập khắc hóa thành hàn chứng. Việc kỳ văn này, xưa nay trong nước cũng như ngoài nước chưa bao giờ nghe thấy, thực là cái ngu của người xưa không thể bị kịp. (còn nhân chi ngu, thành bất khả cập 古人之愚，誠不可及). Cho nên sách này, xác nhận

bình chứng ở Ba Kinh Âm, là do công dụng của tạng phủ tự khởi biến hóa, mà trực tiếp phát sanh ra các loại bình chứng. Kỳ trung mặc dầu cũng có khí nhân vi khí phong hàn kích thích mà sanh bình, song nhứt định không phải do truyền kinh mà gây ra vậy. Và cũng không có lý do trong sáu ngày, bình tà truyền đáp sáu kinh.

Theo chỗ tôi chủ trương, thì lấy bình chứng ở Ba Kinh Dương, làm bình chứng tân cảm, nên tùy theo trạng thái phát hiện của bình mà sắp vào Thiên Cảm Mạo. Còn bình chứng của Ba Kinh Âm, là do công dụng của tạng phủ tự khởi biến hóa, thuộc về phạm vi của tạp bình, nên sắp vào các môn bình của bộ mày tiêu hóa, bộ mày tuần hoàn, và bình ở lồng ngực, trong bụng. Lấy đấy để phân chia ranh giới, thì ý nghĩa của sáu kinh mới thấy được rõ ràng.

Sự cách ngại giữa các nhà y học xưa và nay đối với sáu kinh

Ông Quản nói: Sách Thương Hán Luận, chỗ trọng yếu duy nhứt, tức là sáu kinh, mà chỗ khó giải duy nhứt cũng là sáu kinh. (Quản thị văn: Thương Hán Luận đê nhứt trọng yếu chi xú, tức vi lục kinh, đê nhứt nan giải chi xú, diệc vi lục kinh (譯氏云：傷寒論第一重要之處，即為六經，第一難解之處，亦為六經). Ông Dư biện biệt rằng: Trong Sách Thương Hán Luận, chỗ tối vô lý, không đâu bằng sáu kinh. Chỗ tối vô vị cũng không đâu bằng sáu kinh. Có lẽ Sách Thương Hán Luận vốn không sáu kinh đáng nói, mà ông Trọng

Cánh cõ găng chia làm sáu kinh vậy v.v... 余氏引云：傳寒論中，最無理者，莫如六經，最無謂者亦莫如六經。蓋傳寒本無六經可言，仲景強分為六經也云云)。

Tôi thì cho là: muôn bảo tồn danh từ Y Học của đời Thượng Cổ, trước hết phải nghiên cứu cần thận trên nguyên lý, tham hợp với thực tế. Nếu không có tinh thần nghiên cứu, duy trì mãi thái độ sùng bái bình nôm, tức là nhầm mốt tin mù. Muốn xô đổ những trần án của người xưa, trước hết phải hiểu rõ xu thế của học giả đương thời, và nguyên lý của sự mang danh. Rằng không rõ thấu ý này, chấp trước theo ý riêng của bản nã, tự tiện san trước cõi tho, tức là vô đoán, không phải là thái độ của học giả.

Hiện đại, phương pháp nghiên cứu Khoa Y Học Cổ Truyền không khác nào nhà khai khoáng (tìm mỏ) đeo đuổi theo việc khai quật, và sự nỗ lực tiến hành của nhà thám hiểm, công tác của tiền đồ còn nhiều, không nên vội vã hoài bão lạc quan, hẹn ngày xong việc. Danh nghĩa Sáu Kinh, đối với vấn đề Đông Y Học đã trở thành một bài toán đố, mà ngàn đời chưa tìm ra đáp số.

Tôi từng đứng trên cương vị thực tế, khảo sát giới hạn của các bệnh chứng, được rõ: Chứng hậu & Ba Kinh Dương, là những chứng hậu tất phải có, theo sự thay đổi của thời令. — Chứng hậu & Ba Kinh Âm, là do công dụng của tạng phủ tự khởi biến hóa. Các y gia đời trước, những kẻ trầm mê không biết trở lại, nhận Sáu Kinh là vật báu bí mật của thiên kinh, địa nghĩa ; những kẻ

tự cho chủ trương của mình là phải, thì cực lực công kích thành qui của Sáu Kinh. Do đấy có thể biết được, mấy ông ấy đối với học thuyết Sáu Kinh, không có một ông nào nhận thức triệt để.

Bình Ôn với Tam Tiêu

Ông Lục Chí noi: Trong Sách *Lâm Chứng Chỉ Nam Y Án* ông Dương án rằng: Sách Thương Hàn Luận của ông Trọng Cảnh, trước hết phân biệt Sáu Kinh. Lời luận về Bình Ôn Nhiệt của ông Hà Gian, cần phải nghiên cứu *Ba Tiêu* (tam tiêu). Trọng Cảnh Thương Hàn tiên phân lục kinh. Hà Gian ôn nhiệt, tu circa tam tiêu 一仲景傷寒先分六經, 河間溫熱須究三焦)

Và lại, phương pháp trị liệu của ông Lưu Hà Gian cũng lấy Sáu Kinh làm định luận, hai chữ *Tam Tiêu* trước sau không hề thấy trong sáu loại sách (!) của ông thực không rõ moi đâu ra trong Sách *Chí Nam* có lời nói này. Chứ lâu sục nhớ, Sách *Chí Nam* với lời luận về Bình Ôn (論瘟) của người Tây Xương, lại nhận cho là lời luận về Bình Ôn (論溫) của ông Hà Gian. Ước lược nhớ ra sách của ông Hà Gian, người ta nói khác hơn sách của ông Trọng Cảnh, cho nên không ngai đạo dánchez của ông Hà Gian vậy. Xem mấy chữ *Tiên Phân, Tu Cứu* (先分, 須究) cùng là hoàn toàn không thành cú pháp, lại còn mượn danh của bực đại y mà thiên hạ đều biết tiếng, để khai cái tệ « Học thuyết Tam Tiêu » của ông Ngô Cúc Thông, đặt Học Thuyết Sáu Kinh ra ngoài vòng, không cần hiểu biết đến.

Sao chẳng hiểu, đẽ cương sáu kinh trong Sách thương

hàn-luận, dân có phải riêng về Bình Thương Hàn mà đặt ra ; bộ sách *Thương Hàn Luận* thì sáu kinh thất truyền, bộ sáu kinh thì sách thương hàn luận thất truyền. Thế thi ai dám cho lời nói của Sách Chỉ Nam là không quan hệ đến đại cuộc.

Ông Ngõ Cúc Thông biên Sách Ôn Bình điều biến nói : Đại phàm Bình Ôn đầu tiên phát khởi ở Thương Tiêu, tại Kinh Thủ Thái Âm, rồi do Trung Tiêu lẩn hồi truyền xuống. (Vì phàm bịnh ôn giả, thủy u thương tiêu, tại Thủ Thái Âm, do trung-tiêu dê truyền nhanh hàn—凡病溫者，始於上焦在手太陰，由中焦速傳而下。) Lại nói : Bình Ôn trải qua, trước sau đều ở Phủ Tam Tiêu (Hơn vị ôn bình chi kinh quá, thủy chung giao tại tam tiêu—又謂溫病之經過，始終皆在三焦。) Lấy tiêu đề này, tự cho là : Bình Ôn Nhiệt có khác hơn bệnh Thương Hàn truyền biến sáu kinh.

Ngoài việc mượn danh Ông Lưu Hà Gian ra, Ông Lục Cửu Chi còn lôi Bộ Sách *Mẫu tu luận trị* của Ông Thế Bồ Trai ra chỉ trich những chỗ sai quấy, Ông Lục cho là : công tri những chỗ tác nguy. Thế mà thuyết Bình Ôn truyền biến ở Tam Tiêu của Ông, lại hóa ra không đất cẩm dùi. Song gần đây các thầy Thuốc ở Thị Tịnh, phần nhiều còn sùng phong cẩn bã thừa thãi của Thuyết Tam Tiêu. Hoặc có người nói : Thuyết này do Ông Ngõ Cúc Thông nguy tạo, kẻ thì nói : Ông Hà Gian chưa hề dè cập đến, khởi đầu tạo ra thuyết này, chính là Ông Ngõ, nói sao cũng được.

Theo ý tôi thi cho là, Thuyết Ôn Bình ở Tam Tiêu

nếu quả đúng vững, thì Bình Ôn ở Thượng Tiêu, tất phải cầm bão uống nước, uống thuốc; nếu uống nước uống thuốc thì bệnh sẽ truyền vào Trung Tiêu. Bình Ôn ở Trung Tiêu, tất phải cầm dung thuốc thông lợi đại tiêu tiễn, bởi vì thông lợi đại tiêu tiễn, bệnh sẽ truyền xuống Hạ Tiêu. Thuyết pháp như thế, thực đáng buồn cười.

Thế thì, thuyết Tam Tiêu như thế nào? Các y gia ở đời gần đây có nói: *Thượng tiêu* như giọt sương, thuộc về bộ máy tuần hoàn. (*Thượng tiêu* như vũ, thuộc tuần hoàn khí—上魚如霧，屬循環器). *Trung tiêu* như hột nước thuộc về bộ máy tiêu hóa. (*Trung Tiêu* như âu, thuộc tiêu hóa khí—中魚如漚，屬消化器). *Hạ tiêu* như sóng ngòi, thuộc về bộ máy bài tiết. (*Hạ tiêu* như dọc, thuộc bài tiết khí—下魚如濤，屬排泄器). Ông Chương Thái Viêm thì nói: *tam tiêu* tức là ống lâm ba. (Chương Thái Viêm Thị, tắc vị *Tam Tiêu* tức lâm ba quản—章太炎氏，則謂三焦即淋巴管。). Chính là người thầy tri, thầy naon, chỗ thấy của ông có lý do tương đối. Nhưng ông chỉ giải thích danh nghĩa *tam tiêu* trên sinh lý mà thôi.

Tôi thì hiểu: Danh nghĩa *tam tiêu*, khả dĩ để làm phù hiện cho giới hạn cạn sâu, trên chỗ trải qua của bệnh chứng.

Thượng Tiêu: đại biểu thời kỳ bệnh chứng sơ phát.

Trung Tiêu: đại biểu thời kỳ bệnh chứng kế tục tiến hành.

Hạ Tiêu : đại biểu thời kỳ bệnh chứng giảm thổi, thân thê suy nhược.

Đây là khái giải theo ý kiến tôi, không phải bồn ý của Ông Các Thông vây.

Lại nữa, xét về bệnh Thương Hán Ôn Nhiệt, cũng đồng một loại với Bệnh Cảm Mạo, trạng chứng phát bệnh đại lược vẫn giống nhau, duy có lúc sơ khởi, ôn lạnh cùng chảng ôn lạnh, khát nước cùng chảng khát nước, sai biệt nhau thôi. Kinh Thái Dương là đại danh từ của thê ôn, thống hạc sự vận hành của phần Dinh, phần Vệ đúng theo chứng mực. Phàm những bệnh chứng *tán cảm*, không ngoại phạm vi của Kinh Thái Dương.

Ông Ngõ Cúc Thông nói: Bệnh Ôn Nhiệt ở tam tiêu, lúc sơ khởi thì bệnh tà ở thương tiêu, rồi lẩn hồi truyền xuống trung tiêu và hạ tiêu. Song trong lúc làm sàng chẩn đoán, thì không thấy có mạch, chứng gì dị biệt để làm bằng cớ. Không biết chỗ thấy của ông Cúc Thông ở đâu, mà biết được ở bệnh của Chứng thương hán ôn nhiệt bắt đồng như vậy. So sánh lại, ông Lục Cửu Chi, lấy Sách Chi Nam đẽ niết tạo ra Bệnh Ôn Nhiệt ở tam tiêu, mượn danh ông Lưu Hà Gian đẽ làm công cụ đối đòi. Đợt Hoài Âm ông Ngõ Cúc Thông nghe lóm theo, rán gượng phản chia ngõ ngách tam tiêu với sáu kinh mới thành ra có việc dĩ ngoa truyền ngoa vậy.

Luận về bệnh Ôn Dịch nguyên nhân do tạp khí gây ra

Khi hậu của thời linh thay đồi, cảm thương mà ráy cho thê ôn sai với thường thái, đều là chứng hậu sơ khởi của bệnh Thời Linh, ngày xưa bao quát chung với bệnh Thương Hán của Kinh Thái Dương. Còn có bệnh cơ tiềm phục, ở trong bị uẩn át, thì gọi là phục tà. Khi Phong, Khi Hàn, Khi Thủ, Khi Thấp, không có khi nào

mà chẳng tiềm phục được. Phục tà phát khởi ra phần cơ biền, thì trong Sáu Kinh, không có kinh nào mà chẳng phát sanh bệnh chứng được. Thế nên thầy thuốc xưa, cho là bệnh chứng bốn mùa, bệnh *tân cảm*, bệnh *phục tà*, đều bao quát trong sáu kinh. Duy có tà khi ốm trước, từ miệng mũi hít vào, truyền vào phần Đầu, thì ông Ngô Hựu Khả và ông Dương Lật Sơn, nhận cho là tạp khí. Mặc dầu giống với các bệnh tà tiềm phục ngoại phát, nhưng nguyên nhân thọ bệnh, và trạng chứng phát hiện cần phải phân biệt.

Một mặt thì, căn cứ theo khi hậu lạnh nóng của thời lịch thay đổi; một mặt thì, căn cứ trên sự truyền bá nể trước của mỗi địa phương, đem đến một loại bệnh khuôn hữu tình, do vi sinh vật truyền nhiễm. Sở dĩ nói : Bệnh tà từ miệng mũi mà vào, thi nên nói là : *Bệnh Khuẩn Truyền Nhiễm* cho rõ ràng hơn.

Trước giờ cho ông Ngô, ông Dương góp chung hai bệnh Ôn Dịch và Ôn Nhiệt lại làm một, mà luận trị lẫn lộn nhau, e không tránh khỏi cái tệ lộn xộn không rành. Lại còn xác nhận Bệnh Chứng Phục Ôn là bệnh Ôn Dịch và muốn đánh đòn những thành án cũ: lịch đại y gia lý luận về bệnh Phục Ôn. Lập thuyết lỗ mang e không tránh khỏi vì chỗ sơ suất mà hại người Cho nên cần được đặc biệt cù chánh.

Chỗ dị đồng của Tân Cảm, Phục Tà, Thương Hàn, Ôn Bệnh

Từ Đời Thanh về sau, nói về bệnh cơ của chứng

Ôn Nhiệt, phần nhiều giống nhau ở chỗ : Bình Thương hàn, thì bình tà từ ngoài vào, cho nên dùng thuốc phát hàn càng sớm càng tốt. Bình Ôn nhiệt, thì bình tà từ trong ra, cho nên dùng thuốc thông hạ càng sớm càng hay. Lấy đây để hoạch phân ranh giới Hồng Cầu giữa bệnh Ôn Nhiệt và bệnh Thương Hán, sự thực không phải thế.

Nên dùng thuốc phát hàn, hay thuốc thông hạ, tất phải nhâm vào bệnh chứng phát hiện làm tiêu chuẫn. Nếu không khảo sát bệnh chứng cách tinh thường, chỉ cầu chép lấy danh từ Thương Hán, Ôn Nhiệt, theo thành kiến khẳng định, thì không tài nào tránh khỏi sai lầm. Muốn biết đến chỗ cửa cánh, trước hết phải khảo sát ý nghĩa của sự mang danh.

Thầy Thuốc xưa, lấy hai chữ Thương Hán, để tổng xung cho tất cả bệnh chứng Cảm Mạo, bao quát: Chứng Phong, Chứng Ôn, Chứng Thủ, Chứng Thấp các chứng. Câu « từ ngoài vào trong » là chỉ cho các bệnh Tân Cảm. Hai chữ « Ôn Nhiệt » là biệt danh của bệnh Phục Tà ở bốn mùa. Phản bệnh tà tiềm phục, không chờ bị cảm mạo, mà bệnh tự phát, đều là bệnh Phục Tà, và bệnh tinh truyền biến, hết lớp này mọc ra lớp khác không cùng (giải rõ trong bài Chứng Hậu Các Bệnh của sách này). Thầy thuốc xưa, chỉ lấy câu: « dùng thuốc thông hạ càng sớm càng tốt » làm bao quát, thì đủ thấy chỗ giản lậu của Thầy Thuốc xưa là dường nào.

**Bệnh Ôn Tà cảm thọ
từ trên miệng mũi vào.**

Thầy thuốc đời nay, đều nhận cho là: Bệnh độc Thương

Hàn từ bị mao chui vào ; bệnh độc của Bình Ôn Dịch từ miệng mũi chui vào. Họ nói cách đường thấy rõ ràng như vậy.

Ông Cố Cảnh Văn nói : Bình độc Ôn Dịch cảm tho ở thượng bộ. (Ôn tà thương tho — 溫邪上受).

Ông Hoa Trúc Văn nói : Bình độc Ôn Dịch cảm xúc, chỉ lấy miệng mũi làm giới hạn — (Ôn tà chỉ cảm xúc, chỉ dĩ khẩu tỳ vị han — 溫邪之感觸，只以口鼻為限). Trước giờ thì nhìn thẳng vào sự diễn biến của bệnh cơ mà quan sát lấy.— Ông Ngô Hựu Khả nói : Bình độc Ôn Dịch là do bệnh khuẩn truyền nhiễm, đường lối xâm nhập vào thân thể con người, không thể lấy miệng mũi làm giới hạn. (Ôn dịch chỉ tà, vì bệnh khuẩn chỉ truyền nhiễm, kỳ đờ kinh, thà bất năng dĩ khẩu tỳ vị hạn — 痘疫之邪，為病菌之傳染，其途徑，且不能以口鼻為限). Nếu khi hậu bốn mùa thay đổi, thân thể cảm giác lạnh nóng bất thường, thi đâu phải riêng có miệng mũi gánh lấy trách nhiệm.

Hàn tà kích thích ôn độ ở phần bì phu, vì lẽ ấy mà người xưa xác nhận là « bệnh độc Thương Hàn theo phần bì phu mà vào ». Còn như gấp lúc khí hậu nóng nực hoặc sức nâng như thiêu như đốt, cảm tho thành bình, sự vận hành của phao Dinh, phần Vệ phát sanh chướng ngại ; lúc đầu khởi bình, thè ôn tất nhiên bị biến hóa tương đương, là thấy rõ không phải do miệng mũi tho tà vậy.

Hoặc cho danh từ « ôn tà thương tho » của ông Cố, là nói về khí hậu ôn nhiệt dồn ép, ôn độ lên cao, huyết

quáu ngẫu ngibel ở trong. Trong lúc công dung phóng tản của thè ôn mất chức, thì sự điều tiết trong thân thè, tất phải nhờ ở sự ho hea thở gấp của Phổi, để rán tim lấy sự khôi phục cho sinh lý. Song sức phóng tản thè ôn ở trong thân thè con người, công tác của lỗ chân lồng, chiếm lấy tám chục phần trăm (80 %) trong toàn thè.

Chứng thương hàn của Thang ma hoảng, là vì quá sứ: ôn lạnh, da thịt eo rút, lỗ chân lồng đóng chặt, thè ôn không thè theo lỗ chân lồng phóng tản ra bên ngoài, mới bón tập lên Phổi gây ra *Chứng Khi Suyễn*. *Thang ma hoảng*, *thang ma hoảng nhị việt tỳ nhứt*, *thang ma hạnh thạch cam*, đều do trạng chưng này mà lập pháp. Đem câu: « ôn tà thương thọ » của Ông Cổ, để giải thích cho bình lý của chứng hậu này, thực rất phù hợp.

Người ta không rõ được lý này, muốn mượn danh nghĩa của Bình Ôn Nhiệt, dựng lên một màu cờ riêng biệt. Còn Ông Cúc-Thông thì trộm lấy bớt dài của người trước, lại muốn cùng Sách *thương hàn luận* của Ông Truong Trọng Cảnh, chia cắt một nửa giang san. Thực là không hiểu được bình lý Thương Hàn Ôn Nhiệt chút nào.

CHƯƠNG THỨ BA

PHƯƠNG PHÁP CHẨN ĐOÁN BÌNH THỜI LỊNH

Phương pháp chẩn đoán Bình Thời Lịch khá nhiều, ở đây chỉ chọn lấy năm phép giản yến, phân biệt giải thích như sau :

1. Phân biệt bình Tân Cảm, bình Phục Tà. Bình chứng Thời Lịch, điều cần phân biệt trước nhất là *tân cảm* và *phục tà*. Bình *tân cảm*, bệnh nhân sức khỏe đầy đủ, cảm thọ bình đúc khinh siêng, thì chữa trị rất dễ công hiệu, có khi không cần chữa trị, bệnh cũng tự khỏi.

Bình *phục tà*, thì bệnh nhân sức khỏe yếu đuối, mà bệnh độc sâu nặng và truyền biến khôn lường, cần được chữa trị hợp pháp, ví như: lột chuỗi ướm tơ, hết lớp này đến lớp khác không cùng. Nếu không phải bức y gia kinh nghiệm sung túc, ít khi tránh khỏi bệnh tinh mè hoặc. — Chỉ ư phương pháp phân biệt: *Bệnh thể từ ít, lẩn hồi tăng nhiều, là do tân cảm.* Mọi khi mắc bệnh, nước tan dịch từ thời tồn thương, biến chứng luân phiên phát tác, thì biết ngay là *phục tà*.

2. Lạnh hay Nóng. bệnh tà ở phần *bì*u, hay vào phần *lý*, tất phải phân biệt ránh rẽ. Chỗ ưu điểm của Y Học Cổ Truyền, là ở nơi phân biệt *bì*u, *lý*, *hàn*, *nhiệt* của bệnh cơ. Khi hậu của thời lịch thay đổi, sanh

ra các loại bệnh chứng, chính là chỗ trị liệu rất đặc trường của Đông Y. Cho nên biếu, lý, hàn, nhiệt, chiết lấy một địa vị rất trọng yếu trong sách *thời linh binh học*, phân biệt biện luận như sau:

1.— BIẾU HÀN CHỨNG (Chứng lạnh ở phần cơ biếu).

Phàm bệnh đầu nhức, mồm nóng, sợ gió, ôn lạnh, cõi đor, lưng đau, mạch đi khẩn, không mồ hôi, ấy là chứng lạnh ở phần biếu.

2.— LÝ HÀN (CHỨNG) (Chứng lạnh ở phần lý)

Tay chân lạnh đồng, mạch đi Vi; ia nước trong có mùi tanh như mùi Cải Bè Xanh, ấy là Chứng Lý Hàn.

3.— BIẾU LÝ GIAI HÀN CHỨNG (Chứng Trong ngoài đều lạnh)

Đầu nhức, ôn lạnh, không mồ hôi, đau bụng, mửa ia, tay chân lạnh, mạch đi Trầm, ấy là Chứng Trong Ngoài Đầu Lạnh.

4.— BIẾU NHIỆT CHỨNG (Chứng ở phần cơ biếu)

Phàm Chứng Ôn Thủ chẳng ôn lạnh, chỉ phát nóng, tự ra mồ hôi, lòng hút rút, miệng khát nước, ấy là Chứng nóng ở cơ-biểu.

5.— LÝ NHIỆT CHỨNG (Chứng nóng ở phần trong)

Tay chân ra mồ hôi, phát tác triều nhiệt, không đi đại tiện, bụng trương đầy, lòng hút rút, sợ nóng, hen

suyễn, không nằm được, trong bụng chướng hơi đánh rầm, nóng lâm thì phát cuồng, ấy là chứng Nhiệt ở trong.

6.— BIỂU LÝ GIAI NHIỆT CHỨNG (Chứng trong ngoài đều nóng)

Cường Triều Nhiệt, tự ra mồ hôi, bụng trướng đầy, đại tiện không thông, lòng bứt rút, nói xàm, họng khô, lưỡi ráo các chứng.

7.— LÝ CHÂN NHIỆT, NHI BIỂU DÀ HÀN CHỨNG.

(Chứng trong chân nhiệt, mà ngoài dà hàn)

Phèm lưỡi nóng họng khô, tưa lưỡi mọc chông gai, cuồng họng sưng đau, chớn thủy bì đầy, bụng trướng, lấy tay đè lên thì đau lấm, khát nước mà đòi uống nước lạnh, dài rit, nước tiểu đât, đại tiện bí kiết mà phân dẻo như sáp, hoặc ỉa nước trong, mà mùi hôi thối gắt gao, ấy là Chứng Ở trong Chân Nhiệt. Duy có phần da thịt khắp cả người sờ lạnh như nước đá, móng tay xanh đen, sán mạch động nhỏ rút như sợi to. Ông Ngô Hựu Khả nói : Thân thè lạnh, mạch động lạnh. (thè khuyết, mạch khuyết — 露厥脉厥) chính là bệnh này vậy.

8.— LÝ CHÂN HÀN, NHI BIỂU DÀ NHIỆT.

(Chứng trong chân hàn, mà ngoài dà nhiệt)

Triệu chứng có hai :

A) Chứng phần Trung Dương suy nhược, ỉa mửa đau bụng, tay chân mát lạnh, tự đỡ mồ hôi lạnh, sỏng lung ón lạnh dữ tợn, tiếng nói yếu ớt, ăn ít bụng đầy.

hai chân rất lạnh, nước tiểu trắng trong, tưa lưỡi nõn na béo láng, hoặc tưa lưỡi trắng như vôi, hiện một quầng ngay giữa lưỡi; mạch động Trầm Vi muốn dứt, đó là bằng chứng ở trong thực lạnh. Duy ở phần cơ biêu tông, phiền táo, khát nước, nhưng uống nước không được nhiều, đó là phao dả nhiệt hiện ở bên ngoài vậy.

B) Chứng Tạng Tâm suy nhược, hơi ngắn, thở nhịp một, đầu xây xầm, lòng hồi hộp, hai chân lạnh, nước tiểu trong, ỉa nhão, hoặc ỉa chảy, hơi thở yếu, nói chẳng rõ, tưa lưỡi dày láng mà no, đó là chứng cứ chân hàn ở trong. Duy miệng mũi có khi ra mava, miệng khô, nướu răng sưng, sắc mặt ửng đỏ, mạch đi Phù Sét, đe mạnh tay thì tan mắt, ấy là chứng Dà Nhiệt hiện ở bên ngoài vậy.

3. Thăm tra thê chất ẩm mìn yểu

Bệnh chứng phát biến, lấy thê chất làm chủ, lỵ nhur, người thê chất sốt trúng dễ bị Chứng trúng phong; người thê chất phổi lao, dễ bị Chứng lao phổi... không phải như thuyết của Tây Y, phân biệt về thân kinh chất, da huyết chất. Bởi bài này cần cứ trên bình lý, không quan hệ với sinh lý, trên phương pháp chẩn đoán Bệnh thời lịch, thăm tra thê chất của bệnh nhơn là việc tắt yếu; vì trong thê chất tự khỏi biến hóa, là tố nhơn của các bệnh chứng. Nếu không tố nhơn, thì dù nhơn không để gì cảm tho.

Người huyết nhiệt úng tắc bên trong, dễ bệnh Ôn Thủ.

Người thê ôn suy giảm, thì dễ bệnh Thương Hán.

Người chất tan dịch khô thiếu, thì dễ bị bệnh Thương Táo.

Người đàm nhai ngừng trệ, thì dễ bị bệnh Thấp độc.

Thè-chất có quan hệ với bệnh chứng là như thế.

4.— Quan sát lưỡi, tưa lưỡi và mạch

A) Môi: Phàm sắc môi thâm đen đỏ sưng, đều thuộc Nhiệt Tả uất át ở trong, nên dùng phép thanh giải. Như sắc môi đỏ sậm, mà nứt rách, hoặc sưng phù đỏ nám, miệng thở dị thường, đều thuộc bệnh nóng uất ở trong; nên dùng thuốc thanh, thì có pháp *thanh đạt, thanh thấu, và thanh tiết*, (các phép giải thẩy ở các phương thang phía sau) không giống nhau.

B) Lưỡi: Chất lưỡi đỏ hay nhạt, là dễ phân biệt trong người độ nóng cao thấp; tưa lưỡi dày mỏng, là dễ phân biệt bệnh thể cạn sâu. Chứng Tân, Cảm, sắc lưỡi phần nhiều như thường; Chứng Phục Ôa, sắc lưỡi phần nhiều đỏ tươi, hoặc khô đỏ. Bệnh Thương Hàn, lúc sơ khởi sắc lưỡi phần nhiều trắng nhạt; Chứng Phục Thủ sơ khởi, sắc lưỡi phần nhiều đỏ hồng.

C) Tưa lưỡi: Chứng *tân cảm*, màu của tưa lưỡi từ trắng đến dày, tiếp theo hoặc ửng vàng, hoặc như màu vôi. Chứng Phục Ôa lúc sơ khởi, phần nhiều lưỡi không có tưa, sắc lưỡi thâm hồng, hoặc khô đỏ, đến khi dùng phép *thanh thấu*, lưỡi mới bắt đầu trải lên một lớp tưa trắng.

D) Mạch: Chứng ôn nhiệt thương hàn, Chứng tân cảm, lúc sơ khởi, phần nhiều mạch động tháo (táo) (người xưa

ngộ nhận là Mạch sát, kỳ thực Mạch thảo với Mạch sát giống nhau) thì bình nhẹ mà dễ trị. Như Mạch động phù đại mà đổi mạch táo, là bình tà đã lộ ra ngoài, cho uống một tè lương tần, tự nhiên khỏi bệnh. — Mạch động trầm té mà dài Mạch Táo, là do chán khí đã suy nhược, mau dùng thuốc thanh thấu, còn có thể vẫn cầm.— Như mình nóng, phiền táo, tình thần hỗn loạn, khát nước, chẳng đi đại tiện; tượng Mạch động Trầm Té không súc, hoặc Trầm Trì đường như không mạch, là nhiệt tà xâm phạm vào trong, Tạng Tâm suy nhược thái thâm. Mặc dầu dùng phép thanh thấu, nhưng thuốc về trọng chứng nguy hiểm, không dễ gì chữa trị.

5. Khảo nghiệm hai đường tiện và nhan sắc

Chứng tán cảm lúc sơ khởi, hai đường đại tiện tiện không có chỉ thay đổi. Chờ cho nhiệt tà kê lỵ lâu ngày, đường tiêu tiện từ mà vang đòi ra màu đỏ, thậm chí đi tiêu nhiều từ giọt, mà trong ống tiêu nghe đau. Ruột già khô ráo không tư nhuộm, đại tiện bắt đầu táo kiết cứng rắn. Cần có trường hợp hỏa độc sắc nếu ở bên trong, mà đại tiện toàn nước trong, thì phát định dùng thuốc công hạ.

CHƯƠNG THỨ TƯ
PHƯƠNG PHÁP CHỮA TRỊ BÌNH THỜI LỊNH

Bình chứng Thời Lịnh, thi lấy khí hậu thay đổi làm chủ thể. Nhận vì khí hậu thay đổi mà gây nên tật bình, như là : Khi trời lạnh lẽo bất thường, mặc áo mỏng dinh, khi trời nóng nực bã: thường ở trần trùi trui, không khí lạnh lẽo kích thích ở phần bì phu. (Thầy thuốc xưa gọi chung là Thương Hán).

Cách Trị : Lúc bình mới sơ khởi, nên *khai biều trực tà*, bằng cách : *tán ớn phát hàn* hay *tán lương phát hàn*, châm churóc liệu dùng. Nếu bình không có phục tà hoặc ngộ trị biến-chứng, thì có thể trị khỏi cấp kỵ. Như bình tà cà kè năm sáu ngày lâu lác, trở thành Chứng : nửa ngoài nửa trong, lạnh nóng qua lại. (Hàn nhiệt vãng lai chỉ bán biều bán lý chứng – 往來寒熱之半表半裏證。) thì nên đầu tè hòa giải, đê hòa giải chứng lạnh nóng hỗ tương cấu kết.

Nếu Chứng Nội Nhiệt & trong người trầm trọng, biến chứng nóng hỗn, lòng phiền táo, tự ra mồ hôi, khát nước, là Chứng của Kinh Dương Minh. (Tâm phiền can nhiệt, tự hàn khầu khát chí Dương Minh Chứng – 心煩元熱，自汗口渴之陽明證。) thì nên dùng đại tè thanh lương, làm cho Chứng nóng & trong trở nên mát, và thông lợi hai đường đại tiện tiện. Ấy là phương pháp chữa trị bồn chứng của Bình Thời Lịnh vậy.

Còn như kiêm có Tý Vị hư hàn, chứng của Thái Âm Kinh; Tạng Tâm suy nhược, chứng của Thiếu Âm Kinh; lạnh nóng hỗn tương cầu kết, chứng của Khuyết Âm Kinh, thì nên tùy theo kiêm chứng mà chữa trị.— Ngoài ra như : Chứng Xuân Ôn, Chứng Phong Ôn, Chứng Thủ Ôn, Chứng Thấp Ôn các chứng, thì lại có phương pháp riêng biệt của mỗi loại bệnh, chữa trị không giống nhau. Song đại yếu không vượt ngoài ba kinh dương. Rõ được lẽ này, thì sự phân tranh tụ tung của các nhà y học cù kim về phép trị bệnh thương hàn ôn bệnh, chẳng còn thấy khó với lối học « nhứt dĩ quán chí ».

THIỀN HAI

Các lời luận về Bình Thời Linh

Bình Thời Linh chính là : *Bình Xuân Ôn, Phong Ôn, Ôn Bình, Thủ Ôn, Phục Thủ, Tháp Ôn, Thủ Táo, Đóng Ôn, Thương Hán*. Duy có chủng loại tho định giữa chúng *Tân Cảm* với *Phục Tà* thì sai biệt nhau. Bình *Phục Tà* phát tác, thì có phát ở phần khí, hoặc phát ở phần huyết hất nhất, bình chứng dị biệt nhau, chia ra từng chương mà luận trị.

CHƯƠNG THỨ NHỨT

BÌNH XUÂN ÔN

Trong Tiết Trọng Xuân, cảm xúc khí hàn tà của thời linh mà phát bệnh, là thuộc về Chứng *Phong Ôn* của bệnh *Tân Cảm*. Như chứng *Phục Ôn* từ trong phát ra, chứng *Tân Cảm* từ ngoài lai cảm vào, là thuộc về chứng *Xuân Ôn* của bệnh *Phục Tà*. Duy sự phát tác của bệnh *Phục Tà* cần phải phân biệt : bình phát ở phần khí, hay

phản huyết, chương này cũng chia ra từng tiết tự thuật rõ ràng.

1. CHỨNG XUÂN ÔN CỦA BÌNH TÂN CẨM

NGUYỄN NHÂN: Trong tiết Trọng Xuân, khí trời tuy ấm áp, nhưng hơi lạnh của mùa Đông hãy còn cặn lại, cảm xúc khí hàn tà của Mùa Xuân kích thích vào thân thể mà sanh bệnh.

BÌNH LÝ: Ôn độ ở trong thân thể con người, cần có một tiêu chuẩn nhất định, mới đủ sức duy trì cho thường thái sinh hoạt, đó là người bình thường không bệnh. Cứu cánh nguyên lý thề ôn sở dĩ lên cao, gây nên máu nóng ủng tắc ở trong, là không ngoài: ăn uống đồ cay nóng, giận giỗi bất thường, tướng hỏa vong động, lao lực quá độ! các lý do này có thể gây cho trong thân thể tăng lên một nhiệt độ tối cao. Vì thề ôn lên cao bất thường, cho nên dễ bị cảm xúc hàn tà. Chứng Xuân Ôn của bình Tân Cẩm, nếu không có huyết nóng ủng tắc ở trong gây ra tố nhân, thì bất quá cũng cảm mạo sơ sài mà thôi vậy.

Bởi lẽ huyết nóng ủng tắc ở trong, hàn tà ăn phục ở ngoài cự bối lẫn nhau, cho nên ngày giờ trải qua rất dày dura, đến thời kỳ chót của bình chứng, là chờ cho khi náo lỗ mũi chảy máu (tỷ nục), hoặc ban chấn mọc ra ~~đaszoe~~, thì bình mới chịu khỏi.

CHỦNG HẬU: Lúc bình sơ khởi, thì nhức đầu, ón lạnh, mình nóng, không ra mồ hôi, hoặc mình mẩy đau nhức không thư thái, hoặc ho hen, khát nước, hoặc lồng phiền táo, họng đau các chứng. Tiếp theo, da dày no buồn, cạnh sườn đau lói, lồng ngực không thư thái, lạnh nóng qua lại giống cũ rét, đại tiện bé kiết, tiểu tiện vàng rit. Nóng làm thì lồng bức rút, rối loạn, khô họng khát nước, thèm uống nước, hoặc ra máu mũi (ý nực), hoặc mọc ban chàm.

CHẨN ĐOÁN: Hình mạch ở bực phù thi động *Huyễn Khẩn*, là hiện tượng bị hàn tà kích bác; bực trầm mạch động *Hoạt Sát*, là hiện tượng của chứng Nội Nhiệt. Lúc bình sơ khởi, tưa lưỡi phần nhiều trắng, mỏng; hoặc nồi mут lầm tấm, trên chóp và chung quanh mут ống đỏ; hoặc trong cay lưỡi đỏ, tưa dày, là bằng cứ của bệnh Đàm Nhiệt ủng át. Kế tiếp màu lưỡi trắng hồng mọc chóng, màu chóng vàng nhạt béo láng, là bình tà đã truyền vào Phù Vị. Nên dùng thuốc thông tiết vị nhiệt.

TRỊ PHÁP: Bình sơ khởi, đầu nhức, mình nóng, ón lạnh không mồ hôi, ho hen, dùng *Thang Gia Giảm Kinh Phòng Đạt Biều*.

Nếu ón lạnh tầm thường, mà phát nóng kịch liệt, lồng phiền táo, khát nước, họng đau, dùng *Thang Gia Vị Song Xị Cát Cảnh*. Chứng Phong Nhiệt già trọng thì gia: *Phong Phong, Hoàng Cầm*.

Nếu lồng phiền táo, khát nước, ho suyễn, ón lạnh không mồ hôi, dùng *Thang Ma Hạnh Thạch Cam*, thì chứng

đen lạnh ở phần biểu lập tức khởi, chứng nóng uất ở trong cũng thông thấu ra ngoài.

Lòng phiền táo, cạnh sường đau nhói, lạnh nóng như cũ rét, dùng *Thang Sài Hồ Chì Cát*. Nóng nặng lâm, dùng *Thang Gia Giảm Cao Cầm Thành Đầm*. Mũi ra máu, gia *Xích Thược, Đơn Bi, Sơn Chi Tử (sao)*; Ban chàm mọc ra, gia: *Ngưu Bàng Tử, Liên Kiều, Xích Thược, Mẫu Đơn Bi*.

Nóng lâm, ra mồ hôi nhiều, phiền táo khát nước, uống nước chẳng thôi, dùng *Thang Tân Gia Bạch Hồ*. Ban chàm đã lộ ra, nóng nảy từ trong thông thấu ra ngoài, đắng lẽ mạch động hòa hoãn, minh mày mát mẻ mà mạnh. Nhưng bệnh chưa chịu mạnh, là trong trường vị tất bi đình trệ, phải gia thêm loại thuốc sơ lợi trường vị dinh trệ.

XỬ PHƯƠNG :

1.— Kinh phòng đợt biểu thang

(phép Tân ôn phát hạn)

Gia giảm phương kinh nghiệm của Ông Dù

Kinh giới	荆芥	1 tiền ruồi
Tô Diệp	蘇葉	1 tiền ruồi
Quất hồng	橘紅	1 tiền ruồi
Kiến khúc (sao)	建曲炒	3 tiền
Gừng sống	生薑	2 miếng
Phòng phong	防風	1 tiền ruồi
Bạch chỉ	白芷	1 tiền ruồi
Xích linh	赤芩	3 tiền
Hành củ	葱頭	2 củ
Hạnh nhân	杏仁	2 tiền

2.— Gia vị song xị cát cánh thang

(phép Tân lương phát han)

Gia giảm Phương chữa hàn

Song bạch	葱白	1 tiền ruồi
Cát cánh	桔梗	1 tiền ruồi
Chi tử (sao)	枝子炒	1 tiền ruồi
Trúc diệp	竹葉	3 tiền
Đậu sỉ	豆豉	3 tiền
Bạc hà	薄荷	1 tiền ruồi
Liên kiều	連翹	3 tiền
Cam thảo	甘草	8 phân
Ngân hoa	銀花	3 tiền
Xích linh	赤苓	3 tiền
Trần bì	陳皮	1 tiền ruồi

(Lồng ngực bức rút già : chì xác, ngọc kim, ; và nhọn già : bán hạ, đại giả thạch ; ho hen già : ngưu bán tử, tiền hồ ; nóng lâm già : tưu cầm, phỏng phong)

3.— Ma hạnh thạch cam thang

Phương của Thương hàn luận

Ma hoàng	麻黃	1 tiền
Hạnh nhân	杏仁	3 tiền
Cam thảo	甘草	8 phân
Sanh thạch cao	生石膏	4 tiền

4.— Sài hồ chí cát thang

Phương Kinh Nghiệm của Ông Du

Sài hồ	柴胡	1 tiền ruồi
--------	----	-------------

Hoàng cầm	黃芩	1 tiền ruồi
Chí xác	枳壳	1 tiền ruồi
Cát cánh	桔梗	1 tiền ruồi
Bán hạ	半夏	1 tiền ruồi
Trần bì	陳皮	1 tiền ruồi
Gừng sống	生薑	2 miếng
Hành sống	葱白	1 tiền ruồi

5.— Cao cầm thanh đàm thang

Phương kinh nghiệm của Ông Da

Thanh cao	青蒿	3 tiền
Chí xác	枳壳	1 tiền ruồi
Ché bán hạ	製半夏	1 tiền ruồi
Quảng bì	廣皮	1 tiền ruồi
Hoàng cầm	黃芩	1 tiền ruồi
Trúc nhụ	竹茹	3 tiền
Bích ngọc tản	碧玉散	3 tiền gói riêng
Xích linh	赤苓	3 tiền

(Ban Chân không lộ, thì gia : *Tây hà liễu, Anh đào hạch*).

6.— Tân gia bạch hổ thang

Gia vị phương của Thương hàn luận

Sanh thạch cao	生石膏	1 lượng
Sanh cam thảo	生甘草	1 tiền ruồi
Tiền trúc diệp	鮮竹葉	3 chỉ
Tri mẫu	知母	4 tiền
Tiền hà diệp	鮮荷葉	5 tiền
Huyền sâm	玄參	5 tiền
Sơn chi	山楂	3 tiền
Đăng tâm thảo	草心燈	5 phần

2. CHỨNG XUÂN ÔN CỦA BÌNH PHỤC TÀ

NGUYÊN NHÂN : Thầy thuốc xưa nói: Mùa Đông khi hàn tiềm phu, đến mùa Xuân hóa làm bệnh ôn. (Đông lạnh hanh khí tiềm phục, chí xuân hóa vi ôn bệnh—冬令寒氣潛伏，至春化為溫病。) Con đường tiềm phục của bình tà, người thi nói tiềm phục ở phần cơ phu, người thi nói tiềm phục ở phần huyết. Sự thực là hàn tà cảm xúc ở phần bì phu, tổ chấn lồng bị bể tắc, vật lão phế không bài tiết ra ngoài sach sẽ, lâu ngày chầy tháng mới sanh ra bệnh vảy. (vì lẽ thê ôn phòng tán bị chướng ngại).

BÌNH LÝ : Bệnh này nguyên nhân do bình tà tiềm phục, xúc động với khí Xuân hàn mà phát tác ra ngoài vảy. Ông Vương Thủ Hòa nói: Vì mùa Đông cảm thô khí hàn tà, tiềm phục ở phần bì phu cơ nhục, đến mùa Xuân biến làm Bình Ôn. (Đi đông lạnh sở thô hàn tà, phục ư bì phu cơ nhục, chí xuân biến vi Ôn Bình—冬今所受寒邪，伏於皮膚肌肉，至春變為溫病。) Ông Dụ Gia Ngôn nói: Mùa Đông cảm thương bình Phục Tà của khí hàn, bình tà trốn nấp ở phần bì phu; Mùa đông Bình Phục Tà của chứng bất tăng tinh, thi bình tà trốn nấp ở tạng thận. (Đi Đông thương ư hàn chi phục tà, phục ư bì phu; Đông bất tăng tinh chi phục tà, phục ư thận tạng—冬傷於寒之伏邪，伏於皮膚，冬不歲精之伏邪，伏於腎臟。) Ông Liễu Bảo Di nói: Bệnh Phục Tà cảm thương khí hàn của mùa Đông, là nói về tà khí thực; bệnh Phục Tà của mùa đông chẳng tăng tinh, là nói về chánh khí hư. (Đông thương ư hàn chi phục tà, ngôn kỳ tà thực; Đông bất tăng tinh chi phục tà, ngôn kỳ chánh hư—冬傷於寒之

伏邪，言其邪實，冬不藏精之伏邪，言其正虛。) Ngữ khi dương chia hai nេo, mà ý nghĩa qui về một suối. Nếu mùa Đông chẳng tàng tinh, mà không hề cảm thọ hàn tà, thì thuộc về chứng hư thuần túy, không can hệ gì với Chứng Phục Tà của Bình Ôa. Nhận vì bình tà lúc sơ tho, thì gặp khi tạng thận từ trước đã suy nhược. Cho nên bình tà mới gom lại, mà trốn vào Kinh Thiếu Âm.

Xét vi danh từ *phục tà*, bắt đầu có từ Sách Y Lược của Ông Tưởng Văn Trại, suy diễn nghĩa lè Chứng Phục Hán trong Sách Nội Kinh. Phát minh sáu khí đều có khả năng tiềm phục, bắt đầu từ Sách *phục tà tân tho* của Ông Lưu Kiết Nhơn.

Tra cùn chủng loại bình Phục tà, không phải chỉ giới hạn có một loại Bình Hán Phục mà thôi, Nguyên nhân cảm tho, là vì một bộ phận trong thân thể cảm tho bình tà, cảm giác ngưng trệ, phát sanh tác dụng của bình lý : Bộ máy tuần hoàn chướng ngại, huyết dịch uất tắc, thành phần lão phế của sản vật, không bài tiết tận lượng đúng theo định luật Tân Trần Đại Tạ, định tính lâu ngày ở trong; lại thêm cảm xúc với tân tà ở ngoài. Cho nên bình thể phức tạp, truyền biến rất mau, so sánh với bình Cảm Mạo đơn thuần khinh siêng, sai biệt nhau khá xa. Ấy là nguyên lý của Chứng Phục Tà mà sanh ra bình.

a) Bình phục tà ở phần khí.

Lúc sơ khởi, nhức đầu, đau minh, không ra mồ hôi, ớn lạnh. Kế đó thì lạnh nóng dương rét (tự ngược), miệng đắng sùm đầy. Quá lâm, thì mắt đỏ tai điếc, ngực buốt muỗi mửa.

Bình tà truyề̄n ra phần cơ biếu mà thấu đạt ra ngoài, thì nóng như thiêu, lòng phiền táo, khát nước uống liên lién, không sợ lạnh, chỉ sợ nóng. Thái thà̄m, thì tinh thần hỗn loạn nói xà̄m, bộ ngực phát hiện ban châ̄u, ỉa bón, dài đờ.

9) *Bình phục tà ở phần huyết.*

Lúc sơ khởi hơi ớn gió lạnh, mình nóng không mồ hôi, hoặc họng đau miệng khô, mặt đỏ môi nám, Ké đờ thì lạnh ít, nóng nhiều, hơi nóng sờ muối phồng tay, hoặc ra mồ hôi, nhưng vẫn nóng, hoặc thái huyết, lòng phiền táo, hoặc ú huyết, biến chứng như điện cuồng, tay chân vung vẩng, thèm thức lờ mờ, táo động thì nói xà̄m, yên lặng thì làm thính, hoặc hình trạng như Chứng Kinh-Giả̄n, tay chân rút giật, và lạnh đờ, mà bộ ngực và bụng sờ thấy nóng rực.

Riêng có chứng nóng vào buồng tinh. Lúc sơ khởi, chứng hận vẫn giống nhau, day miệng khô luỗi ráo, phiền táo nói cuồng hoặc mửa máu, hoặc nhóm chân răng, lưng đau như gãy, bung dưới nặng trắn; con trai thì *dị tinh mộng tinh*, con gái thì *xích bạch dài hạ* *dầm dề*. Quá lâm thì khi nghịch lén chói tim, có hồi muốn lạnh run, hết lạnh run thì gân thịt thu rút, mình mày cứng đờ (Kinh 痹), sau khi mình mày cứng đờ lại lạnh run, luân phiên nhau, gân động thịt giật, hai mắt trợn ngược, hoặc ngo xoè, luỗi co lại, dài rút lên.

CHẨN ĐOÁN : Tưa luỗi lúc đầu thì trắng dày, chung quanh chót luỗi đều đỏ, hoặc gốc luỗi hồng mà tưa luỗi trắng mảng. Tiếp theo thì đỏ tươi, mọc mụt lấm tấm như sao vầng, ở khoảng giữa luỗi vàng, hơi láng.

Mạch tượng, thì ba bộ bên tay trái, ứng Mạch Phù Huyền kiêm Mạch Kiasm; ba bộ mạch bên tay phải, ứng Mạch Huyền hoạt, Trầm Sát, là thuộc chứng lạnh ở bên ngoài, kích bát với chứng nóng ở bên trong. Nên dùng thuốc *thanh tuyêt và tiết nhiệt*. (trị phục tà ở phần khí).

Lúc đầu thì dưới gốc tưa lưỡi ứng hồng, phần trên dọc trắng. Tiếp theo, thì màu lưỡi đỏ tươi; thái thâm thì màu lưỡi đỏ tía, ít nước miếng, hoặc đỏ thâm. Tay bên phải Mạch ứng Mạch Hồng thạnh mà dài Mạch Táo: tay bên trái, mạch ứng Mạch Huyền Tế mà dài Mạch Trầm Sát, là thuộc Chứng Âm huyết hư có phục hỏa. Nên dùng thuốc *dưỡng âm kiêm thuốc thanh thấu*. (trị phục tà ở phần huyết)

CÁCH TRỊ: *Bình Phục Tà ở phần khí*, lúc sơ khởi, nhức đầu, đau minh, ớn lạnh không mồ hôi. Kiêm có hiện tượng phiền táo khát nước, thì dùng Thang Song xí cát cánh, gia: hoàng cầm, phong phong, đê thanh nhiệt và tuyêt thông. Phương này là tuân theo cách dùng Thanh Hoàng Cầm của ông Trọng Cảnh.

Tiếp theo thì lạnh nóng giống chứng Cử Rét, người nóng rực, lòng phiền táo, khát nước uống nước liền liền, miệng đắng, sườn dày, ỉa bón dài đỏ, thì dùng Thang Sài hò thanh cách, đê cồi mồ nóng uất nupp ở hai phần biêu lý. (nếu trong phương này gia: cát cẩn, hoàng liên, tức là Tân Lương Cách hợp với phương Thang Cát cẩn cầm liên.

Nếu thể nóng còn dương thanh hành, ban chán sấp

mọc ra, thì dùng Thang Tân già bạch hồ, già ngưu bàng tật, đại thanh diệp, mẫu đơn bì, tay hà liễu diệp, đê thanh Chứng uân nhiệt và thắn lợ ban chần.

Ban chần ra rồi, nhưng bình nhau vẫn còn rêu rỉ phiền táo, ua nhợn mất ngủ, đó là hãy còn đàm nhiệt quá rõ ở bên trong, thì dùng Thang Cao cầm thanh tâm, thanh giải chứng đàm nhiệt. — Chỉ như Thang Mạch Võn Đông trong sách Kim Quí, dùng vào việc điều lý trong khi bệnh chứng sắp mạnh cũng rất hay.

Bình phục tà ở phần huyết, lúc sơ khởi, hơi ớn lạnh, mình nóng không mồ hôi, lưỡi đỏ. Mạch ứ Sát, thì dùng Thang Gia giảm uy duy (nhuy), trước hết thông thấu bình tà ở phần biến. — Ké đó thì bình nhơn phát nóng sờ muỗn phồng tay, lòng phiền táo nai xâm, hoặc trong đàm vướng máu, hoặc huyết độc ứ đọng, bình nhơn như điện cuồng, múa tay quơ chán, thì dùng Âm tê giác thanh lạc.

Như mình nóng hư phiền, họng khô miệng khát, tiều tiễn không thông, thì dùng Thang Đao xích thanh tâm.

Như thắn thức lờ mờ, nói xâm, hoặc nằm thiêm thiếp không nói, đường đại tiện bế kết, bụng đầy, thì dùng phép Thông Tiện.

Như không chứng hậu bụng đầy đại tiện bế kiết, đại độc thuộc về nhiệt tà ưng đốt Trung Khu Tri Giác Thận Kinh, thì dùng cao ngưu hoàng.

Như trạng chứng giống Chứng Kinh Giảm, có lúc tay chân rút giật, thì dùng Thang Linh dương cầu đằng.

Như sau khi bình, phần khí hư, nước tân dịch khô ráo, phiền táo khát nước. Bình nặng thì dùng Thang Trúc *Điệp Thạch Cao*, bình nhẹ thì dùng *Âm Bát Trấp* của ông Cố.

Riêng có chứng nóng vào buồng tinh (nhiệt nhập tinh thất) 热入血室) lúc sơ khởi, chứng hàn vẫn tương đồng, thì Thang Gia Giảm Uy Duy cũng có thể dùng trị. Như tay bên hữu Mạch ứng Phù Hoạt mà dài Mạch Táo, tay bên tả Mạch ứng Huyền Té Trầm Sát, chứng xuất nhiệt phát hiện ra bên ngoài, tinh huyết hao hụt ở bên trong, thì trong phương này có thể bỏ Vị Cát Cảnh, Vị Bạc Hà, gia : Bạch Thược, Tri Mẫu, Sanh Địa, Hoạt Thạch.

Như miệng ráo rít khô, phiền táo nói cuồng, con trai thi *Mộng Tinh*, *Di Tinh*, con gái thi *Xích Bạch Đái Hại* cầm dề. Thầy thuốc xưa cho là : Phần âm huyết hư thoát, thận khí tan rã ở bên trong ; nhưng sự thực, trấp dịch phân bí của bì chất ở phổi thận, mất hết công dụng, đối với công tác thu súc ở vách huyết quản, và thu súc ở tinh nang đều buông xui, Cho nên huyết dịch và tinh dịch mới tự động tiết lâu cầm dề như thế. Người xưa nói : ở dưới kiệt quệ, ở trên khuyết tận (hạ kiệt thượng khuyết — 下竭上厥) rất là khó trị. Nhưng không lẽ cầm sào chờ ngủ, thử miễn cưỡng dè nghi dùng thang A Giao Kê Tử Hoàng, gia : *Tri Mẫu*, *Hoàng Bá* đều ba tiền, dè thanh Chứng Hỏa Nhiệt, nuôi phần âm huyết, an tĩnh chứng gân thịt rút giật. Bình thế nguy ngập đến đỗi này, bất quá cũng phải rán hết sức người mà thôi vậy.

XỨ PHƯƠNG:

Song xị cát cánh thang(Thầy ở chung Xuân Ôn của bình *tân cảm*)**7.— Sài cầm thanh cách thang**

Phương của Ông Đào, Ông Du già giảm

Sài hồ	菜 胡	1 chi ruồi
Sơn chi	山 柱	1 tiềng ruồi
Cát cánh	桔 梓	1 tiền ruồi
Cam thảo	甘 草	1 tiền ruồi
Hoàng cầm	黃 茗	1 tiền ruồi
Liên kiều	連 趙	3 tiền
Chí xác	枳 柚	1 tiền ruồi
Đại hoàng	大 黃	1 tiền ruồi
Bạc bà	薄 荷	1 tiền ruồi
Trúc diệp	竹 節	3 tiền

Tân gia bạch hổ thang(Thầy ở chung Xuân Ôn của bình *tân cảm*)**Cao cầm thang đàm thang**(Thầy ở chung Xuân Ôn của bình *tân cảm*)

(bở Thanh Cao, già Táo Nhán, Đại Giả Thạch)

8.— Mạch môn đồng thang

Mạch Đông	爻 冬	5 tiền
Bán hạ	半 夏	2 tiền
Sa sâm	沙 参	3 tiền
Cam thảo	甘 草	1 tiền
Ngạnh mẽ	梗 末	5 tiền
Đại táo	大 桃	2 lạng

9.— Gia giảm uy duy (nhuy) thang
(phép tư âm phát hạn)

Uy duy	威 裝	3 tiền
Bạch vi	白 蕺	1 tiền ruồi
Cát cánh	捷 桔	1 tiền
Song bạch	葱 白	2 tiền
Cúc hoa	菊 花	3 tiền
Huyền sâm	玄 参	3 tiền
Ngưu bàng tử	牛 旁 子	1 tiền ruồi
Bạc hà	薄 荷	1 tiền ruồi
Đậu xị	豆 政	3 tiền
Cam thảo	甘 草	8 phần

10.— Tè Đặc thanh lạc ấm

Phương của ông Du Căn sơ

Tè đặc	犀 角	1 tiền ruồi
Đơn bì	丹 皮	1 tiền ruồi
Bào nhán	桃 仁	1 tiền
Tiên mao cǎn	鮮 茅 根	1 lượng
Trúc lịch	竹 涼	5 tiền
Tứa cầm	酒 荸	2 tiền
Xích thược	赤 苓	1 tiền ruồi
Liên kiều xác	連 魁 先	3 tiền
Tiên xương bồ	鮮 菖 蒲	3 tiền đâm nát
Cương trấp	蓋 汗	3 giọt
Đăng tâm	燈 心	1 tiền nấu lấy nước sắc thuốc

11.—Đạo xích thanh tâm thang

Do Tân Phương Đạo Xích già giảm

Tiền Sanh Địa 鮮生地	6 tiềng
Phục Thân 茵神	3 tiềng
Mộc thông 木通	1 tiềng
Ích ngươn tán 益元散	3 tiềng
Phấn đơn bì 粉丹皮	2 tiềng
Châu đăng tâm 珠燈心	8 phần
Liên tâm 蓼心	1 tiềng
Mạch đông 美冬	5 tiềng
Trúc diệp 竹葉	3 tiềng
Quýnh bạch đồng niệu (茎白童便)	1 chung

Thuốc sắc tót hòa chung với nước thuốc uống.

12.—Ngưu hoàng cao

Phương của ông Lưu Hà Gian

Tây ngưu hoàng	西牛黃
Mẫu đơn bì	牡丹皮
Chánh mai phiến 正梅片	
Quảng ngọc kim 豐玉金	
Chanh châu thân 正珠辰	
Sanh cam thảo 生甘草	các vị chia đồng nhau.

Cách dùng: các món thuốc trên chia đều nhau, nghiền thật nhỏ, dùng 2 phần chia làm ba lần uống, hòa với nước sôi hoặc hòa chung với thuốc thang khác, cách mỗi tiếng đồng hồ uống một lần.

13.—Linh dương câu đằng thang
Phương kinh nghiệm của ông Du

Linh dương dác	羚羊角	1 tiền
Tang diệp	桑葉	3 tiền
Xuyên bối mẫu	川貝母	4 tiền
Đại sanh địa	大生地	5 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền
Câu đằng câu	鈎藤鈎	3 tiền
Phục thần	茯神	3 tiền
Cúc hoa	菊花	3 tiền
Sanh bạch thược	生白芍	3 tiền
Tửu cầm	酒芩	2 tiền

Cách sắc: Dùng 5 chi Đạm Trúc Như nấu lấy nước để sắc thuốc; đợi thuốc sôi 5, 10 đạo sẽ dễ Vị Câu Đằng vào sau.

15. Trúc diệp thạch cao thang
Phương của Thương Hàn Luận

Trúc diệp	竹葉	3 tiền
Sanh thạch cao	生石膏	5 tiền
Sao báu hạ	炒半夏	2 tiền
Sa sâm	沙參	5 tiền
Mạch dong	羌冬	5 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền
Ngạnh mè	梗米	5 tiền

15.— Gia giảm cổ thị bát tráp ấm

Bò Hà Diệp Trấp, Tây Qua Trấp;
gia Mạch Đông Trấp, Đam Trúc Lịch

Cam giá trấp	甘蔗汁
Ngẫu trấp	荔枝汁
Lê trấp	梨汁
Lô căn trấp	蘆根汁
Tiêu sanh địa	小生地
Mạch đông trấp	麦冬汁
Đam trúc lịch	淡竹瀝
Tiên mao cǎn trấp	鮮茅根汁

Các món thuốc trên, mỗi món đâm vắt lấy nước 5 tiền, hòa chung với nhau nấu sôi đồi ba dạo, mỗi lần uống 1 lượng, cách mỗi tiếng đồng hồ uống một lần.

16.— A giao kê tử hoàng thang

Gia giảm phương của Ông Định Phong Châu

A giao	阿膠	3 tiền
Bạch thược	白芍	4 tiền
Sanh qui bằn	生龜板	5 tiền
Câu dăng	鈎藤	3 tiền
Sanh địa	生地	6 tiền
Chích thảo	炙草	1 tiền
Sanh mầu lệ	生牡蠣	5 tiền
Phục thầu	菝葜	3 tiền
Kè tử hoàng	雞子黃	2 trứng

Vị Mẫu Lệ, Vị Quai Bản nấu trước, kế đó đê Vị A Giao vào nấu cho tan, đoạn chắt nước thuốc ra cho nguội tí, đê hai cái trong đỗ trứng gà vào quậy đều, hòa với thang thuốc trên chia hai lần uống.

CHƯƠNG THỨ HAI

BÌNH PHONG ÔN

Sự phân biệt giữa bệnh Phong Ôn với bệnh Xuân Ôn, khác nhau ở chỗ có mồ hôi, hay không mồ hôi. Có mồ hôi là bệnh Phong Ôn, không mồ hôi là bệnh Xuân Ôn. Như trong sách Thương Hàn Luận phân biệt : Có mồ hôi là bệnh Thương Phong, không mồ hôi là bệnh Thương Hàn, đó cũng chẳng qua là phân chia giới hạn trên danh xưng mà thôi. — Chỉ như chỗ thành nhân của bệnh : 1.— Bệnh Phục Tà, là do Ôn Tà tiêm phục sẵn ở trong thân thể, nhân cơ hội cảm gió mà bệnh độc phát khởi. 2.— Bệnh Tân cảm, là trong người đương mạnh khỏe, do cảm tho khí phong ôn của thời lịnh mà sanh bệnh. Bệnh nhân bất đồng, chứng hậu cũng sai biệt.

Ông Lời Thiến Dật nói : Chữa trị Bình Ôn trong ngày mùa Xuân, tất phải phân biệt, đâu là Tân Cảm, đâu là Phục Tà, là điểm rất thiết yếu. Xem bệnh thể từ nhẹ, lẩn hồi giá trọng, biết ngay là bệnh Tân Cảm ; một khi thọ bệnh, phần tân dịch lập tức bị thương tồn, biến chứng luân phiền nhau xuất hiện, biết ngay là bệnh Phục tà. (Phàm trị xuân nhứt ôn bệnh, tất tu biện kỵ thực vi tân cảm, thực vi phục tà, tối vi thiết yếu. Quan bệnh thể do tiệm nhì giá, kỵ nhân ứ tân cảm khả tri, nhứt bệnh tân dịch túc thương, biến chứng diệt xuất, kỵ nhân tr

Phục tà hựu khả tri — 凡春日溫病，必須辨其孰爲新感，孰爲伏邪，最爲切要。觀病勢由漸而加，其因於新感可知；一病津液即傷，變症迭出，其因於伏邪又可知。)

I. CHỨNG PHONG ÔN CỦA BÌNH TÂN CẨM

NGUYỄN NHÂN: Cảm thọ khí hậu của thời linh thay đổi, kích thích vào thân thể coa người mà sanh bệnh.

BÌNH LÝ: Tra cứu các sách Đông Y xưa nói: Gió là đầu dọc của trăm ngàn thứ bình. (phong vi bá bình chi trưởng — 風為百病之長) danh nghĩa của chữ Phong là đại danh từ của không khí. Phong, là chỉ cho các bệnh chứng, đều lấy sự thay đổi của khí hậu làm chủ thể, năng lực của bệnh truyền nhiễm, cũng trống cậy vào sự truyền bá của không khí. Chỉ như thành nhân của bệnh chứng thời linh, cũng do sự biến hoá đặc thù của khí hậu, cảm nhiễm lấy tức thì sanh bệnh, gọi là bệnh tân cảm.

Bệnh lý của chứng Tân Cảm rất đơn giản, bắt qua nhận khí phong hàn thay đổi kích thích, khiến cho lỗ chân lồng hở hang, hàn tuyễn lợi lồng, giao cảm thận kinh buông xui. Cho nên hiện tượng mạch đến hoãn, ra mồ hôi, sợ gió các chứng hậu. Thè ôn vì tác dụng cứu tế Chứng Sợ Gió, ra mồ hôi, bôn tập ra phần cơ hiếu. Cho nên mồ hôi ra càng nhiều, thì phát nóng lại càng dữ dội. Nhân cơ phát nóng dữ dội, mồ hôi ra lại càng nhiều. Nếu không cầm được Chứng ra mồ hôi, thì Chứng Phát

nóng cũng không biết bao giờ chấm dứt. Sau đây là phương pháp chữa trị Chứng Trùng Phong, mình phát nóng, tự ra mồ hôi của Ông Trương Trọng Cửu.

Thang Quế Chi sở dĩ trong dung Vị Bạch Thược, là nhằm trị chứng thần kinh thủy hoãn, mạch động Hoãn, sợ gió. Tác dụng của Vị Quế Chi, chính là điều tiết sự vận hành của huyết dịch, đồng thời giúp cho Chứng Thần kinh thủy hoãn trở nên hưng phấn. Công hiệu của Vị Gừng Sống, là kích thích chất niêm mô ở bộ phận Dạ Dày; chứng thích ứng nhạy nhứt với nó là: cao chi chứng ua mửa. Chỉ như Vị Cam Thảo, Vị Đại Táo trong thang này, và sau khi uống thuốc xong thì húp cháo lỏng, đều là tăng gia thành phần dinh dưỡng cho phủ Vị. Nguyên lý dùng Thang Quế Chi để chữa Chứng Phong Hàn, bất quá là như thế.

Còn như, Chứng Phong Ôn, Phong Nhiệt trong tháng mùa Xuân; Chứng Phong Thủ, Phong Thấp trong tháng mùa Hạ, và Chứng Phong Táo trong tháng mùa Thu. Mỗi bệnh chứng tuy có đặc điểm sai biệt nhau, mà nhân vì phong mà phát bệnh thì có một, ý nghĩa tương thông nhau vậy.

Song nguyên lý tho bệnh, mặc dầu có chỗ tương đồng, mà phương pháp trị liệu, thì mảy may không được tạm bợ, ở trên chứng hậu cần được phân biệt rạch ròi, không nên tông quát thi trị. Đem bệnh bốn mùa cảm mạo cho lẫn lộn vào trong Môn Thương Hàn, đó là chỗ sai lầm của các Y Gia từ đời Đường, đời Tống về sau vây. Chỗ phân biệt của hai loại bệnh này, đều được giải-thích rõ ràng trong sách này.

CHỨNG HẬU: Bình sơ khởi, đầu nhúc, mồm nóng, hơi sợ gió lạnh. Tiếp theo vẫn sợ gió, phát nóng, tự ra mồ hôi mà bình nóng không khởi, lồng phiết táo, khát nước, ho hen có đàm lồng, hoặc lồng ngực bứt rứt, cạnh sườn đau nhói, hoặc họng đau, hoặc mũi ra máu. Thậm chí ho ra máu, đường tiêu tiện đờ rit, đường đại tiện không thư thái.

CHẨN ĐOÁN: Tưa lưỡi lúc đầu thì màu trắng, mỏng, chung quanh chóp lưỡi thì đỏ; tiếp theo lưỡi đỏ, tra lưỡi vàng. Mạch tượng lúc đầu phần nhiều ứng Mạch Phù Hoãn, hoặc Mạch Phù Sát, hoặc Mạch Huyền Sát, Mạch Hoạt Sát, đó là tượng trưng bệnh ta Phong Ôn của thời linh, kích thích với Chứng Nội Nhiệt vậy.

Cách trị: Lúc bình sơ khởi, ôn gió, phát nóng, tự ra mồ hôi, ho hen, thì dùng *Thang Song Xị Cát Cảnh*, gia: *Bạch Thược, Hoàng Cầm, Tiền Hồ*. Như Chứng ôn gió đã khởi, duy còn chứng mồm nóng, tự ra mồ hôi, thì dùng *Thang Tân Gia Bạch Hồ*. Như dư nhiệt ở trong chưa sạch, lồng ngực nóng uất khó chịu, thì dùng *Thang Liên Kiều Chi Xị*, gia: *Hoàng Cầm Trúc Diệp*.

XỬ PHƯƠNG:

Thang Song xị cát cánh
 (giải thấu ở Chứng Xuân Ôn của Bình Tân Cảm)

Tân gia bạch hò thang
 (giải thấu ở Chứng Xuân Ôn của Bình Tân Cảm)

17.—Liên kiều chỉ xị thang:

Thanh liên kiều	青連翹	3 tiền
Hương đậu xị	香豆政	3 tiền
Sao chỉ xác	炒枳壳	1 tiền rưỡi
Tan di nhân	辛夷仁	5 phần
Quảng ngọc kim	廣玉金	1 tiền rưỡi
Phúc Quí lạc	福橘絡	1 tiền rưỡi
Thu kiết cánh	秋桔梗	1 tiền rưỡi
Sao son chỉ	炒山梔	2 tiền
Bạch khẩu nhân	白叩仁	5 phần

..

2. CHỨNG PHONG ÔN CỦA BÌNH PHỤC TÀ

NGUYỄN NHÂN: Cảm thọ khí ẩm nóng kích thích, gây cho công dụng tuần hoàn của thê ôn phát sinh chướng ngại, lại đệm thêm bệnh Tân Cảm, mới phát hiện các trạng chứng ngoại cảm.

BÌNH LÝ: Điểm bất đồng giữa bệnh Phục Tà với bệnh

Tân Cảm ở chỗ : Bình *Tân Cảm*, thì bình độc từ ngoài xâm nhập vào trong ; Bình *Phục Tà*, thì bình độc từ trong xuất hiện ra ngoài. Vì từ trong xuất hiện ra ngoài, cho nên lúc sơ khởi, thì *đầu nhức, mình nóng*. Tiếp theo thì mình nóng rực, tự ra mồ hôi, mà bình vẫn chẳng khởi.

Khát nước, là vì khí nóng nung nấu ở trong, nước tân dịch bị tiêu hao.

Mình nóng rực, là do *Phục Tà* của bệnh *Phong Ôn*, gây cho thè ôn lên cao, công dụng tản ôn bị mất chừa.

Tự ra mồ hôi, là vì nhiệt độ xung xích ở phần cơ tảo, hạn tuyến bị sức nóng un đốt. Vì lẽ ấy, mà số lượng của hàn dịch phản bội quá nhiều, nước tân dịch bị hao hụt. Tại thêm mình nóng rực, tự ra mồ hôi, thì chất tân dịch trong thân thè lại càng hao hụt, thần kinh thiếu thốn nhu nhuận, sự tri giác vận động cảm thấy chậm chạp, cho nên mình mày nồng nề, và buồn ngủ gật gờ. Đó là bệnh cơ thúc dây lẩn đến tinh thần hôn mê. Thần kinh Phổi bị nóng nảy un đốt, thì trong mũi thở như ngày. Đó là tiền khu của chứng thở nhịp mệt vãy.

Hình thái của bệnh Minh nóng rực, tự ra mồ hôi, dùng *Thang Tân Gia Bạch Hồ* rất là đúng nháp. Nếu không biết lý này, lầm dùng thuốc phát hàn, thi thần kinh ở họng lưỡi sưng nghẹt, mà biến chứng Ma Tý. (đại phàm thuốc phát hàn đều kích thích tuyến thè, khiến cho sưng lớn lên. Thầy thuốc xưa nói: Chứng Bạch Hầu kỳ dùng thuốc phát hàn. Biết được lý này, thi rõ được tại sao chứng Ma Chân dùng thuốc thau phát quá nặng, tất sanh chứng yết hầu sưng nghẹt.) Vì đó mà bệnh nhân nói không

ra tiếng, đồng thời bao nhiêu phần nước ở trong thân thè đều bài tiết hết ra ngoài, cho nên bình nhân tiêu tiện không thông.

Còn làm dùng thuốc làm Hạ (xô), thì hại lấy cho Trung Khu Thận Kinh của trường vị, gây ra chứng Mắt Trực Thị của bình ốc, và thầu kinh của Bàng Quang bị té dại không ước thúc được, mà biến chứng dài són. — Chứng Phát Hoàng (vàng cả người) là do nước mật lộn vào máu gây ra. Bình Kinh Giản là do hiện tượng của chứng Não Mô Viêm. Đó là hoại chứng của Bình Phong Ôn, nhân vì lạm dùng hỏa công gây ra vậy.

CHỨNG HẬU: Lúc bình sơ khởi, đầu nhức, mình nóng, hơi sợ gió lạnh. Tiếp theo vẫn sợ gió, phát nóng như thiêu, tự ra mồ hôi mà bình vẫn không khỏi. Khát nước Mạch động Phù, mình nặng, buồn ngủ, hơi mũi thở o-o (ngáy). Như dùng thuốc phát-hạn thì nói không ra tiếng, tiêu tiện không thông. Nếu dùng thuốc làm hạ (xô), thì mắt trực thị, dài són. Còn bị hỏa công thì mặt da ửng vàng, quá lâm thi phát Chứng Kinh Giản, tay chân rút giật.

CHẨN ĐOÁN: Mạch bên tay phải ứng Phù Hoãn, tay trái Mạch ứng Huyền Tiều mà dài Sát. Tưa lưỡi lúc sơ phát sắc trắng mà mỏng. Tiếp theo thì tưa lưỡi trắng trơn, chót lưỡi phần nhiều đỏ tươi mà khô ráo, là thuộc về Phục Tà của Bình Phong Ôn vậy.

CÁCH TRỊ: Bình lúc sơ khởi hơi sợ gió lạnh, mình nóng ra mồ hôi, dùng Thang Song xì cái cánh già

hoảng cầm, bạch thưoc. Tiếp theo thì mình nóng như thiêu, tự ra mồ hôi, dùng Thang *Tân gia bạch hồ* gia: *Bạc Hà* (1), *bạch thưoc*. Nếu mình mầy nặng nề buồn ngủ, ngủ li bì, hơi mũi thở o-o, thì dùng Thang *Tân gia bạch hồ*, tống hạ *Đơn tử tuyết*. Như bệnh nhân đàm trước nặng nề, tựu luối béo láng, thì dùng *Đơn chí bửu*. Nếu làm dùng thuốc phát hạch, bệnh nhơn họng sưng nổi không ra tiếng, tiêu tiện không thông, thì dùng Thang *Tân gia bạch hồ*, gia: *xạ can, tiễn xanh địa, hoạt thạch, trúc diệp*, chứng nóng quá thâm trọng, thì gia: *tê dác, linh dương dác*. Phát Vàng, thì dùng Thang *Cao cầm thanh đầm*. Kinh Giảm Rút Giật, thì dùng Thang *Linh dương dác cầu dăng*. Mắt trục Trị, Đái Són, thì dùng *Đơn chí bửu*.

PHỤ LỤC: Ông Hà Tà Sơn nói: Chứng Phong Ôn, bệnh phục tà ở phần khí, lúc sơ phát dùng thuốc giải biếu, biếu tà tuy giải; nhưng Phục Tà từ trong lại lộ ra, hiện lên chứng hậu nóng lạnh như sốt rét, lồng ngực bị đầy, trong lòng buồn ngực, ua mửa không thèm ăn, nên dùng *Âm sài hồ* đạt nguyên cõi mở Phục Tà, giúp cho uất nhiệt từ trong được thông thoát ra ngoài. Tiếp theo, nếu xét thấy bệnh chứng táo nhiệt thì dùng Thang *Tân gia bạch hồ*, lấy mùi cay ngọt, tính mát lạnh dễ thanh nhiệt. — Nếu xét thấy bệnh chứng thấp nhiệt, thì dùng Thang *Tăng giảm hoảng liên tả-tâm* lấy mùi cay dăng ngọt lại dễ thanh nhiệt thầm thấp.— Như có trạng chứng dáng dàng dùng thuốc hạ, xét coi bệnh tình nặng, nhẹ, hoãn, gấp, chậm chước lựa dùng một trong các Thang *thừa khí*.

Như Bình Phục Tà & Phản Định, so sánh với Bình

Phục Tà ở Phản Khí, có phần nặng hơn. Lúc sơ phát, thi dùng Thang Xong xị cát cánh, sau khi dùng thuốc tần lương phát tán, bình tà ở phần biểu tuy giải, tạm thời nóng làm người mệt. Nhưng còn chứng nóng tiêm phục bên trong chưa trừ, cho nên tiếp theo lại phát nóng rực, tự ra mồ hôi, phiền táo mất ngủ, thần thức lúc tỉnh lúc mê, về đêm hay nói xầm, mạch động Mạch Sát, lưỡi đỏ; thái thâm thì tay chân lạnh, Mạch hiện Hầm Phục cấp tốc dùng phép thanh thấu chứng nóng ở Phản Dinh, khiến cho phục tà trở ra phản Khí. Phản Khí được tuyên thông, Phản Vệ được bài tiết, hoặc bình độc treo ban chăn mọc ra mà giải trừ, hoặc theo mồ hôi mà giải trừ. Bệnh nhẹ thì dùng Thang Bồ hoàng kim ngọc, bệnh nặng thì dùng Âm Tê đặc thanh lạc, bệnh nguy kịch thì dùng Đơn Tử thuyết, Tán Hành quản công hiệu như thần.

XỬ PHƯƠNG :

Song xị cát cánh thang.

Tân gia bạch hồ thang.

(Hai phương này giải thấp ở Chứng Xuân Ôn
của Bình Tân cảm.)

18.- Tù tuyết đơn

Cuộc phuông hòa tè

Hoạt Thạch	滑石	1 cân
Hàn thủy thạch	寒水石	1 cân
Phát tiêu	朴硝	nửa cân
Huyền sâm	玄参	nửa cân
Thạch cao	石膏	1 cân
Thanh mộc hương	青木香	2 lạng
Tù thạch	磁石	1 cân
Mang tiêu	芒硝	6 lạng
Thăng ma	升麻	6 lạng
Công đình hương	公丁香	3 tiền
Trầm hương	沉香	2 lạng
Chích thảo	艾草	2 lạng
Thần sa	辰砂	1 lạng 2 tiền
Xạ hương	麝香	8 tiền
Tê dác	犀角	2 lạng
Linh dương dác	羚羊角	2 lạng

Cách chế : Trước hết đem vị : Hoạt thạch, hàn thủy-thạch, tù thạch, tê dác, linh dương dác, nấu lấy nước thật đậm, bỏ xác. Rồi đem vị : Mộc hương, trầm hương, thăng ma, đình hương, cam-thảo, huyền sâm trộn đều với nước thuốc trước, nấu lấy nước thật đậm, bỏ xác. Đoạn đồ bột Vị : Phát tiêu, mang tiêu vào, lửa riu-riu nấu cho sôi đèn, dùng nhánh cây liêu quây chằng ngừng tay, chờ nước thuốc đặc lại, thì gia : Vị xạ hương, thần sa vào hòa đều, đê nguội. Mỗi lần dùng một hai tiền, uống với nước ấm nóng.

19.— Chí bùu đơn
Gia giảm Cuộc Phượng

Tê dác	犀 角	1 lạng
Đại mạo	玳 瑙	1 lạng
Ngưu hoàng	牛 黄	5 tiềng
Chân sa	珠 砂	1 lạng
Hồ phách	琥珀	1 lạng
Xạ hương	麝 香	5 tiềng

Cách chế: Dùng 1 lạng *an tirc hương* nấu tan, hòa với bột thuốc trên làm hoàn, tất cả là một trăm hoàn, dùng sáp làm bao. Mỗi lần uống một hoàn; bình rãt nặng, mỗi lần uống ba hoàn, uống với nước chia.

Cao cùm thanh đàm thang
 (giải thấp Chứng Xuân Ôn của bệnh Tâm Cảm)
 (Bổ thanh cao giá nhân trân long đàm thảo)

Linh dương câu đằng thang
 (đã thấy Chứng Xuân Ôn của bệnh Phục Tà)

20.—Sài hò đạt nguyên âm
Gia giảm phương Ôn Dịch Luận

Sao sài hồ	炒柴胡	1 tiền ruồi
Xuyên hạch phát	川厚朴	8 phần
Sanh cam thảo	生甘草	8 phần
Ngọc kiết cánh	玉桔梗	1 tiền ruồi
Bội lan cánh	佩蘭梗	2 tiền
Sao chỉ xác	炒枳壳	1 tiền ruồi
Tiêu thanh bì	小青皮	1 tiền ruồi
Tứu hoàng cầm	酒黃芩	1 tiền ruồi
Đi thảo quả	煨草果	1 tiền ruồi
Nam Tân lang	南梔榔	2 tiền

21.—Tăng giảm hoàng liên tả tâm thang
Gia giảm phương của Ông Trọng Cảnh

Sao hoàng liên	炒黃連	8 phần
Phi hoạt thạch	飛活石	3 tiền
Tiêu chỉ thiệt	小枳實	1 tiền ruồi
Tứu hoàng cầm	酒黃芩	1 tiền ruồi
Đạm trúc dẹp	淡竹葉	2 tiền
Chè bán hạ	製半夏	2 tiền
Sanh cương trấp	生薑汁	2 giọt
Phương thông thảo	方通草	3 tiền
Thạch xương bồ	石菖蒲	3 tiền
Đăng tâm	燈心	5 phần

Cách chế: Dùng vị Đông Qua Tử 2 lạng sao chín nấu lấy nước sắc thuốc.

PHONG ÔN

22.— Xương bồ ngọc kim thang Cải định phương pháp nghiệm của Ôn, Hà

Tiên trạch xương bồ	鮮石菖蒲	3 tiền
Quyền tâm trúc diệp	捲心竹葉	3 tiền
Xuyên ngọc kim	川玉金	2 tiền
Tế mộc thông	細木通	1 tiền ruồi
Sao sơn chi	炒山梔	3 tiền
Thanh liêu kiều	青連翹	3 tiền
Phản đơn bì	粉丹皮	2 tiền
Sanh cương trấp	生薑汁	3 giọt
Đạm trúc lịch	淡竹液	5 tiền
Tử kinh phiếu	紫金片	5 phén

Dùng 2 tiền Đắng Tâm nấu lấy nước để sắc các vị thuốc trên.

23.— Hành quắn tán phân lượng đổi mới

Ngưu hoàng	牛黃	1 tiền
Xạ hương	麝香	1 tiền
Hùng hoàng	雄黃	3 tiền
Hỏa tiêu	火硝	3 tiền
Băng sa	硼砂	1 tiền
Băng phiếu	冰片	1 tiền
Trân châu	珍珠	12 tiền
Kim phi	金乘	20 tờ

Các món thuốc trên họp chung, nghiền thật nhão, trộn đều, mỗi lần dùng 2-3 phần, uống với nước chín.

CHƯƠNG THỨ BA
BÌNH ÔN
(có chỗ xưng là Bình Nhiệt)

Thầy thuốc xưa nói: Những bệnh sau tiết Lập Hạ, trước tiết Hạ Chi, gọi là: *Bình ôn*. Những bệnh sau tiết Hạ Chi, trước tiết Thu Phân, gọi là: *Bình thử*. (Lập Hạ dĩ hậu, Hạ Chi dĩ tiền, hoạn giả vi Ôn Bình. Hạ Chi dĩ hậu Thu Phân dĩ tiền, hoạn giả vi Thủ Bình.—立夏以後，夏至以前，患者為溫病。夏至以後，秋分以前，患者為暑病).

Sách Nội Kinh biện: Trước tiết Hạ Chi ấy là Bình Ôn, sau tiết Hạ Chi ấy là Bình Thủ phải vậy. (tiết Hạ Chi giả vi Bình Ôn, hậu Hạ Chi giả vi Bình Thủ thị giả—先夏至者為病溫，後夏至者為病暑是也). Đại phàm Bình Ôn, Bình Thủ, không có bệnh nào lúc sơ phát mà chẳng ớn lạnh. Cho nên Sách Nội Kinh cho là: Các Bình Nhiệt, đều thuộc về loại Bình Thương Hán. (Nhịt Bình giải thuộc Thương Hán chi loại—其病皆屬傷寒之類).

Sách Nạn Kinh nói: Bình Thương Hán có năm. (Thương hàn bốn ngũ—傷寒有五). Cho là Bình thương Hán bao quát cả Bình Thủ và Bình Nhiệt, vì lúc sơ khởi bệnh nào cũng đều có cảm giác ớn lạnh. Hoặc do cảm hàn mà phát bệnh, hoặc do Thương Thủ mà phát bệnh, hoặc Bình Ôn

có kiêm hàn, hoặc Bình Ôn có kiêm Thủ, lúc lâm sàng khám bệnh cần phân biệt ránh mạch.

Bình ôn kiêm hàn

NGUYỄN NHÂN : Nguyên nhân gây ra Bình Ôn có hai :

1) — Do khí nóng nảy súc trong thân thể, bệnh nhân bất thính linh, lại cảm nhiễm hàn tà từ ngoài xâm nhập, biến thành Chứng Ngoài lạnh trong nóng.

2) — Do khí hậu thời tiết nóng bức, cõi trần hừng giờ, biến thành chứng nóng lạnh trói buộc lẫn nhau. (hàn nhiệt thảo-phục — 暑熱妄伏). Nguyên nhân tho bệnh tuy khác, mà chứng hậu phát hiện, đại khái giống nhau.

BÌNH LÝ : Trước giờ, đối với bệnh lý Chứng Xuân Ôn của Bình Tân cảm, đã từng trình trọng giải thích rõ ràng. Nếu không phải do nhân tố huyết nhiệt ủng tắc ở trong thì bất quá là Cảm mạo sơ sài mà thôi. Nhân vì uất nhiệt ủng tắc ở trong, hàn phục ở ngoài, cho nên ngày giờ trái qua của bệnh chứng rất là triền miên. Bệnh chứng đến thời kỳ chót, có khi phải chờ được chảy máu mũi, hoặc mọc Ban Chàm mới chịu khỏi. Đối với Bình Ôn kiêm cảm hàn tà cũng thế.

CHỨNG HẬU : Trước khi bệnh chứng chưa phát tác một vài ngày, tất có ôn lạnh run en, hơi sợ gió lạnh. Tiếp theo thì mình nóng không ra mồ hôi, như đầu sợ lạnh. Trải qua dời ba ngày, lại lầm dùng thuốc Tân ôn phát hàn, thi chẳng còn ôn lạnh nữa, chỉ phát nóng, lòng phiền táo, sợ nóng, miệng khô khát, uống nước liên liềng.

Thái thâm thì má ửng đỏ, môi nám đen nứt nở, lưỡi khô họng đau, tinh thần rối loạn, đêm ngủ nói xàm, tiêu tiện đờ mà ngắn rit, đại tiện khô táo, dưới sườn nóng Hạ Ly, hoặc ỉa chảy, bụng đầy hơi. Nếu bị ngộ trị, thì ho ra máu, hoặc mửa ra máu, hay ỉa ra máu; tay chân rút giật, thần thức hôn mê, ngủ vùi, các chứng. (có mồ hôi hay không, trên phép trị cần phải phân biệt).

CHẨN ĐOÁN : Tưa lưỡi trắng mà hơi vàng, là thuộc về Bình Đàm Nhiệt ửng át. Lưỡi đỏ không tưa, thuộc về Bình Nhiệt Tà Tiềm Phục. Tưa lưỡi mucus thừa dày đặc, thuộc về Chứng cẩn bã chưa đóng trong trường vị.

Hình Mạch, tay bên trái mạch động Phù Khàn, tay bên phải mạch động Phù Hoạt. Mạch Phù Khàn, là tượng chứng lạnh cảm thúc bên ngoài; Mạch Phù Hoạt, là tượng chứng nóng uất át ở trong. Nhận cảm thọ khí lạnh của thời linh mà phát bệnh vậy.

CÁCH TRỊ : Lúc bệnh sơ phát, mình nóng không mồ hôi, dùng Thang Song xị cát cánh. (Bình nóng lầm, tiêu tiện không thông, gia : Hoạt Thạch, Hoàng Cầm.)

Không lạnh, chỉ nóng, lòng phiền táo khát nước, dùng Thang Tân gia bạch hồ (có mồ hôi thì dùng). Nếu không mồ hôi, lưỡi khô, họng đau, tinh thần rối loạn, nói xàm, dùng Âm Thanh ôn giải độc.

Đại tiện táo kiết, hoặc sườn nóng Hạ Ly mà bụng đầy, dùng Thang Bạch hồ thừa khí.

Ho ra máu, mửa ra máu, ỉa ra máu, dùng Thang Tè đặc địa hoàng, gia thêm thuốc đối chứng.— Thần thức hôn mê, ngủ vùi, dùng Đơn tử tuyết ba phần.

XỬ PHƯƠNG :

Thang Song xị cát cánh
 (Thầy ở Chứng Xuân Ôn của Bình Tân Cảm)

Thang Tân Gia Bạch Hò
 (Thầy ở chứng Xuân Ôn của bình Tân Cảm)

24.— Âm Thanh Ôn Giải Độc

(Nhược dẫu gia : Cúc Hoa... 3 tiền, Cường Tâm... 3 tiền ; it
 mồ hôi gia : Ngân Hoa... 3 tiền, Thanh Cao... 3 tiền.)

Phương tàn định của Dư Sư Ngu

Sanh thạch cao	生石膏	1 lạng
Tè đặc	犀角	1 tiền ruồi
Sao sơn chi	炒山梔	3 tiền
Tửu hoàng cầm	酒黃芩	3 tiền
Kinh xích thưoc	京赤芍	2 tiền
Thanh liên kiều	青連翹	3 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	3 tiền
Tiêu sanh địa	小生地	3 tiền
Xuyên hoang liên	川黃連	1 tiền ruồi
Ngọc kiết cánh	玉桔梗	1 tiền ruồi
Đại tri mầm	大知母	3 tiền
Đại huyền sâm	大玄參	3 tiền
Sanh cam thảo	生甘草	2 tiền
Tiêu trúc diệp	鮮竹葉	3 tiền
Thanh Cao	青蒿	3 tiền

25.— Thang Bạch Hò Thừa Khí
Phương kinh nghiệm của Ông Đa

Sanh thạch cao	生石膏	8 tiềng
Xuyên đại hoàng	川大黃	2 tiềng
Đại tri mẫu	大知母	2 tiềng
Sanh cam thảo	生甘草	2 tiềng
Tiêu hà diệp	鮮荷葉	1 tiềng
Mang tiêu	芒硝	2 tiềng

26.— Tè dác địa hoàng thang

Tè dác	厚角	1 tiềng
Sanh địa hoàng	生地黃	3 tiềng
Kinh xích thược	京赤芍	2 tiềng
Pháo đơn bì	粉丹皮	2 tiềng

Bơn Tử Tuyết
(Thầy ở chứng Phong Ôn Phục Tà)

•••

2. BÌNH ÔN KIÊM BÌNH THỦ

NGUYỄN NHÂN: Ngày bình thường bệnh nóng này uất kết trong người, đó là nhân tố; chờ khi cảm thọ khí độc ôn thủ của thời lạnh mới phát tác. Sách *Nội kinh* nói: trước ngày Hạ Chí phát bệnh là: *Bình Ôn*. Sau ngày Hạ Chí phát bệnh là: *Bình Thủ*. Song không nên quá u cầu chấp ngày giờ, đợi khai *Bình Ôn* kiêm *Bình Thủ*, hay kiêm

Bình Thủ, đều phát tác trước hoặc sau Tiết Hạ Chí, xem ở khi trời lạnh hay nóng đều phân biệt.

BÌNH LÝ: Bình này do huyết nhiệt vong hành, thuộc về Chứng Cấp Tích Não Sung Huyết. Khởi điểm xuất phát trước — nhứt là chứng hậu Nhức đầu xâm, thân thể mỏi mè rung rời, là thuộc về trung khu vận động thần kinh bị nhiệt tà ưng đốt. Mát như dinh bụi, miệng khô, khát nước uống liền liền, là do nội-nhiệt sang xích ở trong, hiện trạng thè ôn bị uất ứ, nước tanh dịch hao hụt.

Sách Thương Hán Luận, Ông Trọng Cảnh có nói: Lòng phiền táo, miệng khô khát, lưng hơi ôn lạnh, dùng Thang Bạch Hổ già; Nhân Sâm chủ trị đó. (Tâm phiền khàn táo khát, bối ố hàn già, Bạch Hổ già Nhân Sâm Thang chủ chi — 心煩口燥渴，背惡寒者，白虎加人參湯主之). Đó là vì nhiệt uất ưng đốt ở bên trong, bộ lưng tuy cảm giác ôn lạnh, song chỉ khảo sát trên trạng chứng: Tâm phiền, khàn táo khát, có thể chứng minh đó là Chứng Ôn Nhiệt kiêm Thủ, vậy.

CHỦNG HẬU: Lúc bình sơ phát, thì phát nóng, mồ hôi mè rã rời, bộ lưng hơi ôn lạnh, nhức đầu xâm xâm da mặt do nhám (diệu cảo) rồng khô, khát nước uống liền liền, lòng phiền táo, sợ nong. Nếu bị ngộ trị, hoặc lầm cho uống thuốc ôn táo, tất phát Ban Chán. Lúc nhiều loạn hơi thở khô khè, khát nước; nằm yên tĩnh một mình thì nài nhảm, về đêm thì nài xâm, đại tiện hoặc bế tắc, hoặc ỉa chảy mà không thông thả, ngoài cá: biến chứng, với bệnh trước hơi giống.

CHẨN ĐOÁN. Tưa lưỡi hơi vàng mọc gai, nên dùng

thuốc : *Sanh tản tà nhiệt*. *Luỗi vàng* mục thối dày đặc, nên dùng thuốc: *Thông đao Đinh Tịch*. *Luỗi đỏ bầm*, hoặc *đỏ tươi*, nên dùng thuốc: *Thanh lương Chứng Phục Nhiệt*. *Mạch động* Trầm tiêu mà có sức, là bằng chứng dịch xác Nhiệt là xâm nhập vào trong.

CÁCH TRỊ: Nhức đầu xây xầm, nóng rực, mồ hôi măr măr măr rung rời, dùng *Thang LAN GIA BẠCH HỒ* (bò Vị Tang Chi, gia: Hoạt Thạch).

Nhức Đầu Xây Xầm đã khỏi, nhưng nóng thừa chưa khỏi hẳn, dùng *Thang Trúc diệp thạch cao*. Nếu bệnh nhân sicc khoẻ suy nhược dùng *Thang Tân Đinh Thanh thỷ khí* của Ông Vương Mạch Anh. Nếu thực tà ủng trệ, châm chước dùng *Thang Bạch hồ thỷ khí*, *Thang Tê liên thỷ khí* các phương.

PHỤ KÝ: Ông Vương Tú Sơn nói: Bình chứng đại nhiệt, trước hết làm hại cho khí huyết: Phản khí nóng nảy, phiền táo khát nước, ra nhiều mồ hôi; Mạch di Hồng lưỡi khô, thì dùng *Thang Bạch Hồ* làm chủ. Kiêm chứng Phong, thì gia: Tang Diệp, Bạc Hà; kiêm Chứng Hán, thì gia: Thông Bạch, Đậu Sí; kiêm Chứng Thủ, thì gia: Thanh Cao, Hương Nhu; kiêm Cứng Thấp, thì gia: Thương Truật, Hậu Phát; Khí hư, táo dịch hao hụt, thì gia: Tây Dương-Sâm, Mạch Đông; Huyết hư hỏa vượng, thì gia: Sanh Địa, Đơn Bì; Đàn nhuần khí trệ, thì gia: Bán Hạ, Quất Hồng; Lạc mạch té dài, gân co rút, gia: Linh Dặc, Quế Chi; Nóng hại bộ óc, gia: Tè Dac, Câu Đắng, Út Lý Nhai; Nóng uất, đại tiện không thông, gia: Hoang Cầm, Hoàng Liên, Phát Tiêu, tùy theo chứng mà gia giảm. Đò

là phương pháp chữa Bình Táo Nhiệt làm tồn thương phần khí vây.

Còn trị về bệnh nóng đốt ở Phản Huyết, phiền táo nói xàm, Mạch đi sát, luội đỏ, thi lấy Thang Tè giác địa hoàng làm chủ. Kiêm có Chứng Chàm, gia: Liêu Kiều, Ngưu Bàng Tử, Tứ Thảo, Đại-Thanh; kiêm có Chứng Ban, gia: Huyền Sâm, Đại Thanh, Mao Căn, Lô Căn; Mùa ra máu, gia: Chè Đại Hoàng, Tiêu Xuyên Liên, Trúc Nhụ, Tam Thất tan bột; ra ra máu, gia: Mau Căn, Hòe Hoa, Ngân Hoa Thán, Địa Du Thán; Ú huyết, gia: Đào Nhàn, Hồng Hoa, Đơn Sâm, Ích Mẫu Thảo; Chứng Phong Kích (風癢) gia: Linh Dá, Cát Đắng, Cúc Hoa, Út Lý Nhàn; Tối tăm may mặt, bất tinh nhau sự, (bôn khuyết 皚 癡), châm chước dùng Đơn Tứ tuyết, Tân Hành quân, và Bơn Chí bùa. Nhiệt Độc thanh hành, gia: Kim Tráp, Nhàn Trung Hoàng, Tử Hoa Địa Đinh, Tứ Kim Phiến. Đó là cách trị nóng đốt ở phần huyệt vây.

Nếu Phản Khi, Phản Huyết đều bị hỏa nhiệt ưng đốt, mà thất trị, hoặc ngộ trị, thi tất gia hại đến phần chân âm (Trước giả xét câu: «gia hại đến phần chân âm: thương cắp chân âm» tức là công tác phân bí dịch thè ở phò thận, bị chất bị thu rút, vách huyết quản và tinh nang phát sanh biến hóa), tinh khô, tủy nóng, xương sống đau ê, di tinh dài hạ, hoặc ho ra máu, là ra máu, trong xương nóng rực (cốt chưng lao), hai má ửng hồng, mạch hình đi Huyền ma dài Mạch Té Sát; luội đỏ, ưa luội thưa thớt. Đó chính là bình tiêc tục cho là: Sau khi đau ốm đãng dai, trở thành bình chưng: âm hư lao tồn, dùng Thang Nhị Gia Long Cốt Mẫu Lê, bò Gừng, Táo, Phu Tử, gia:

Tri Mẫu, Hoàng Bá, Sanh Địa, Qui Bán chữa trị.—Tiếng ho yếu ớt, gia: Mạch Đông, Đà Bá Hợp, Xuyên Bối Mẫu Quít Lạc; Hồi Suyễn hụt yết, gia: Tử Thạch, Bắc Ngũ Vị, Câu-Ký, Trầm Hương. Không đủ sức khạc đàm, gia: Trúc Lịch, Trọng Bối. Nắc Cục thiếu hơi, gia: Đại Giả Thạch, Trầm Hương, Điều Đậu Tử, Ngưu Tất, Hu Nhịệt, gia: Thanh Cao, Biết Giáp, Ngân Sài Hồ, Địa Cốt Bi.

Như sau khi họ bình, dù nhiệt dây dưa không dứt, tinh thần mè mệt, mất ngủ. Lòng hối hộp, mặt khổng khiếp, hoảng hốt không yên; khi thì nói năng lộn xộn, lúc lại nói chuyện một mình, nhảm mắt lại, thì kinh khủng phi thường; lúc tỉnh dậy lại kêu la. (1) Bộ Thốn Mạch động Phù Hồng, Bộ Quan, Bộ Xích Mạch đi Huyền mà áai Mạch Tế Sát, hình lưỡi có quầng tròn lớn, đỏ nồng nà, thì dùng Thang Hoàng Liêu A Giao, gia: Bán Hạ, Truật Mẽ, Táo Nhân, Phục Thủ làm chủ trị. Có chứng Đò Mồ Hôi Trộm (đạo hàn), gia: Phù Tiều Mạch, Mẫu Lê; Hồi Hợp, gia: Tây Ngưu Hoàng, Chân-Sa. Nhiều đàm nhớt, gia: Trúc Lịch, Xuyên Bối. Thiếu máu, gia: Bạch Thược, Dương Qui, Sanh Địa. Đêm ngày đều mất ngủ, gia: Da Giao Đẳng, Dại Hiệp Hoa; mất ngủ thái thâm, thì dùng Thanh Quế, Hoàng Liên, mỗi thứ 3 phần tán nhỏ làm hoàn cho uống. Tinh thần không khoái sáng thì, dùng loài Đơn Chi Bầu. Đó là đại yếu của sự chữa trị chứng đại nhiệt, truyền biến từ sơ kỳ, trung kỳ, và mạc kỳ vậy.

(1) Đây là một trạng chứng mà gia đình bình nhân tin là bị ma quỷ ám ảnh; nhưng sự thực là do bệnh hoạn sử nhiên, không nên chạy chữa bằng quoc mà thêm hại.

XỨ PHƯƠNG:

Tân Gia Bạch Hổ Thang

(Thầy ở chung Xuân Ôn của bệnh Tân Cảm)

Trúc Diệp Thạch Cao Thang

(Thầy ở chung Xuân Ôn của bệnh Tân Cảm)

27.— Vương thị tân dính thanh thử ích khí thang

Phương của Vương Mạnh Anh

Tây dương sâm	西洋参	1 tiền ruồi
Đại mạch đông	大麦冬	5 tiền
Tiên trúc diệp	鮮竹葉	3 tiền
Tri mẫu	知母	3 tiền
Ngạnh mề	梗米	1 lượng
Xuyên hoàng liên	川黃連	1 tiền
Tiên hà can	鮮荷桺	1 thước
Sanh cam thảo	生甘草	1 tiền
Tây qua y	西瓜衣	4 tiền
Thạch học	石斛	1 lượng

28.— Tê liên thừa khí thang

Phương của Thông Tục Tương Hán Luận

Tê dát tiêm	犀角尖	5 phần
Chân kim trấp	真金汁	1 lượng
Tiên sanh địa	鮮生地	3 tiền
Tiêu chi thiệt	小枳實	1 tiền ruồi
Tiền xuyên liên	小川連	8 phần
Sanh đại hoàng	生大黃	2 tiền

29.— Bạch hồ thang

Phương của Thương hàn Luận

Sanh bạch cao	生石膏	1 cân
Tri mân	知母	6 lượng
Ngô bồn mè	梗米	6 kiêp
Cam thảo	甘草	2 lượng

(Nên châm chước lại theo cân lượng hiện thời mà dùng)

Tê đặc địa hoàng thang

(Thấy ở bệnh Ôn kiết Hàn)

Tử tuyết đơn

(Thấy ở chứng Phong Ôn của bệnh Phục Tà)

Hành quân tán

(Thấy ở chứng Phong Ôn của bệnh Phục Tà)

Chí bửu đơn

(Thấy ở chứng Phong Ôn của bệnh Phục Tà)

30.— Tú kim đơn
 (lại có một tên: Ngọc Khu Đơn)

Sơn tú cát	山慈姑	2 lượng
Thần sa	辰砂	5 tiền
Hùng hoàng	雄黃	5 tiền
Hồng nha đại kích	紅芽大戟	2 lượng
Thiên kim sương	千金霜	2 lượng
Tô hiệp hương	蘆合香	1 lượng
Băng phiến	冰片	3 tiền
Xạ hương	麝香	3 tiền

Các món trên hợp chung, tán làm bột rất nhỏ, gạo
 hổn thành miếng nhỏ phơi khô, mỗi lần uống 3 phần
 đến 5 phần. Bình chí trọng, uống 1 tiền là enough.

31.— Nhị gia long cốt mău lệ thang
 Phương của Thương Hàn Tiều phầm

Sao bạch thực	炒白芍	4 tiền
Nôn bạch vi	嫩白薇	3 tiền
Chích Cam Thảo	炙甘草	2 tiền
Hắc phụ tử	黑門子	2 tiền
Hà long cốt	嫩龍骨	3 tiền
Hà mău lệ	嫩牡蠣	3 tiền
Gừng sống	生薑	3 miếng
Táo đen	大棗	3 trái

32.— Hoàng Liên A Giao Thang

Phương Thương Hàn gia vị

Sao hoàng liên	炒黃連	1 tiền
Tiều sanh địa	小生地	5 tiền
Tửu hoàng cầm	酒黃芩	1 tiền ruồi
Trứng đở trứng gà	雞子黃	2 cái
Trần a giao	陳阿膠	3 tiền
Sanh bạch thược	生白芍	3 tiền

CHƯƠNG THỨ TƯ

BÌNH THỦ ÔN

Vào lúc cuối Mùa Hạ, Tiết Tiêu Thủ, Tiết Đại Thủ, khi trời nóng bức. Vì lỗ sợ nóng nực, tim no i mát mê đê trốn nắng (ly thủ 避暑) mà bị cảm Thủ, kiêm cả Thấp lãnh Hán. Ở đây phân biệt rành rẽ thế nào là Bình Thủ Ôn kiêm Thấp, thế nào là bình Thủ Ôn kiêm Hán.

I. BÌNH THỦ ÔN KIÊM THẤP

NGUYỄN NHÂN: Sau tiết Hạ Chi, trước Tiết Lập Thủ là lúc khí trời nực nội, khí đất nóng nảy. Khi hậu của trời đất nóng hầm, trùng cảm tức thời sanh bệnh, gọi là: Bình Thủ Ôn. Có nhân ăn qua quả sống lạnh, uống nước đá, nước trong tủ lạnh, hoặc tắm nước lạnh mà gây ra bệnh này.

BÌNH LÝ: Bình chứng thuộc về cảm mạo tinh trong tháng nắng, dồi dào tinh chưng phát, và súc ngưng trước, ra rất nhiều mồ hôi mà bệnh không giải trừ. Lồng ngực bức rút ngăn bịt, Ban Chân mut nhỏ lấm tấm mọc dày người, dây dưa khó dứt. Kiêm Chứng Thấp, thì phần cơ nhục nặng nề nhức mỏi, lồng ngực nặng nề, bụng dày ịa cháy, hoặc ịa lồng mà không thông thả. Chủ thè của

bệnh này, là *Thấp* với *Nhiệt* sắc nấu lẫn nhau, cho nên so sánh với các bệnh chứng ở thời tiết khác không giống nhau, vì công năng tạo ấm trong thân thể không đủ. Có xu hướng kiêng Hán, thì công năng bài tiết của phần nước bị giảm thoái. Đó là trầm triệu gây ra Bệnh *Thấp* mà Ông Khiết Cồ sở dĩ nói : trốn nắng tim nai mát mẻ yên tĩnh mà ở, lại mắc Bệnh Thương Thử, là thuộc về loại này vậy.

CHỨNG HẬU : Lúc bệnh sơ khởi, hơi ấm lạnh, mình nóng, sau giờ ngọ thì nóng nhiều, ra mồ hôi mà bệnh không đỡ, không ra mồ hôi, nóng lại lên cao ; mình mẩy nặng nề đau nhức, nhức mỏi từ sờ thịt, đầu váng mắt đỏ, lõng phiền táo, nước miếng đặc, miếng ráo mà không khát nước, uống nước thì ối, hông ngực không thư thái, tiêu tiện rit. Tiếp theo thì lạnh nóng qua lại không ngớt, sau giờ ngọ phát nóng, đến hừng đông hơi đỡ phần nào.

Chứng Thủ Nhiệt nặng : trong người hâm hấp nóng rực, phiền táo tinh thần rối loạn, nói xàm, hơi thở khô渴, mắt đỏ, hoặc phát Ban Chàm.

Chứng Thấp Trược nặng : Lồng ngực bỉ tắc, sườn đầy bụng trường, ỉa chảy, hoặc ỉa lỏng mà mắc rặn không thông.

CHẨN ĐOÁN : Mạch đi Trầm Trệ, rít róng,ura lưỡi bần dầy, nên dùng thuốc sơ lợi. Mạch đi Trầm Hayeña, ura lưỡi trắng trơn, không khát nước, nên dùng thuốc ấm hóa. Chung quanh chót lưỡi đỏ, mạch đi Sát, nên dùng thuốc thanh hỏa cước thủ. Ura lưỡi trắng bần, lưỡi đỏ, hoặc lưỡi vàng trơn, nên dùng thuốc thanh lợi thủ thấp.

CÁCH TRỊ: Lúc sơ khởi, hơi ấm lanh, ra mồ hôi mà bệnh không bớt. Bệnh nóng trầm trọng, lồng phiền táo, sợ nóng, dùng Thang Gia vị ngán kiều. Bệnh Thấp trầm trọng, lồng ngực bị đầy, thân thè nhức mỏi, dùng Thang Hoắc hương chánh khí, gia: Tang-Chi, Hương Nhu.—Nóng lâm, phèn táo, đầu xây xầm, mặt đỏ, nước miếng đặc, ưa nhợn, dùng Thang Tăng giảm hoàng liên tả tâm, gia: Đại Giả Thạch.—Lồng ngực, chớn thủy, không舒服, tiêu tiện chẳng thông, nứa đêm phát nóng, dùng Thang Đại quit bì, bỏ vị Mộc Hương, Quế Chi, gia: Sơn Chi, Liên Kiều, Thanh Cao, Hoàng Cầm.—Nứa lồng ngực bị buồn, sờn đầy bụng trương, đại tiện lỏng chảy, dùng Thang Đại Quit Bì.—Như là nặng tròn mắc rắn không thông thả, thì nên tham chiếu cách trị Chứng Xích Ly ở Sách *Truyền nhiễm bình học*.

XỬ PHƯƠNG:

Thang Tăng giảm hoàng liên tả tâm
(Thấy ở Chứng Phong Ôn, Bình Phục Tà)

33.—Thang Gia vị ngán kiều

(Đau minh, gia: Tang Chi, Phòng Kỷ; Ưa Khan, gia: Đại Giả-Thạch. Chứng Nội Nhiệt nặng lâm, gia: Hoàng Liên. Không thèm ăn uống, gia: Thần Khúc).

Ngán hoa	銀花	3 tiễn
Tri mẫu	知母	2 tiễn

Tiên trúc diệp	鮮竹葉	3 tiền
Hoàng cầm	黃芩	1 tiền ruồi
Tân lục nhứt	六一散	3 tiền
Bạc hà	薄荷	1 tiền ruồi
Sao chi xác	炒枳壳	1 tiền
Xuyên hàn phát	川厚朴	1 tiền ruồi
Liên kiều xác	連翹壳	3 tiền
Xuyên ngọc kim	川玉金	1 tiền
Chân dăng tâm	珠燈心	5 phân

Không mồ hôi, giá : Hương Nhu ; Nhiều mồ hôi giá :
Bạch Thược ; Khát nước giá : Thiên Hoa Phấn.

34.— Thang Gia giảm hoắc hương chánh khí

Hoắc hương diệp	藿香葉	1 tiền ruồi
Bạc hà diệp	薄荷葉	1 tiền ruồi
Bội lan diệp	佩蘭葉	2 tiền
Xuyên hàn phác	川厚朴	2 tiền
Ché bán hạ	製半夏	1 tiền ruồi
Quảng trắn bì	廣陳皮	1 tiền ruồi
Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Sao kiến khúc	炒建曲	3 tiền
Sa nhân mè	砂仁米	1 tiền
Ích ngươn tán	益元散	3 tiền
Nón tang chi	嫩桑枝	3 tiền
Hương nhu	香薷	1 tiền

35.— Thang Gia giảm đại quết bì

Quảng trắc bì	廣陳皮	1 tiền ruồi
Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Trư linh	猪苓	1 tiền ruồi
Trạch tà	澤瀉	1 tiền ruồi
Lục nhút tán	六一散	1 tiền ruồi
Tân lang	梔榔	1 tiền ruồi
Sao sơn chi	炒山楂	1 tiền ruồi
Liên kiều	連翹	3 tiền
Thanh cao	青蒿	3 tiền
Tứa Hoàng cầm	酒黃芩	1 tiền ruồi
Sao kiến khặc	炒建曲	3 tiền

36.— Nguyên phương thang đại quết bì

Quảng mộc hương	廣木香	1 tiền
Quảng trắc bì	廣陳皮	1 tiền ruồi
Tân Lang	梔榔	1 tiền ruồi
Ích ngưu tân	益元散	3 tiền
Sanh thương trúat	生薑术	1 tiền
Trư linh	猪苓	1 tiền ruồi
Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Trạch tà	澤瀉	1 tiền ruồi
Quế chi	桂枝	8 phần

2. BÌNH THỦ ÔN KIÊM HÀN

NGUYỄN NHÂN: Trong lúc khí trời nóng bức. Nhân vì tránh nóng bức, mà bị cảm thọ khí hàn lạnh kích thích.

BÌNH LÝ: Ông Trương Kiết Cồ sở dĩ nói : Chứng Âm Thủ là chỉ cho những bệnh trốn tránh nóng bức, mà cảm thọ lấy khí hàn lạnh.— Theo chở siền kiến : Nếu không có sự tiềm phục của Thủ Tà, thì thuộc về bệnh chứng cảm mạo thuần túy mà thôi, không liên hệ gì với danh xưng *âm thủ*. Thủ tà tiềm phục ở trong, không khí lạnh lèo kích thích bên ngoài, cho nên bên ngoài mới có trạng chứng bộ lỵ ớn lạnh, thân hình co rút, và tay chân lạnh run của chứng Hàn, mà ở trong thì nóng nảy bứt rứt, miệng khô, đầu xây xầm của trạng chứng *nhất*. Cho nên mới định danh : *bình thủ ôn kiêm hàn*.

CHỨNG HẬU: Lúc bệnh sơ khởi, nhức đầu ớn lạnh, thân hình co rút, phát nóng không mồ hôi. Kế tiếp có chút ít mồ hôi mà bệnh không giải. Lòng phiền táo, đầu xây xầm, miệng khô mà không thèm nước, uống nước thì ua; lồng ngực bứt rứt, ho hen, bụng đầy.

Chứng Nóng nặng : thì nóng nhiều lạnh ít, nóng lắm thì hơi thở to, hen gấp, ăn vào thì lên cơn nóng, ăn vào thì nhợn.— Chứng Thấp Nặng : thì lạnh nhiều nóng ít, nước miếng đặc, không khát nước, từ chi nhức mỏi rung rời, tay chân lạnh đdong, đi tiểu tiện thì rùn mình r้อน óc, hoặc ỉa máu đau bụng.

CHẨN ĐOÁN: Miệng nhạt, tưa lúa trắng, hoặc tưa

lưỡi trăng tròn, là vi Chứng Hán Đàm úng át ở trong. Như tua lưỡi trăng dày nhơ bần, chung quanh chót lưỡi đều dỏ, ấy là Bình Thủ Ôn ở trong, kiêm có hiện tượng cặn bã của vật thực dinh trệ. Mạch động Huyền Khàn thì dùng thuốc *tuyên đạt*; Mạch động Huyền Trệ thì dùng thuốc *sơ lợi*.

CÁCH TRỊ: Lúc bình sơ khởi, nhức đầu, ón lạnh, đau minh, không mồ hôi, dùng Thang *hoắc hương chánh khí*, gia: Tân Giao, Tang Chi, Hương Nhu. Lòng phiền táo, khát nước, uống nước thi ua, dùng Âm thanh thử trấn òu. Lòng ngực bị tắc ho hen, bụng dạ no đầy, dùng Thang *Đại quít bì*, gia thuốc: *tuyên phế hóa đàm*. Nóng nhiều lạnh ít, dùng Thang *Gia vị ngàn kiều*. Lạnh nhiều nóng ít, dùng Thang *Đại quít bì*, hợp với Tân *tương thủy*. (dùng đất sét tan trong nước, lòng lấy nước trong sắc thuốc uống).

XƯƠNG PHƯƠNG:

Thang Hoắc hương chánh khí
(Thấy ở Chứng Thủ Ôn kiêm Thấp)

Thang Gia vị ngàn kiều
(Thấy ở Chứng Thủ Ôn kiêm Thấp)

37.— Âm Thanh thử trấn òu

Sao xuyên liên 炒川連	1 tiền ruồi
Xuyên hàn phát 川厚朴	1 tiền ruồi

Ích ngươn tán	益元散	3 tiền
Sanh giả thạch	生赭石	3 tiền
Sao kiến khúc	炒建曲	1 tiền ruồi
Sao chỉ thiệt	炒枳實	1 tiền ruồi
Quảng trân bì	廣陳皮	1 tiền ruồi
Táo tâm thơ	桂心土	3 tiền
Pháp bán hạ	法半夏	1 tiền ruồi

38.- Thang Đại quí bì
(Giá tuyêñ phế hóa đàm dược)

Quảng mộc hương	廣木香	1 tiền
Quảng trân bì	廣陳皮	1 tiền ruồi
Ngọc cát cánh	玉桔梗	1 tiền ruồi
Nén tiền hồ	嵌前胡	1 tiền ruồi
Bạch giới tử	白芥子	1 tiền ruồi
Xuyên ngọc kim	川玉金	1 tiền ruồi
Chiết bối mẫu	浙貝母	1 tiền ruồi
Xích phuc linh	赤茯苓	3 tiền
Tru linh	猪苓	1 tiền ruồi
Phúc trạch tả	福澤瀉	1 tiền ruồi
Tân lang	梔榔	1 tiền ruồi
Xuyên hau phát	川厚朴	1 tiền ruồi

39.- Đại quí bì thang
hợp Tương thủy tán

Sanh giả thạch	生赭石	3 tiền
Quảng mộc hương	廣木香	1 tiền ruồi
Quảng trân bì	廣陳皮	1 tiền ruồi

Xích phục linh	赤茯苓	3 tiền
Xuyên quế chi	川桂枝	1 tiền ruồi
Trạch tả	澤瀉	1 tiền ruồi
Lục nhứt tán	六一散	3 tiền
Tân lang	換鄰	1 tiền ruồi
Đạm can cương	淡羌活	5 phần
Đạm phu phiến	淡附子	8 phần
Lương cương	良羌	5 phần
Pháp bán hạ	法半夏	1 tiền ruồi

Nước địa tương lỏng trong, sắc thuốc uống ấm.

LỜI ÁN CỦA TRƯỚC GIÁ :

Sách Kim Quê ở Môn *bình thủ*, chỉ biên có hai phương :

I.— Phương *Bạch hồ*, giá: Vị nhán sám, trị *Chứng trùng át* (中暎) & Kinh Thái Dương, minh nóng, ra mồ hôi mà khát nước. Ấy là Phép Thanh Nhiệt Bồ Khi, trị *Chứng Thủ Nhiệt* làm hại Ngươn Khi vậy.

II.— Phương *Qua đề*, trị Kinh Thái Dương Trùng Át, minh nóng, nhức mỏi nặng nề, là Mạch động Vị Nhược. Chính là trong tháng Mùa Hạ trùng thương vật sanh lanh, chất nước lưu hành trong phần bì phu gây ra bệnh vậy. Chỉ có cặp đèn *Chứng thử-nhiệt* làm hại ngươn khi, và chẩn: *thấp độc* lưu hành định trệ, hai loại bệnh mà thôi. Cất nhắc có một gốc, không sao khai quát được toàn thể.

Đời sau luận về Bình Thủ, Sách *Thương thử toàn thư* của Ông *Trương phụng* Qui nói: Bình Thủ, trước nhất là dùng thuốc tân lương; kế tiếp dùng thuốc cam hàn; sau

chót dùng thuốc *cam toan liem tan* (甘酸敛津). Mặc dùn đã nâm được chõ cốt yếu của phép trị Bình Thủ, song chỉ chuyên chú vào bồn chứng mà nói, không hề đề cập đến kiêm chứng với hiệp chứng.

Ông *Hà ấn Nham* nói: Bình Thủ hiệp với Bình Thấp gọi là: *Thứ thấp* (暑濕). Bình Thủ hiệp với Bình Uế, gọi là: *thứ uế* (暑候) tức rằng: Bình Sa Trường (痧脈). Kiêm trung cảm gió lạnh, tên rằng: Bình Phong Thủ (風暑). Bình Thương Thủ mà tối mắt, ngã ra bất tỉnh, tay chân lạnh đồng, tên rằng: Bình Thủ-Khuyết (暑厥) (tức rằng Trung Thủ). Bình Thương Thủ mà ho ra máu, rằng: Bình Thủ Trái (暑瘵). Chỉ ư ngoài da thì mọc sởi nướ ghẻ nóng, trong người thì uốn gán ỉa mửa, thường thấy xảy ra không ít. Cho nên ông Du nói:

Bình Thương Thủ phát tác ở tháng mùa Hạ rất nhiều, thật là nhện xét xác đáng. Va dùng thuốc chữa trị cần phải thận trọng, không thể xem các Bình Thủ đều giống nhau như một, mà chẳng phân biệt kiêm bình, hiệp bình, mà in tri là bình Thủ, thì nhứt luật chữa trị như nhau.

Đại khái chữa trị Bình Thủ, thi dùng thuốc *tân lương tuyễn thương* (辛涼宣上). Bình nhẹ thi dùng *bạc hà*, *trúc diệp*, *liên kiều*, *hà diệp*; Nặng thi dùng *hương nhu*, *thanh cao*, *bội lan*, *ngân hoa*. — Thuốc *cam hán thanh trùng*, bình nhẹ thi dùng: *mao cẩn*, *lô cẩn*, *sơn chi*, *tửu cầm*; nặng thi dùng *thạch cao*, *tri mẫu*, *tây qua tráp*, *lục đậu g*. — Thuốc *cam toan liem tan*, bình nhẹ thi dùng: *mai can*, *băng đường*; nặng thi dùng *ngũ vị tử*, *sa sám*, *mạch đồng* các loại. Đây là đại khái cách dùng thuốc trị Bình Thủ. Cui ư phân biệt bệnh chứng, lựa thuốc thi trị, thi nên

bắt chước theo bùa tiền triết là Ông Du phản bội như sau :

1.— *Thấp nhiệt.*— Thấp Nhiệt là loại bình tè keo bần (𦗔), rất khó chữa cho mau mạnh. Trước nhứt thì dùng thuốc mùi thơm nhạt, bình nhẹ thì dùng : *hoắc hương, bối lan, xa tiền, thông thảo*; bình nặng thì dùng loại : *thương truật, thạch cao, thảo quả, tri mẫu, đan khâu, hoạt thạch, lý bà diệp sao thơm, vỏ bì đào troi*, đó là các loại thuốc mùi thơm nhẹ, tinh thanh tiết. Kế tiếp thì dùng loại thuốc, mùi dâng cay, tinh thông xuống, bình nhẹ thì dùng : *Chi tử, hoàng cầm, quất bì, bán hạ*; bình nặng thì dùng : *Hoàng liên, hâu phát, mộc hương, xuyên luyễn tú*, ta lấy Vị Lô Căn, Băng Tâm. Va *tán ngũ linh phổi* hợp với *thạch cao, hoạt thạch, hàn thủy thạch*, cũng là trọng tề của loại thuốc *tán thông thanh tiết*.

2.— *Thủ uế.*— Thủ Uế là loại bình rất phiền toái nặng nề, có khi gây cho bệnh nhân hôn loạn phiền táo, ôi mửa mà tay chân lạnh, Thái thâm, thì tai điếc, tinh thần hôn mê, cấp tốc dùng loại thuốc : *phương hương tịch uế*. Bình nhẹ thì dùng : *Thông, sả, xương bồ, tử kim phiến*; bình nặng thì dùng. Đơn chi báu, Bơ tử tuyết, mà Vị Tiên thanh cao, Tiên bạc hà, Tiên bối lan, Tiên ngàn hoa cũng là lương tiề của loại thuốc *thanh phán tịch que*. Ngoài phép dùng Tán Thông Quan cho nhảy núi, kiêm dùng píp lụa huyệt châm lè, cũng chữa trị khỏi bệnh được mau lẹ.

3.— *Phong thủ.*— Bình Phong Thủ phản nhiều hiệp với khí Thấp truật, trước nhứt bình đúc nốt kết ở phần eo biển. Cho nên trước nhứt cũng dùng thuốc *tán lương*, nhẹ

nhang tuyen giải như: *Thông bạch, hương nhu, bạc hà, chi tử bì, đậu sỉ, liên kiều, ngưu bàng tử, tiên bội lan, tiên ngân hoa, lục đậu bì, tiên trúc diệp..* nên tùy theo chứng lựa dùng. Thân thể nhức mỏi, thì ta lấy *hải phong đằng, tần giao, tang chi, trúc nhụ, tia qua lạc, quí lạc*, một vài vị.

Kế tiếp dùng loại thuốc: *Thanh lương phương liệt*, để giải trừ nóng độc và uể trược như: *thanh cao, nhân trần, tang diệp, các hoa, sơn chi, ngọc kim, lô cẩn, đằng tám* các thứ. Uể Trược nặng nề, thì loại *kim tráp, nhân trung huynh, đại thanh diệp, thạch xương bồ*, cũng có thể tùy chứng gia vào. Như thân thúc hòn mè hồ loạn, ta dùng *dòng dày nho bần,_nbé* thì dùng: *Đơn ngọc khu*; nặng thì dùng *Đơn chí bửu* rất là đối chứng.

4.— *Thứ khuyết*.— Thứ khuyết, là một loại Bình Tráng Thủ rất cấp bách (Tây Y gọi là *Bình Nhựt Xạ* 射 痘) Bình nhân trên mặt như dịch bụi (血 汗), tay chân lạnh, thân thúc hòn mè, bất tỉnh nhân sự, mau dùng loại thuốc *phương hương khai khiếu* (芳香開竅) như: *Tan hành quán, Đơn phi long đoạt mang* rất công-hiệu. Sau, khi bình nhơn tính lại, nên chia rành kiêm chứng, tiếp chứng, tùy chứng cho thuốc.

5.— *Thứ trái* — Chứng Thứ Trái, là do khí nóng europeo, lạc mạch tồn thương rất bạo, mau dùng loại thuốc *cam lương hâm giáng* (甘涼咸降), như: *Nước Dưa Hấu* (Tây Qua Tráp), Nước tiêu trẻ em (đồng tiệu) hòa chung cho uống; hoặc dùng Rễ Tranh tươi, Lô Cẩn, mỗi thứ 1 lượng, *đơn bì, bạch thược*, mỗi thứ 3 tiền, Té Đặc 8 phần sắc uống, cũng được kết quả.

6.— *Thứ tiết.*— Thứ Tiết, là một loại bình chưng rất tẩm thường, do nóng độc tẩu tập ở phần bì phu, mà mọc lên những mụn nhô dày đặc. Chỉ dùng Vị hắc diệp đậm lấy nước, trộn chung với bột đại hoàng, bột phèn chua, thoa phết thường thường cũng khỏi được.

7.— *Nhiệt hoặc loạn.*— Chứng Thương Thủ là mửa, tay chân vọp bé, khát nước, cũng là một loại bình chưng rất nguy cấp. Mau dùng thuốc thanh nhiệt hóa trực (清熱化毒) mới có hiệu nghiệm, trước nhất dùng: Đơn Hồng Linh 1, 2 tiền nghiên nát cho uống, tiêu trà độc Thủ Uế. Tiếp theo cho dùng thuốc phân lợi thanh trực (分利清濁), lấy nước Địa Tương lỏng trong, hòa với Đơn ngọc khu 5, 3 phần cho uống để đà định bồn loã. Đoạn cần phân rãnh hiệp chứng, như: hiệp với Chứng Trúng Thực chậm tiêu, thì tùy theo loại mà dùng: trần khúc, sơn tra, sao đen, chỉ thiết, thanh bì, trần phật thủ, trần hương dugén bì, kê nội kim các thứ.— Nur hiệp với Chứng Khí uất, thi chọn dùng: Vị hương phụ, ngọc kim, trần bì, chỉ xác, bạch khẩu, mộc hương các thứ.

8.— *Can hoặc loạn.*— Can hoặc loạn là Chứng Ưa Khanh là Khó. Nghĩa là: Ưa không có vật, là không ra phản, mà bung đen như cắt, mặt mày tối tăm, bất tỉnh nhân sự (lục gọi là Bình Giảo Trường Sa) Bình tĩnh tuy biền cấp mà dễ trị. Mau dùng thuốc cho là mửa thông thả: Muối rang hết nô 1 muỗng canh, hòa vào một nửa nước sôi, một nửa nước lạnh, uống với 14, 15 hột phi mè kim đơn, hoặc 5, 3 phần phi long đoạt mang đơn, làm cho trên mửa dưới là thông thả, bình độc trừ, cảnh khai an, thi bình khỏi ngay.

XỨ PHƯƠNG PHỤ LỤC:

Hành quân tán
 (Thầy ở Chứng Phong Ôa, Bình Phục Tà)

Ngọc khu tán
 (Thầy ở Bình Ôn kiêm Bình Thủ)

40.— Bạch hò gia nhơn sâm thang

Trĩ mèu	知母	3 tiền
Sanh thạch cao	生石膏	1 lượng
Cam thảo	甘草	2 tiền
Ngạnh mè	梗米	5 tiền
Tây dương sâm	西洋參	1 tiền rưỡi

41.— Nhứt vật qua đè thang

Qua đè 瓜蒂 3 tiền

Sắc thang uống ấm, chọc họng cho mửa.

42.— Phi long đoạt mạng đơn

Thần sa	辰砂	3 phần
Nhơn trung bạch	人中白	4 phần
Mai phiến	梅片	2 phần

Nha tao	牙皂	2 phần
Tay nguu hoang	西牛黃	1 phần
Hung hoang	雄黃	3 phần
Phi thanh dai	飛青黛	3 phần
Ma hoang	麻黃	2 phần
Xa hương	麝香	2 phần
Thiem tot	蟾酥	1 phần
Đang tam khoi	燈心灰	5 phần
Minh phan	明礬	3 phần
Tran chau	珍珠	1 phần
Bang sa	硼砂	3 phần
Hoa tiêu	火硝	3 phần

Hợp chung tán bột thực nhỏ, mỗi lần dùng chút ít thoa vào lỗ mũi, chọc cho bình nhơn nhảy mũi.

43.— Hồng linh đơn

Thien sa	辰砂	1 tiền
Hoa nha tiêu	火牙硝	1 tiền
Hung hoang	硝雄	1 tiền
Xa hương	麝香	1 tiền
Bang xa	硼砂	1 tiền
Mong thach	蒙石	1 tiền
Mai phiен	梅片	3 phần
Phi kim	飛金	5 tờ

Các món hợp chung tán nhỏ, giữ kỹ. Mỗi lần uống 1 phần với nước chín.

44. - Phi mă kim đơn

Bã đậu sương 巴豆霜	2 tiền
Ngũ linh chi 五靈脂	5 tiền
Quảng quít hồng 廣橘紅	3 tiền
Sanh đại hoàng 生大黃	5 tiền
Nhũ hương 乳香	2 tiền
Sơn tùng cô 山慈姑	2 tiền
Quảng mộc hương 厚木香	3 tiền
Quảng ngọc kim 廣玉金	5 tiền
Minh hùng hoàng 明雄黃	5 tiền
Thượng thản sa 上辰砂	3 tiền
Tịnh mệt được 净沒藥	2 tiền
Bá thảo sương 百草霜	2 tiền

Các món hợp chung tán bột thật nhỏ, dùng nước hầm
hoàn bằng hột đậu nhỏ, mỗi lần uống 10 hột, ướt chừng
2 phần, uống với nước chín, khi bụng đói. Uống đến lúc
có đi đại tiện là vừa.

CHƯƠNG THỨ NĂM
CHỨNG PHỤC THỦ

Mùa Hạ khi nóng nực thạnh hành, dễ tráng thương Bình thủ, nếu gặp trường hợp khinh vi, bình tà không bộc phát liền, tiềm phục vào trong, chờ đến Tiết Thu Thẩm, hàn khí bên ngoài bắc động, bình độc mới xuất phát.

Phương pháp phân biệt: Bình phát trước Tiết Sương Giang (!) là nhẹ, phát sau Tiết Sương Giang là nặng. Tà phục ở Phần Vệ, phục ở phần Khi, là tà ở cạn, bình nhẹ; Tà phục ở Phần Dinh, phục ở phần huyết, là tà vào sâu, bình nặng.

Sách Nội Kinh chỉ đề cập có một Bình Phục Hán lấy lệ. Các Y gia đời sau cho là: những bình chứng theo thời tiết bốn mùa, bình Ôn Nhiệt nhiều, mà bình Thương Hán ít, mới nghĩ: khi Hán Tà tiềm phục ở trong, chờ đến Mùa Xuân biến làm Bình Ôn. Mùa Hạ biến làm Bình Thủ. Hán tà tiềm phục lâu ngày, chờ thời cơ thuận lợi mới đột biến mà trở thành Bình Ôn, Bình Thủ. Lý luận bất thông, mà họ vẫn cố bảo chuỗt cho thuyết minh được trọn tru.

Nhưng xét kỹ theo thực tế, bình chứng bốn mùa, đều có phân biệt: Tân cảm với phục tà. Hơn nữa phục

(1) Tiết Sương Giang ở vào 15 ngày sau của tháng chín.

tà gây ra bệnh, đâu phải chỉ có một bệnh hàn phục mà thôi. Sau khi đều có khả năng xâm nhập vào cơ thể con người và tiềm phục. Phục Ông Lưu Kiết Nhơn biên Sách Phục tà, Ông Diệp Võ Tử giải thích Chứng Phục-Tà, ý nghĩa khá rõ ràng.

I. CHỨNG PHỤC TÀ Ở PHẦN VỆ

NGUYÊN NHÂN: Tháng Mùa Hạ cảm thẹo khí nắng nực, tiềm phục vào trong, qua cuối Mùa Thu lại cảm thẹo thêm khí hàn của thời tiết mới, nóng cũ lạnh mới xúc phát nhau mà gây ra bệnh.

BÌNH LÝ: Lúc tiết trời nóng nực, khí thử nhiệt viêm chưng dị thường, khách lữ hành dọc đường, hoặc công tác dưới bóng mặt trời như thiêu như đốt. Những người thử lực cường tráng, vận động thích nghi, thì không đến đỗi phát bệnh tức thời; nếu người thử lực yếu đuối, hoặc vận động quá sức, thì ngã bệnh tại trận, đó chính là Chứng Thương Thủ, Trùng Thủ. Bình Thủ tiềm phục ở Phần Vệ, đến cuối Mùa Thu cảm xúc khí tan lương mà phát tác, so sánh với Bình Thủ tiềm phục ở phần Dinh thì nhẹ hơn.

CHỨNG HẬU: Lúc sơ khởi đều nhức, minh nóng, ớn lạnh, không mồ hôi, hoặc có chát ít mồ hôi mà nóng không đỡ, minh đau, tay chân nhức mỏi rung rời, nó hơi bợn dạ. Nặng lấm thì phiền táo khát nước, xé chiều bình nặng, miệng không thèm ăn, đại tiện hoặc lỏng hoặc bí, màu như tương sám, nước tiểu vàng đục hoặc nóng; tiếp

sau thì trạng như cũ rét, nhưng lạnh nóng mồ hôi, không phân biệt rõ ràng. Phiền táo lâm, thì bị phun mọc ra Bạch chàm (tục kêu Ban Bạch), hoặc Hồng chàm (tục kêu Ban đỏ). Trầm trọng hơn nữa, thì chỉ nóng không lạnh, nóng thuộc về đêm. Ban đêm hay nói xầm, xây trở lăn lộn phiền táo vô cùng, khát nước, ur uống nước lạnh, hay uạ hoặc nắc cục, hừng sáng ra chút ít mồ hôi thì nóng tạm dở nhưng nóng trên lồng ngực và bộ bụng thì không đỡ; man thi đổi ba tuần, chậm năm bảy tuần bình mới khỏi. Đây là thực chứng của Bình phục Thủ, mà hình chứng phản nhiều biến thuận.

CHẨN ĐOÁN: Lúc sơ phát, pien nhiều mạch động Huyền Khàn, Trầm Trệ; nóng lâm thì mạch động Huyền Hoạt, Tế Sát; lưỡi do biến trắng dày như thoa bột, là thuộc Chứng đậm trước đỉnh trệ, lưỡi đỏ, tea lưỡi trắng mà tròn, là thuộc Bình Thấp Nghiệt kéo dài; lưỡi ráo mà nứt rách, là thuộc phản khí hư, nhược; lưỡi khô mà mọc chóng, là thuộc nước tan dịch bao bụi.

PHÉP TRỊ: Lúc bình sơ phát, đầu nhức, minh nóng, ón lạnh, không mồ hôi, hoặc có chút ít mồ hôi mà nóng không bớt. Dùng Thang *Gia vị ngân kiều*. Sau khi dùng một hai Thang Ngân Kiều, ngoại tà theo mồ hôi ria rỉ ra nóng giảm, tạm thời bình lui.

Nếu Phục tà thâm trọng, trải qua nửa ngày, một ngày lạnh tuy bớt, nhưng nóng lại trở nặng bất ngờ. Đó là Chứng Thủ Thấp uẩn phục ở trong, tái phát biện ra ngoài. Cần phải biện biện coi bình tà chuyên thuộc vào bộ phản

nào dễ chữa trị. Nhứt là giữa thỷ và thấp chứng nào thâm trọng.

Chứng Thủ nồng, thì hiện lên (phần nhiều hình chứng của Kinh Dương Minh), dùng Thang Tân gia bạch hồ, gia liên kiều, ngũ bàng tử, trị theo phép tân lương thấu phát, bình tà theo Ban châm mọc ra mà khỏi.

Bình tà truyền vào lý, cấu kết với cẩn bã trong trường vi, thì dùng Thang Chỉ thiết đạo trẻ trị theo phép khò tân thông giáng, tống bình độc ra theo đường đại tiện mà bình khỏi. Sau khi bình khỏi, nhưng dư nhiệt chưa sạch, nên tiếp theo uống Thang Cao cầm thanh đam.

Song thường có trường hợp, bình vừa dứt một vài ngày, rồi nóng lại tái phát, tua lưỡi vàng và do. Đó là Phục tà hết lớp này, lại mọc ra lớp khác, phải thường dùng thuốc hòa hoãn thông lợi đôi ba lần, mới trừ sạch được Phục Tà. Sau khi đau yếu, phần tân dịch hao hụt, dùng Thang Mạch môn đồng, gia : Tây Dương Sâm, Thạch Hộc, Tiên Mau Căn (rễ tranh troi), Cam Giá Trấp.

Chứng Thấp nồng, thì phần nhiều hiện lên (hình chứng của Kinh Thái Âm), dùng Thang Đại Quít Bi, gia : Nhân Trần, Thông Thảo, trị theo phép ôn hóa đam thảm, đuổi bình độc Thấp Nhiệt, rót theo đường tiêu tiện thông ra.

Đường đại tiện hôi tanh lỏng nhão, mà đi đại không thông, đó là hiện tượng cẩn bã trong ruột, uẩn át theo khí Thấp trước của Phục tà. Châm chước dùng Thang Chỉ thiết đạo trẻ. Nếu Phục tà tích lũy trùng điệp, hết lớp này đến lớp khác, tất phải năm lần bảy lượt, dùng phép ôn hóa thông lợi, tảo thanh vật tức cấu cho thật sạch sẽ.

Sau khi bình đỡ, nhưng nửa đêm còn nhớ chứng phát nóng bức rút, đó là Chứng Phục nhiệt nupp ở phần âm chưa thát hết. Nên dùng Thang *Thanh láo dưỡng dinh*, già: Đơn Bì, Biết Giáp, Thanh Cao, Hoàng Cầm, Địa Cốt Bì, thanh thấu Chứng Phục Nhiệt ở phần âm, dày bình tă ra phần dương mà bình giải. Như còn thấy chút ít biếu chứng, thì dùng Thang *Ngũ diệp lô cẩn*, trị theo phép *thanh nhiệt sơ đạt*, bình sẽ khỏi hẳn.

Xứ PHƯƠNG :

Thang Gia vị ngân kiều
(thấy ở Chứng Thủ Ôn kiêm Thấp)

Thang Tân già bạch hổ
(thấy ở Bình Tân Cầm Xuân Ôn)

Thang Cao cầm thanh đam
(thấy ở Bình Tân Cầm Xuân Ôn)

Thang Mạch môn đông
(thấy ở Bình Phục Tà Xuân Ôn)

Thang Đại quít bì
(thấy ở Bình Thủ Ôn kiêm Thấp)

45.—Thang Chỉ thiêt đạo trệ
 (phương này cải làm thuốc hoàn, tức Hoàn chỉ thiêt đạo trệ)

Chỉ thiêt 枳實	3 tiền
Lục thần khúc 六神曲	3 tiền
Tửu cầm 酒芩	1 tiền ruồi
Phục linh 茯苓	3 tiền
Xuyên liên 川連	3 phần
Trần bì 陳皮	2 phần
Đại hoàn 大黃	1 tiền ruồi
Liên kiều 連翹	3 tiền
Hậu phát 厚朴	1 tiền ruồi
Sơn tra 山楂	3 tiền

46.—Thanh táo dưỡng dinh thang

Đại sanh địa 大生地	6 tiền
Tri mẫu 知母	3 tiền
Hoa phấn 花粉	3 tiền
Sanh bạch thược 生白芍	4 tiền
Toàn đương qui 全當歸	3 tiền
Sanh cam thảo 生甘草	2 tiền
Quảng bì 厚皮	2 tiền
Lê trấp 梨汁	5 tiền

47.—Gia vị ngũ diệp lô căn thang

Hoắc hương diệp 藿香葉	2 tiền
Tý bà diệp 枸杞葉	3 tiền

Sương tang diệp	桑葉	2 tiễn
Đông Qua Tứ	冬瓜子	3 tiễn
Bội lan diệp	佩蘭葉	2 tiễn
Nón trúc diệp	竹葉	3 tiễn
Tiên lô căn	鮮薑根	5 tiễn
Ngân hoa	銀花	5 tiễn
Luc nhút tán	六一散	2 tiễn
Tiên bà diệp	鮮荷葉	2 tiễn

**

2 PHỤC TÀ Ở PHẦN DINH

NGUYỄN NHÂN : Mùa Hạ cảm Thương Khi Thủ, tiêm phục ở Phần Dinh, đến mùa Thu cảm thọ khí hàn ; khí Hán xâm phạm bên ngoài, khí Thủ tiêm phục bên trong, hai khí kích thích nhau mà phát bệnh.

BÌNH LÝ : Ngày mùa Hạ hỏa tần lao động, ôn độ trong thân thể bốc lên rất cao, lại trầm mình trong nước lạnh tắm rửa, hoặc ăn uống vật sanh lạnh để trấn áp, cho đỡ nóng dễ khát, khiến cho khí nóng đương đằng hệt trong thân thể, không đường bài tiết ra ngoài, đó là nguyên nhân gây ra Chứng Phu Nhiệt. Nếu trường hợp trên xảy ra trong tháng Mùa Hạ, gọi là Chứng Phục Thủ ; đương lối gây ra Chứng Phục Thủ và Phục Nhiệt giống nhau. Thủ Tà tiêm phục ở Phần Dinh gây ra bệnh, thì gọi *phục tà ở phần dinh*.

Sau khi bệnh tà mới tiêm phục, thì bệnh nhân cũng

nhu thấy thuốc, đều cho là bệnh chứng nhỏ mọn mà xem thường, không lo chữa trị, đó là lý do khiến cho Chứng Phục tà triền miên. Thế nên, thường thấy nhiều bệnh không có trạng chứng gì nặng nề đáng kể, mà phải kéo dài ngày giờ mới chữa trị khỏi được, là đều do duyên cơ Phục Tà súi nhiên vậy.

CHỨNG HẬU: Lúc bệnh sơ phát, lạnh ít nóng nhiều, ngày nhẹ đêm nặng, nhức đầu chóng mặt, mắt đỏ mờ, hổng mắt nhám răng khô, lồng hốt rít sợ nóng, rồi loạn không yên, miệng khô mà không thèm uống nước, uống nước thì ua khan, và họng ráo như thường, tay chân lạnh, mà ngực bụng vẫn nóng như hơ; đại tiện phân nhiều táo bón, hoặc lỏng nhão mà vẫn không thông, tròn tré nóng rát, tiểu tiện ngắn mà đờ rit. Kịch liệt, thì tay chân rút giật, nắm mè man không nói, hoặc lúc phiền nhiễu thì cuồng ngôn loạn ngữ, lúc yên tĩnh thì nói chuyện một mình. Con trai mộng, đi thất tình, con gái xích, bạch đái bã, đường kính nguyệt chưa đúng kỳ lại ra. Đó là Chứng Phục Thủ thuộc hư, phản nhiều nguy hiểm. (Lúc bệnh sơ khởi, lạnh ít nóng nhiều, ngày nặng đêm nhẹ, nên dùng Thang Gia Vị ngắn kiều).

NHỮNG BIẾN CHỨNG KHÁC: Khiêm Chứng Hán, Thủ Ta uất kết ở trong, thì biến thành Chứng Giai Ngược (1), cách một ngày một cữ, hoặc hai ngày một cữ, hoặc lạnh ít nóng nhiều, ra mồ-hôi mà nóng vẫn không giảm. Chứng Cử Rét hiệp với Chứng Tích-Trệ, đồng thời bệnh độc Thủ Thấp bị hạ hầm, thì biến thành Chứng Xích Ly, hoặc

(1) Giai Ngược là gọi chung về bệnh Rét.

Xích Bạch Ly, bụng đau vắt, nặng tròn, tiêu ra đàm máu sền sệt bôi tanh.

CHÂN ĐOÁN: Lúc sơ khởi, mèo luối phần nhiều đỏ tươi mà không bợn, tất phải chờ bệnh độc từ phần huyết chuyên ra phần khí, thì luối mới hiện bợn mỏng, hoặc bợn trắng. Mạch bên hữu đi Huyền Hoạt, bên tả đi Huyền Tế, mà dang mạch dịu-mềm. Nặng lầm thì Mạch đi Trầm Tế, đường có đường không.

CÁCH TRỊ: Lúc bệnh sơ khởi, nhức đầu chóng mặt, mắt đỏ mao hồng, mình nóng tay chân lạnh, lòng bứt rứt sợ nóng, dùng Thang Tân gia bạch hồ, gia Vị Tè Dá thanh nóng và thấu đạt. Tiếp theo dùng Thang Đạo xích thanh tâm. Bệnh nặng lầm thì dùng Âm Tè đặc thanh lạc, mát máu thanh Phản Dịch. Như Chứng Kinh (1) Chứng Khuyết (2) cùng phát tác, dùng Âm Tè linh tam tráp. Như thần thức lờ mờ, mình nóng nói xàm, dùng Đơn Tử-Tuyết; thần thức đã chồi hồi trở lại, mà nửa đêm phát nóng, và nói xàm, luối đỏ phủ lên một lớp bợn vàng bần, đó là do chứng Đàn Nhiệt chưa sạch, dùng Thang Xương bồ uất kim.

Nếu miệng khô họng ráo, luối ửng đỏ mọc chóng, hoặc nứt rách, là hiện tượng nóng lầm, nước tàn dịch khô cạn, dùng Thang Thanh táo dưỡng dinh, bỏ vị trân bì, gia vị Tiên thạch hộc, Tiên sanh địa, Cam giá tráp, giúp cho dịch tư nhuận trở lại.

(1) Các Chứng Phong gân xương cứng do đều là Bình Kinh (chứ phòng cường trực giải thuộc ư Kinh)

(2) Khi nghịch thường xung là Chứng Khuyết, nhẹ thì tay chân lạnh đong, nặng thì bất tinh nhơn sự.

Còn sau khi bình, nước tan dịch hao hụt, khí Mạch Xung nghịch lên, hoặc nắc cục, hoặc phát khuyết, hoặc thở gấp, dùng Tiền (thang) *Gia vị tẩm linh*, giáng nạp tư nhuận.

XÚ PHƯƠNG :

Tân gia bạch hồ thang
(thấy ở Chứng Tân Cảm Xuân Ôn)

Chí bửu đơn
(thấy ở Chứng Phục Tà Phong Ôn)

Tử tuyết đơn
(thấy ở Chứng Phục Tà Phong Ôn)

Đạo xích thanh tâm thang
(thấy ở Chứng Phục Tà Xuân Ôn)

Tê dác thanh lọc âm
(thấy ở Chứng Phục Tà Xuân Ôn)

48.— Tè linh tam trấp ấm

Tè dác	犀角	1 tiền xung phục
Liên kiều	連翹	3 tiền
Đông bạch vi	東白薇	3 tiền
Phản đơn bì	粉丹皮	3 tiền
Trúc lịch	竹瀝	2 tiền
Linh dác	羚角	8 phần xung phục
Ngọc kim	玉金	1 tiền
Thiên trúc hoàng	天竺黃	3 tiền
Khổng diên đơn	控涎丹	2 phần
Cương trấp	薑汁	2 giọt
Lai bắc trấp	菜菔汁	5 tiền
Sanh ngâu trấp	生蕩汁	5 tiền

CÁCH SẮC:

Dùng rễ tranh tươi 1 lượng. Măng Lao tươi 1 lượng, Tim Bức 1 lượng, nấu lấy nước để sắc thuốc. Khi thuốc đến đờ bột Tè Dác, bột Linh Dác, nước Trúc Lịch, nước Lai Bắc các thứ, sau khi uống một lần, mà thần chí chưa định tĩnh, thì 加 thêm 2 phần Đơn chí bắc.

Xương bồ ngọc kim thang
(thầy ở Chứng Phục Tà Phong Ôn)

49.—Gia vị tập linh tiễn

Kết lâm sâm	吉林參	3 tiền
Thiên môn đông	天門冬	3 tiền
Đại sanh địa	大生地	1 lượng
Canh kỵ tử	甘杞子	3 tiền
Ngưu tất	膝牛	3 tiền
Mạch môn đông	羌門冬	3 tiền
Thục địa	熟地	1 lượng
Tiêu linh tý	仙芩牌	3 tiền
Sao bạch thuốc	炒白芍	4 tiền
Sanh mầu lè	生牡蠣	6 tiền
Thạch quyết minh	石決明	6 tiền

CÁCH SẮC: Trước đem vị Sanh Địa, vị Thục Địa xắt nhỏ như to, nấu lấy nước để sắc mấy món thuốc trong thang cho đậm, uống ấm.

PHỤ LỤC: Ông Hà Án Nhám nói: trong khoảng Mùa Xuân, Mùa Hạ bệnh độc ôn nhiệt tiềm phục ở Phần Khi, vào Mùa Thu, Mùa Đông thì phát tác, gọi là: Chứng Phục Thủ vẫn phát (phát muộn). Mặc dùn bệnh Phục Ôn và bệnh Phục Thủ hai bệnh sai biệt nhau, mà bệnh độc tiềm phục từ trong phát ra thì in như một, cho nên chứng hàn giống nhau, mà phép trị đại khái cũng trong đồng, nhưng:

- 1 Trước nhất phải biện biệt Chứng Táo, Chứng Thấp.
2. Kế đó biện biệt Chứng Hư, Chứng Thực.
3. Biện biện bệnh tà trốn núp ở Phần Dinh hay Phần Vệ.

4. Biện biện bệnh tà truyền biến ở phần biếu hay phần lý. Biện chứng đích xác, chưa trị tự không sai lầm.

Ông Vương Mộng Âu nói: Phục tà của Bình Ôn, từ phần lý ra phần biếu, vì bệnh tà trước khi xâm nhập vào phần huyết, rồi sau xuất phát ra phần khí. Cho nên lúc bình sơ phát, máu lưỡi luôn luôn tư nhuận không dor; nhưng xem mạch thì thấy bình mạch nhu nhuyễn, hoặc mạch động Hayera Sát, miệng chưa khát nước, mà lòng đã phiền táo, sợ nóng. Nên dùng phép *thanh dinh tuyễn đạt* để chữa trị. — Đến khi bệnh tà chuyển ra phần khí, thì tua lưỡi khởi dor; nên dùng thuốc *tuyễn đạt vέ khi* chữa trị, là đúng lúc vậy.

Chứng Phục Tà trầm trọng, lúc sơ phát thì lưỡi đỏ họng khô; thái thâm thì hiện lên dả tượng: mạch đi Phục, tay chân lạnh. Cấp tốc dùng thuốc thanh lương chứng Phục Nhiệt ăn núp trong phần huyết. Biến chứng tiếp theo là lưỡi đóng vàng dor bần, dor là điểm bắt đồng giữa Cường Phục Tà với Chứng Tân Cảm.

Lại có Chứng Phục Tà thâm trọng, bệnh độc không xuất phát ra ngoài một lúc. Nếu chữa trị phải phép, bệnh lui lưỡi sạch, cách một hai ngày sau, bệnh lại tái phát, lưỡi tái khô dor, bợn lưỡi vàng ráo. Chữa trị bình này, như lột vỏ chuối, urom to, hết lớp bình này, đến lớp bình khác, biến chứng từ trong mọc ra, lột hoai phẩn mãi không cùng. Chẳng giống như Chứng Ngoại Cảm Ôn Thủ, do phần Vệ đến phần Dinh, bình tà từ ngoài mà vào. — Chứng Phục Thủ ở Mùa Thu, Mùa Đông: bệnh độc khinh siết, thì tiêm phục ở Phần Khí; bệnh độc thâm trọng, thì tiêm phục ở Phần Huyết. Dùng thuốc chữa trị

cầu thả, rất dễ sai lầm. Đó chính là lời nói của nhà kinh nghiệm tâm đắc.

Ông Hà lại nói: Tôi trị Bình Phục Thủ lúc sơ khởi, bình độc ở bộ phận trên, thuộc phần khí, châm churc dùng Thang *Ngũ vị lô cẩn* gia vị, thanh dat bình độc. Nếu bình độc ở bộ trên, mà thuộc về phần huyết, thì dùng Thang *Té đặc địa hoàng* gia vị. Như sòng lâm phiền táo, tình thần hồn mê nói xàm, luối đờ mà không do, thì châm churc dùng Hoàn an cung ngưu hoàng, mát máu nóng, lui bình tà.

Bình độc ở bộ giữa, thuộc Phân Khi, dùng Âm vương thị liên phát gia vị. Bình độc truyền biến xuống bộ dưới, thuộc phân Huyết, dùng Âm quế linh cam lô.

Bình độc ở bộ giữa, thuộc Phân Huyết, dùng Thang Dương định thừa khí gia vị. Bình độc truyền vào bộ dưới, thuộc phân Huyết, dùng Thang Thanh cao biết giáp gia vị.

Chỉ như phương pháp thiện hàn, thì dùng thuốc từ nhuận tan dịch, tức thanh dư nhiệt làm chủ, những Thang *gia giảm phục mạch* của Ông Diệp, và Âm cam lô gia tây dương sâm, giá tráp, đều nên dùng. Còn như cẩn bã trong ruột cẩn kết với bình độc, thì dùng Hoàn chỉ nhiệt đao trẻ, từ từ tiêu đao nhuận hạ. Đó là phép trị Chứng Phục Thủ vẫn phát, bằng cách chọn lựa các phương chủ trị sở trường.

XỬ PHƯƠNG:

Ngũ diệp lô cẩn thang
(thầy Chứng Phục Thủ ở phần vây)

50.— Gia vị tê dác địa hoàng thang
Nguyên phuong gia giảm

Tê dác tim	犀角尖	1 tiền
Tiên sanh địa	鮮生地	1 lượng
Kim ngân hoa	金銀花	5 tiền
Liên kiều	連翹	5 tiền
Tiên khong bồ	鮮葛蒲	3 tiền
Quảng ngọc kim	廣玉金	2 tiền
Bại thanh diệp	大青葉	3 tiền
Đơn bì	丹皮	3 tiền
Tiên trúc diệp	鮮竹葉	3 tiền
Tiên mao căn	鮮茅根	5 tiền

51.— An cung ngưu hoàng hoàn
Cuộc phuong gia giảm

Tây ngưu hoàng	西牛黃	1 lượng
Quảng ngọc kim	廣玉金	1 lượng
Sơn chi tử	山梔子	1 lượng
Hàng cầm	黃芩	1 lượng
Kim bạc	金箔	1 lượng
Tê dác	犀角	1 lượng
Xuyên liên	川連	1 lượng
Hùng hoàng	雄黃	1 lượng
Chân sa	珠砂	1 lượng
Trân châu phấn	珍珠粉	5 tiền
Băng phiến	冰片	2 tiền ruồi
Xạ hương	麝香	2 tiền ruồi

Phép chế: Nghiền nhỏ hòa đều, thang một làm hcàn.
 Kim Bạc làm áo, bên ngoài bọc sáp.

52.— Gia vị liên phát âm

Nguyên phương gia giảm

Xuyên liên	川連	1 tiền
Sao son chi	炒山梔	3 tiền
Bản hạ	半夏	2 tiền
Tiên xương bồ	鮮菖蒲	3 tiền
Chí thiệt	枳實	2 tiền
Xuyên phác	川朴	1 tiền
Hương đậu si	香豆豉	2 tiền
Lô căn	蘆根	5 tiền
Hoạt thạch phấn	活石粉	3 tiền
Điều cầm	條芩	2 tiền

53.— Quế linh cam lộ âm

Quan quế	官桂	1 tiền
Trà linh	猪苓	1 tiền ruồi
Hoạt thạch phấn	活石粉	3 tiền
Hàn thủy thạch	寒水石	3 tiền
Xích phuc linh	赤茯苓	3 tiền
Trạch tả	澤瀉	1 tiền ruồi
Sanh thạch cao	生石膏	3 tiền
Thanh bì	青皮	1 tiền

54.— Gia vị dưỡng dinh thừa khí thang

Trong Dịch luận phương gia giảm

Sanh đại hoang	生大黃	1 tiền ruồi
----------------	-----	-------------

Xuyên hàn phác	川 厚朴	1 tiền rưỡi
Sanh địa	生 地	3 tiền
Tri mẫu	知 母	3 tiền
Chi thiệt	枳 實	1 tiền
Toàn đương qui	全 當 归	3 tiền
Bạch thược	白 芍	3 tiền
Mao cǎn	茅 根	5 tiền

55.— Gia vị thanh cao biệt giáp thang

Nón thanh cao	嫩 青 萎	2 tiền
Sanh biết giáp	生 鱗 甲	5 tiền
Qui tu	歸 脣	3 tiền
Té thảo	苦 草	2 tiền
Tiêu sanh địa	小 生 地	3 tiền
Ngân sai hồ	銀 茶 胡	1 tiền
Tiên mao trật	鮮 茅 术	1 tiền
Bạch vi	白 茜	1 tiền rưỡi
Địa rốt bì	地 骨 皮	3 tiền

56.— Thanh cao biệt giáp thang nguyên phương

Nón thanh cao	嫩 青 萎	3 tiền
Sanh biết giáp	生 鱗 甲	5 tiền
Té sanh địa	細 生 地	3 tiền
Bạch tri mẫu	白 知 母	3 tiền
Phấn đơn bì	粉 单 皮	3 tiền

57.— Gia giảm diệp thị phục mạch thang

Chích cam thảo	炙甘草	2 tiền
A giao	阿膠	3 tiền
Tây dương sâm	西洋參	3 tiền
Ma nhán	麻仁	2 tiền
Sanh bạch thược	生白芍	3 tiền
Sanh địa	生地	6 tiền
Mạch đông	炙冬	4 tiền

58.— Cam lô âm

(Cuộc Phương)

Tỳ bà diệp	杜杞葉	3 tiền bỏ lồng gói riêng
Thiên môn đông	天門冬	2 tiền
Nhân trần	茵陳	2 tiền
Mạch môn đông	炙門冬	2 tiền
Cam thảo	甘草	8 phần
Thực địa	熟地	5 tiền
Chi xác	枳壳	1 tiền ruồi
Sanh địa	生地	3 tiền
Thạch hộc	石斛	3 tiền
Hoàng cầm	黃芩	1 tiền ruồi

CHƯƠNG THỨ SÁU
BÌNH THẤP ÔN

Danh từ Bình Thấp Ôn, phát nguyên ở Sách *Nan kinh*, là một bình chứng trong năm Chứng Thương Hán. Sách Nội kinh, Sách Thương Hán Luận không thấy chỗ nào đề cập đến bình này. Các Y gia đời xưa luận bình, phần nhiều là ngõi bút của người phương Bắc, ở nơi đất dai cao ráo, gió bắc lạnh lung. Giả sử có Bình Thấp, cũng chỉ là Bình Hán Thấp mà thôi.

Qua Đời Kim, Đời Ngeson về sau, các y gia phương Nam ngày càng đông lên, nhận thấy Bình Ôn kiêm Bình Thấp nên mới đề cập đến. Song về phương diện luận thuật cũng như trị liệu, phần nhiều phỏng theo thành lệ của Sách Thương Hán Luận.

Từ Đời Minh, Đời Thành về sau, Ông Diệp Hương Nham, Ông Chương Hu Cốc, Ông Vương Mạch Anh, Ông Ngô Cúc Thông, Ông Thạch Bái Nam, Ông Du Cẩn Sơ, các Ông ấy, đều có công bồi sung cho học thuyết và phương pháp trị liệu bình Thấp Ôn, ngày càng tiến bộ.

I.— THẤP ÔN BỒN CHỨNG

NGUYÊN NHÂN: Chính lúc giao thời giữa Mùa Hạ với Mùa Thu, cảm thọ khí hậu ẩm nóng và ẩm ướt mà

sanh bình, là nguyên nhân gây ra bình Thấp Ôn; hoặc vì chứng Phục Ôa hiệp Thấp, rồi thêm thêm Chứng Tân Cản, xúc động mà phát bình, cũng gọi là: Bình Thấp Ôn. Nhưng cần phải phân biệt Bình Thấp Ôn kiêm Hàn, hay Thấp Ôn kiêm Nhiệt.

BÌNH LÝ: Bình Thấp Ôn thường phát tác vào lúc cuối Hạ sang Thu. Thạnh hành nhất là sau Tiết Lập Thu, trước Tiết Thu Phân, rất dễ lầm lộn với Bình Thu Táo, và Bình Phục Thủ, song chẩn đoán minh xác, thì phân biệt cũng không khó (Thế y ngộ nhận cho là Ngược Tất là sai, vì bình thế Chứng Thấp Ôa khá biền ác, kiêm có tính truyền nhiễm, tục gọi là Chứng Thấp Ôn Thời Dịch). Bình Phục Thủ, khi âm ướt uất ngọt xông hắp biến thành Bình Ôn, bởi tuém Chứng cảm mạo xúc động mà phát tác. Vào đầu Mùa Thu bình này rất thanh hành, ở vào đầu Mùa Hạ cũng có Chứng Thấp Ôn, nhưng dễ trị hơn, duy bình phát ngay Mùa Thu, thì triền miên khó khỏi. Bình Thấp nặng kiêm Hàn, gọi là: *Thấp ôn kiêm hàn*; Bình Thấp nặng hỏa Nhiệt, xưa gọi là: *Thấp nhiệt*.

Đời gian đây, Ông Sơn Lôi luận về Bình Lý Thấp Ôn, cho là từ sông Trường Giang trở xuống miền Nam, đất thấp nước nhiều, mưa dầm nắng gắt, khí trời nóng nực, hơi đất ẩm oi, khí thấp trước ưng xông mù mịt; con người ở trong lúc thời tiết thay đổi, luôn luôn hứng lấy khí uế trước xâm nhập, khiến cho phần thanh dương của tỳ vị bị chèn ép, không được triền bő thư thả. Cho nên những kẻ mắc Bình thấp ôn, không một người nào, mà lồng ngực chẳng bì tắc, bộ bụng chẳng linh bình chậm tiêu, bợn lưỡi đóng dày. Còn ở miền Tây Bắc thì đất đai cao ráo, nên không bao giờ có những bình chứng giống thế.

LỜI ÁN CỦA TRƯỚC GIẢ: Hiện nay sự giao thông tiện lợi, dấu chân giao tế lui tới khắp nơi, thế giới một nhà, cho nên bệnh chứng cũng tùy thời mà thay đổi. Bởi vậy, Chứng Ngực Tật, Chứng Thấp Ôn các chứng hàn, ngày xưa duy có riêng người miền Nam mắc phải; nhưng nay thi, người miền Bắc cũng thường thấy.

CHỨNG HẬU: Lúc bình sơ phát, ón lạnh không mồ hôi, đầu nhức nhín nặng, tay chân mỏi trễ, uất nóng không lui, xé chiều nhiệt độ lên cao, mồ hôi rin rìn không nhiều, ngực bụng nặng nề, tiêu hoa chậm chạp. Tiếp theo sau, thì ra mồ hôi, mà nóng không đỡ, ngực uất bụng đầy, tiêu tiện ngắn, đờ vàng; đại tiện lỏng nhão không thông, nước miếng đặc lưỡi dor, khát nước nhưng không uống nhiều.

CHẨN ĐOÁN: Tưa lưỡi trắng trơn, hoặc vàng trơn; Chứng Đàm trước thâm trọng, thì lưỡi đóng dày bần. Phản nhiều mạch đi Hoãn Trễ, nóng lầm thì mạch đi Sát, kiêm cảm mạo Chứng Phong Hàn, thì mạch đi Khàn.

PHÉP TRI: Lúc Bình sơ khởi, dùng Thang *Hoắc hương chánh khí* gia liên kiều, hoạt thạch, đóng qua tử, thông thảo. Ngực nặng bụng đầy, ỉa chảy, dài đở. Chứng Ôn Lạnh ở phần biểu chưa khởi, dùng Thang *Dai quất bì*, gia *hoắc hương diệp*, bội lan diệp, xuyên phát, ấm thông phần lý, giải tan phần biểu.

Như bệnh ở phần lý nặng, không ón lạnh, châm chườm dùng Thang *Chỉ thiết đào trễ*, thông lợi Chứng Uất nóng ở trong. Ngực bì bụng đầy, phiền táo nội xâm, ón lạnh không khởi, dùng Thang *Tăng giảm hoàng liên tả tẩm*, bổ

xương bồ, già xuyễn phát, thanh tiết sơ lợi. — Sau khi dùng thuốc Hạ (xô), Thấp đọc còn thừa cặn chưa sạch, châm churc dùng Thaug *Liên kiều chi si, già hạnh nhân, kiết cành, thông thảo, hoạt thạch, thanh nhiệt thầm thấp.*

XỨ PHƯƠNG :

Hoắc hương chánh khí thang
(Thấy ở Chứng Thủ Ôn kiêm Thấp)

Đại quét bì thang
(Thấy ở Chứng Thủ Ôn kiêm Thấp)

Chỉ thiệt đạo trệ thang
(Thấy nơi Chứng Phục Thủ ở Phản Vệ)

Tăng giảm hoàng liên tả tâm thang
(Thấy ở Chứng Phục Tả Phong Ôn)

Liên kiều chỉ tử thang
(Thấy ở Chứng Tân Cảm Phong Ôn)

2. CHỨNG THẤP ÔN KIÊM HÀN

NGUYÊN NHÂN: Chứng Phục Ôn cấu kết với Chứng Thấp, kiêm cảm thoảm Tà, xúc động nhau mà phát biến.

BÌNH LÝ: Phương Bắc đất đai cao ráo, khí hàn lạnh lẽo, ít khi mắc Bịnh Thấp Ôn; thỉnh thoảng phát biến, phần nhiều do Chứng Phục Ôn kiêm Thấp, gặp khí hàn lạnh bên ngoài bắc động thì bệnh phát tác. Cho nên Bình Thấp Ôn kiêm Hán ở phương Bắc nhiều hơn phương Nam, là quan hệ do nơi khí hậu vậy.

CHỨNG HÀU: Cả người nhức mỏi, các khớp xương đau ê, en en ôn lạnh. Gia trọng thì bài chân lạnh, mũi nghẹt, sống lưng ướt, muối trùm mền hơ lửa; phát nóng không mồ hôi, đầu nặng sưng đau, hai mắt lờ mờ như bị che phủ, mịnh mày nặng nề, tay chân mỏi trẻ. Hỗng ngực bị hơi miệng lạt không khát nước, tiêu tiện không thông, đại tiện lỏng chảy. Thậm chí tình thần mờ mịt buồn ngủ.

CHẨN ĐOÁN: Tưa lưỡi trắng tròn, họng đóng dày. Mạch Ái Trầm Táo, hoặc kiêm Mạch Hoàn Trệ, hoặc Mạch Trầm Tế, lụa. Mạch Phục.

PHÉP TRỊ: Lúc bình sơ, mệt, nhức ôn lạnh, phát nóng không mồ hôi, dùng Thang Kinh phong đạt biếu, bỏ kinh giới, tò diệp, gá hậu phát, thương truật, hoặc hương, bội lan, tần giao, đan sỉ, on hoa Chứng Thấp Nhiệt, giải trừ biếu chứng. Tiếp theo eno uống Thang Linh truật

*nhi trần, gia hậu phát, hoạt thạch, thông thảo, ý dĩ, ẩm
trang tiêu, hóa thấp trệ.*

Sau khi bị bệnh thấp trước gây khó khăn, khi Trung Dương không vận hòa châm chước dùng Thang Nhán hương, bồ đàm hương, đinh hương, gia ý dĩ, bội lan, ích ngưu tân, bán hạ, ẩm áp vận hóa Khi Trung Dương. Sau hết dùng Thang Hương sa *nhi trần, gia cốc nha, thản khúc, khai vị kiện tỳ*.

XỬ PHƯƠNG :

Kinh phòng đạt biểu thang
(Thấy ở Chứng Tân Cảm Xuân Ôn)

59.— Linh truật *nhi trần thang*

Đại bi linh	帶皮苓	4 tiền
Đạm can cương	淡乾薑	1 tiền
Trạch tả	澤瀉	1 tiền ruồi
Quế chi	桂枝	1 tiền ruồi
Sanh hương truật	生荅木	2 tiền
Trần bì	陳皮	2 tiền
Trần khúc	神曲	3 tiền
Bán hạ	半夏	3 tiền

60.— Hương sa *nhi trần thang*

Mộc hương	木香	1 tiền
-----------	----	--------

BÌNH THẤP ÔN

215

Bán hạ	半夏	2 tiễn
Phục linh	茯苓	3 tiễn
Sanh cương	生薑	1 tiễn
Sa nhân	砂仁	1 tiễn
Trầu bì	陳皮	1 tiễn ruồi
Cam thảo	甘草	2 tiễn
Dai táo	大棗	2 trái

61.— Nhân hương thang

Bạch khẩu nhân	白蔻仁	1 tiễn
Trạch tả	澤瀉	2 tiễn
Hoắc hương	藿香	1 tiễn ruồi
Xuyên phát căn	川厚根	1 tiễn
Sao kiến khúc	炒翹曲	3 tiễn
Sa nhân	砂仁	1 tiễn
Chỉ xác	枳壳	1 tiễn ruồi
Mộc hương	木香	1 tiễn
Quảng bì	廣皮	1 tiễn ruồi

..

3. CHỨNG THẤP ÔN KIÊM NHIỆT

NGUYỄN NHÂN: Chứng Phục Ôn hiệp Chứng Thấp, trong người nóng nhiều, thì hóa ra bệnh nóng, cho nên biến thành Chứng thấp ôn kiêm nhiệt.

BÌNH LÝ: Khi hậu phương Nam nóng bức lắm thấp, dân chúng mắc bệnh Thấp Ôn rất nhiều. Nếu Bình Phục Thấp hiệp với Bình Ôn, thì trong người nóng lắm, uất ngột mà sanh nồng, hέo Thầy Thuốc xưa gọi là : *thấp nhiệt*. Khi Thấp Nhiệt uất kết ứa ứa sanh bệnh, phần nhiều triền miên chậm khỏi.

CHỨNG HẬU: Xế chiều ớn lạnh phát nóng, trạng như cù rét, sáng sớm thì đỡ nóng, nhưng xế chiều vẫn nóng như thường, cả người không mồ hôi, tuy có bộ đầu ra mồ hôi mà thôi.— Có khi bộ ngực và dưới nách các chỗ cũng có mồ hôi, tay chân mỏi trễ, các khớp xương nhức mỏi, đầu nặng xây xẩm, sắc mặt ứa vàng trán như thoa mồ, miệng hối, ngực uất hơi phiền táo, miệng khô khát mà không uống nước nhiều, bụng đầy ịa lỏng, dai ịt mà vàng đỏ — hoặc ưa nhợn không thèm ăn, hoặc thèm thè phát vàng — hoặc bì phu mọc Bạch chần (ban bạch).

CHẨN ĐOÁN: Lưỡi đỏ bợn lưỡi trắng dày, hoặc bợn lưỡi trắng, trùm lên một lớp vàng, hoặc bợn lưỡi vàng tròn đóng dày. Mạch phẫn nhiều đi Trầm Huyền dài Mạch Sát, hoặc kiêm có tượng Mạch mơ hồ không rõ ràng.

PHÉP TRỊ: Lúc bình sơ khởi ớn lạnh ớn nóng, dùng Thang Gia vị ngân kiều, gia bội lan, hoạt thạch, xuyên phát, (riêng dùng vị Đông Qua Tứ, vị Thông Thảo nấu lấy nước sắc thuốc.) Lợi dụng mùi thanh hương đậm thảm giải trừ cả chứng ở phèu biếu và lý.

Sau khi đỡ ớn lạnh, chỉ còn phát nóng, nóng lắm phiền táo, bụng đầy ịa chảy, dùng Thang Tăng giảm hoàng liên tát tẩm, bỏ xương bồ, gia xuyên phát mọi chi, ấm thông sơ lợi.

Nếu gặp trường hợp ngộ trị, làm cho chúng phát nóng nồng thêm, nước tân dịch trong người khô cát, châm chước dùng Thang Nhơn sâm bạch hồ.— Như nóng làm mất máu, châm chước dùng Thang Tè dắc địa hoàng — Như khi âm thấp bị nóng đốt khô cát hóa táo, biến Chứng Kinh Khuỷết tay chân rút giật, châm chước dùng Thang Thanh táo dưỡng dinh, hoặc Thang Linh dắc cầu đằng một trọng hai thang.

XỨ PHƯƠNG :

Gia vị ngân kiều thang
(Thầy ở Chứng Thủ Ôn kiêm Thủ)

Tăng giảm hoàng liên tả tâm thang
(Thầy ở Chứng Phục Tà Phong Ôn)

Nhơn sâm bạch hồ thang
(Thầy ở Chứng Thủ Ôn Phu lục)

Tè giác địa hoàng thang
(Thầy ở Ôn Bình kiêm Hán)

Thanh táo dưỡng dinh thang
(Thầy ở Dinh phàn phục Thủ)

Linh dương cầu đằng thang
(Thầy ở Chứng Phục Tà Xuân Ôn)

PHỤ LỤC: Những Y gia thiện trị Chứng Thấp, nên suy tôn Ông Diệp Hương Nham là người trước nhất. Ông nói: Bình Thấp Nhiệt trị ở Phổi; Bình Thấp Hàn trị ở Vị, thực là phương pháp trị Thấp rất đúng mức vậy. Một Thang hoặc hương chính khí ứng dụng cũng khá rộng: kiêm Chứng Hàn, tá lấy vị *quế chi*, hoặc tá Can Cương, Thương Truật; kiêm Chứng Nhiệt, tá lấy Trúc Diệp, Lô Căn, hoặc *chi tử*, *liên kiều*. Loại thuốc trừ Thấp, lấy mùi khinh thanh lâu khí làm chủ, như *Hạnh nhân*, *bạch khẩu nhân*, *hoạt thạch*, *thông thảo*, bối mầu qua lâu bì, các loại rất là hợp pháp.

Chứng Thấp Nhiệt gây trở ngại trên phần thanh dương, đầu nặng tai điếc, mũi chảy máu, dùng *kiết cánh*, *ngưu bàng*, *ngân hoa*, *mả bột*, *xạ can*, *kim tráp*, lấy mùi thanh phương giải uất

Chứng Thấp Nhiệt hiệp với khí uế trược, phân bò ở Phần Dinh Phần Vệ, tràn ngập Tam tiêu, đầu sưng móm nhức, tiêu tiện không thông, họng lưỡi trắng bùn, dùng *bạch khẩu nhân*, *phục linh bì*, *đại phúc bì*, *trú linh*, *trúc diệp*, *ngọc kim*, *xuyên phát*, *cúc hoa*, *hoạt thạch*, lấy thuốc mùi lạt đè thầm tiết thấp trược.

Thấp Nhiệt trở cách phèa trung tiêu, khí trệ bung đầy, đại tiện không thông, dùng *đậu sỉ*, *chỉ thiệt*, *xuyên liên*, *bán hạ*, *hậu phát*, *sa nhân*, *xích linh*, *trạch tả*, thuốc tuyên khí hóa trệ. Ngoài ra, như dùng *ngọc kim*, *quit hồng*, *khẩu nhân*, *tửu cẩm*, *chỉ thiệt*, *phục linh*, *bán hạ*, là cách trị Chứng Thấp làm trở ngại phần khí uất trệ — Dùng *xuyên liên*, *khẩu nhân*, *hậu phát*, *đại hoàng*, *sanh cương*, *quit bì*, là phép trị Chứng Thấp làm trở ngại, đại

tiện bì.— Dùng quế chi, tru linh, hoạt thạch, trạch tả, thương truật, nhân trần, là theo cách trị của Thang Quế linh cam lộ gia giảm, tuyên thông phèn tam tiên vậy. Trên đây đều là phương pháp chữa trị Chứng Thấp Nhỏ triền biển.

Chỉ ư cách dùng phương lựu thuốc, đại khai chọn lấy mùi đắng cay, tính ấm nóng trị Chứng Hàn : hắc ; mùi đắng cay, tính mát lạnh trị Chứng Thấp Nhỏ ; còn mùi cam đạm thì dùng làm thuốc tá, mùi ngọt chua héo hò thì không dùng. Các phép trị Chứng Thấp, không ngoài mấy điều trên đây.

XỬ PHƯƠNG :

Hoắc hương chánh khí thang

(Thầy ở Chứng Thấp Ôn kiêm Thủ)

61 A — Quế linh cam lộ gia giảm phương

Quế chi	桂枝	1 tiền
Hoạt thạch	滑石	3 tiền
Nhân trần	齒陳	3 tiền
Xích linh	赤芩	3 tiền
Thương truật	蒼朮	1 tiền ruồi
Trạch tả	澤瀉	1 tiền ruồi
Tru linh	猪苓	1 tiền ruồi

CHƯƠNG THỨ BÂY

BÌNH THU TÁO

Bình danh Thu Táo, sách xưa không thấy đề cập đến, Ông Du là người phát minh trước nhứt, ông Trầm Tự Nam, ông Thạch Bài Nam tiếp tục diễn dịch, ý nghĩa mới rõ. Sách này phân biệt Chứng Tân Cảm, Chứng Phục Tà và chỗ dị đồng giữa hai Chứng Lương Táo, Ôn Táo, cùng thứ tự bình tà xâm nhập vào phần khí, phần huyết, núp cạn trốn sâu trong thân thể con người, chia rành thuẬt rõ như sau.

I. BÌNH LƯƠNG TÁO

NGUYÊN NHÂN: Bình này phát tác sau tiết Thu Phân, trước tiết Lập Đông. Thời tiết thu thâm, khí trời thanh sần, khí hậu mát dầm, con người cảm nhiễm phần nhiều sánh Bình Lương Táo, tức là Bình Thu Táo đấy. (tên tục là Bình Thu Tà, lại gọi là Bình Phong Táo), so sánh với Bình Thương Hàn ở mùa Đông thì nhẹ hơn.

BÌNH LÝ: Táo là bệnh chứng khô rit. Ông Trầm Tự Nam nói: tháng Mùa Hạ khi nóng nực ưng đốt, phần cơ nhục con người lúc nào cũng rịn rót mồ hôi, da thịt

mìn màng, không cảm thấy khó khăn. Qua Mùa Thu thì bầu trời trong trèo cao ráo, khí hậu thanh sảng, hơi lạnh dần dần gắt lên, đất dai khô ráo nứt nẻ. Cho nên da thịt trong thân thể con người cũng khô khao, đó là hình trạng của Chứng Luong Táo vậy.

Ông Thạch Bá Nam nói: Tiết Thu Phân về sau, tuyết lạnh sương mù, là thời lịnh lưu hành của khí táo, thè ôn trong thân thể con người cảm tho ngay từ, tức thời phát lạnh ôn nóng; làm Ba Dịch tho tà thì nội bộ dạ dày đan, ngực đầy; phổi tho tà, thì ho khan hồn tiếng; phần huyết lạc (vì huyết quản) ở phổi tho ta, thì ho đậm vướng máu. Kia như chứng ngực đầy khó thở, suyễn gấp ứ khan, đều do cảm xúc bệnh độc lương táo gây ra.

CHỨNG HẬU: Lúc bệnh sơ khởi, đầu nhức minh nóng, ôn lạnh không đỡ hôi, mũi nghẹt thở khò khè, hình trạng tương tự Chứng Trung Phong, Chứng Thương Hán Duy có họng ráo môi khô, ho khạc đậm nhớt, ngực đầy khó thở, hen gấp ứ khan, hai sườn đau buốt, bị phổi khô ráo, các chứng là đặc biệt.

CHẨN ĐOÁN: Mào lưỡi trắng mỏng, khô ráo, phần nhiều mạch động Sắc mà kiêm Khâm, là tượng mạch: độc táo xâm nhập, tan dịch ngưng trệ. — Xét, Chứng Táo hình mạch động Sắc là thường lệ, tuy có kiêm chứng hoặc biến chứng, khiến cho hình mạch hiện lên Phù Hỗn, Huyền Sát các tượng, song dè năng tay, thì không có lúc nào mạch chẳng động Té Sắc.

CÁCH TRỊ: Bình sơ khởi, đầu nhức minh nóng, ôn lạnh không đỡ hôi, dùng Thang Hương Tó Song Xí, bỏ

vị Hương Phụ, vị Thai Ô, gia Hạnh Nhân, Bá Hô. Sau khi biếu tà đã giải, mà đàm vẫn còn nhiều, ngực vẫn còn nồng, ho khạc không thông, dùng thang Hạnh Tô Nhị Trần Gia Vị, đàm ho đã đỡ; nhưng đại tiện bế tắc bụng đau, thì dùng thang Ngũ Nhân Quất Bi.

XỬ PHƯƠNG:

62.—Hương Tô Song Xị Thang

(Hong khô, gia Mạch Đông, Hoa Phấn; nóng lầm, gia Tiểu Cầm, Ngân Hoa; hóng dây, gia Chỉ Xác, Ngọc Kim ho ben, gia Bạch Tiên, Ngưu Tử — Ưa khan, gia Giả Thạch, Bán Hạ — sườn đau gia Đào Nhân Nê, Một Dược).

Chè Hương phu	製香附	1 tiền ruồi
Thanh bì	青皮	1 tiền
Trần bì	陳皮	1 tiền
Phòng phong	防風	1 tiền ruồi
Xích linh	赤苓	3 tiền
Sanh cương	生薑	2 miếng
Tử tò diệp	紫蘇葉	1 tiền ruồi
Song bạch	葱白	1 tiền
Ngọc kim	玉金	1 tiền ruồi
Đậu xị	豆豉	3 tiền
Thai ô dược	台烏藥	1 tiền ruồi

63.—Hạnh Tô Nhị Trần Thang

Hạnh nhân	杏仁	3 tiền
-----------	----	--------

BÌNH THU TÁO

223

Bán hạ	半夏	1 tiền ruồi
Phục linh	茯苓	3 tiền
Sanh cương	生薑	1 tiền
Tô diệp	蘇葉	2 tiền
Trần bì	陳皮	1 tiền ruồi
Cam thảo	甘草	1 tiền
Đại táo	大棗	2 trái

64. Ngũ Nhân Quít Bì Thang

Hạnh nhân	杏仁	5 tiền
Tòng tử nhân	松子仁	2 tiền
Úc lý nhân	郁李仁	2 tiền
Quít bì	橘皮	1 tiền ruồi
Đào nhân	桃仁	3 tiền
Bá tử nhân	柏子仁	3 tiền

.

2. BÌNH LƯƠNG TÁO

NGUYỄN NHÂN : Tiết Thu thâm về sau, khí trời trong lạnh, bắt mưa lâu ngày, khô khát nóng ráo, con người cảm nhiễm, thường sanh bệnh Táo.

BÌNH LÝ : Trong lạnh không mưa lâu ngày, thì khí trời viêm chung khô ráo, phần nước trong thận thè con người hao hụt. Đã cảm khí ôa táo, lại bị ảnh hưởng của gió lạnh, cho nên phát bệnh.

CHỨNG HẬU: Lúc sơ khởi, đầu nhức mồm nóng, ớn lạnh không mồ hôi. Khi tiếp thi lạnh ít nóng nhiều, tuy có mồ hôi mà nóng không đỡ, ho khạc đàm lỏng, hoặc ho khan không đàm, hen suyễn thở gấp, họng đau, mũi khô, môi ráo, ngực đầy sờn đau, lòng phiền muộn, miệng khát nước các chứng.

CHẨN ĐOÁN: Bọn lưỡi trắng mỏng khô ráo, bìa lưỡi ửng hồng, — mạch tay phải đi Phù Sát, tay trái mạch đi Huyền Sát mà tái Sắc. Đó là hiện tượng Chứng Ôn Táo thiên đối ở trong, nước tan dịch khô cạn.

PHÉP TRỊ: Lúc sơ phát, đầu nhức hơi ớn lạnh, mồm nóng không mồ hôi, dùng Thang Gia Giảm Uy Duy, gia Qua Lâu El, Tả Tử Tứ. — Đàm nhiều, gia Bối Mẫu, Trúc Lịch. — Lồng ngực bứt rứt, gia Chỉ Xác, Ngọc Kim — ua nghịch gia Giả Thạch, Tý Bà Diệp và dùng Tả Kim Hoàn.

Chứng ngoài đã khởi, mà trong bụng vẫn nóng bứt rứt khát nước, ho ra máu đại tiện táo bón, thì dùng Thang Thành Táo Cứu Phế của ông Du Hồng đầy sờn đau, dùng Thang Sài Hồ Chỉ Kiết.

XỬ PHƯƠNG:

Gia giảm uy duy thang
(Thấy ở Chứng Phục Tà Xuân Ôa)

Sài hồ chỉ kiết thang
(Thấy ở Chứng Tân Cảm Xuân Ôa)

65.— Tả kim hoàn

Hoàng liên	黃連	6 phần
Ngô du	吳茱	1 phần

Hợp chung tán làm bột hòa làm hoàn, uống với nước chín.

66 — Dụ thị thanh táo cứu phế thang

Tang diệp	桑葉	3 tiền
Mạch dong	梔冬	5 tiền
Nam sa sâm	南沙參	3 tiền
Hồ ma nhân	胡麻仁	5 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền
Hạnh nhân	杏仁	3 tiền
Sanh thạch cao	生石膏	3 tiền
A giao	阿膠	1 tiền ruồi
Tí ba diệp	枇杷葉	3 tiền (gói)

**

3.— BÌNH THU TÁO PHỤC TÀ

NGUYỄN NHÂN: Mùa Hạ cảm thương khí Thủy Thấp tiêm phục ở trong, đến Tiết Thu Thâm khí bậu ngoài trời lương sán, xúc phát phục tà ở trong mà bình phát tác.

BÌNH LÝ Mùa Hạ, thử tà tiêm phục trong người, đến mùa thu lại cảm táo khí, biến thành **Chứng Thu táo phục tà**, đây trong ấy có **hiệp thấp** hoặc **hóa nhiệt** cần phải phân biệt :

Hiệp Thấp, thì ôn lạnh phát nóng nhức đầu, từ chi mồi trễ, minh mày nặng nề, khát nước mà không uống được nhiều, bụng đầy hơi. Hóa Nhiệt, thì ho đậm vướng máu, họng ngực đau buốt, bụng nóng như lửa, ỉa nước như dội, các chứng.

CHỨNG HẬU: 1) Hiệp Thấp lúc bình sơ khởi, ròn ròn ôn lạnh, hết lạnh rồi nóng, mũi môi khô ráo trước nhất, họng đau ho khan khó thở, ỉa kbao, tay chân mồi trễ, minh mày nặng nề khát nước mà không muốn uống, uống nước thì mửa, trán trở nǎm không yên, họng sùm trường đau, bụng đầy hơi, ỉa lỏng không thông, đái ít đờ nóng. Ông Dụ nhận định đây là bệnh *phổi ráo tỳ ướt* (*phế táo tỳ thấp*). Như âm dịch tạng Thận bị tồn thương, thì tay chân nề oái không sức cử động, khắp cả chau thân nhức mỏi nặng nề, múa đêm nóng nhiều, hừng sáng đờ nóng, hơi hen thở ngắn, má đờ chân lạnh, lỏng bàn chân lại nóng. Nặng lấm thì té bại, hoặc ỉa chảy mà nặng trớn, hoặc hoạt tinh đau lưng.

2) Hóa Nhiệt : Họng ngứa ho khan, ho lảm thì trong đậm vướng máu, họng ngực đau buốt, bụng nóng như cào, ỉa chảy như xối, tròn trê nóng rất. Nặng lấm thì đi tiểu khó khăn,ura hổ kiết lý, mà không phải kiết lý, ruột đau như cắt, bụng cứng dần, đè nặng tay thì đau ngọt. Ông Dụ nhận định, đây là bệnh *phổi ráo ruột nóng*. Ở trong nóng lấm, thì uống nước không biết đói khát,

người nóng hừng hực, tay ra mồ hôi, tay chân tuy lạnh, mà lòng bức rứt sợ nóng — hoặc hơi thở nghịch lên, ưa khan, dưới肚ròn đau nhói, dài ít đó rit, hoặc nhều từng giọt mà trong ống tiêu nghe đau, đại tiện phân nhiều táo bón, hoặc đau bụng mắc là thối hối, mà là không ra phân. Nhiệt ta ung đốt thần kinh thi: gân mạch co rút không thể day trè. Nặng lắm thi: tay chân xui lợ chán xui lợ trạng như Chứng Kinh Giản.

CHẨN ĐOÁN: 1) Hiệp Thấp, Chứng: bạn lưỡi dày như trét bột, bia lưỡi trắng trou — Hinh mạch: tay bên phải mạch động Phù Sắc, tay bên trái mạch động Hoàn Tré, hoặc mạch động Tế mà dài Sắc. Như Táo độc xâm nhập vào trong, sự phân bi ở bi chất phó thận phát sinh biến hóa, thì hình lưỡi to lớn, trùm lên một lớp bạn dày, lấy tay đè lên thì rụt nước.

2) Hóa Nhiệt Chứng: bạn lưỡi khô ráo, mọc chóng vã kiêm có lỗ rách — Hinh mạch: đè nhẹ tay thi mạch động Phù Sắc dài mạch Táo. Đó là trạng chứng Táo độc với Thủ Thấp vây khôn lấn nhan, biến thành hiện tượng tan dịch bị tổn thương.

XỬ PHƯƠNG:

Song xị cát cánh thang
(Thấy ở Bình Tân Cẩm Xuân Ôn)

Tăng giảm hoàng liên tả tâm thang
(Thấy ở Chứng Phục Tà Phong Ôn)

67. Gia giảm tri bá địa hoàng thang

Tri Mẫu	知母	1 tiền ruồi
Sanh địa hoàng	生地黃	3 tiền
Tửu hoàng cầm	酒黃芩	1 tiền ruồi
Bắc sa sâm	北沙參	3 tiền
Vân phục linh	雲茯苓	3 tiền
Linh tử thạch	靈磁石	3 tiền
Xuyên hoàng bá	川黃柏	1 tiền ruồi
Sao di mè	炒苡米	3 tiền
Nôu thanh cao	嫩青蒿	2 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	2 tiền
Quảng trân bì	廣陳皮	2 tiền
Kiến liên tử	建蓮子	3 tiền

68. — Gia vị tang đơn tả bạch Thang (Tán)

(gia : ngẫu tiết 4 tiền, hàn liên thảo 3 tiền, Hoàng Cầm 1 tiền ruồi)

Bạch thược	白芍	3 tiền
Phấn đơn bì	粉丹皮	1 tiền ruồi
Ngưu bàng tử	牛蒡子	1 tiền ruồi
Một dược	沒藥	3 tiền
Kim quít bình	金橘餅	2 trái
Sanh tang bì	生桑皮	3 tiền
Kiềm hạnh nhân	甜杏仁	1 tiền ruồi
Cát cánh	桔梗	1 tiền ruồi
Mạch dong	爰冬	4 tiền
Địa cốt bì	地骨皮	2 tiền

69.— Gia vị ngọc nữ tiễn

Sanh thạch cao	生石膏	8 tiễn
Thực địa hoàng	熟地黃	4 tiễn
Sanh bạch thược	生白芍	4 tiễn
Sanh thạch quyết minh	生石决明	5 tiễn
Linh tử thạch	靈磁石	4 tiễn
Minh tri mẫu	明知母	2 tiễn
Sanh mẫu lè	生牡蠣	2 tiễn
Sanh địa hoàng	生地黃	4 tiễn

Linh dương câu đồng thang (Thầy ở Bình Phục Tà Xuân Ông)

PHỤ LỤC: Xét vì Tiễn Triết Du Căn Sơ tiễn sanh, luận về cách dùng thuốc trị bình Thủ Tào một thiền, có khá nhiều kinh nghiệm, nên lục lại học thuyết của Ông, đồng thời tu chỉnh như sau:

Ông Du Căn Sơ nói: Bình chứng Thủ Tào, trước nhất làm thương tồn tân dịch của phổi, tiếp theo gây thương tồn đến phần âm dịch.— Xưa nói Bình Tào thì dùng thuốc tư nhuận, đó là định pháp chữa trị Chứng Tào vậy.

Song trước nhất phải phân biệt, thế nào là Bình Lương Tào, thế nào là Bình Ôn Tào ? và thế nào là bình Hư Tào, thế nào là bình Thực Tào ? thì dùng thuốc chữa trị mới có chỗ cầm chắc trong tay.

Bình Lương táo dùng thuốc Ôn nhuận, lấy Tử Uyên, Hạnh Nhán, Đậu Sí, Tiên Hồ, Kiết Cánh, Tô Diệp, Phòng Phong, Xuyên Khung, Quất Hồng, các thứ khai đat khi cơ làm chủ. — Kiêm Chứng Phong thì gia Sanh Cương, Thông Bạch thuốc tan nhuận giải biếu — ho hen hông đầy, thi gia Tử Tô, Bá Hộ, thuốc tư nhuận thông phổi — hiệp Chứng Thấp, gia Khẩu Nhán, Hoạt Thạch, thuốc tan hoạt đam thảm trú thấp — hiệp Chứng Thực trệ, gia Bạch Giải Tả, Chỉ Nhiệt, Úc Lý Nhán, âm thông chứng định trệ và cùa đạo — đàm nhiều gia Qua Lâu, Bán Hạ, Cương Tráp, Đinh Lịch, thuốc tan hoạt thông lợi, tiêu đam-khí ở phần lý uất át, đại tiện không thông, cầm giác không thư thái mà đau bụng, gia Sa Nhán, Úc Lý Nhán, Bá Tứ Nhán, Tri Mẫu, Qua Lâu Bì, các thứ thuốc: tan hoạt giáng tiết, thông lợi đường đại tiện — sau khi bình hoan thiếu máu, tan dịch khô cạn, gia Đường Qui Thân, Nhục Thung Dung, Thực Địa, Cát Ký Tử, các thứ thuốc cam nhuận bồ am.

Chứng Ôn táo, dùng thuốc lương nhuận: Tiên Tang Diệp, Kiêm Hạnh Nhán, Thông Bạch, Thanh Cao, Ngưu Bàng Liên Kiều, Qua Lâu, Bối Mẫu, các thứ thuốc thanh nhuận khinh tuyên làm chủ. — nóng lâm thi gia Hoa Phấn, Lô Căn, Ngân Hoa, Cúc Hoa thanh tiết khí nhiệt; nóng đỡ thở khóe tự rạ ria ria mồ hôi mà bình khό. — khạc đàm không thông, hoặc ho nhiều khạc ra máu, gia Trúc Lịch, Ngẫu Tráp, Mao Căn, Đồng Tiên, thuốc cam nhuận hàn giáng, trơn đàm cầm máu — nếu ho máu không cầm được, gia A Giao, Tam Thất, thuốc tư nhuận hoá trệ — đại tiện khó, hoặc bí kiết, gia Hải Tích, Bột Tè, Bạch Mật, thuốc bò ich tan dịch, tư nhuận đại trường.

Tóm lại, phần thương tiêu khό táo sanh ho, dùng

Thang *Thanh Táo Cứu Phé* của Ông Úu — Trung tiêu khô táo, thi tiêu khát, dùng Thang *Nhân Sâm Bạch Hổ* — Hạ tiêu khô táo, thi đại tiện bí kiết, dùng Thang *Ngũ nhân quí bì*, và phương *Tế xuyên tiền* của Ông Cảnh Nhạc — gán táo uốn gân, dùng Thang *A giao kê tút hoảng*, và Thang *Linh dương cầu đằng*.

Chỉ như phần *Âm hư biến chứng Dương Khuyết*, dùng phương *Gia vị tập linh tiêu làm chủ* — Âm hư hỏa vượng, dùng Thang *Hoàng liên a giao làm chủ* được. Sanh *Ân dịch*, thi lấy *tây dương sâm, sa sâm, sanh địa, mạch đồng* làm chủ được — Chứng *Dương Khuyết*, dùng *Dương qui thán, thực địa, kê huyết đằng*, làm chủ được. Trên đây là thông luận đại khái cách trị *Chứng Lương Táo, Chứng Ôn Táo, Chứng Thực Táo, và Chứng Hư Táo* vậy.

XỬ PHƯƠNG:

Dụ thị thanh táo cứu phế thang

(Thấy ở Bình Ôn Táo)

Nhân sâm bạch hổ thang

(Thấy ở Chứng Thủ Ôn phu lục)

Ngũ nhân quí bì thang

(Thấy ở Chứng Lương Táo)

70.— Té xuyên tiền
(phương của Tân Phương Bát Trận)

Nhục thung dung	肉 菜 茄	3 tiền
Thăng ma	升 麻	5 phần
Trạch tả	澤 鴉	1 tiền ruồi
Chi xác	枳 柢	1 tiền ruồi
Ngưu tất	牛 七	1 tiền ruồi
Đương qui	當 彙	3 tiền

Hoàng liên kê tử thang
(Thấy ở Chứng Phục Tà Xuân Ôn)

Linh dác câu đằng thang
(Thấy ở Chứng Phục Tà Xuân Ôn)

Gia vị tập linh tiền
(Thấy ở Chứng Dinh Phản Phục Thủ)

Hoàng liên a giao thang
(Thấy ở Bình Ôn kiêm Thủ)

CHƯƠNG THỨ TAM

BÌNH ĐÔNG ÔN

Điểm bắt đồng giữa Bình Đông Ôn với Bình Xuân Ôn là : Bình Xuân Ôn thì phát ở đầu mùa xuân, lúc khí lạnh của mùa đông còn cản lại. Bình Đông Ôn thì phát ở ngay mùa đông, lúc khí trời đang tạnh ấm khô khan.

Phép trị Bình Xuân Ôn, cần phải xét coi bình nhân có cảm thọ hàn tà hay chills? Còn phép trị Bình Đông Ôn, cần thăm định xem có chứng Phục Thủ, Phục Táo chills? Đó là đại khái cách phân biệt bệnh chứng để chữa trị vậy.

Bình này cần phải phân biệt, có phải là hoàn toàn do tân cảm gây ra, hay có phục tà. Hoàn toàn do tân cảm, thì bệnh nhẹ, vì bệnh độc còn ở cạn. Có phục tà thì nặng, vì bệnh độc đã vào sán. Người phương bắc, ngày mùa đông vây quanh lò sưởi, ăn nhiều tiêu tối, bình tố trong người luôn bị nóng nảy uất kết, cho nên phát hiện bệnh chứng Đông-ôn không phải là ít.

I. ĐÔNG ÔN KIÊM HÀN

NGUYỄN NHÂN: Thời lịnh mùa Đông, trong tạnh ấm

áp, khí hậu khô khan, ôn độ trong người rất cao, thình lình cảm nhiễm gió lạnh bên ngoài, tức thời phát bệnh.

BÌNH LÝ: Chứng tân cảm, là vì thời tiết tạnh ẩm khô khan, cảm xúc khí lạnh mà sinh bệnh. Lúc đầu tho bình, ngoại trừ những chứng hậu do cảm mạo mà phát hiện như: *Nóng lạnh, nhức đầu, nghẹt mũi; ho hen ra,* còn có những chứng *yết hầu sưng đau, nhức răng, hạch dưới đài sưng,* là các chứng hậu chủ yếu. Nếu bên trong uất nhiệt nặng nề, phát sinh các chứng *hầu tỳ, hầu ung, bạch hầu,* thì càng nguy hiểm hơn.

CHỨNG HẬU: Lúc bình mới phát, thì ghê gió sơ lạnh, đầu đau minh nồng, nghẹt mũi sô mũi, cò họng kho ráo, hoặc đau nhức; kế đó thì không ớn lạnh, chỉ phát nóng, lòng phiền táo, miệng khát nước, ngực buồn, bụng đau, đại tiện bí, tiểu tiện đờ; thái thâm thi cò họng sưng đau và có vết trảng, nước răng và hạch dưới tai đau.

CHẨN ĐOÁN: Tưa lưỡi đồng trắng mà bắn là bình độc ở phần cơ biếu chưa giải, hạn dịch bị định trệ; tưa lưỡi vàng tròn, là đám nhiệt ứa trệ ở trong; lưỡi vàng mà tưa lưỡi dày, là tặc bã chất đồng ở ruột già — mạch đi Phù hoặc Huyền Sát, hoặc bị cảm lạnh nặng nề thì kiêm mạch Khàn.

CÁCH TRỊ: Bình sơ khởi ghê gió sơ lạnh, đầu nhức, minh nồng, không mồ hôi, thì dùng thang Song Xị Cát Cảnh gia Phòng phong — không lạnh chỉ nồng, lòng phiền muộn, khát nước, họng đau, ho hen, ngực buồn, thì dùng thang Cát Cảnh (vỏ Song Bạch, Đậu Xị cho nên nói :

thang Cát Cảnh), gia Ngân Hoa, Hoàng Cầm, Hạnh Nhân, Xạ Cau, Đơn Bì, Chi Xác, Ngọc Kim. Ngực buồn, họng đau, táo bón, nước tiêu đờ, thì dùng Tán Lương Cách. Cò họng sưng đau, cổ mề trắng, nướu răng và hạch dưới tay sưng đau, là bon dài đờ, thì dùng thang Gia Giảm Thanh Phé.

XỬ PHƯƠNG :

Song Xị Cát Cảnh Thang
(hấy ở Chứng Tân Cảm Xuân Ôn)

71.— Gia Giảm Lương Cách Tán

Hoàng cầm	黃芩	2 chi
Bạc hà diệp	薄荷葉	1 tiền 5
Liên kiều	連翹	3 tiền
Trúc diệp	竹葉	3 tiền
Đại hoàng	大黃	1 tiền 5
Sao son chi	炒山楂	1 tiền 5
Hoạt Thạch	活石	3 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền 5
Phương thông thảo	方通草	1 tiền 5
Mau tiêu	芒硝	1 tiền 5

72 — Gia Giảm Thanh Phé Thang

Ngân Hoa	銀花	3 tiền
Mạch Đóng	麥冬	3 tiền
Sanh địa	生地	3 tiền
Đơn bì	丹皮	2 tiền

Tửu quản (Đại Hoàng tâm rượu)	酒 单	2 tiền
Mạn Tiêu	芒 硝	2 tiền
Tích bối	枳 蔡	3 tiền
Bạch Thược	白 苦	3 tiền
Bạc Hà	薄 荷	1 tiền ruồi
Chì xác	枳 毒	1 tiền ruồi
Tần Bì	秦 皮	3 tiền
Tửu cầm	酒 茗	2 tiền
Cam thảo	甘 草	1 tiền

Ho đau lâm thi gia Xa Can, Sơn đậu cẩn; ngực đầy gia Ngọc Kim, Hoa Láu; nóng lâm gia Hoàng Cầm, Sanh thạch cao.

**

2. ĐÔNG ÔN PHỤC TÀ

NGUYỄN NHÂN: Tiết đông ôn dẫn dân khởi binh đọc phục thủ và phục táo, phát tác ra ngoài.

BÌNH LÝ: Bình này, cần phải phân biệt thế nào là đông ôn kiêm phục thủ, và Đông Ôn kiêm Phục Táo. Chứng hậu Đông Ôn như đã nói rõ ở đoạn trước. Còn nguyên lý tiềm phục của binh Thủ và binh Táo, tùy theo tập quán thế chất của mỗi người mà biến chuyền.

Bên trong nóng này trầm trọng, dễ mắc Chứng Thương Thủ, — chất tan dịch hao hụt, dễ mắc Chứng Thương Táo, đó là lý nhất định vậy.

Chủng loại bình phục tà:

1) Cảm thọ bình độc nhẹ nhàng, trải qua một thời gian mới phát.— 2) Khi bình phát, trị không nhằm thuốc, bình tinh lại àn phục.— 3). Trải qua chữa trị, nhưng trị không tận gốc, và về sau bình lại phục phát, các chứng hậu thấy rõ ở môn này.

CHỨNG HẬU: Lúc bình sơ khởi, da nhức mồ hôi nóng, ho hen, tinh thần buồn bực, hoặc không mồ hôi sợ gió lạnh, hoặc có mồ hôi sợ nóng. Kiêm có chứng Phục, thì lạnh ít nóng nhiều, mồ hôi ra mà nóng không giải, ngày nhẹ đêm nặng, nhức đầu xây xẩm, bức rút sợ nóng, mắt đỏ môi hồng, da mặt khô nhám, răng khô, phiền táo, nằm ngủ không yên, miệng khô không khát nước, uống nước thì ho khan, giang môn nóng rất, hoặc mồ hôi nồng nỗi mưa trắng, mọc ban chàu.— Kiêm chứng Phục Táo, thì ho hen khạc đàm lỏng, ho lâm thì trong đàm có vương máu, hoặc ho khan không có đàm, lồng ngực bức rút, cạnh sườn nhói đau, hơi thở khò khè mà gấp, cuống họng sưng đau, đại tiện táo bón, đại ngán đờ rit.

CHẨN ĐOÁN: — Kiêm chứng Phục Thủ màu lưỡi đỏ tươi, hoặc lưỡi khô không tưa. Như bình độc tiêm trứa khi phẫn, thì tưa lưỡi trắng dày hoặc vàng tron, phần nhiều mạch động Trầm Tế có súc, hoặc mạch động Huyền Sát có súc.— Kiêm có bình Phục Táo, thì tưa lưỡi mỏng trắng mà ráo, chót lưỡi và chung quanh đều đỏ, hoặc khô trắng mà dày, trắng như màu bạc màu vôi, cũng có màu lưỡi vàng trắng lẫn nhau. Thái thâm

thì ngay giữa lưỡi nồi lên một quầng bằng đồng tiền, bốn phía da lưỡi như bị lột, hoặc bốn phía trắng như đậu hủ (mục thối) mà ở giữa lưỡi như bị khoét xuống. — Còn phần tân dịch bị hao hụt, thì lưỡi đen mà mọc mucus; phần khí hư, thì lưỡi ráo và nứt rách, mạch động trầm mà dưới mạch Đoản, mạch Sắc, nếu mạch động Phù thì dài mạch Huyễn Sát.

PHÉP TRỊ: Lúc bình so khởi, đầu nhức mồm nóng, ho hen khát nước, có mồ hôi, hoặc không mồ hôi, dùng thang *Gia Giảm Uy Duy*, Mình nóng hạ lý, dùng thang *Các Căn Hoàng Cầm Hoàng Liên* (!) — kiêm chứng Phục Thủ mồm nóng ra mồ hôi, mà nóng không giải, ngày nhẹ đêm nặng, nhức đầu xèo xầm, đại tiện lỏng mà không khoái sàng dùng thang *Bạch Hò Thừa Khi gia Thạch Cao*, *Hoàng Cầm*, *Mẫu Đan Bi*, *Tê Dá* — kiêm chứng Phục Táo, ho khan hoặc ho ra máu, lồng ngực no buồn, hơi thở khò khè, dùng *Tán Tang Đơn Tả Bạch Gia Vi*.— Họng đau, đại tiện táo bón hoặc nề trệ không thông, dùng *Tán Lương Cách Gia Vi*.

(1) Theo chđ kinh nghiệm của dịch giả, bệnh MÌNH NÓNG HẠ LÝ dùng thang NHÂN SÂM BẠI ĐỘC già TRÂN THƯƠNG MẾ rất hay.

XỨ PHƯƠNG :

Gia Giảm Uy Duy Thang
(thấy ở Bình Xuân Ôn Phục Tà)

Lương Cách Tán
(thấy ở bình Tân Cảm Đông Ôa)

Bạch Hồ Thủa Khí Thang
(thấy ở Bình Ôn kiêm hàn)

Gia Vị Tang Đơn Tô Bạch Thang
(thấy ở bình Thủ Tảo Phục Thủ)

73.— Cát Căn Hoàng Cầm Hoàng Liên Thang

Cát căn	葛根	2 chỉ
Cam Thảo	甘草	1 chỉ
Hoàng cầm	黃芩	1 chỉ ruỗi
Hoàng Liên	黃連	1 chỉ ruỗi

CHƯƠNG THỨ CHÍN
BÌNH THƯƠNG HÀN

THUYẾT MINH: Sau Tiết Lập Đông, khi trời lạnh gắt, cảm nhiễm thành bình, cho nên gọi là *bình thương hàn*. Song ở thời lệnh mùa xuân mùa hạ cảm nhiễm khi bạo hàn của đương thời, chứng sợ lạnh nặng hơn chứng phát nóng, cũng gọi là *bình thương hàn*. Nhưng bình phát ở ngay mùa Đông thì nặng hơn phát ở các mùa khác.

NGUYỄN NHÂN: Do khí phong hàn kích thích ở phần bì phu cơ biếu mà sanh bình.

BÌNH LÝ: Bình này do khí phong hàn kích thích ở phần bì phu, khiến cho phần siền tăng cơ nhục bị khàn trương, lỗ chân lông bị đóng kín, những thành phần lão phế đáng được thay cũ đổi mới không đường bài tiết, các đầu mối thần kinh ở phần cơ nhục bị lụy, cơ năng bài tiết thất chức, sinh lý bên trong thận thè bị phản thường, mới phát hiện các chứng hậu ở thời kỳ đầu của bình *thương* (nhức đầu do cõi, phát nóng sợ lạnh, không mồ hôi).

Lâu ngày mồ hôi không ra được, thì phế vật dần chứa càng nhiều, khiến cho tế bào biến tính, bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại, tạo nên bệnh táo (ồ bình) trầm trọng ở bên trong thận thè, hoặc cản bã ứng trệ ở trong trường

vị, đáng được dùng thuốc công hạ, mà lại không biết công hạ, vách ruột lở lầy chảy máu — hoặc vì hèn nát trệ, hạn dịch định tích, mà không biết dùng thuốc phát hàn, lại lầm dùng thuốc công hạ, thì hạn dịch ở trong ống lâm ba dần vào trong mà biến chứng *kiết hung*, hơi bỉ hung trường các chứng — cũng có thể biến chứng nếu độc tích trệ, thi thận vú phát viêm. — nhiệt tà bể tắc thương xung, thi não mạc phát viêm. Các trạng chứng kể trên là do phế vặt không bài tiết được, trở ngại công dung của sinh lý mà gây ra.

CHÚNG HẬU: Ghê gió sợ lạnh, đầu nhức, mình nóng, còi dor, lưng đau, thân thè nhức mỏi, không mồ hôi mà hen, hoặc ra mồ hôi mà nóng không giải, ho hen ua mửa, chả thèm ăn uống, cơm nước không vào miệng (y theo bệnh chứng mới phát của bệnh này, thì xưa thuyết gọi là *biểu chứng*. Đại khái do dùng thuốc sai lầm, và biến chứng truyền kinh thi không hàn vào. Thấy rõ trong phù lục).

CHẨN ĐOÁN: Lưỡi phần nhiều không dờ, vẫn tư nhuận, có khi lưỡi động móng màu trắng trơn — mạch động phù hoạt kiêm tượng mạch khăn, đó là hiện tượng của bệnh Thương Hán lúc sơ khởi.

PHÉP TRỊ: Ghê gió sợ lạnh, phát nóng không mồ hôi, nên dùng thuốc tan ôn phát hàn; thang *Kinh phong đại biểu* chủ trị, nhức minh gia *tần giao*, hen gia *hạnh nhân*, ua mửa gia *bán hạ* — Mồ hôi ra không thông, thì hạn dịch bị nát trệ, khiến cho tiêu tiệu không thông theo, mạch động phù minh phát nóng, khát nước, uống vào thì mửa, Y giả ngày xưa gọi là Bình *Bàng quang tích thủy*. Nhưng

sự thực là thủy âm bị đình trệ, dùng thang *Linh truật* *Nhi trần gia Quan quẻ*, hoặc dùng *Tân ngũ linh* theo cò phương cung hiệu nghiệm. Kỳ dù các biến chứng chia ra từ loại, như sau :

PHỤ LỤC: Xét vì phạm vi của bình *Thương hàn* rất rộng, Y Giả đời xưa nêu lên hai chữ *Thương hàn*, để bao quát tất cả những bệnh chứng bốn mùa. Trước giờ đặc biệt định lấy tên *Thời linh bình*, thay thế cho danh từ : *Quảng nghĩa thương hàn*. Cho nên sự sắp đặt của loại này, chuyên nói về bệnh cảm nhiễm gió lạnh gây ra. Thiên thù nhứt trong lời Tông Luận, biện minh về chứng Tân Cảm của bốn mùa, đều hạn chế trong phạm vi ba Kinh Dương, mà từ trong ba Kinh dương lại có phát hiện bệnh chứng của ba Kinh âm. Đó là do sự biến hóa của thể chất, chờ không phải là con đường trải qua của bệnh chứng. Nhận vì chỗ cư trú, tập quán, chức nghiệp, sinh tình, hiểu thị... của thể chất, đều có những điểm bất đồng, tất nhiên chỗ phát hiện của bệnh chứng phải có sai biệt. Nay y cứ theo thành lệ « sáu kinh truyền biến » của sách *Thương hàn luận* phân biệt tường thuật như sau, ngõ hầu cung ứng cho sự nghiên cứu bệnh chứng Thương Hàn trong muôn một.

I.— Lạnh nóng qua lại, nhức hai bên hói đầu, tai điếc, mắt hoa, ngực nặng, sờa đau, tira lưỡi trắng trơn, tay phải mạch động Huyền Hoạt, tay trái mạch động Huyền Phù Đại. Ấy là bệnh độ; uất kết ở phần táo lý của chứng bán biếu, xưa gọi là : bệnh chứng ở Kinh Thiểu Dương.

II.— Lạnh nóng qua lại, lạnh ít nóng nhiều, miệng đắng ngực buồn, mửa nước chua đắng, hoặc mửa ra nhớt vàng

nhầy nhusa — thái thâm thì ua khan, nắc euc, bung sườn no đầy, lưỡi đỏ tua trắng, hoặc ngoài chót lưỡi trắng, mà trong cày lưỡi đỏ chung quanh trắng, chính giữa đỏ — tay phải mạch động Huyền Hoạt, tay trái mạch động Huyền Sát. Ấy là khí nóng xi thạnh của chứng bán lý, xưa gọi là bệnh chứng ở Thiếu Dương Phủ. Nên hòa giải và thanh nhiệt, dùng Thang Cao cầm thanh đàm chủ trị — Sau khi uống thuốc ua mửa tuy ngừng, nhưng lạnh nóng chưa khỏi, bung sườn vẫn đầy, ngực vẫn buồn, trở thành chứng tiêu kiết hung, nên dùng phép hòa giải khai giáng Thang Sài hồ hầm hung chủ trị. — Sau khi uống thuốc, họng ngực no buồn tuy nhẹ, nhưng lạnh nóng vẫn phát tác, đau bụng no hơi, đại tiện táo, tiểu tiện đỏ. Ấy là bệnh độc ở phần bón biến, hẩy còn tạm kết ở trong, cấu kết với căn bã trong trường vị, nên hòa giải kiêm thông tiện, dùng Thang Bại sài hồ bỏ sanh cương, bán hạ, gia hậu phát, man tiêu.

III.— Minh uống rực, tự ra mồ hôi, không sợ l่าน, chỉ sợ nóng, bức rút, khát nước, tay chân quơ múa, không chịu mặc áo, tiêu tiện rít đỏ, nồi mực lầm tấm đầy mình. — Quá lầm thì nói xám, chót lưỡi đỏ, tua lưỡi khô, hoặc màu lưỡi khô ráo mà vàng, bên phải mạch động Phù Hồng dài Sắc, bên trái mạch động Huyền Đại có sác. Đó là do nhiệt độc ứn át, xưa gọi là bệnh chứng ở Kinh Dương Minh, nên dùng thuốc tan lương giải nhiệt: Thang Bạch Hò già thuốc thầu ban. — Ban diêm tuy thấm, nhưng mình nóng không lui, khát nước, ra nhiều mồ hôi, thì dùng Thang Bạch Hò già Đơn Bì, Bạch thực, Hoa Phấn, Hoàng Cầm.

IV.— Chỉ cho thấy, bệnh độc đã truyền vào lý, cấu

kết với cùn bã ở trường vị, trở thành chứng lý thực đàng công hạ, xưa gọi là chứng ở phủ Dương Minh. Nhưng kỳ trung còn kiêm có biếu chứng, xưa gọi là : *Thái dương, dương minh* — kiêm có lạnh nóng qua lại, xưa gọi là *thiểu dương, dương minh*. — Đơn độc có một chứng nóng truyền vào trong, biến thành chứng bụng đầy, đại tiện bí kiết, xưa gọi là chứng *chánh dương, dương minh*. Trong chỗ kiêm chứng có *thái âm, dương minh* — *thiểu âm, dương minh* — *Khuyết âm, dương minh* — chia ra từ khoản sự thuật như sau :

1.— THÁI DƯƠNG DƯƠNG MINH

Bịnh ở Kinh Thái Dương, mồ hôi ra chưa suối, bịnh độc ở phần biếu chưa sạch, người còn en en sợ gió, tay chân lạnh minh nóng, đầy hơi đau bụng, đại tiện không thông, tua lưỡi đóng dày mà vàng, tay bên phải mạch Trầm Trệ, tay bên trái mạch Phù Hoãn. Đây là chứng hàn kiết từ Kinh Thái Dương chuyên sang Kinh *dương minh*, nên dùng phép công lý kiêm giải biếu, dùng *Thang Hậu phát thất vật*. (Trong Sách *Thương hàn luận* lâm dùng *Thang «Tỳ trước»*, tức là truyền ngoại !)

2.— CHÁNH DƯƠNG DƯƠNG MINH

Bịnh này có *nhe, nặng, gấp* ba chứng :

Nhe ấy là : do bịnh ở Kinh Thái Dương, sau khi dùng *Phép Hán, Phép Thủ*, bịnh độc vẫn không giải rực rỡ phát nóng, lòng phiền táo, bụng trương đầy, đại tiện không thông, tua lưỡi vàng sậm — tay phải mạch

dòng Hoạt Đại. Đó là nhiệt tà đã kết, phủ vị không hàn, nên dùng Tuang Biều Vị Thừa Khi.

Bình nặng : Bình ở Kinh Dương Minh, xế chiều phát nóng, ra mồ hôi đậm đầm, chất tan dịch hú thoát ra ngoài, trong phủ vị khô ráo, tiện tiện như thường, đại tiện cứng táo. Đại tiện táo thì nói xàm, bụng no đầy, đại tiện không thông, tưa lưỡi vàng cháy, tay phải mạch động Sát mà thực, đó là nóng kết ở trường vị, nên dùng thang *Tuân Thừa Khi*.

Bình gấp : Bình ở Kinh Dương Minh, không đi đại tiện năm sáu ngày, đã chi mươi mấy ngày, giờ thán, giờ dậu phát Triều Nhiệt, không ớn lạnh, chỉ sợ nóng, mình mẩy nặng nề, hơi thở ngắn, bụng dưới cứng đau, lấy tay đè lên thì đau gắt (bất nại áo), bụng đầy mà hen, thường gò hơi đánh rầm, tay chân rin rìn ra mồ hôi — táo động thì đầu lắc tay run, nói xàm phát cuồng — yên tĩnh thì nói chuyện một mình như thấy ma quỷ, mẩn áo mồ giường — kịch liệt thì tối tăm mặt mũi, bất tỉnh nhân sự, trống mắt lờ dờ — thái thâm thì hai mắt trực thị, tưa lưỡi vàng nám mọc gai, hoặc đen nám như màu Trầm Hương mà khô rách — từ giữa lưỡi trở vò mọc chóng mà có lấm tấm đen. — Tay phải mạch động *Trầm Huyền Sát Thực*, tay trái mạch động *Huyền Sát* có sức, hoặc trầm trệ như trạng mạch *Phục* (xưa gọi là mạch Trầm tri) Duy có một bộ mạch *Hoạt Sát* có sức, Hồng Đại động dẳng đầu ngón tay, mới là bằng cứ xác đáng là : chúng nội nhiệt với cặn bã trong trường vị cấu kết nhau, nên dùng thang *Đại Thừa Khi* — kiêm có chúng màng ớc sưng, tinh thần hổn độ phiền táo, nên châm chườm

dùng *Đơn Tứ Tuyết* năm bảy phần để thanh khai thấu đạt. — Lại nữa, xét thấy bệnh chứng đáng công hạ, mà mạch động *Huyền* thì sống, mạch động *Sát* thì chết (đây là chỉ cho mạch động *Hư Sắc*, chứ không phải mạch *Động Trệ Sắc*. Mạch *Hư Sát* xưa gọi là mạch *Kết*, chính là bệnh *Thương Hán* mạch *Kết* *Đại*, tim hồi hộp, nên dùng thang *Chích Cam Thảo*. — Mạch *Trệ Sắc* xưa gọi là mạch *Tri*, Kinh Dương Minh bịt, mạch động *Tri*, nên dùng thang *Đại Thủa Khi*)

3 — THIẾU DƯƠNG DƯƠNG MINH

Nóng kết ở trong, trên ngực nóng như đốt, lạnh nóng giống như cũ rét, nóng nhiều lạnh ít, bức rứt não nùng, mặt đỏ bừng, miệng khát nước, đại tiện bí kiết, đau bụng đầy hơi, lưỡi đỏ bợa vàng, mạch tay phải *Huyền Đại* *Sát*, mạch tay trái *Huyền Sát* mà cứng rắn. Đó là hiện tượng biến tà chưa sạch, nóng này ở trong cấu kết với cẩn hắc, nhẹ thì hòa giả công hạ, dùng thang *Đại sài hồ*. — nặng thì công lý hòa giải, dùng thang *Sài hồ thanh cách* *gia Mạn Tiêu* 3 chỉ.

4 — THÁI ÂM DƯƠNG MINH — Bệnh chứng có hai:

A.— Phổi, Dạ dày hiệp bệnh, bệnh nhau tố bầm có đàm hóa, lại thêm ngoại cảm thương hàn, bệnh độc truyền vào kinh dương, thi bệnh mới với bệnh cũ cùng một lúc phát tác: ho hen thở gấp, khạc đàm vàng đặc, hoặc trắng mà dẻo, lồng ngực nặng nề đau tức, tinh thần hỗn loạn nói xầm, đau bụng đầy hơi, ỉa bón dai gắt,ura lưỡi vàng đặc, lấy tay sờ nhám nhúa — tay phải mạch động *Sát* mà *Thực*,

thái thậm chí hai bộ thốn mạch động Hồng Hoạt mà đái mạch Thúc. Đó là đậm hỏa ở phổi với nhiệt độc ở dạ dày cấu kết nhau biến thành bệnh chứng đắng công hạ, dùng thang *Hâm hung thira khi thông lợi đại-tiện, giáng khí tiêu đậm*.

Nếu hả họng thở rút vai, hơi thở cấp bách trong cõi khò khè, ngực rặng bụng no, da bụng thẳng băng, tè nặng tay thì đau không chịu thấu (bất nại ản) Đó chứng đậm nhiệt bế tắc ở trong, nên dùng tiễn *Gia vi lương cách*.

Lại nữa, bệnh nhân tố kèm bệnh đậm ản, bất thính linh cảm nbiếm bệnh Thương Hàn, trước tiên không dùng thuốc giải biếu, hoặc phát hàn không thông thấu, lại lâm dùng thuốc công hạ, biến chứng dưới lòng (lâm os) cùng đầy, từ phía trên dạ dày dẫn xuống bụng dưới cứng đau, lấy lay đè lhi đau lâm (bất nại ản). (hạn dịch do theo ống lâm ba nội tiết, ngưng trệ ở trong cản đại lâm ba), giờ thấu giờ đau phát triều nhiệt, cả người không mồ hôi, chỉ có trên đầu ra mồ hôi chút ít, không đại tiện, khát nước mà không uống được nhiều, lưỡi khô tra lưỡi trắng, mạch động Trâm Huyền mà đái mạch Khẩn. Đó là thủy độc hiệp với nhiệt độc, hổ tương cấu kết gây nên chứng *Kiết hung*, cần phải cấp tốc hạ chứng định ản: dùng thang *Quyên ẩm vạn linh*.— Lạnh nóng qua lại dùng thang *Đại sài hổ già Cam toại*.

B.— Nếu tỳ vị hợp bệnh, con người vốn nhiều đậm nhớt, lại thêm chứng ugoại cảm thương hàn, hiệp với chứng thương thực, truyền vào kinh Dương Minh, nóng kết ở phần lý, hỏa tà xỉ thanh ở trong, đồ nhơ bần hủ hóa

huân chưng gày nên nóng nảy dữ dội, tinh thần phiền táo, chẳng sợ lạnh, chỉ sợ nóng, lồng ngực đầy, chớn tay bịt, bụng ngực sờ nóng bỏng tay, đại tiện không thông, tiểu tiện đỗ gắt → thái thàm thì đại tiểu tiện đều bị kiết bụng đau, đè càng đau (cơ án), tinh thần phiền loay, nói xàm — tưa lưỡi đóng dày khô vàng, mạch động Trầm Huyền Sát Thực. Ấy là khi thấp trước hiệp với nhiệt tà bức động nhau, nên dùng Thang *Chỉ kiết đạo trệ* — nặng lâm thi dùng Thang *Tiêu thừa khí*. Nếu dáng công dạ mà không công hạ, nước tân dịch khô cạn, bụng cứng dày hơi, phân như phân đê (xưa gọi là Chứng Tỳ Ước), nên dùng Thang *Tam nhân thừa khí* — hư nhược thi dùng Thang *Bảo thi huynh long* — táo kiết không qua lâm, thi dùng Thang *Ngũ nhân quật bi* rất ổn.

5.— THIẾU ÂM DƯƠNG MINH.

Có khinh, trọng, nguy ba chứng.

Khinh là : Bình ở Kinh Dương minh, ngoại chứng chưa giải, làm dùng thuốc công hạ, khiển cho trong dạ dày trống rỗng, nhiệt độc thừa hư thâm nhập vào trong ; trong lồng não nùng, xây trở lăn lộn, phiền táo mất ngủ, cuộn bộ tám oa (chớn thủy) uất buồn — thái thàm thì tám oa uất đau, nằm ngồi không yên, phiền táo nói xàm, đòi mà không muốn ăn, hay đờ mõ hồi trán, tưa lưỡi trắng trơn ủng vàng, mạch động Té Sát hoặc Huyền Hoạt. Đó là do ở thượng tiêu khí uất không yên, nên dùng Thang *Liên kiều chi si*. Chứng khi uất đã cồi mờ mà thường thường phần huyết hư sanh phiền táo, trong người hứt rút buồn phiền không chịu được, ói mửa đậm

nhớt, rên rỉ nói xầm, dạ lưỡi đỏ mà mặt lưỡi đồng trắng, mạch động Phù Hoạt, Huyền Sát. Đỏ là do huyết dịch hư nhược, nóng thừa chưa sạch, nên dùng *Tần Ngũ trấp nhất chi*.

Trong là Kinh Thiếu Âm bình, miệng khô họng ráo, dưới lòng (tâm oa) đau ngắt, bụng trướng không đại tiện, lấy tay đè lên bụng thì đau ngắt (bất nại ăn), hoặc là nước trong, màu lưỡi đỏ thâm, tót lưỡi khô nắm mà dày, mạch lóng Huyền Té Sát có súc. Đỏ là bình độc ở Thiếu Âm dồn về Phù Vị, dùng *Thang Đại thừa khí*.

Nguy là: Bình ở Kinh Thiếu Âm nóng hầm vào trong, tinh thần mờ tối, như ngủ như say, nói xầm phèn táo — thai thảm thì nắm mè không nói, giống như chứng Thi Khuyết (mình mày cứng đờ, mắt trùm thi, không nói năng như người chết), sáu bảy ngày, đã chí mười mươi ngày không đại tiện, bụng nóng như hỏ, trướng đau mà không thích đè (bất nại ăn), tiêu tiện đỏ rít, mạch động trầm Huyền mà dài Trệ, đè mạnh tay càng cứng rắn. Đỏ là nóng độc: kết cấu với cặn bã trong trường vị truyền nhiễm vào máu, thương xung lên óc, cần phải chữa trị bằng thuốc *Thanh nhiệt hạ hoát*, nên dùng *Thang Tê liên thừa khí*.

6 — KHUYẾT ÂM DƯƠNG MINH.

Bình này có năng, nhẹ hai chứng:

Bình nhẹ: Cảm mạo Thương Hàn năm sáu ngày, nóng độc hầm sâu vào trong, can kí ngược lên chời lồng (tâm oa), trong lồng đau xót, ối nước đắng, màu vàng xanh, lồng

ngực bứt rứt, cao khi nghịch lèn làm suyễn, tay chân hơi mát lạnh, bụng đầy, ỉa bón, chung quanh lưỡi đỏ bầm, tua lưỡi vàng đục, mạch động Huyền Hoạt mà dài Sát. Đó là Kinh Khuyết Âm, Kinh Dương Minh kết nóng, cần phải dùng thuốc gác khí tán kiết, dùng phương *Lục Ma Âm Tả*, bỏ Mộc Hướng gia Quang Ngọc Kim 1 chỉ ruồi. *Hoàng Cầm, Hoàng Liên* đều 1 chỉ ruồi.

Bệnh nặng : bệnh nặng thì nóng càng sâu, lạnh càng dữ dội, riêng phần tay chân thì lạnh gắt (nhiệt thâm khuyết diệt thâm), móng tay móng chân thâm đen, bộ phận họng sườn bứt rứt nóng nảy, hòn mè nói xàm, phiền táo tiêu khát, mồ hôi ra đậm dễ sợ nóng, đại tiện táo kiết, bụng quắn đau, trường đầy sợ đè lấy tay đè lên bụng càng đau gắt, (cự án), nước tiểu đỏ, dài gắt mà đau, tua lưỡi vàng sậm — thái thâm thì lưỡi mọc chóng và có điểm đen, mạch động Huyền Sát có sức. Đó là nhiệt độc với cản bã cầu kết nhau, thương xung lên óc, nên dùng thuốc *Thanh Táo Tả Hỗn, Tân Kiết Tiết Nhiệt*, dùng thang *Bạch Hồ Thùra Khi* chủ trị. Nếu kiêm có chứng bụng dưới công xung đau dội lên trên, ói chua mửa dâng, thì dùng thang *Tuyết-Canh tống hạ hoàn* *Canh Y*.

Trên đây luận về bệnh chứng sáu kinh với cản bã trong phủ vị bác động nhau, trở thành những bệnh chứng đáng công hạ — Kinh Thái Dương, Kinh Thiếu Dương, Kinh Dương Minh hiệp bệnh, ống Trương Trọng Cảnh đã có luận chứng và trị pháp rõ ràng rồi. Còn ba kinh âm với kinh Dương Minh hiệp bệnh, sách *Thương Hán Luận* tuy không nói rõ, nhưng xét kỹ ở Sách *Thương Hán*

Luận sự thực đã có bình chứng này, theo chỗ làm chứng thực nghiệm thường thấy rất nhiều, nên đem bình trang cách xem luối và phép trị... nhưt nhứt giải thích rõ ràng. Cũng chẳng qua từ trong nguyên văn của Ông Trương Trong Cảnh suy rộng ra, để giúp cho việc nghiên cứu được tiện lợi phần nào. Từ đây trở xuống luận về Dương Minh tạng bình, với chứng phò phát.

1.— BÌNH PHÁT HUỲNH (vàng da).

Bình Dương Minh phát nóng ra mồ hôi. Ấy là Chứng Nhiệt Việt, không thể phát hoảng. Chỉ dầu ra mồ hôi, mình không mồ hôi, mồ hôi ra từ cần cù trên lên, tiêu tiện ít, khát nước, uống nước nhiều, bụng hơi đầy. ngoài tất Phát Vàng. Màu vàng vẫn tươi sáng như màu quất chín, hoặc giống như sắc kim hoàng, mang ấm nước vàng — thái thầm thì trong lòng buồng bực, nóng nảy uất kết đau bụng, nước tiêu vàng đục, tua luối đóng dày mà vàng, mạch động Hoạt Sát mà dài Huyền Trệ. Đò là nbiệt uất ở tạng Gan và Phủ Vị, nước mật truyền vào máu gây nên bệnh. Nên dùng thang Nhán Trần Cao tổng hạ Hoàn Phản Lưu — Thái thầm thì dùng thang Chi Tử Đại Hoàng già vị Nhán Trần Cao. Duy hình thể khô ráo như khói xông là bình chết vậy.

2.— CHỨNG SÚT HUYẾT.

Bình nhân trong người sẽ có chứng sút huyết, út huyết bình độc truyền vào kinh Dương Minh, kích bác với khí nóng ở dạ dày, nói xàm mờ sán. Nặng thì phiền táo phát cuồng thái thầm thì thăn thức hòn mê, bụng dạ

nhói đau, mồ hôi mày nồng nè không thể dày trớ, đại tiện màu đen mà sáng, tiểu tiêu thông thả, màu lưỡi đen, cũng có khi màu lưỡi không thay đổi, mạch động Trầm Kiết hoặc Huyền Thực, đó là do ở trong phần lý có chứng ứ nhiệt. Nhẹ thì dùng thuốc lương huyết hóa huyết, dùng Thắng Tê đặc địa hoàng, gia Hồng Hoa, Đào Nhân, Ngọc Kim, Qui Vĩ, Mao Trùng. Nặng thì dùng thuốc phá Huyết trục ứ, dùng Thang Gia giảm đào nhân thuya khí.

3.— BÌNH DÁNG HÀ KHÔNG HÀ.

Kinh Dương Minh bệnh, dáng dùng thuốc hạ mà không công hạ, tà thực chánh hư, có bốn loại chứng hậu như sau.

a.— Phần khí hư thái thâm, bệnh độc tràn ngập, hơi thở ngắn, tay chân lạnh, mồ hôi mẩy ngày không đại tiện, bụng gò hơi đánh rầm, không thư thái — nói chuyện một mình, mǎn áo mỏ giường, lưỡi đỏ nhạt, tưa lưỡi phía trước mỏng non, phía sau trắng xám, mạch động mềm mại, tuy có một bộ mạch động Huyền cung rắn. Đô chính là lý do Ông Trương Trọng Cảnh sở dĩ nói: Mạch động Vi Sắc là bệnh phần lý hư, rất là khó trị. Nên dùng Thang Thanh táo đương dinh, bổ vị thiền hoa phấn, lè tráp, gia đằng sâm, hoàng kỳ.

b.— Phần âm huyết khuy tồn thâm thâm, mà bệnh độc tràn ngập, miệng ráo lưỡi khô, lăn lộn không ngủ, mồ hôi ngoài ngày không đại tiện, chuyển hơi đánh rầm, tân dịch khô ruột ráo, mắc tiêu mà không tiêu được, tưa lưỡi nửa phần trước mỏng, nửa phần sau nhơ bần. Đô

là do tân dịch hao hụt đại tiện bí kiết, nên dùng Thang Thanh Táo Đường Dinh, già Út Lý Nhân, hoặc dùng *Tế xuyên tần* của Ông Trương giới Tân cũng tốt.

c.— Phản khí phản huyết đều suy. Khí huyết suy mà bệnh độc tràn ngập, là vì bệnh đang công nạt mà không công ha, hỏa tà bế tắc, khí huyết hao, tân dịch cạn, gây nên mẩn áo mờ giường. *con mắt nhìn thấy không rõ ràng, nói xám mờ mệt, trên mười ngày không đại tiện, tưa lưỡi khô vàng mọc chong, gốc lưỡi đồng dày — tay phải mạch động *huyền hoạt*, tay trái mạch động *tế sát*. Đó là phản khí phản huyết đều hư, bệnh độc chèi ép. Miễn cuồng dùng Thang Đào thi huynh long.

d.— Tinh thần suy nhược. Tinh thần suy nhược mà bệnh độc tràn ngập bệnh đang công hạ mà không dùng thuốc công hạ, nhiệt tà chưa trừ, lúc yên tĩnh thì miệng nói xám không ngừng — lúc táo động thì kinh sợ không yên, tâm thần hỗn loạn, nói cười ngắt nghèo, thần chí không yên, đại tiện không thông, nước tiểu đỏ mà ít — tưa lưỡi vàng khô rit mọc gai, mạch động *Tế Sát* mà tái trệ. Đó là tà khí thực chán khi hư, thần chí thất thủ, cho nên tinh thần hay mờ tối, dùng thang Chích Cam Thảo gia Long Cốt, Mẫu Lê tống hạ Hoàn Diệu Hương.

Trên đây luận về Kinh Thái Dương, Kinh Thiếu Dương, Kinh Dương Minh, bệnh chứng ở ba kinh dương. Là bồn chứng của bệnh Thương Hàn.

Từ đây trở xuống luận về bệnh chứng của ba kinh âm, tức là kiêm chứng của bệnh Thương Hàn. Và lại

bình Thương Hán vốn không khả năng truyền vào ba kinh Âm, sở dĩ có chứng hậu của ba kinh Âm, là do thể chất con người bị biến hoá; kiêm bộ tiêu hoá suy nhược của Tỳ Vị, mà xưa gọi là bệnh ở Kinh Thái Âm. Kiêm tạng suy nhược, và tạng Thận phân bí dịch biến tính bệnh, xưa gọi là Thiếu Âm. Kiêm bệnh cách mạc viêm, và bệnh trường bích viêm xưa gọi là Khuyết Âm. Đó là kiêm chứng của bệnh Thương Hán vậy.

**

V.— Phát nóng ra mồ hôi, ớn gió sợ lạnh, hấp thịt nhức mỏi, thân thê nề oải, đầu cõi nặng nề, lồng ngực buông bức, ăn cơm muối ói, uống nước muối nghẹn miệng nhạt lưỡi dor, tưa lưỡi trắng, mạch động Phù mà đái mạch Hoãn. Ấy là do vị trường bình mà tiêu hoá bất lương, đồng thời kiêm chứng cảm mạo phong hàn. Xưa gọi là bệnh chứng ở Kinh Thái Âm. Nên dùng thuốc hòa trung tuyên dat: thang Quế Chi hiệp với Thang Nhị Trần, bổ Vị Cam Thảo, vị Đại Táo; gia vị Ngô Du, vị Kiến Khúc. Nếu biều tà chưa giải, công dung tiêu hóa của trường vị chưa khôi phục, thì dùng thang Hường Sa Nhị Trần, hoặc thang Bạch Truật Hòa Trung gia giảm chữa trị.

VI.— Bụng dạ bị bịt, dày hơi đau bụng, ăn cơm thì muối ói, uống nước thì muối nghẹn, tiêu tiện khó khăn, miệng nhạt, dạ dày không hoạt động, đại tiện lỏng chảy; thái thâm thì biến chứng hạ lý, ăn uống không tiêu hóa, tay chân lạnh tự ra mồ hôi, tình thần mệt nhọc, hơi thở thiếu thốn, tưa lưỡi trắng trơn, hoặc miệng nhạt lưỡi bần, hoặc mạch động Trầm Huyền không súc. Ấy là công năng tiêu hóa của trường vị bị suy giảm, súc hấp

thu của ống nhũ mi không đủ sức, xưa gọi là bệnh ở tạng Tuái Âm. Nên dùng thuốc ám áp tỳ dương, dùng Thang *Hương sa lý trung*. Lạnh lầm thì nên già Phụ Tử, ưa mửa thì dùng thang *Hương Sa Nhị Trần* hiệp với thang Ngô Dù, ịa chảy thì dùng thang *Gia giâm vị linh* cho uống trước.

VII.— Óa gió sợ lạnh, đau minh phát nóng, tay chân lạnh đồng, mòng tay trắng chợt, trùm mền nấm cỏ, mà không ngủ được, mạch động Vi Tế mà *Hoãn trệ* — hàn tà thâm trọng thì mạch động Khàn, tura hười trắng nhạt. Ấy là dương kbi không sung túc, tạng Tâm suy nhược, là vì có ngoại cảm phong hàn, xưa gọi là bệnh chứng ở kinh Thiếu Âm. Nên dùng thuốc trợ dương phát tán: dùng thang *Sâm phụ tái tạo*. — Nếu mạch động không Vi Tế Nhuyễn Nhược, chỉ động *Hoãn trệ* không sức, thì dùng thang *Quê Chi gia Phụ Tử*. — Nếu mạch động Trầm Khàn, tay chân lạnh minh nóng, thì dùng thang *Ma hoàng phụ tử tán*.

Xét vi Chứng Thương Hàn & Thiên Thiếu Âm. Bệnh chứng phong hàn cảm mạo thường thấy sau khi uống thuốc ôn tán mà không ra mồ hôi, tay chân ấm áp trở lại, bệnh nhân biến chứng ịa chảy, mạch không động Khàn mà lại động Vi Nhược. Ấy là chứng hàn thủy không theo mồ hôi bài tiết ra ngoài, lại theo đường dưới tiết xuống. Tạm thời bệnh nhân tuy phiền táo ịa chảy, nhưng đợi trong một mai một chiều, bệnh sẽ tự khỏi. Vì đó là sức phân bí dịch của thận túy chất không sung túc, thè ôn không đủ sức cỗ động hận tuyển, cho nên hạn dịch nội tiết mà biến chứng ịa chảy.

VIII.— Do túy chất của phò thận, hoặc phân bí dịch

của bì chất phát sinh biến hóa, tạng Tâm bị ấm hưng mà suy nhược theo. Xưa gọi là tạng chứng của kinh Thiếu Âm. Song bên trong có *Hàn chứng* với *Nhiệt chứng*, phân biệt giải thích như sau :

1.— HÀN CHỨNG.

Trên mửa dưới ấm, sợ lạnh nằm co mà buồn ngủ, thân thè bức mỏi rãng nè, hoặc nóng chút ít, miệng hơi hòa, tay chân lạnh, tiêu tiện trong trắng, tia lưỡi trắng trơn, mạch động *Trầm nhược*. Nặng lâm thì mạch động *Trầm vi phết lạnh*. Chính là trạng chứng chán dương, chẳng sung túc, thè ôn xuống thấp, công dụng của tỳ vị mất chức. Trước dùng thang *Phu tử lý trung gia Nhục quế*. Phục linh. Sau khi uống thuốc ngưng là khỏi mửa, tay chân ấm áp, mà trong người vẫn bứt rứt, eỏi bỏ áo mền. Ấy là hiện tượng dương khí sung túc, thè ôn trở lại, bình chứng sắp được gác trừ vây.

Nếu chứng là chảy tuy khòi, mà mồ hôi ra dầm dề, gan thịt giật động mắt mờ lòng hối hộp, người run run muốn té nhào xuống đất. Ấy là thè ôn bị hao hụt phần còn sót lại cũng mòn tan bối luộn, nên dùng thuốc hồi dương nhè nhẹ : dùng taang *Chân võ*.

Nếu chứng hạ lý đã ngừng, chóng mặt xàm xăm, mặt đỏ như say rượu, mửa đầm ben snyễn, tối tăm mờ mịt, hai chân lạnh như đống. Ấy là thè ôn suy nhược, kiệt quệ dần tu ở óc, nên dùng thuốc trấn nạp phù dương : dù thang *Tân gia quế phu bát vi địa hoàng*.

2.— NHIỆT CHỨNG.

Trong lòng bứt rứt nằm ngủ không yên, da thịt khô

ráo, tháo khí suy nhược, họng khô, tiêu tiện ít, lưỡi đỏ, chot lưỡi hồng, mạch động *Tế sát*. Ấy là âm huyết suy hư, nóng này ưng đốt ở bên trong vây. Nên dùng thuốc từ âm giang hỏa: dùng thang *Hoàng liên a giao*.

Nếu kiêm chung Hạ Ly họng đau, lồng ngực bịt hơi phiền muộn. Ấy là chứng âm hư nội nhiệt, nên dùng thuốcduc âm thanh nhiệt: dung thuốc từ âm giang bõa trên đây hiệp với thang *Tru phu*, hoặc dùng thang *Đường âm thanh phế*.

Nếu kiêm chứng tinh thần hỗn loạn nói xàm, dài lão đờ sống. Ấy là mao nóng thương xung lên óc, nên dùng thuốc thanh nhiệt lợi thủy: dung thang *Thanh tâm đạo xích*.

IX.— Lạnh nóng giống chứng ngược, nóng nhiều lạnh ít, nhức đầu đau bụng, tai điếc mắt đỏ. Bình nhẹ thì chỉ có đầu ngou tay lạnh; bình nặng thì tay chân hổi lạnh hổi nóng, ngực nặng sườn đau, lưỡi đỏ vang mà tròn, mạch động *Hoạt sát*. Ấy là bình bộ ngực không thư thái, mà kiêm cảm tho ngoại tà, xưa gọi là chứng ở Kinh Khuyết Âm, nên dùng thuốc thanh cát tan nhiệt dùng thang *Thanh can đat nát*. Hoặc dùng theo phương xưa *Tán Tứ Nghịch* gia *Hoàng Cầm*, *Tang Diệp*, *Tang chi*.

X.— Miệng đắng, tiêu khát, hơi leá choi tâm, trong tẩm nóng xót, đói mà không muốn ăn, ăn thì mửa gian; hoặc hạ lý nặng tròn, đại tiện mà trong người không thông thả, hoặc tiêu ra mù máu. hoặc tiêu ra nát, lưỡi đỏ bầm, mạch động *huyền sát*.

Xét thấy trạng chứng trên đây, là do duyên có cách mạc viêm, và vách ruột phát viêm, xưa gọi là chứng ở

tặng Khuyết Âm. Nếu dùng thuốc thanh tẩy can hỏa - dùng thang *Long đam tẩy can*, bổ Sát hò; gia Bạch Đầu Ông, Hồ Hoàng Liên.

Nếu nóng độc đốt khô tân dịch, gân mạch co rút, tay chân giật động, giống như chứng kinh phong - đầu khuya xâm mặt mờ, lồng ngực cạnh sườn trưởng đau, tay chân tuy lạnh mà người lại bứt rút không yên, rát chảy mà không thông thá, têu tiễn đỏ rát đau rát lưỡi nám đen mọc gai, mạch động Huyền mà cứng rắn. Ấy là nóng lầm thương tồn phần tân dịch, thận kinh co gấp, nên dùng thuốc *Thanh nhiệt trần kinh* : dùng thang *Linh dác cầu đằng chủ trị*.

Nếu mửa giòn mà hôn loạn lanh run, thì gọi là chứng vưu khuyết. Chứng vưu khuyết thì nằm ngồi không yên, đau bụng but rứt, đầu lắc lư, tay run rẩy, sắc mặt hồi trắng hồi đỏ, miệng chảy nước bọt lưỡi đỏ mà có diềm vàng trắng tấm tẩm hoặc lưỡi có vằn như ruột cao mà có diềm ào ào, mạch động hồi thưa hồi nhặt. Ấy là nóng sói trong huyết quản, chứng hicc giòn sán gây nên rối loạn rất nguy, man man cho uống thang *Liên mai an vưu*, tống bã hoàn Diệu Hương.

XỬ PHƯƠNG :

Kinh phòng đợt biều thang
(thấy ở chứng Tân Cảm Xuân Ôn)

Linh truật nhị trần tiền
(thấy ở hôn chứng Thấp Ôn)

Sài hò chỉ kiết thang

(thấy ở chưng Tân Cảm Xuân Ôn)

Cao cầm thanh đầm thang

(thấy ở chưng Tân Cảm Xuân Ôn)

74. -- Ngũ linh tán

(phương của Thương Hàn Luân)

Tru titch	猪苓	1 tiền ruồi
Trạch tả	澤瀉	1 tiền ruồi
Bạch truật	白朮	1 tiền ruồi
Phục linh	茯苓	3 tiền
Quế chi	桂枝	1 tiền

75. -- Sài hò hầm hung thang

(Thương Hàn Luân Phương phúc tè già-giảm)

Sài hò	柴胡	1 tiền
Tiêu hoàng liên	小黃連	8 phần
Hoàng cầm	黃芩	1 tiền ruồi
Chí thiết	枳實	1 tiền ruồi
Cát cánh	桔梗	1 tiền ruồi
Toàn quát lầu	全括蒌	3 tiền
Bán hạ	半下	2 tiền
Sanh cương	生薑	2 miếng

76.—Đại sài hồ thang
(phương của Thượng Hán Luận)

Sài hồ	捺 胡	1 tiền ruồi
Chỉ thiêt	枳 實	1 tiền ruồi
Xích thưoc	赤 芳	1 tiền ruồi
Sanh cương	生 薑	3 miếng
Hoàng cầm	黃 茶	2 tiền
Đại hoàng	大 黄	1 tiền ruồi
Báo hạ	半 夏	3 tiền
Đại táo	大 萋	2 trái

Tân gia bạch hồ thang
(thấy ở chứng Tân Cảm Xuân Ôn)

Bạch hồ thang
(thấy ở bình Ôn kiêm Thủ)

77.—Hậu phác thất vật thang
(phương của Kim Quỹ)

Hậu phác	厚 朴	1 tiền ruồi
Đại hoàng	大 黄	1 tiền ruồi
Chỉ thiêt	枳 實	1 tiền ruồi
Đại táo	大 萋	2 trái
Cam thảo	甘 草	8 phần
Quế chi	桂 枝	1 tiền ruồi
Sanh cương	生 薑	2 miếng

78.— Điều vị thừa khí thang

Đại hoàng	大 黃	2 chỉ
Man tiêu	芒 硝	2 chỉ
Cam thảo	甘 草	2 chỉ

79.— Tiêu thừa khí thang

Đại hoàng	大 黃	4 chỉ
Chỉ thiệt	枳 實	2 chỉ
Hậu phac	厚 朴	2 chỉ

80.— Đại thừa khí thang

Huyền minh phấn	玄 明 粉	4 chỉ
Sanh đại hoàng	生 大 黃	4 chỉ
Chỉ thiệt	枳 實	2 chỉ
Hậu phac	厚 朴	2 chỉ

Sài cầm thanh cách thang

(thấy ở bệnh Phục Tà Xuân Ôn)

Chỉ thiệt dạo trê thang

(thấy ở chứng Phục Thủ ở phần vệ)

81.— Hầm hung thừa khí thang

Quật lầu nhân	括 蕤 仁	5 tiền
Tiền chỉ thiệt	小 枳 實	1 tiền ruồi
Sanh đại hoàng	生 大 黃	2 tiền
Man tiêu	芒 硝	1 tiền ruồi
Cương báu hạ	薑 半 夏	2 tiền
Tiền xuyên liên	小 川 連	1 tiền

82.— Gia vị liên cách tiễn

Man tiêu	芒 硕	1 chỉ ruột
Chỉ thiệt	枳 實	2 chỉ
Đinh lịch	丁 方	2 chỉ
Cam toại	甘 遂	8 phần
Sao sơn chi	炒 山 柑	1 tiễn ruột
Đại hoàng	大 黃	2 tiễn
Liền kiều	連 趙	4 tiễn
Hoàng cầm	黃 荸	1 tiễn ruột
Bạch giới tử	白 芥 子	8 phần
Bạc hà	薄 荷	1 chỉ ruột
Trúc lịch	竹 澈	5 chỉ
Cuong tráp	蓋 汁	1 tiễn

83.— Quyên ẩm vạn linh thang

Ngnon hoa (sao rượu)	芒 花	5 phần
Cam toại (hì)	甘 遂	8 phần
Quảng bì	廣 柏	2 tiễn
Đại táo	大 茄	10 trái
Đại kích (sao rượu)	大 戟	1 tiễn
Ché bán hạ	製 半 下	2 tiễn
Phục linh	茯 苓	3 tiễn
Senh cương	生 蔷	3 miếng

84.— Tam nhân thừa khí thang

HỎA MAI HÂN	火 麻 仁	2 tiền
Sanh đại hoàng	生 大 黄	1 tiền ruồi
Mộc hương	木 香	1 tiền
Trĩ mẫu	知 母	2 tiền
Đại phúc bì	大 腹 皮	3 tiền
Úc ý hân	郁 李 仁	2 tiền
Quang hạnh nhân	光 杏 仁	2 tiền
Chỉ thiệt	枳 實	1 tiền
Man tiêu	芒 硝	1 tiền

85.— Đào thị hoàng long thang

SANH ĐẠI HOÀNG	生 大 黄	1 tiền ruồi
Chỉ thiệt	枳 實	8 phần
Nhân sâm	人 参	1 tiền ruồi
Chích thảo	炙 草	1 tiền
Huyền minh phấn	玄 明 粉	3 tiền
Qui thân	歸 身	2 chỉ
Đại táo	大 董	2 trái
Xuyên phác	川 朴	6 phần

Ngũ nhân quết bì thang

(thầy ở chứng Ôn Tảo)

Lien kiều chi tử thang

(thầy ở chứng Tân Cảm Phong Ôo)

86.— Ngũ tráp nhứt chi tiễn

Tiên sanh địa tráp	鮮 生 地 汁	5 tiễn
Tiên mao căn tráp	鮮 茅 根 汁	3 tiễn
Tiên sanh ngâu tráp	鮮 生 蘭 汁	3 tiễn
Tiên đạm trúc diệp	鮮 淡 竹 葉	3 tiễn
Tiên sanh cương tráp	鮮 生 薑 汁	1 tiễn
Tử tô nhánh nhỏ	鮮 梗 旁 枝	5 tiễn

Cách sắc : Trước sắc vị Tử Tô lấy nước đậm bỏ xác, hòa vào năm thứ nước, sắc lại cho sôi chia hai lần uống ấm.

Tê liên thừa khí thang (thấy ở bệnh Ôn kiêm Thủ)

Bạch hồ thừa khí thang (thấy ở bệnh Ôn kiêm Hán)

87.— Lục ma ấm tử

Trầm hương	沉 香	2 chỉ
Binh lang	梔 柳	1 chỉ
Chỉ thiệt	枳 實	1 chỉ
Mộc hương	木 香	1 chỉ
Thai ô dược	台 烏 药	1 chỉ
Đại hoàng	大 黄	1 tiễn

Cách dùng : đều dùng thuốc nguyên củ mài lấy nước; nước các vị hòa đều nhau, nấu sôi một hơi đun uống ấm.

88.— Tuyết canh thang

Phiêu đậm trần hải tinh	漂淡陳海薑	4 tiền
Đại bội tử	大荸薺	6 cái

88a.— Canh y hoàng phương

Chân sa	硃砂	5 tiền
Lô hội	雷丸	5 tiền

Hai món nghiên chung làm bột, rượu hổ làm hoàn,
mỗi lần uống 1 tiền.

89.— Nhân trần cao thang

Nhân trần cao	齒陳蒿	5 tiền
Sơn chi tử	山梔子	3 tiền
Xuyên đại hoàng	川大黃	1 tiền ruồi

90.— Phàn lưu hoàng

Lục phàn	絲慧	1 tiền
Lưu hoàng	硫黃	1 lượng
Đại mạch miến	大麥麴	3 lượng
Hắc táo nhục	黑棗肉	2 lượng

Cách chế và uống: đậm nát hòa đều làm hoàn, mỗi lần
uống từ 2 phần đến 5 phần.

91.— Gia vị chi tử đại hoàng thang

Sơn chi	山 枝	3 củ
Đại hoàng	大 黄	1 tiền ruồi
Nhân trần	茵 陳	1 lượng
Đậu xị	豆 豉	3 tiền

Tè giác địa hoàng thang

(thấy ở bình Ôn kiêm Hán)

Thanh táo dưỡng dinh thang

(thấy ở chứng Phục Thủ phàn Vệ)

Trương thị tố xuyên tiền

(thấy ở phu phương chứng Thu Táo)

92.— Đào nhân thừa khí thang

Đào nhân	桃 仁	3 tiền
Quế chi	桂 枝	1 tiền ruồi
Đại hoàng	大 黄	1 tiền ruồi
Mạn tiền	芒 硝	1 tiền
Cam thảo	甘 草	1 tiền

93.— Chích cam thảo thang

Chích thảo	叉 草	3 tiền
Sanh cương	生 蓝	2 tiền
Ma nhân	麻 仁	3 tiền
Đảng sâm	紫 参	5 tiền
Sanh địa hoàng	生 祀 黄	4 tiền
Quế chi	桂 枝	1 tiền ruồi
Mạch đông	爰 冬	3 tiền
A giao	阿 胭	3 tiền
Đại táo	大 萋	2 trái

94.—Điệu hương hoàn

Thần sa	辰 砂	3 phần
Bồ đậu sương	巴 豆 霜	3 phần
Băng phiến	冰 片	3 phần
Núi hoàng	牛 黃	3 phần
Xạ hương	麝 香	3 phần
Kim bạc	金 菲	5 tờ nhỏ

Cách chế: Cộng chung nghiêm làm bột rất nhỏ, dùng 1 chỉ sáp và 3 muỗng mật ong nấu làm hoàn, mỗi lần chia làm 30 hoàn, mỗi lần uống 5, 3 hoàn. Uống một lần thấy đại tiện thông thì ngừng, chậm chậm uống tiếp.

95.—Quế chi hiệp nhị trần thang

Quế chi	桂 枝	3 tiền
Thuốc dược (sao)	芍 药	3 tiền
Bán hạ	半 下	3 tiền
Trần bì	陳 皮	3 tiền
Phục linh	茯 苓	3 tiền
Cao thảo	甘 草	1 tiền
Sanh cương	生 薤	3 miếng
Đại táo	大 董	2 trái

Hương sa nhị trần thang

(thấy ở hòn chưng Thấp Ôn)

96.— Bạch truật hòa trung thang

Sao bạch truật	炒 白 木	1 tiền ruồi
Quảng trân bì	廣 陳 皮	1 tiền ruồi
Vân phục linh	雲 茶 苓	3 tiền
Sa nhân (sao)	砂 仁	1 tiền
Tiên lục thần khúc	焦 六 神 曲	3 tiền
Chích thảo	爻 草	3 tiền
Phật thủ hoa	佛 手 花	5 tiền
Trần thương mè (lá Bạc Hà gói)	陳 倉 末	3 tiền

97.— Hương sa lý trung thang

Mộc hương	木 香	1 tiền ruồi
Đảng sâm	紫 参	3 tiền
Can cương	羌 莪	1 tiền ruồi
Sa nhân	砂 仁	1 tiền
Bạch truật	白 木	1 tiền ruồi
Chích thảo	爻 草	1 tiền

98.— Hương sa nhị trần hợp ngô du thang

Mộc hương	木 香	1 tiền ruồi
Bán hạ	半 下	2 tiền
Phục linh	茯苓	3 tiền
Cam thảo	甘草	1 tiền
Sanh cương	生 莪	2 chỉ
Sa nhân	砂 仁	1 tiền ruồi
Trần bì	陳 皮	2 tiền
Ngô du	吳 芮	5 phán
Đảng sâm	紫 参	3 sâm
Đại táo	大 萝	2 trái

99.— Gia giảm vị linh thang

Thương truật	荅 术	3 tiền
Xuyên phác	川朴	1 tiền
Sao dĩ mề	炒 茄 米	4 tiền
Trư linh	猪 荸	1 tiền ruồi
Quế chi	桂 枝	1 tiền ruồi
Trần bì	陳 皮	1 tiền ruồi
Xích linh	赤 芎	5 tiền
Sao. bán hạ	炒 半 夏	3 tiền
Trạch tả	澤 瓣	1 tiền ruồi
Hoạt thạch	活 石	2 tiền

100.— Sâm phụ tái tạo thang

Đẳng sâm	柴 参	5 tiền
Phụ tử	附 子	2 tiền
Khương hoạt	姜 活	1 tiền ruồi
Té tân	細 辛	5 phần
Sanh cương	生 蓼	3 tiền
Họtah kỵ	黃 民	3 tiền
Quế chi	桂 枝	1 tiền ruồi
Phòng phong	防 風	1 tiền ruồi
Chích thảo	叉 草	1 tiền ruồi
Đại táo	大 萊	2 trái

101.— Quế chi gia phụ tử thang

Quế chi	桂 枝	2 cành
Sanh cương	生 蓼	2 chi
Phụ tử	附 子	2 chi
Cam thảo	甘 草	1 chi
Đại táo	大 萊	2 trái

102.— Ma hoàng phu tử tết tân thang

Ma hoàng	麻 黄	1 tiễn
Phụ tử	附 子	2 tiễn
Tết tân	細 辛	8 phần

103.— Phụ tử lý trung thang

Phụ tử	附 子	1 tiễn ruồi
Cam thảo	甘 草	8 phần
Đẳng sâm	黨 參	3 tiễn
Bạch truật (sao)	白 朮	2 tiễn
Can cương	乾 簡	1 tiễn

104.— Chân võ thang

Phụ tử	附 子	3 chỉ
Bạch thược	白 芍	2 chỉ
Sanh cương	生 蓼	3 miếng
Phục linh	茯 苓	3 uền
Bạch truật	白 朮	2 tiễn

105.— Tân gia quế phụ bát vị địa hoàng thang

Phụ tử	附 子	1 tiễn ruồi
Đại thực địa	大 熟 地	6 tiễn
Mẫu lệ	牡 蝶	6 tiễn
Phục linh	茯 苓	3 tiễn
Thanh quế	清 桂	1 tiễn
Hoài son dược	懷 山 藥	3 tiễn
Bạch thược	白 芍	4 tiễn
Tử thạch	磁 石	3 tiễn

Cách sắc: Trước sắc vị Thục Địa Tử đới ba dạo bỏ xác, để các thuốc vào nấu lấy nước đậm nồng ấm.

Hoàng liên a giao thang
 (thấy ở bệnh Ôn kiêm Thủ)

Đao xích thanh tâm thang
 (thấy ở bệnh Xuân Ôn phục tà)

106 -- Trữ phu thang

Trữ phu	猪 脏	2 lượng
Bạch mật	白 蜜	1 lượng
Hoa phấn	花 粉	5 tiền

107. -- Thành can đai uất thang

Sơn chi	山 桂	3 tiền
Bạch thược	白 苍	3 tiền
Quí vĩ	歸 尾	1 tiền ruồi
Sài hồ	柴 胡	1 tiền
Kim quýt diệp	金 插 簪	3 tiền
Đơn bì	丹 皮	2 tiền
Bạch các	白 菊	1 tiền ruồi
Chích thảo	爻 草	8 phần
Quýt bạch	橘 白	1 tiền
Bạc hà diệp	柏 荷 葉	1 tiền

108. -- Tứ nghịch tán

Sài hồ	柴 胡	1 tiền ruồi
Chi xác	枳壳	1 tiền ruồi
Bạch thược	白 苍	1 tiền ruồi
Cam thảo	甘 草	8 phần

109.—**Lóng đàm tả can thang**

Lóng đàm thảo	龍 胆 草	1 tiền
Tiêu sanh địa	小 生 地	5 tiền
Sanh cam thảo	生 甘 草	1 tiền ruồi
Xuyên sài hồ	川 柴 胡	5 phân
Xa tiền tử	車 前 子	1 tiền ruồi
Sao diều cầm	炒 修 苞	1 tiền ruồi
Trạch tả	淫 滻	1 tiền ruồi
Sao sơn chi	炒 山 桂	3 tiền
Mộc thông	木 通	1 tiền ruồi
Đương qui	當 归	1 tiền ruồi
Xuyên hoàng Bá	川 黄 柏	1 tiền
Tan lang	梔 柳	2 tiền
Xuyên tiên	川 椒	10 hột

110.—**Liên mai an vưu thang**

Hồ hoàng liên	胡 黄 連	1 tiền
Lôi hoàn	雷 丸	3 tiền
Ô mai nhục	烏 牛 肉	1 tiền

Phương thang diễn ca

Nếu để mỗi phương thang bài rời từ vị thuốc một, thì kè sô học không để gì nhè được. Trong khi gấp kẽ, mà không nhớ rõ phương thang, thì e rằng pha không kịp thời, và sử dụng trước nén không đổi chúng. Nếu dịch gã không ngại công lao, đem các phương thang & trước, ghép lại thành vận văn theo lối thi ca, cho em tai vui miệng, dễ học dễ nhớ; đồng thời biến lại cho rõ ràng một lần nữa: công dụng chủ trị của mỗi phương thuốc, trên mỗi bài thi.

Vì viết theo lối Thi ca, thi buộc phải có vận, và hạn chế số chữ trong mỗi câu, nên tên của mỗi vị thuốc, phần nhiều không thể nói hết được, mà chỉ nói có phần nửa. Vì như: Vị Bạch Phục Linh, Vị Bạch Truật, hoặc Xích Phục Linh, hay Thương Truật, thi trong lời thi ca không thể gom hết được, mà chỉ nói gọn lại là: «Linh Truật». Kê đọc muốn rõ thêm đó là Bạch Linh hay Xích Linh, Thương Truật hay Bạch Truật, và số cần lượng, thi nên chịu khó cẩn cù theo sổ thu tự xem lại ray ruyền phương, rồi tự mình chịu khó giải chú thế a văn cho koi sơ sói. Các vị thuốc khác cũng đều nương theo thứ tự trên.

Đông Y Sĩ
NGUYỄN-HỒNG-DI
Giai Sư Đông-Y
Viện Đại Học Miah-Đức

TĂNG BIÊN ĐÔNG Y THỜI LỊNH BÌNH HỌC XỬ PHƯƠNG CA QUÁT MỤC THỦ

Chương I. — XUÂN ÔN CHƯƠNG

Luận trị Bình Xuân Ôn

(xua Xuân cảm thương ôn bình)

1.— THANG KINH PHÒNG ĐẶT BIỂU

Chủ trị: Bình Xuân ôn vừa chớm phát, đầu nhức
mình nóng, lạnh ít nóng nhiều, và ho hen. Kiêm trị:
Chứng Thấp ôn, Cường Thương hàn. Trị các chứng này,
thì nên dùng: thuốc mùi cay, tính ấm và phát hàn. (giảm
phương kinh nghiệm của Ông Dụ Gia Ngôn).

Tô, Hành, Kính, Phòng chất nhẹ nhàng,
Quí bì, Thần khúc, hợp thành thang.
Xích linh, Bạch chỉ, Hành, Gừng sống,
Nóng lạnh đều dần khỏi lệ làng.

2.— GIA VỊ SONG SÍ THANG

Chủ trị: Bình Xuân ôn mới phát, lạnh ít nóng nhiều,
bát rút, khát nước, cạnh sườn đau nhói — Kiêm trị:
Chứng Phong Ôn sơ cảm, hoặc bị phục tà ẩn nấp trong

người từ lâu, ón lạnh lẫn phát nóng. Và Chứng Thấp Ôn, Chứng Thu táo, Chứng Đóng Ôn. Nên dùng thuốc tân lương phát tán.

Phong hàn cảm mạo nóng lên nhiều.

Song, Sí, Sơn chi, Cam, Kiết, Kiều.

Trần, Bạc, Xích Linh, Ngán, Trúc diệp,

Sơ phong giải biếu, đúng theo chiêu.

3.— MA HÀNH THẠCH CAM THẮNG

Chủ trị : Chứng Xuân Ôn, lồng phiền muộn, khát nước, ho suyễn, ón lạnh không ra mồ hôi. (Phương Thương Hán Luận).

Nóng mà ón lạnh, chẳng mồ hôi,

Khát nước, ho hen, khô luỗi môi.

Cam thảo, Ma hoàng, Cao, Hạnh tử.

Thuốc hay bình bột, liệu vừa thôi.

4.— SÀI HỒ CHỈ KIẾT THẮNG

Chủ trị : Bình Xuân Ôn, Chứng ón lạnh đã khởi, nhưng trong người còn nóng này phiền táo. Sườn đau lạnh nóng như cũ rét. Kiêm trị: Chứng Thu Táo, lạnh nóng qua lại (bết lạnh đến nóng, hết nóng đến lạnh, lạnh nóng luân phiên phát tác, gọi là lạnh nóng qua lại.) Ngực nặng sườn đau. Bình độc của Chứng Thương-hàn nát kết ở phần: bán lý. (Du Thị nghiệm phương)

Sài hồ, Chỉ, Kiết, Bán, Trần, Ma Hoàng,

Tên gọi: Sài Hồ Chỉ Kiết Thắng.

*Gừng sống dồi ba, Hành một tép,
Lại qua lạnh nóng, được bình an.*

5 — CAO CẦM THANH ĐÀM THANG

Chủ trị: Đồng với Thang Sái hò cam kiết, nhưng bệnh chứng thì trầm trọng hơn. Cần phải phân biệt coi bệnh nhọn có chảy máu cam (tý nục) và Ban chàm cùng chặng, để gia giảm chữa trị. Chỉ như chứng Phục tà Xuất ôn, ua nhợn mất ngủ, và chứng Phục tà Phong ôn, mà lâm dùng thuốc phát hàn, biến chứng phát vàng (hoàng đản), hoặc chứng Phục thử, nóng thừa ở phần Vệ; Chứng Thương Hàn trong người nóng lầm, thuộc về bệnh chứng ở Phù Thiếu Dương, cũng đều chủ trị. (Ôu Thị kinh nghiệm phương).

Cao Cầm Thang nội, dùng Cao, Cầm,
Chỉ, Bán, Linh, Trần, Trúc-nhụ lâm.
Ngọc-bích ba tiền đồng gói nâu,
Phát vàng nóng độc bình tà thâm.

Ban chàm không ra được thì già: Tây Hà Liễu, Anh Đáo Hach

6.— TÂN GIA BATH HỒ THANG

Chủ trị: Chứng Xuất ôn phát nóng dữ dội, mồ hôi ra đậm đà, bứt rứt, khát nước uống nước không ngừng. Và trị chứng Phong ôn sơ cảm, Bình Ôn kiêm bệnh Thương-hàn, Thương-thử và Phục-thử. Chỉ ứ chứng Phục tà Xuất ôn, bình Phong ôn nupp ở phần khí, và Ban chàm sắp mọc ra, phát nóng như thiêu, ra mồ hôi. (Phương của Sách Thương Hàn gia vị).

*Cam thảo, Thạch cao, tiên Trúc-diệp,
Bạc-hà, Tri-mẫu, Huyền-sâm hiệp.
Sơn-chí, Đắng-thảo, bạn thanh lương.
Nóng, khát, mồ hôi lau chẳng kịp.*

7.— SÀI CẦM THANH CÁCH THANG

Chủ trị: Chứng Xuân ôn phuộc tà ở trong phần khí, sau khi dùng thuốc tân lương phát hàn, bình hàn còn en en nóng như cũ rét hoặc phát nóng như hờ, lồng bát rất trong bụng khô khát, uống nhiều nước, miệng đắng sùm đau, đại tiện táo, tiểu tiện đât. Nếu gia thêm 3 chi Phác-Tiêu, để chữa trị: Kinh Thiểu Dương, Kinh Dương Minh hiệp bình rất hay. ("bương của Ông Đào, Ông Dụ già giàm).

*Sài, Cầm, Cam, Kiết Bạc, Chi, Kiều.
Chỉ-xác, Đại-hoàng Trúc-diệp Tiêu (hoặc gia vào)
Đã phát bạn rồi, còn lạnh nóng
Lòng phiền khô khát, nước hao nhiều.*

8.— MẠCH MÔN BỘNG THANG

Phương thuốc rất trọng yếu cho sự điều dưỡng Chứng Xuân ôn phuộc tà, sau khi bình sắp nãnh. Nếu gia Tuy Dương-Sâm, Thạch Học, Rễ tranh trời, nước mía lau vào phương này, để điều lý sau khi mắc bình Tràng nồng (Thương Thủ), nước tân dịch trong người bị khô cạn rất hay. (Phương Kim Quỹ).

Vị khô, phổi nóng rất nhu cầu,
Mạch, Bán, Sâm, Cam, Táo, Mè, trân.
 Lưỡi rát, mồm khô, tân dịch cạn.
 Điều hòa lương bổ hiệu như thần.

9.— GIA GIẢM QUI DUY THANG

Chủ trị: Bình Xuyên ôn, bình độc vào máu. Lác số khói hơi sợ gió lạnh; nhức mỉnh, không mồ hôi, leői đờr mạch đi Sát. Và kiêm trị: mỉnh mày khô khan nóng này, không ra mồ hôi. Cũng trị Chứng Đông ôn, kiêm có phục tà, nóng mỉnh nhức đầu. Thuốc tư âm phát hàn. (Phương Kim Qui).

Cam-Cúc, Qui duy, Thảo, Kiết, song,
Bạch-Vi, Băng, Bạc, Sí, Sâm, đồng.
 Khô khan mỉnh nóng, en en lạnh.
 Gan mát lo gì huyết chẳng xong.

10.— TÊ DÁC THANH LẠC ÂM

Chủ trị: Chứng Xuyên ôn, bình độc trốn vào phần máu, uống Thang Qui Duy cho bình độc thông ra phần bieu. Thị tiếp theo mỉnh mày phát nóng, sờ muỗn phồng tay, bắt rút không ngủ được. Và kiêm trị: Chứng Phu Thử, bình độc núp ở phần Dinh. Nên dùng thuốc mát máu, mát phần Dinh. (Phương của Ông Du Cẩn Sơ).

Tê Dác, Đơn bì, Đào, Thược, Cầm,
Liên-kiều, Trúc-lịch, phổi Đắng-lám.

Mao-căn Cương-trấp, Xương-bồ bạn.

Da nóng như hơi, luõi đỏ bầm.

11.— ĐẠO XÍCH THANH TÂM THANG

*Chủ trị : Chứng phục nhiệt trong phổi máu, phát hiện
thần thức mờ mệt. Vụ trị : Chứng Thượng hàn bình độc
truyền vào kinh Thiếu âm, âm hư nội nhiệt, tinh thần
hỗn loạn, bay nỗi xám, tiền tiện ít mà đỏ nóng, mèn
nóng xông lên etc. (Thang Đạo Xích già giảm).*

Sanh-Địa, Phục-Thần, Đắng-Thảo, Đơn,

Liên-Tâm, Trúc-Diép, Mạch, Thông nhơn.

Một chàng nho nhỏ nước Đồng-tiến,

Và với ba tiền Tán Ích Nguơn.

12.— NGƯU HOÀNG CAO

*Chủ trị : Nhiệt độc vào máu, tinh thần hỗn loạn.
(Phương của Ông Lưu Hà Gian).*

Ngưu-Hoàng, Mai-Phiến, Thảo, Thần-Sa,

Nghệ với Đơn-bì hợp một nhà.

Nóng ở huyết phổi, thần rối loạn.

Cơ năng Tim Óc vẫn điều hòa.

13.— LINH DÁC CẨU ĐẮNG THANG

*Chủ trị : Bình độc núp ở trong máu, nóng đốt thần
kinh. Trạng chứng giống Chứng Kinh giàn, tay chân xui
lơ, gân mạch co rút. Mạch đì Huyền cứng thẳng thần.
(Phương kinh-nghiệm của Ông Dụ Gia Ngôn).*

*Dương-Dáć, Câu-Băng, với Phục-Thần,
Cúc-Hoa, Tang-Diép, Cầm, Bối, lân.
Thưoc, Địa, Cam-Thảo, Đam-Trúc-Diép,
Nóng lên Kinh Giản, loạn tân thần.*

14.— TRÚC DIỆP THẠCH CAO THANG

Chủ trị: Sau khi bình súć khỏe suy giảm, nước tân dịch trong người khô cạn, phiền táo khát nước. Bình chứng khá nặng. (Paroxysm của Thương Hán Luận).

*Trúc-Diép, Thạch-Cao, Bán-Hạ, Cam,
Sa-Sám, Nganh-mě Mạch-Đồng tham.
Sau khi bình nặng hao tân dịch,
Khát nước hư phiền, cò vướng đàm.*

15.— GIA GIÂM CỐ THỊ BÁT TRẤP ÂM

(Bồ nước Bạc Hà, nước Dra Hầu, già nước Mạch Đồng, nước Trúc Lịch).

Chủ trị: Sau khi bình, sức khỏe suy giảm, tân dịch khô cạn, nóng nảy bứt rứt, khát nước vừa phải.

*Nước mia, Ngó Sen, nước Trái Lê,
Rễ Tranh, Sanh Địa, mát lòng ghè.
Mạch-Đồng, Lô-trấp, và Măn-Trúc,
Bồ dịch sanh tân chẳng chõ chẽ.*

16.— A GIAO KÈ TỬ HOÀNG THÀNG

Chủ trị: Bình Xuân Ôn, bịnh độc vào phlein huyết, nóng độc vào baồng tinh; miệng rát răng khô, phèn táo khát nước nói xám. Con trai, di tinh, mộng tinh; con gái, huyết trắng huyết đỏ ra như xối. Xua cho là: Chứng « Hẹ kiệt thượng huyết » rất khó trị. Và kiêm trị: Chứng Thu Táo, gân khô co rút. (giả giảm Phương của Ông Định Phong Châu).

A-Giao, Thược Địa, Sanh Qui Bìn,
Mẫu-Lệ, Cát-Dằng, Thảo, Phục-Linh.
Bịnh độc: Xuân Ôn, tinh huyết nóng,
Gái sanh Bạch dài, trai Di tinh.

Chương II.— PHONG ÔN

17.— LIÊN KIỀU CHI SĨ THÀNG

Chủ trị: Chứng Cảm mạo Phong Ôn, nhiệt độc chưa trừ sạch, lồng ngực bức rút. Và kiêm trị: Taấp khí của Chứng Thấp Ôn chưa sạch, hơi Phổi không thông. Và Chứng Thương Hán, bịnh ở Kinh Thiếu Âm, Kinh Dương Minh: phiền táo nói xám, bụng đói mà chẳng nuốt kín, hơi nắt ở Phổi Thương tiêu. (Cuộc phương hòa-lê).

Lien-Kieu, Chi, Si, Ngọc Kim, Tân. (d)
Quát Lạc. Chi, Kiết, Bạch-Khẩu-Nhân.
Nóng nắt táo phiền lồng bức rút,
Thấp tà phạm Phổi biệu nau thắc.

18. — TỬ TUYẾT ĐƠN

Chủ trị: Chứng phục tà Phong ôn, phát nóng như thiêu như đốt, ra mồ hôi, mồ hôi mẩy nặng nề, ngứa ngáy mê man, trong mũi thở khò khè. Kiêm trị: Bình ôn hiệp với khí Hán, khí Thủ và Chứng Phục Thủ; tình thần mê loạn bất tĩnh, mồ hôi nóng nổi xám.

Huyền Sâm, Mân, Phát, Thăng Ma, Thảo,

Tử-Thạch, Hán-Thủy, Hoạt-Thạch, Cao.

Tê-Dác, Thần Sa, Dương Dác nhấp.

Mộc, Định, Trầm, Sa hiệp đoàn nhau.

19. — CHÍ BẢO ĐƠN

Chủ trị: Chứng Phục tà Phong ôn, phát nóng ra mồ hôi, lưỡi dơ. Kiêm trị: Bình ôn và Thương Thủ, nóng ở phần huyết, hòn mê bất tĩnh. (Cuộc Phương già giảm).

Tê-Dác, Đại-mạo, Sa, Ngưu-Hoàng,

Châu-Sa, Hồ-Phách, hiệp thanh đoàn.

Nóng vào phần huyết, người mê sảng

Trúng thủ, Thương phong khỏi lệ làng.

20 — SÀI HỒ ĐẠT NGUYỄN ÂM

Chủ trị: Bình độc phong ôn, núp trong phần kbi, mồ hôi ra rin rịn, bình độc theo mồ hôi bài tiết ra ngoài; phát nóng ôn lạnh như ứ rét, bợn dạ ưa mửa, ăn chẳng vui. (Ôn dịch Luận Phương già giảm).

Phát, Thảo, Sài, Càm, Cam, Kiết thi,

Tan-Lang, Thảo-Quả v.v; Thanh-bl.

Gia thêm hai chỉ *Bôl-Lan-Cánh*,
Cử Rét en en, hiệu nghiêm kỵ.

21.— TĂNG GIẢM HOÀNG LIÊN TẨM THANG

Chủ trị : Chứng Phong òn, phục tà đã ngoại đạt, nóng độc từ trong đã thấu ra ngoài. Xác nhận không phải là Chứng Tao nhiệt của Thang Bạch Hổ, mà chính là Chứng Thấp Nhiệt. Kiêm trị : Cửng Thủ kiêm Chứng Thấp, dần nặng phiến táo, ưa mửa, bĩ uất đầy hơi. (strong Cảnh Phương già giảm).

*Xương Bồ, Chỉ, Bán, với Liên, Cầm,
Trúc-Lịch, Sanh Cương Đặng Thảo Tâm.
Thông Thảo hiệp cùng Bạch Hoạt Thạch,
Táo phiền ối uất nóng hầm hàn.*

22 - XƯƠNG BỒ UẤT KIM THANG

Chủ trị : Chứng Phong òn phục tà ở phèo Dinh, phát nóng ra mồ hôi, bứt rứt mắt ngủ. Khi Tình khi mè, hay nói xàm, mạch đi Sát, lưỡi đỏ tay chân mát. Kiêm trị : Khi Thủ đoc núp ở phần Dinh, đêm nóng nói xàm. (cải định Hả thi kinh nghiệm phương).

*Trúc Diệp, Xương Bồ, Xuyên-Ngọc-Cầm,
Chi, Đơn Thông Thảo, với Đặng Tâm.
Liên Kiều, Tử Cầm, Trúc, Cương trấp,
Lương huyết thông Dinh, tà phục thâm.*

23.— HÀNH QUÂN TÁN

Chủ trị : Chứng Phong ôn phục tà rất kịch liệt. Chứng hậu giống Thanh Xương Bồ Ngọc Kim, và Âm Tè Đặc Thanh Lạc, mà nguy cấp hơn. Nếu không sẵn có Tán Hành Quân, dùng Đơn Tử Tuyết cũng công hiệu.

*Ngưu, Sa, Hùng Hoàng, với Nguyệt Thạch,
Hỏa Tiêu, Băng Phiến, thông hang ngách,
Trần Châu, Pai Kim hai mươi tờ.
Trị Chứng Phong ôn vào huyết mạch.*

Chương III.— ÔN BÌNH (còn chỗ gọi là: Nhiệt Bình)

24.— THANH ÔN GIẢI BỘC ÂM

Chủ trị : Bình chứng không lạnh mà vẫn nặng, bức rứt khát nước, không ra mồ hôi, lưỡi khô héo đau, tinh thần mệt nhọc, phiền táo nói xàm. (Phương tân định của Ông Dư Sư Ngu)

*Cam, Kiết, Liên Kiều, Thạch: dà xao, (1)
Càm, Liên Thược, Địa, Đơn, Thành Cao.
Huyền Sâm, Trúc Diệp, Tri, Tè Đặc,
Đầu nhức thì gia Cương, Cúc, vào.*

(1) đậm (gỗ) nhô.

25.— BẠCH HỒ THỦA KHÍ THANG

Chủ trị: Bình Ôn, đường Đại Tiện táo bón, đầy hơi và kiết lỵ. *Kiêm trị:* Chứng Đóng ôn, kiêm Chứng Phục Thủ, ra mồ-hôi mà Chứng nóng không giải; ngày nhẹ đêm nặng, nhức đầu ja chảy, phiền táo bón mê. Trong bụng đau, lấy tay đέ chì đau chịu không thấu. Trọng chứng ở Kinh Khuyết Âm, và Kinh Dương Minh. (Phương kinh nghiệm của Ông Dụ Gia Ngôn).

Thạch Cao, Cam Thảo, Bạc Hà Diệp,
Trí Mẫu, Màn Tiêu, với Đại Hoàng.
Khát nước đầy hơi và táo bón,
Mồ hôi nướm nướp nóng mê man.

26.— TÈ DÁC ĐỊA HOÀNG THANG

Chủ trị: Bình Ôn, Ho ra máu, ối ra máu, hoặc ja máu. Khi Thủ Ôn dốt ở phần máu, phiền táo nội xâm, hoặc Chứng Thấp Ôn mà ngọ trị, song nhiều hại máu. *Kiêm trị:* Chứng Thượng Hán biếng ở Kinh Dương Minh phục phát. Đại tiện phân đen, tiêu tè không lợi. Nên chẩn churac giả: Vị Dao Nhọn, Hồng Hoa, Uất Kim, Quí Vĩ, Màn Trùng. (Phương của Sách Kim Quí).

Tè-Dáç, Địa-Hoàng, Thúrga-Dược, Đon,
Máu leu, Vị nóng bôa tà hoa.
Ja đen, dài trắng tà vào máu,
Hoặc phát dien cuồng, ấy bồn nhèo.

27.— VƯƠNG THỊ TÂN ĐINH THANH THỦ ÍCH KHÍ THANG

Chủ trị: Bịah Ôn kiêm Bình Thủ. Chứng Nhức đầu
xây xầm đã khỏi, nhưng dư nhiệt vẫn còn. Và sức khỏe
suy nhược. (Phương của Ông Sĩ Mạnh Anh).

*Trác-Diép, Tri-Mẫu, tiên Bạc-Hà,
Huỳnh-Liên, Ngạnh-Mè, Thảo Tây-Qua.
Mạch-Đóng, Thạch-Học, Dương Sâm hiệp,
Dư nhiệt chưa trừ, nóng xuyệt xoa.*

28.— TÈ LIỀN THỦA KHÍ THANG

Chủ trị: Chứng Ôn kiêm Chứng Thủ, giống như
Chứng của Thang Trác Diệp Toanh Cao, mà thực tà ủng
trệ. Kiêm Trị: Chứng Thương Hàn, bình & Kinh Thiếu Âm
và Kinh Dương Minh, nhiệt độc truyền vào máu, xông
thẳng lên óc.

*Chỉ-Thiệt, Bại-Hoàng, Tè-Dáć-Tím, (nhọn)
Xuyên Liên, Sanh Địa, vôi Chân Kim
Thực tà ủng trệ xông lên óc,
Thông lợi đại trường mát Phổi Tim (lòng).*

29.— BẠCH HỒ THANG

Chủ trị: Chứng Ôn kiêm Chứng Thủ, phần khí táo
nóng, phiền táo khát nước, mồ hôi ra nhiều, mạch đi
Hồng, luối đờ. Kiêm trị: Bịah Thương Hàn nóng đốt ra
mồ hôi, mà không ớn lạnh, chỉ sợ nóng, tiêu tiện ít mà

nước tiêu đờ rit. Tay bén Phai mạch đi Hồng Huyền.
Bịnh ở Kinh Dương Minh (Phương của Thương Hán Luật).

*Tri-Mẫu cao lồng, Nganh-Mẽ rang,
Thạch-Cao, Cam-Thảo, hiệp thành thang.
Mạch đi Hồng Sát, Dương-Minh Chứng.
Nóng đờ mồ hôi, ngũ chẳng an.*

30. – TÙ KIM ĐƠN (Ngọc Khu Đơn)

*Chủ trị: Chứng Ôn kiém Chứng Thủ, nhiệt độc thái
thâm, nóng đốt phần huyết. Kiém trị: Chứng Ban Chills
hàn mè giống Chứng Hoắc Loạn Sa Trường (đau bụng
ia mửa dữ dội). Đau thất ruột. Kiém trị: Chứng Thủ
Ôn, Chứng Thủ Ué, Chứng Phong Ôn va mửa, mà tay
chân lạnh, thèm thức lờ mờ.*

*Tử Cố, Đại Kích, Thiên Kim Sương,
Tô Hiệp, Hàng Hoảng, Châu, Phiến, Hương.
Miệng mũi bit vào hơi uế trọc,
Bụng đau va mửa, nóng phi thường.*

31. -- NHÌ GIA LONG CỐT MÃU LÊ THANG

*Chủ trị: Phản khí, phản huyết bi khí ôn nhiệt xông
đốt. Do ngộ trị, khí lạnh làm hại phần chân âm. Trong
thang này, nên bỏ Gừng. Táo, Phu Tử, tùy theo chứng
mà gia giảm chữa trị. (Phương của Thương Hán Tiêu phầm)*

*Bach-Vi, Bach-Thuoc, Chich-Cam-Thảo,
Phu-Tử, Sanh Cường, Long, Mùa, Táo.*

Ôn nhiệt ung xông khí huyết phẫn,
Lâu ngày khí lạnh làm hại máu.

32.— HOÀNG LIỀN A GIAO THANG

Chủ trị: Sau khi bị hàn, dù nhiệt không dứt, bức rút hồi hộp, ngủ không yên. Bộ Thôn Mạch đi Phù Hồng, Bộ Quan, Bộ Xios mạch đi Huân, mà dời Mạch Té Sái. *Kiêm trị:* Chứng Ôn táo, âm hư hóa viong; bệnh Thương hàn âm huyết hư hao, hỏa-nhiệt ung xông ở trong, thuộc về tạng Thiền âm. (Phương Thương Hán già vị) — Nên lưu ý: Dịch già dùng thang này trị: Chứng Thương hàn tương xuất huyết, nóng hàn mê, và khát nước rất hay.

A-GIAO sao chín, thật khô khan,
Địa, Thircoc, Cầm, Liên, Ké-Tử-Hoang.
Hỏa nhiệt ung xông, phẫn huyết cạn,
Lại hay trị: Chứng ruột Thương Hán.

Chương IV.— CHỨNG ÔN THỦ KIÊM CHỨNG THẤP

33.— GIA GIẢM NGÂN KIỀU THANG

Chủ trị: Chứng Ôn thủ kiêm Chứng Thấp, hơi ấm lạnh mà trong minh phát nóng, ra mồ hôi mà bệnh nóng không khỏi, và lòng phèn táo. *Kiêm trị:* Chứng Thủ Ôn kiêm Chứng Hán, nóng nhiều lạnh ít, Thủ tà núp ở phần Vệ; đầu nhức minh nóng, và Chứng Thấp Ôn.— (Nhức minh

già Taug chi, Phòng kỹ; ua mửa già Đại Giả Thạch ;
trong lòng nồng già Xuyên Hoàng Liên ; ăn uống không
biết mùi già Thần Khúc.)

*Ngân Hoa, Chỉ, Phát, Bạc Hà, Cầm,
Trúc, Diệp, Trì, Kiều, với Uất Cát.
Lục Nhứt ba tiền, đồng sắc nồng,
Tâm phiền, già một năm Đăng Tâm.*

34.— GIA GIẢM HOÁC HƯƠNG CHÀNH KHI THẮNG

*Chủ trị : Chứng Thủ ôn kiêm Chứng Thấp nặng nề,
nặng ngực đau nhức ; Là phương thuốc trị Chứng Thấp
rất rộng. Nếu Bình Hàn Thấp thì ta lấy : Quế, Lanh, Cường
Truật. Bình Thấp Nhiệt thì ta lấy : Trúc diệp, Lô cẩn,
Sơn chi, Liên kiều, rất thần hiệu.*

*Hoắc Hương Chành Khi, Phát, Trần Bi,
Lan Diệp, Bạc Hà, Tang dụng chi.
Thần Khúc, Xích Linh, Chè Bán Hợc.
Sa-nhơn, Hương Phụ, Ích-Ngươn th.*

35.— GIA GIẢM ĐẠI QUÍT BÌ THẮNG

*Chủ trị : Chứng Thủ ôn kiêm Chứng Thấp, lồng ngực
không thư thái, đường tiêu tiện chẳng thông, nữa đèn
phát nóng.*

*Tru, Trạch, Trần bì, Xích Phục Linh,
Chi, Kiều, Cầm, Khúc, Thanh Cao khinh.
Tán-Lang hợp với Lục Nhứt Tán.
Thủ Nhiệt thanh lương, Thấp nhiệt bình.*

36.- ĐẠI QUÍT BÌ NGUYỄN PHƯƠNG

Chủ trị: Khi Thủ, Khi Thấp l้า lợn, lồng ngực bì nứt bung đầy, sờn đau, ỉa chảy, tiêu tiêu đỗ, ngoài da ôn lạnh.

*Xích Linh, Trụ, Trạch, Quế, Bình Lang,
Thương Truật, Trần Bì, Hương, Ích Nguon.
Ỉa chảy đầy hơi, lồng ngực bì,
Thấp tà thủ độc thảy biub an.*

Chương IV.— THỦ ÔN KIÊN HÀN

37.— THANH THỦ TRẦN ÂU ÂM

Chủ trị: Chứng Thương Thủ kiém Chứng Hàn. Trong người bức rứt khát nước, nhưng uống nước thì ối.

*Xuyên Liên, Xuyên Phát, Bán, Trần Bì,
Giả Thạch, Táo Tâm, thò nghịch thi.
Chỉ Thiết, Ích Nguon, Lực Thần Khúc,
Thanh Tâm giáng hỏa, lại an tỳ.*

38.— ĐẠI QUÍT BÌ THANG GIA TUYỄN PHẾ HÓA BÀM DƯỢC

Chủ trị: Bệnh Thủ Ôn kiém Bình Hàn, nặng ngực ho hen, nóng nẩy xót xát mà đầy hơi.

*Trà, Trạch, Linh, Phái, hiệp nhứt ban,
Bối Trần, Tiễn, Kiết, Hương, Bình Lang.
Uất Kim, Bạch Giới, mười hai món,
Nóng xót hơ hen, đậm nhớt au.*

39 — ĐẠI QUÍT BÌ THANG HIỆP TƯƠNG THỦY TÂN

Chủ trị : Cửu Thú kiêm Chứng Hán. lạnh nhiều nóng ít.

*Giả-Thạch Bình Lang, Hương, Quế Chi,
Lương Cường, Linh, Trạch; Ban, Trần Bì.
Can Cường, Phụ Tử, đều cay nóng.
Lực Nhứt cam hàn phép cũng kỳ.*

40 — BẠCH HỒ GIA NHÂN SÂM THANG

*Chủ trị : Kinh Thái Dương Bình Trung Át. Hơi nắng
độc làm hại phần khí, miuh nóng rã mồ hôi, khát nước.
Chứng Thấp ôn kiêm nhiệt. Và kiêm trị : Chứng Ôn táo
khát nước.*

*Thạch-Cao một lạng chẵng đơn sai,
Tri-mẫu ba tiền, Can-Thảo hai.
Nửa chi Dương-Sâm, năm Nganh-Mè,
Nắng hao nguyên khí đáng khen tài.*

41.— NHỨT VẬT QUA ĐỀ TÂN

*Chủ trị : Kinh Thái Dương trung át, tháng Mùa Hạ
ăn uống đồ sống lạnh, chất nước ngấm vào phần cơ nhục.*

bịt chung như mồi nắng nhẹ trong mình thì nóng, mạch đi Vi Nhược.

*Qua-Đè ba chí, nước đan sôi,
 Âm nóng vừa chừng, uống một hơi.
 Ói nhớt, ói đậm, và ói nước.
 Phổi thông, ngực nhẹ, nước đi trôi.*

42.— PHI LONG ĐOẠT MẠNG ĐƠN

Chủ trị: Chứng Can Hoắc Loạn (ua khan có tiếng mà không có vật; măc đại tiện, nhưng đi không ra phân, đồng thời đau bụng như cắt ruột. Dùng muối rang hết nõ, hòa với Âm Dương Thủy (nửa nước lạnh, nửa nước sôi). Mỗi lần uống ba phần, khiếu cho trên mửa dưới ia thông thả, bịch độc ra theo ia mửa, mà bình tự nhiên khỏi.

*Thần-Sa, Băng-Sa, Hùng, Ngưu-Hoàng,
 Nha-Tao, Mai-phiến, Đăng-Thảo, Phản.
 Ma, Đại, Tiêu, Thiểm, Trần Châu, Xà,
 Nhán-trung, hòa tan sẽ bình an.*

43.— HỒNG LINH ĐƠN

Chủ trị: Mùa Hạ Bình Trùng Thủ, bịt chung Nhiệt Hoắc Loạn (ia mửa khát nước) rất nguy cấp.

*Hùng-Hoàng, Mong-Thạch, với Châu sa,
 Băng, Xà, Phi Kim, phổi Mã Nha (tiền)
 Băng phiến cộng chung là tám món,
 Thành trừ Thủ độc, giúp an hòa.*

44.— PHI MÃ KIM ĐƠN

Chủ trị: Chứng Can Hoắc Loạn, ỉa mửa chẳng thông,
Đau bụng chết giấc. Tục gọi là Chứng: Giáo Trường Sa.

Nhủ, Mát, Đầu sương, Bú-Thảo-sương,
Đại, Hùng-Hoàng, Quít, Ngọc-Kim, Hương.
Thần-sa hiệp với Từ-Cô nghiên,
Ùa mửa bụng đau rất khẩn trương.

Chương V.— BÌNH PHỤC THỦ

I.— KHÍ THỦ ĐỘC NÚP Ở TRONG PHẦN VỆ

45.— CHỈ THIẾT ĐẠO TRẺ THANG

Chủ trị: Bình Phục Thủ ở Tiết Thu Pháo, bình Tử-nặng hơn Bình Thấp. Cản bã trong ruột ngưng kết, và Bình Thương Hàn truyền vào Kinh Thái Âm, kinh Dương Minh. Hai đường đại tiện bí kết, trong bụng đau. *Lấy tay đe lên thì đau chịu không thấu (cụ áo) — Kiêm trị:* Chứng Thấp kín nồng, dùng thang Đại-Phúc Bí, gia Nhơn-Trần, Thông-Trảo, mà đại tiện không thông thả, thì dùng thang này.

Cầm, Liên, Linh, Phát, Chỉ, Sơn-trà.
Kiều, Khúc, Trần Hoàng, hiệp một nhà.
Cản bã vị trường gây uất trệ.
Thủ kín, thấp nhiệt tuỷ theo ra.

46.— THANH TÁO DƯƠNG DINH THANG

Chủ trị: Chứng Phục Thủ, bệnh đờm núp ở phần âm huyết. Sau khi khỏi bệnh, mà vẫn còn hắt rát. Và chủ trị: Chứng Thấp Thủ, nóng lâm hoá táo, tay chân rút giật, hôn mê. Như: Chứng Thương Hán, dương hạ mà không làm hạ. Chánh khi hư lâm mà tà thực, hơi ngắn thở gấp. Nên dùng phương này, bỏ vị Thiên Hoa-Phấn, gia Sâm, Kỷ.

*Tri-Màu, Hoa-Phấn, Địa Thuốc, Quí.
Sanh-Cam, Mào-Lệ, với Trần-Bì
Khi hư tà thực, nên lượng bồ,
Bồ Phấn, gia thêm Sâm với Kỷ*

47.— GIA VỊ NGŨ DIỆP LÔ CĂN THANG

Chủ trị: Trước dùng thang Thanh Táo Dương Dinh, gia: Sa-hồ, Quí-Bản, Thành-Cao, Hoàng-cầm, Địa-cốt-bì, để cho khí nóng thanh thấu ra ngoài, Khi nóng ở phần âm huyết, trở ra phần dương khí, mà bệnh tự khỏi. Kế cho uống thang này, thì khỏi hẳn.

*Hoắc-Hương, Tang-Diép, dứ Tý-Bì.
Trúc-diệp, Bội-lan, với Bạc-hồ.
Đông-tử, Lô-Căn, Lục-Nhứt-lán,
Thanh ôn tiêu độc Kim-Ngân-Hoa*

II.— KHÍ THỦ ĐỘC NÚP Ở PHẦN DỊNH

48.— TÊ LINH TAM TRẤP ÂM

Chủ trị Khi Thủ độc núp ở phần Định, nhức đầu

chóng mặt, mắt đỏ mồi đỏ, mồ hôi nồng mà tay chân lạnh.
Tay chân co rút, bắt tinh nhơn sự.

*Tê-Dác, Dương-Dá, La-Bạc, Cương,
Ngô-Sen, Mùn-Trúc, nước cam lương.
Kiều, Vi, Đơn, Ngọc, Khổng-Diên Tân,
Đàm hỏa nê thần, Thiên-Trúc lương.*

49.— GIA VỊ TÈ-DÁC ĐỊA HOÀNG THANG

Chủ trị: Chứng Phục Thủ, bệnh ở thượng tiêu thuộc phần huyết. Nếu bệnh ở thượng tiêu mà thuộc phần khí, nên châm churc dùng Thang Ngưu Diệp Lô Căn. (Nguyên Phương già-giảm).

*Tê-Dác, Địa-Hoàng, NGÂN, Trúc, Kiều,
Mao, Đơn, Kim, Diệp, Thạch-Bồ, diều.
Độc ta phục thủ vào phần huyết,
Nồng này hư phiền ở thượng tiêu.*

50.— AN CUNG NGUU HOÀNG HOÀN

Chủ trị: Bệnh Phục thủ, nóng lâm phiền táo, tinh thần hồn mê, nói xám. Luõi đỏ, nhưng không dor. (Cuộc phương già giảm).

*Ngưu-Hoàng, Tè-Dác, với Liên, Cầm,
Kim-Bạc, Chi-Tử, Hùng, Uất-Cầm.
Mai-Phiến, Châu-Sa, Trần-Phấn, Xạ,
Tinh thần hồn kỵ, thủ tà xám.*

51.— GIA VỊ TẬP LINH TIỀN

Chủ trị: Sau khi bịah chứng Phục thử, phần âm huyêt hao tốn, khí Mạch Xung đi ngược lên; hoặc mồ cay, hoặc lạnh ran, hoặc hơi thở gấp.

*Mạch-Đóng, Ngưu-Tát, Kiết-Lâm-Sâm,
SANH, THỤC-ĐỊA-HOÀNG* chuyên bồ âm.
*Thược-Dược, Khuyết Minh, Sanh Mùa-Lê.
Linh-Tỳ, Câu-kỷ, già xương* (âm).

52.— GIA VỊ LIÊN PHÁT ÂM

Chủ trị: Bình độc phuc ở trung tiêu phần khí. (Nguyên Phương gia giảm)

*Phát, Liên, Chi, Sí, Bán, Lô, Căn.
Hoạt-Thạch, Hoàng-Cầm, Chỉ-Thiệt,* tăng
Hữu hữu *Xương-Bồ*, khai kbiến uất,
Trung tiêu thử độc trị da nǎng.

53.— QUẾ LINH CAM LỘ ÂM

Chủ trị: Bình độc truyền vào phủ bá tiêu phần khí (bình độc Thượng thử phuc ở phủ Ha Tiêu).

*Trư, Tích-Linh, Hoạt-Thạch, Cao.
Thanh-Bì, Thủy-Thạch, Quế-Tâm bão.
Độc theo tiêu tiễn, thông ra sạch,
Thận thủy Bàng Quang khỏe biết bao.*

54.— GIA VỊ DƯỠNG DINH THỦA KHÍ THẨM

Chủ trị: Bệnh độc thương thủ, náu ở phần huyết phủ trung tiêu.

*Hàn Phát, Đại-Hoàng, Thuzoc, Địa, Qui,
Mao-Căn Chỉ-Thiệt, bắt xương kbi.
Gia thêm Tri-Mẫu, thanh phần huyết,
Bệnh ở Trung tiêu, có khó gì.*

55 — GIA VỊ THANH CAO BIẾT-GIÁP THẨM

Chủ trị: Chứng Phục thủ, bệnh độc vào phần huyết phủ hạ tiêu.

*Biết-Giáp, Thanh-Cao, Sanh-Địa, Qui,
Sát, Thương, Tè-Tháo, Bạch-Vi nghỉ.
Hạ tiêu thủ thấp vào âm huyết,
Xương nóng nên già: Địa-Cốt-Bl.*

56.— THANH CAO BIẾT-GIÁP THẨM NGUYỄN PHƯƠNG

Chủ trị: Chứng Phục thủ, tư nhuận phần âm huyết, thanh lọc nhiệt độc. Thuốc hóa bì nhuận táo.

*Biết-Giáp, Thanh-Cao, Sanh-Địa-Hoàng,
Đơn-Bl, Tri-Mẫu, tịnh cam hàn.
Tư âm, nhuận ráo, và lương huyết,
Chuyên trị nhiệt tà ở Thận Gan.*

57.— DIỆP THỊ GIA GIẢM PHỤC MẠCH THẮNG

Chủ trị: Nuôi dưỡng nước tân dịch, quét sạch dư nhiệt của Chứng Phục thử. Phương thiện hậu.

*Chích Thảo, A-Giao, Sâm, Mạch-Đông,
Ma-Nhơn, Thược, Địa, nhát ban đòng.
Sau khi bình mạnh còn dư nóng,
Nhuần dưỡng âm phần huyết mạch thông.*

58.— CAM LỘ ÂM

Chủ trị: Nhuần dưỡng tân dịch, mát mẻ chứng nóng thửa, phương thuốc rất phù hợp với Chứng Phục thử sau khi bình vừa mạnh. (cuộc phương).

*Cam Lộ: nhị Đông, nhị Địa thi,
Tỳ-Bá, Cầm, Chỉ, Học, tương nghỉ.
Nhán-Trần, Cam Thảo, trừ dư nhiệt,
Bình hậu phương hay, đáng nhớ ghi.*

Chương VI — THẤP ÔN

1.— THẤP ÔN BỒN CHỨNG

59.— LINH TRUẬT NHỊ TRẦN THẮNG

Phương này gia Hậu Phát, Hoạt Thạch, Thông Thảo, Dĩ Mè.

Chủ trị : Chứng Thấp Nhiệt ở lạnh. Ám trung tiêu, hóa thấp độc rất công hiệu. Nếu Chứng Thương Hán mồ hôi chưa ra, đường tiêu tiện không thông, kiết nước, uống nước thì ối. Dùng phương này giri Quế, hoặc dùng Thang Ngũ Linh.

*Cương, Quế, Bán, Trần, Bạch Phục-Linh,
Trạch, Thương, Thùn-Khúc, thấp hèo bình.
Đất xong hơi nước, trời chang nắng.
Nguyên lý gây nên Thấp Nhiệt sinh.*

60. HƯƠNG SA NHÌ TRẦN THẮNG

Chủ trị : Chứng Thấp Nhiệt kiêm Chứng Thương Hán. Ám Tý Vị, hóa đàm nhót, ăn uống biêt ngon. Chứng Thương Hán thuộc về kinh Thái Âm, bệnh độc ở phần cơ biểu chưa giải. Dùng phương này, có công dụng khôi phục bình ở bộ tiêu hóa.

*Hương Sa Nhì Trần : Bán hạ, Trần,
Hương-sa, Linh, Thảo Táo, Cương thăn.
Trị nhè Thấp Nhiệt, hơi đàm bi,
Giải uất tiêu đàm. Vị khí thân.*

61. — NHÂN HƯƠNG THẮNG

Chủ trị : Thang này bỏ Đan hương, Đinh hương ; gia Đơn Bì, Bội Lan, Bán hạ. Ích Nguồn Tân, trị : Sau khi mắc Bình Thấp nhiệt, biến Chứng Tảp Trước, ngắn nứt. Khi Trung dương không vận hóa.

*Bạch Khẩu, Sa-nhơn Hoắc, Mộc-Hương
Trạch, Trần, Chỉ, Phát, Lục-Thần phương.
Cảm hàn thấp uất, tay chân lạnh.
Ấm áp tay chân, khỏe dì thường.*

Chương VII.— THU TÁO

I.— Mát chứng táo

62.— HƯƠNG TÔ SONG XỊ THANG

Thang này, bồ Vị Hương Phu, Ô Dược ; già Hạnh nhơn, Bá-Bộ. Chủ trị : Khi lương táo sơ khôi ; dầu nhứt nóng ho, ớn lạnh, không mề hói. Hỗn khô : già Mạch đông, Thiên Hoa Phấn ; róng nhiều già Hoàng Cầm ; Ngân Hoa ; Hồng đàm già Chỉ Xác, Ngọc Kim ; Ho hen già Ngưu Bàng Tử, Bạch Tiền. Ưa khan già Bản Hạ, Giả-Thạch ; Sườn đau già Đào Nhơn, Mật Dược.

*Hương-Phu, Thanh, Trần, Phòng, Phục, Tô,
Cương, Song, Đậu-Xị, Ngọc, Thai-Ô.
Mùa Thu lương táo vừa sơ phát,
Cảm mạo đau dầu phát nóng ho.*

63.— HẠNH TÔ NHỊ TRẦN THANG

Chủ trị : Cảm nhiễm Bình độc của Khi Lương táo chưa già, đậm nhiều ngực nặng ho hen không thông.

*Linh, Bán, Thảo, Trần hiệp Hạnh, Tô,
Táo Đen, Giêng Sống liệu già vồ.
Cảm thương Thủ túc, hơi đậm uất,
Phát nóng ho hen cò nghẹn khô.*

64.— NGŨ NHƠN QUÝT BÌ THANG

*Chủ trị : Cảm mạo khí lương táo. Chúng ho đậm vừa
bắt, đại tiện táo bón đau bụng. Và kiêm trị : Chứng Thương
hàn, bệnh độc truyền vào kinh Thái Âm, kinh Dương Minh,
đường đại tiện táo bón.*

*Hạnh Nhơn, Tùng, Úc, Bá, Đoé Nhơn,
Mỗi thứ ba tiền rất gom tron.
Võ Quýt thêm vào một chi ruối,
Thông trường nhuần táo có chi hơn.*

II.— Ôn-táo

65.— TẨ KIM HOÀN

*Chủ trị : Gan nóng uất nghẹt, ua mửa chua lè. Khi
Ôn sơ phát, nhức đầu ớn lạnh, mình nóng không mồ hôi
mà ua mửa. Nên dùng Thang Uy Duy gia Trúc Nhự, Tỳ
Bà Diệp và Hoàn này. (Phương của Ông Chân Đơn Khê)*

*Mùa Thu nắng ráo khí khó khăn,
Cảm khí Thu về bình : Uất Gan.
Ua mửa nước chua đầu nhức nóng,
Ngô, Liên, mai uống : TẨ KIM HOÀN,*

66.— DỤ THỊ THANH TÁO CỨU PHẾ THANG

Tiết Mùa Thu nóng ráo. Chứng Ngoại Cảm đã giải, nhưng bên trong còn nóng này phiền khát. Nếu bình ở phần biểu chưa già, thi dùng Thang Gia Giảm Uy Duy. Cần nên phân biệt: Chứng Khi Suyễn Đàm nhiều, hoặc lồng ngực phiền muộn ưa ngược, mà gia giảm chưa tuỳ cách cần thận.

*Tang, Mạch, Sâm, Thảo, Hạnh, Thạch-Cao,
Ma-Nhơn, Hà-Diép, Cổng-A-Giao.
Lá vàng rơi rớt, hơi Thu ráo,
Phổi nám ho đàm, hoặc Phổi Lao.*

III.— Thu táo phục tà

67.— GIA GIẢM TRI BÁ ĐỊA HOÀNG THANG

Chủ trị: Mùa Thu ráo, khí phuộc thử hiệp với khí Thấp làm hại Tạng Thận âm; nửa đêm minh nóng, mặt đỏ chân lạnh, nhưng lòng bàn chân lại nóng. Mạch dì Té, Sắc, Hoãn, Trệ. Nếu Mạch dì Huyền Sát, thi bệnh trở nên nóng, phải gia Thạch Cao.

*Tử-Thạch, Thanh-Cao, Cầm, Địa-Hoàng,
Kiến-Liên, Tri, Bá, Sâm, Linh, Đan.
Trần-Bì, Dị-mè, lương kiêm táo,
Thủ thấp phục tà náp Thận an.*

68 — GIA VỊ TANG ĐƠN TÀ BẠCH TÂN
 (gia Ngẫu Tiết, Hạn Liên Thảo, Hoàng Cầm)

Chủ trị: Khi Thu táo, Khi Phục Thủ hai khi hiệp nhau hóa tông, họng ngứa khô khát, lồng ngực đau buốt, tròn trè (giang môn) nóng bức. Và trị Chứng Đông kiết Phục táo, lồng ngực bắt rút, ho suyễn khô khan, hoեc ho ra máu.

Tà Bạch: Đồng, Thược, Địa, Cốt, Tang,
 Hạnh Nhơn, Mật, Kiết, Quất, Ngưu Bàng.
 Đơn-Bì mát mẻ pha庵 ẩm huyết.
 Miệng khát mõm khô nồng ngọt gan.

69.— GIA VỊ NGỌC NỮ TIỀN

Phương này gia vị Mạn tiêu, Hoạt Thạch, Mật Ong. Trị: Chứng khát nước, uống nước dễ tựn, mình nóng rực, ra mồ hôi, hơi thở nghịch lên, ưa khan, ưa bón dài rit.

Sanh Thực Địa-Hoàng, Tri, Thạch-Cao,
 Quyết-Minh, Từ, Lê, liêm ẩm hao.
 Mạn tiêu, Hoạt Thạch, và Phong Mật,
 Uống nước như rồng, đã-khát men.

70.— TẾ XUYÊN TIỀN

Chủ trị: Phù Hạch tiêu táo, đại tiện bón, Chứng Thượng hàn đang dùng thuốc xèo, mà không cho uống thuốc xèo (hạ), phần ẩm huyết khuy tồn, bình độc tràn ngập, miệng

khô **hở** **rõ** **ráo**. Cần được « đánh rãm », và đại tiện từ nhuận, thì dùng phương này. (Tân phương bát trận)

*Thung Dung, Thăng, Chỉ, Trach, Ngưu, Qui,
Nhuận táo từ cần bồ huyết thi,
Đáng hạ, mà không dùng thuốc hạ,
Phản âm tích độc phản đen sì.*

Chương VIII. – ĐÔNG-ÔN

I.— ĐÔNG ÔN KIÊM HÀN

71.— GIA VỊ LUONG CÁCH TÂN

Chủ trị: Bình Đông ôn kiêm bình hàn. Sau khi dùng Thang Song Xị Kiết Cảnh thuốc giải biếu; hết lạnh nhưng vẫn còn nóng. Bứt rút khát nước; ngực nóng, bụng đau, ỉa bón, dài đẻ. **Vai kiêm trị:** Chứng Đông ôn kiêm Chứng phục táo, đau bụng ỉa mắc rặn, nặng mòn nặng trăn, mất thư thời.

*Căm, Chi, Trúc Biếp, Đại Hoàng, Tiêu,
Cam Thảo, Bạc Hà, Thông, Thạch, Kiều.
phản biếu giải xong tà nhập lý,
Bụng đau tiện táo, nóng như thiêu.*

72.— GIA GIẢM THANH PHẾ THANG

Chủ trị: Chứng Đông ôn, yết hầu sưng đau, trong họng có đỉm trắng, và hạch nề ở dưới chân răng, sau lỗ tai sưng nhức, ỉa bón dài đẻ.

*Mạch-Đông, Sanh-Bìa, Kim-Ngân-Hoa,
Càm, Thuộc, Tiêu, Hoàng, Thảo, Bạc Hà.
Bối Mẫu, Láu Bi, Đơn, Chỉ Xác,
Họng đau răng nhức, hóp vi tà.*

II.— ĐÔNG ỐN PHỤC TÀ

73.— CÁT-CĂN HOÀNG-CÀM HOÀNG-LIÊN THANG

Chủ trị : Bình Đông ốn kiêm Phục tà. Sau khi dùng Thang Gia giảm Uy Duy giải biếu, biến chứng móm nồng hụt lỵ. Vai kiêm trị : Sau khi Bình Thương hàn, lầm dùng thuốc làm Hạ, bình độc vào Kích Dương Minh ; Mạch di Sắc, hạ lỵ, hen suyễn ra mồ hôi.

*Cát Căn Thang : dùng Thảo, Càm, Liên,
Đông lạnh, ốn tà phục hạ nguyên.
Ngoại Càm Phong hàn, gồm Hạ Ly.
Đại trường nung nát, phái tẩm nguyên.*

Chương XI.— THƯƠNG HÀN

74.— NGŨ LINH TÂN

Chủ trị : Mồ hôi ra không thông, nước mồ hôi dịch trệ, đường tiêu tiện không thông ; Mạch đi Phù, khát nước, uống nước khá nhiều, nhưng uống vào thì mửa. Thủy âm định trệ. Xưa gọi là bệnh ở Phù Bàng Quang chưa nước. (Phương của Thương Hàn Luận)

Ngũ Linh Tân nội dung : *Linh, Trư,*
Bach Truật, Quế Chi, Trạch Tả như
 Nước chẳng chung hơi sauh hạn dịch,
 Xông lên ối mửa, nóng lù dù.

75.— SÀI HỒ HẦM HUNG THANG

Chủ trị : Bình Thương Hàn. Bình độc ở vào phần bón biển bón lý (Thiểu dương kinh). Ưa mửa tuy đỡ, mà lạnh nóng không dứt. Hóng sườn vẫn đau. Ưồng ngực bắt rát, gây nên Chứng Kiết Hung.

Cầm, Liên, Chỉ, Bán Quá-Lâu toàn,
 Bồ Tào, dùng Sài, Kiết Cảnh, Can (cương).
 Trị Chứng Kiết Hung tề nhập lý.
 Hóng sườn Ưồng ngực bắt đau ran.

76. - ĐẠI SÀI HỒ THANG

Chủ trị : Bình Thương hàn, Ưồng thang này, sau khi uống Thang Sài Hồ Hầm Hung, mà bình vẫn còn lạnh nóng, hung dày mà đau là боли dài rất. Là bình độc đã vào trong, cắn kết với căn bã trong trường vị Thị nên dùng thang này, bỏ Vị Sanh Cương Bán hạ gia Phát tiêu. Nếu lạnh quá nóng lại cảm thương, thì không cần phải gia giảm.

Thang Đại Sài Hồ : Cầm, Tào, Cương,
 Đại-Hồng, Chỉ, Bán, Thược, Sài, dương.
 Giảm, già nên biết tùy theo bình,
 Phải biết thời phương, phỏng cõi phương.

77.— HẬU PHÁT THẤT VÀT THANG

Chủ trị: Bình Thương hàn ở Kinh Thái Dương, Kinh Dương Minh, tay chân lạnh, minh nóng, đầy hơi đau buốt, đại tiện không thông, tưa lưỡi đéng dày mà vàng. Mạch bên phải đi Trầm Trệ bên trái đi Phù Hoãn, là: Bình Hàn Kết từ Kinh Thái Dương, chuyển qua Kinh Dương Minh.

*Hậu Phát, Đại Hoàng, Chỉ Thiết, Cam,
Quέ Chi, Cương, Táo, già kiêm tham.
Thái Dương, chuyển thuộc Dương Minh Kiết,
Bì mẫn, trường kiên, nhứt phục kham.*

78.— BIẾU VỊ THÙA KHÍ THANG

Chủ trị: Bình Thương Hàn, sau khi dùng thuốc cát, và thuốc ra mồ hôi, bệnh độc chẳng giải, rùng rực phát nóng, lòng bứt rứt, bụng trương dày, đại tiện chẳng thông, tưa lưỡi vàng sẫm. Tay phải Mạch di Hoạt Đại, là bệnh & Chánh dương Dương-minh còn nhẹ.

*Biểu Vị Thùa Khi: Tiêu, Thảo, Hoàng,
hai tiền mỗi món, nhằm cân ngang.
Bụng sưng, tiện táo, phèung phèung nóng.
Bình thuộc Dương Minh tốt lưỡi vàng.*

79.— TIỀU THÙA KHÍ THANG

Chuyên trị: Chứng Thương hàn phá Triều nhiệt, mồ hôi ra đậm dè, tiêu tiện gắt, bụng to lớn, nói xàm, đại

tiện không thông, lưỡi vàng sậm. Mạch ở tay phải đi Hoạt Sát mà Thực, là: bình & Chánh dương Dương Minh trầm trọng.

Thùa Khi Thang trung : *Chỉ, Phát, Hoàng,*
Bụng sinh phát nóng, nói hoang dàn.
Dương Minh Chánh bình gây Triều-nhiệt,
Phản táo tuôn ra, nóng cũng an.

80.—ĐẠI THÙA KHÍ THANG

Chủ trị : Bình Thượng hàn sâu ngày, dù chỉ mười ngày, mà không đi đại tiện, chiều tối con nóng phát tác dữ tợn. Không ấm lạnh, chỉ phát nóng, dưới rốn đau, đè lên thì đau chịu không thấu; bụng đầy mà hen, thường đánh rầm, tay chân ra mồ hôi, nói mê sảng, mắt trực thị, là: Bình ở Chánh dương Dương Minh rất nguy ngập.

THÙA KHÍ THANG TO : *Chỉ, Phát, Hoàng,*
Gia thêm Minh-Phản, tay khô khao.
Dương Minh bình chưng, ngày già trọng.
Thùa Khi ba tháng, thấy rõ ràng.

81.—HẦM HUNG THÙA KHÍ THANG

Chủ trị : Chứng Thượng hàn, ho hen hơi thở gấp, khạc đàm vàng trắng mà đặc, họng ngực đầy hơi đau nhói, nói xâm, bụng đau đầy hơi, là bón dài rit, tua lưỡi dày mà vàng. Tay bên phải mạch đi Thực. Thêm chí, hai bộ Thốn mạch đều đi Hồng Hoạt, mà dài mạch Thực (súc). Bình chưng ở Kinh Thái âm Dương minh.

*Tiêu, Hoàng, Chi-Thiệt, Qua Láu Nhán,
 Bán Hạt, Xuyên Liên, đàm nhiệt thân.
 Đầu bụng đầy hơi, đại tiêu uất,
 Kết Hung, bình ở Âm Dương phân.*

82 — GIA VỊ LUÔNG CÁCH TIỀN

Chủ trị: Phổi, Dạ Dày hiệp bình: thở hổn hển rất vui, trong cổ nghe khò khè hơi thở rít gắt; Hồng bụng buồn phiền cứng đầy, lấy tay đè lên chỗ đau, thì đau chịu không thấu. Đàm nhiệt ngăn nghẹt ở trong. Bình ở kinh Thái Âm và kinh Dương minh.

*Cam Toại, Liên Kiều, Chỉ Tả, Cầm,
 Tiêu, Hoàng, Bạch Giới, Bạc Hạt, tần.
 Trúc, Cương, Bình Lịch, tự nhiên trấp,
 Chỉ Thiệt công kiên, Phế, Vị đàm.*

83. — QUYỀN ÂM VẠN LINH THANG

*Chủ trị: Bình Thượng Hàn lâm dùng thuốc hạ (.đ) Từ chón nhảy (tax-oa) thẳng xuống Rốn, cứng đau. Lấy tay đè lên đau chịu không thấu, chiều tối thì phát nóng, đầu ra mồ hôi, không đi đại tiện; khát nước mà uống nước không được nhiều,ura luối khô mà trắng; Mạch đi Trầm Huyền Khắn là: Trạng chứng của Bình: Bình Âm Kiết Hung. Nếu trạng chúng y như trên, mà lạnh nóng qua lại, thì dùng **Thang Đại Sái Hồ** gia **Vị Cam Toại**.*

*Ngân Hoa, Toại, Kích, Bán, Linh, Trần,
 Đại Táo, Sanh Cương, đàm âm thấm.*

Chòn thủy đè đau, bụng cứng rắn,
Tây thanh thủy độc ở Âm phần.

84.— TAM NHƠN THỦA KHÍ THANG

Chủ trị : Bình nhox tố bầm nhiều Thấp nhiệt, ngoài Bình Thương Hèn, trong Bình Trung Thực, hỏa tà xi thạnh ở trong, ngực nặng, chòn thủy bí. Thâm chí, đường đại tiện bế uất, tinh thần phiền loại, nói xàm. *Lỗi tại :* Bình đang làm hạ (xô) mà không hạ, tân dịch khô táo, là như cứt dè, bụng trương cứng đầy Tý, Vị hiệp bình-

Đại Hoàng, Hạnh, Lý, Hòa Ma Nhán,
Tri, Chỉ, Mộc, Man, Đại Phúc, tần.

Ngoài cảm, mà trong thì trũng thực,
Vị Tý thấp nhiệt rõ tinh thần.

85.— ĐÀO THỊ HOÀNG LONG THANG

Chủ trị : Tý, Vị hiệp bình, đang dùng thuốc xô mà không cho xô (bạ). Nước tân dịch trong người khô cạn, là như cứt dè, bánh khí suy nhược, huyết hư tà thực.

Chí Thẹt, Đại Hoàng, Sâm, Thảo Quí.
Hayễn Minh, Đại Táo Phát, tương y.
Định nên làm hạ, mà không hạ.
là tựa phản dè, bánh khí suy.

86.— NGŨ TRẮP NHÚT CHI TIỀN

Chủ trị : Bình ở Kinh Thiếu Âm, và Kinh Dương Minh, huyết từ phiền táo, lòng không thư thái, thỉnh thoảng ôi

dàm nhót, rên rỉ, nói chuyện quên盔 quên đuối, da dưới luối đỏ, tua luối trắng mà móng. Mạch đi Phù Hoạt Sát, nóng thura còn cắn lại chưa hết.

Sanh Pija, Mao Căn, Ngẫu; Trúc, Cương.

Đàm nhút vắt lấy nước như tương.

Tử-Tổ nhách nhô dùng năm chi.

Ói nhót, hen đàm hiện dị thường.

87. — LỤC MA ÂM TỬ

Chủ trị : Bình Kinh Quyết (khuyết) Âm, nhiệt độc kэм vào trong, nghịch khí thương xung, chói tạng Tâm, ya mửa nước vàng, xanh mà mùi dǎng. Lồng ngực phiền buồn, bụng đầy ịa bón, hai bên cạnh luối đỏ bầm, tua luối vàng đục, mạch đi Huyền Hoạt mà dài Mạch Sát, là : Bình Nhiệt Kiết. Nên bỏ Vị Mộc Hương, gia Vị Hoàng Cầm, Hoàng Liên.

Chì, Mộc, Tân, Trầm, Ô, Đại Hoàng,

Mài chung lấy nước h López thành thang.

Quyết Âm khí nát, không thư thời,

Nghịch khí công Tâm, ngực tức ran.

88 — TUYẾT CANH HỢP CANH Y HOÀN

Chủ trị : Bình & Kinh Khuyết Âm, lạnh vào cẳng sáu, thì nóng cẳng sâu, tinh thần hờn mè, nói xầm. Biển Chứng Tiêu Kbiết, đại tiện téo kiết. Mồ hôi ra đậm dè, phát bụng đau không thể dè, nước tiểu đỏ, mà đi tiểu nghe rít đau, nhiệt độc xóng lên óc. Nên dùng Thang Bạch Hò. Nếu kiêm chứng : Đau từ bụng dưới công xung lên, ói chua, ói đắng, thì nhứt định phải dùng phương này.

*Hải Tích, Bát Tề, nước sắc thang,
Dùng thang tống hạ Cảnh Y Hoàn.
Khuyết Âm Tiêu Khát công lên óc,
Lỗ Hội, Châu Sa, hợp một dâng.*

89 – NHƠN TRẦN CAO THANG

Chủ trị: Bình ở Kinh Dương Minh, chứng phó phát: vàng da dài đỏ. Song đây là Chứng Dương Huỳnh vảy. Nếu trị Chứng Âm-tiễn đường (tiểu đường), thuộc về Bình Hán Thấp Âm hoàng đản, thì trong phương này, nên bỏ Vị Đại Hoàng, Vị Chi Tử, gia Vị Phụ Tử, Vị Can Cương là rất đối chứng.

*NHƠN TRẦN CAO THANG trị: da vàng,
Chi Tử, Nhơn Tần, hợp Đại hoàng.
Phân biệt Âm, Dương già giảm dung,
Không nên ngờ ngần, ngã ba dâng.*

90 – PHÀN LUU HOÀNG

Chủ trị: Bình Mật lộn vào máu phát, chỉ ra mồ hôi dầu, mà từ cần cù trở xuống không có mồ hôi. Nước tiểu vàng sậm, màu da vàng như vỏ quýt chín, ối nước vàng. Nặng lâm thi trong lòng bút rút, tua lưỡi dày mà vàng. Mạch đi Hoạt Sát, hoặc Huyền Trệ. Nên dùng Thang Nhơn Trần Cao, tống hạ hoàn thuốc này.

*Bà lượng Đại Hoàng, một Lưu Hoàng,
Táo bai lượng chẩn, một tiền Phàn.*

Cân lưỡng đều đầy y như phép,
Đàn khò rây đều, hợp mọt hoàn.

91.— GIA VỊ CHI TỬ ĐẠI HOÀNG THANG

Chủ trị: Gan, Da Dày uất nóng, gây nên nước mật
tràn vào máu, biến Chứng Hoàng Đầu nặng nề, cần phải
dùng trọng lượng Vị Nhơn Trần Cao. Nếu bệnh Hoàng
Đầu mà hình sắc như xóng khói, là : Chứng CHẾT Song
đều thuốc đắng nước cốt có khi khỏi được.

GIA VỊ CHI-TỬ ĐẠI HOÀNG THANG,
Đậu Sí, Nhơn Trần, cộng tử ban.
MẬT, MÁU lộn nhau, vàng tơ ngà.
Mật không tràn bậy, tức tai an.

92.— ĐÀO NHƠN THỬA KHÍ THANG

Chủ trị: Chứng Thương Hàn, bệnh độc truyền vào
Kinh Dương Minh, nói xám nói mờ. Nặng thì phiền táo
phát cuồng, thèm thức hồn mê, đại tiện phân đen người,
tiểu tiện thông thả. Hình Mạch đi Trầm Kiết, hoặc Huyền
Thực.

Đào Nhơn Thừa Khí, tức Điều Vị...
Đào, Quế, già nhập huyết chúng bị.
Phiền táo phát cuồng, tiểu tiện thông,
Máu phân đen láng, nên lưu ý.

93 – CHÍCH CAM THẢO THANG

Chủ trị: Chứng Thương Hán, mạch đi Kiết, đi Đại, lồng hối hộp. *Và kiêm trị:* Chứng nên dùng thuốc làm hạ mà không làm hạ. Trong lúc yên tĩnh thì tiếng nói ồ ề; táo động thì hối hộp không yên, cười nói không chừng đồi, đại tiện chẳng thông. Tưa luỗi vàng, cò gai mà khô rit, hinh mạch đi Tế Sat mà nê trệ, tinh thần suy nhược mà tà thực. Dùng thang thuốc này, nên già Vị Long Cốt, Mẫu Lệ, tống hạ Hoàn Hương Lê.

Chích Cam Thảo Thang: Sâm, Quế, Cương,
Mạch Đóng, Sanh Địa, Hòa Ma nhon,
A-Giao, Đại Táo, hòa chung nấu,
Mạch Kiết, Đại, thì: Tâm huyết thương.

94.— DIỆU HƯƠNG HOÀN

Chủ trị: Bình nên dùng thuốc làm hạ, mà không hạ. Đại tiện không thông, tà khí thực, mà chính khí hư, thần chí thất thủ. Uống một lần đại tiện thông, thì không nên uống nữa.

Thần Sa, Băng Phiến, Ngưu Hoàng, Hương,
Kim Bạc, Bán Hạ, Bã-Đậu-Sương
Cân lượng xong xuôi, nghiền thật nhão,
Sáp vàng Mật trắng, chế thành phuơng.

95.— QUẾ CÁI HIỆP NHỊ TRẦN

Chủ trị: Phuơng này điều hòa Phủ Trung Tiêu, tiêu đạo khí nê trệ ở phủ Vị. *Và trị* ăn uống vào thì ua

nhọn, tưa luối trắng, mạch đi Phù Hoãn, tiêu hóa bất lương. Kiêm trị : Bình-Thuong Hán truyền vào Kinh Thái Âm. Nên bỏ Vị Cam Thảo, Đại Táo già Vị Ngõ Du, Chỉ Xác, Thần Khúc.

Quế Trần Thang dung : Quế, Trần, Cam, Cương Táo, Thược Linh Bán Hạ Tham. Cảm mạo Thuong Hán, tiêu hóa chậm, Vị, Trường tích Tụ : thực và đậm.

96.— BẠCH TRUẬT HÒA TRUNG THANG

Chủ trị : Chứng Thuong Hán, bệnh ở Kinh Thái Âm, biếu tà đã giải, nhưng công dụng tiêu hóa của trường vị hãy chưa khôi-phục. Như đậm nhiều, thì dùng Thang Hương Sa Nhị Trần để điều lý.

Hòa Trung : Phật Thủ với Linh, Trần, Thương Mè, Sa Nhơn, Truật, Thảo, Thần. Cảm mạo biếu tà vừa giải tan, Mà trong Tỳ Vị, chưa lên gáo.

97.— HƯƠNG SA LÝ TRUNG

Chủ trị : Buồng no hơi, thỉnh thoảng lại đau, ăn uống thì ua nhọn, đi tiêu khó, đại tiện lỏng, vật thực không tiêu hóa, tay chân lạnh tự ra mồ hôi, tưa luối trắng tròn, mạch đi Trầm không súc. Công năng tiêu hóa của trường vị bị lui su, công răng của ống tiêu hấp nhu mi không đầy đủ. Bình chung của Kinh Thái Âm.

Lý Trung Thang : Sâm, Truật, Cam, Cương,
 Gia vị Sa Nhơn, với Mộc Hương.
 Ông bút nhũ mi không hổp dẫn,
 Nước đinh ở ruột, bung sinh hương.

98.— HƯƠNG SA NHÌ TRẦN HIỆP NGÔ DU THANG

Chủ trị: Bình Thương Hàn, biến chứng ưa ối thuộc
 về tạng Thái Âm.

Hương, Sa, Thảo, Bán, Phục Linh, Trần,
 Cương, Táo, Sâm, Ngõ, cũng góp phần.
 Ưa mửa dương hư, dầu nhức nặng,
 Khuyết Âm hàn thấp hiệu như thản.

99.— GIA GIẢM VỊ LINH THANG

Chủ trị: Bình Thương Hàn, ỉa nước chảy re, bình
 chứng thuộc về Thái Âm Tạng.

Tru, Trạch, Thương, Trần, Phát, Bán, Linh,
 Quế Chi Hoạt Thạch, Dĩ, kiêm tính,
 Tỳ Âm nê trệ, do hàn thấp.
 Ỉa mửa lói thôi, bung lại sinh.

100.— SÂM PHỦ TÁI TẠO THANG

Chủ trị: Chứng Thương Hàn sợ gió, nhức minh phát
 nóng, tay chân lạnh, móng tay móng chân trắng nhạt, và
 mặc áo dấp mền, nằm co ngũ vùi; Mạch đi Tế, Vi, Hoàn

PHƯƠNG THANG DIỄN CA

3.1

trẻ. Lạnh làm thi Mạch di Khàn, tra lưỡi trắng nhạt, khát
đèn không đầy đủ. Là: Chứng Thiếu Âm Ngoài Cảm
Phong Hàn.

Sám, Phu, Khuong, Tân, Cương, Táo, Kỳ.
Phòng Phong, Chích Thảo, Quế Chi, thi.
Thiếu Âm cảm mạo: Phong, Hàn, Thấp,
Óa lạnh en en, sức khỏe suy.

101.— QUẾ CHI GIA PHỤ TỬ THANG

Chủ trị: Bình Thương Hàn, chứng ở Kinh Thiếu Âm,
mạch di Vị, Tế, nhuyễn nhược, hoặc Hoãn Trệ không sức.

Phụ Tử gia nhập Thang Quế Chi,
Thương Hàn Âm Chứng, mạch lai Vị,
Quế, Cam, Thục, Phụ, Sanh Cương Táo,
Mình đỡ mồ hôi mát lạnh thi..

102.— MA HOÀNG PHỤ TỬ TẾ TÂN THANG

Chủ trị: Bình Thương Hàn, chứng ở Kinh Thiếu Âm,
mạch di Trầm Khàn, tay chân lạnh, mình nóng.

MA HOÀNG PHỤ TỬ TẾ TÂN THANG,
Ma, Phụ, Tế Tân, hiệp một ban.
Mình nóng, tay chân sờ mát lạnh,
Mạch di Trầm Khàn, nhớ đùng hoàng.

103.— PHỤ TỬ LÝ TRUNG THANG

Chủ trị : Chứng Thương Hán, là mửa sơ lạnh, nắm eo rút, bay buồn ngủ, mồ hôi nặng nề, hoặc mồ hôi nóng, trong miệng hòa, tay chân lạnh, nước tiểu trong trắng, tua lưỡi trắng tron. Mạch đi Trầm Nhược. Thâm chí, Mạch đi Vi Tế, muốn phát Khuyết (lạnh ran). Chứng ở Kinh Thiếu-Âm, mà nguyên do Kinh Thiếu-Dương không sung túc. Lạnh lâm thì giá : Nhục Quế, Phục Linh.

Lý Trung Thang dùng : Thảo, Can Cương, Bạch Truật, Nhâm Sâm, Phụ Tử dương, Mạch Tế, nắm eo, người sơ lạnh, Là vì Tạng Thận kém nguồn dương.

104 — CHÂN VÕ THANG

Chủ trị : Sau khi uống Thang Phụ Tử Lý Trung, là ối tay bớt, mồ hôi lại ra đậm đẽ, gân động thịt giật, mắt mờ, lòng hồi hộp, chóng mặt run rẩy muốn té ngã. Mau dùng thang này, để vẫn hồi khí Dương, thu nhiếp khí Âm, cứu chửa kịp thời.

Linh, Truật, Sanh Cương, Thược dược, sao, Ba tiền Phụ Tử hiệp cùng nhau.
Mồ hôi nướm nướp, lòng hồi hộp,
Chóng mặt xây xẩm muốn té nhào.

105.— TÂN GIA QUẾ PHỤ
BÁT BỊ ĐỊA HOÀNG THANG

Chủ trị : Bình Thương hàn, chứng lạnh ở Thiếu Âm Tạng. Sau khi dùng Thang Chân Vũ, chứng là thật dứt

bắn, mà đầu mắt vẫn vắng vất, mặt đỏ như say rượu, đậm nhớt dài trán lên, hơi thở khó khè, tay chân lạnh như đồng. Mau dùng thang này, trấn nạp khí phù dương thượng xung lên cơ.

*Quế, Phụ, Linh, Tù, Thược, Địa Hoàng,
Thiên hồng Mẫu-Lê, hợp Hồi-San
Khè khè khó thở, vì đậm nhớt,
Trấn nạp khí phù dương, thấy khí tan.*

106.—TRỪ PHÙ THANG

Chủ trị: Tặng Thiếu Âm nóng này, lòng phìền táo, ngủ không yên. Cough họng khô, tiêu tiện ngắn. Mạch đi Tế Sát. Kiểm trị: Chứng Hè Ly, họng đau, no hơi bứt rứt. Âm huyết suy kém, trong người nóng này.

*Hai lang Da Heo, một Mật Ong.
Nấm tiềng Hoa Phấn, thế là xong.
Họng khô mắt ngủ, lòng phìền táo,
Ruột lở Gan leo, Kết Ly thông.*

107.—THANH CAN ĐẠT UẤT THANG

Chủ trị: Chứng lạnh nóng giống như cữ rét, mà lạnh nhiều hơn nóng; đầu nhức, sờn đau, tai điếc, mắt đỏ, đầu ngón tay thì lạnh. Bàn tay nặng thì tay chân, hối lạnh hối nóng, ngực sxon đau tức, tưa lưỡi tròn. Mạch đi Huyền Hoạt. Bình chưng ở Kinh Khuyết Âm.

*Sài Hồ, Qui, Thược, Thảo, Chi, Hà,
Kim Quí, Quí Bạch, Đơn, Cúc Hoa.
Gan uất sùn đau, hối lặng nóng,
Tai ử, mắt đỏ, thấy mù lòa.*

108 — TỬ NGHỊCH TÂN

Phương này già: *Hodon Cầm, Át Kim, Tang Chi, Tang Diệp*. Cũng có thể trị được bình chứng ở Kinh Khuyết Âm của Thang Thach Can Đạt Uất.

*Sài Hồ, Chỉ, Thược, vẫn tưn, quẩn,
Đèn mèt tiền ruồi, Thảo, tám phân.
Ngực nặng, sùn đau, người nặng uất,
Gọn gàng hiện nghiệm, già bình dân.*

109.— LONG ĐÀM TÀ CAN THANG

Chủ trị: *Chảng Tiêu Khát, miệng đắng, khi thương xung, chòn thủy (tâm-óá) nặng xót, đòi mà chẳng muốn ăn, ăn thì mửa lᾶi (giục). Hoặc bình Hạ Lý, nặng tròn không thư thời, hoặc tiêu tiện ra máu, lưỡi đỏ bầm; Mạch đi Huyền Sát. Bình chứng của Tạng Khuyết Âm. Nên già Vị Bạch Đầu Ông, Hodng Liên.*

*Sài, Cầm, Bá, Thảo, Địa, Qui, Long,
Chi Tử, Lang, Tiêu, Tiền, Trạch, Thông.
Âm hò sanh sang, gan uất nóng,
Lẫn trong nước tiêu, máu pha hờng.*

110.— LIÊN MAI AN VƯU THANG

Chủ trị : Chứng Vưu Khuyết (giòn), nằm ngủ không yên, chửa thủy đau, phiền táo, đầu lắc, tay run, sắc mặt hối dỗi hối trắng, hay chảy nước bọt, luối dỗi mà có diêm vàng diêm trắng, hoặc luối có vân như trong ruột trái can. Mạch lúc loi lúc nhặt (sạ Trường sạ Đoản) Ấy là bệnh chứng vưu khuyết ở Tạng Khuyết Âm vậy. Nutzung dùng thang này sảo làm nước tống hạ Hoàn Diệu Hương càng hay.

Một chỉ Hoàng Liên, một chỉ Mai,

Lối Hoàng ba chỉ, đắng thang bài.

Sắc : khi dỗi trắng ; Mạch : Trường Đoản.

Chính là Tiùng Tích, át không sai.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Đôi lời trân trọng giới thiệu	5
Lời nói đầu	9
Lời Tiêu Ngôn khi sách xuất bản lần thứ chín	13
Lệ Ngôn	29
<i>Lời Tựa của Tiêu Nóng Tiên Sinh</i>	—
<i>Lời Tựa của Tiết Nhứt Mai Tiên Sinh</i>	—
<i>Lời Tựa của Đặng Dật Dận Tiên Sinh</i>	—
<i>Lời Tựa của Thạch Khởi Ngu Tiên Sinh (những lời tựa này xin miễn dịch)</i>	—
Tiêu biểu so sánh phân loại các Chứng Thời Linh	32
Thứ lớp truyền biến của Bình Thời Linh	37
Nghiêm cứu những Tin Điều của Thời Linh Bình	40
Lược xem đại ý chư gia đối với Bình Thời Linh	57

THIỀN ĐẦU

Tổng luận bình Thời Linh

Chương I. Nguyễn nhân bình Thời Linh	79
Chương II. Bình lý của bình Thời Linh	85
Sự Quan hệ giữa Bình Thời Linh và thê ôn	85
Sự trọng yếu của thê ôn	86

Nguyên lai của thè ôn	87
Công năng điều tiết thè ôn	87
Sự phòng tán của thè ôn	88
Nguyên lai của Bình Thời Linh	89
Sự ngộ nhận của Tây Y đối với khí hậu của thời linh	90
Sự quan hệ của sáu khí đối với các tật bình	91
Sáu khí là nguồn gốc của Bình Thời Linh và Bình Truyền Nhiễm	92
Phương pháp chữa trị Sáu Khi	93
Phân biệt bình Tân Cảm và bình Phục Tà	95
Giải thích Bình Tà Tiềm Phục	96
Phân biệt bình Phục tà ở phần Khí hay phần Huyết	98
Nguyên lý của chứng phát nóng ấm lạnh	100
Phân biệt bình : Biểu, Lý, Hán, Nhiệt	101
Phân biệt : Phần Định, Phần Vệ, Phần Khí, Phần Huyết	102
Sáu Kinh là đề xương của Bình Thời Linh	105
Bình lý & ba Kinh Dương	107
Giải thích bình chứng truyền biến sáu khí	109
Sự cách ngại giữa các nhà y học xưa và nay đối với sáu kinh	112
Bình Ôn với Tam Tiêu	114
Luận về nguyên nhân bình Ôn dịch do tạng khí gây ra	117
Chỗ di đồng của Tân Cảm, Phục Tà, Thường Hán Ôn Bình	118
Bình Ôn tà cảm thọ từ miệng mũi mà vào	119

Chương III.— Phương pháp chẩn đoán bệnh Thời Linh	122
1. Phân biệt Bình Tân Cảm, và Bình Phục Tà	122
2. Lạnh hay Nóng bệnh tà ở phần Biểu hay phần Lý	122
3. Thăm tra thử chất mạnh yếu	125
4. Quan sát môi, lưỡi và xem mạch	126
5. Khảo nghiệm hai đường niệu và nhau sắc	127

Chương IV.— Phương Pháp trị liệu bệnh Thời Linh 128

TẬI LỄN HAI

Các lời luận về bệnh Thời Linh

Chương I.— Bình xuân ôn	131
1. Chứng Xuân Ôn tân cảm	132
2. Chứng Xuân Ôn phục tà	137
Chương II.— Bình phong ôn	149
1. Chứng Phong Ôn tân cảm	150
2. Chứng Phong Ôn phục tà	153
Chương III.— Ôn bệnh (lại gọi là Nhiệt bệnh)	162
1. Bình Ôn kiêm Hàn	163
2. Bình Ôn kiêm Thủ	166
Chương IV.— Bình thủ ôn	175
1. Bình Thủ Ôn kiêm Thấp	175
2. Bình Thủ Ôn kiêm Hàn	180

Chương V.—Bình phục thử	191
1. Bình Phục Thủ ở Phản Vệ	192
2. Bình Phục Thủ ở Phản Định	192
Chương VI.—Bình thấp ôn	209
1. Bình Thấp Ôn bồn chưng	209
2. Bình Thấp Ôn kiêm Hàn	213
3. Bình Thấp Ôn kiêm Nhiệt	215
Chương VII.—Bình thư táo	220
1. Bình Luzong Táo	220
2. Bình Ôn Táo	223
3. Bình Thư Táo phục tà	225
Chương VIII.—Bình đông ôn	233
1. Bình Đông Ôn kiêm Hàn	233
2. Bình Đông Ôn phục tà	236
Chương IX.—Bình thương hàn	240
I. Bình chứng thuộc về Kinh Thận Dương	242
II. Bình chứng thuộc về Phù Thiếu Dương	242
III. Bình chứng thuộc về Kinh Dương Minh	243
III. Bình chứng thuộc về Phù Dương Minh	244
1. Thái Dương Dương Minh	244
2. Cảnh Dương Dương Minh	244
3. Thiếu Dương Dương Minh	246
4. Thái Âm Dương Minh	246
5. Thiếu Âm Dương Minh	248
6. Khuyết Âm Dương Minh	249

<i>Chứng Phu Phát</i>	
1) <i>Chứng phát huỳnh (vàng da)</i>	251
2) <i>Chứng Sát Huyết</i>	251
3) <i>Chứng đáng dùng thuốc làm hạ (xổ) mà không hạ</i>	252
V. <i>Bình & Kinh Thái Âm</i>	254
VI. <i>Bình & Tạng Thái Âm</i>	255
VII. <i>Bình & Kinh Thiếu Âm</i>	255
VIII. <i>Bình & Tạng Thiếu Âm</i>	255
IX. <i>Bình & Kinh Khuyết Âm</i>	257
X. <i>Bình & Tạng Khuyết Âm</i>	257
Phương thang diễn ca	273
<i>Thơ định hậu của An Cẩn Văn tiên sanh</i>	
<i>Thơ định hậu của Ôn Bích Tuyền tiên sanh</i>	
<i>Thơ định hậu của Du Thận Sơ tiên sanh</i>	
<i>(ba thơ này xin miễn dịch)</i>	

ĐÔNG Y THỜI LINH BÌNH HỌC
của Đông Y Sĩ NGUYỄN ĐỒNG DI
In tại nhà in riêng của nhà xuất bản